English Section PAGE 45

NĂM THỨ NĂM • #52 • AUGUST 1993

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

Tranh: KIỀU CHINH
Sơn dầu của Nguyễn Quỳnh

QUYỀN CỦA MỘT CÔNG DÂN
Trương Vũ

HIỆN TÌNH THƯ TỊCH ĐỒ GỐM VIỆT NAM
Nguyễn Ngọc Bích

NGÔI NHÀ LỖ TẤN
Túy Hồng

Trò Chuyện với
KIỀU CHINH
Đào Trung Đạo
chủ biên

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC
GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:
Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

CD Tình ca
Phạm Anh Dũng

ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

12 ca khúc mượt mà tình cảm, với nhạc của Phạm Anh Dũng, hoà âm Duy Cường, thâu thanh tại John Tomlinson Studio (24 tracks).
Thơ của Nguyên Sa, Du Tử Lê, Y Dịch, Cung Vũ, Bích Huyền.
Với các giọng ca hàng đầu của tân nhạc Việt Nam: Duy Trác, Tuấn Ngọc, Trọng Nghĩa, Mai Hương, Lệ Thu, Quỳnh Giao, Thái Hiền, Thiên Phượng

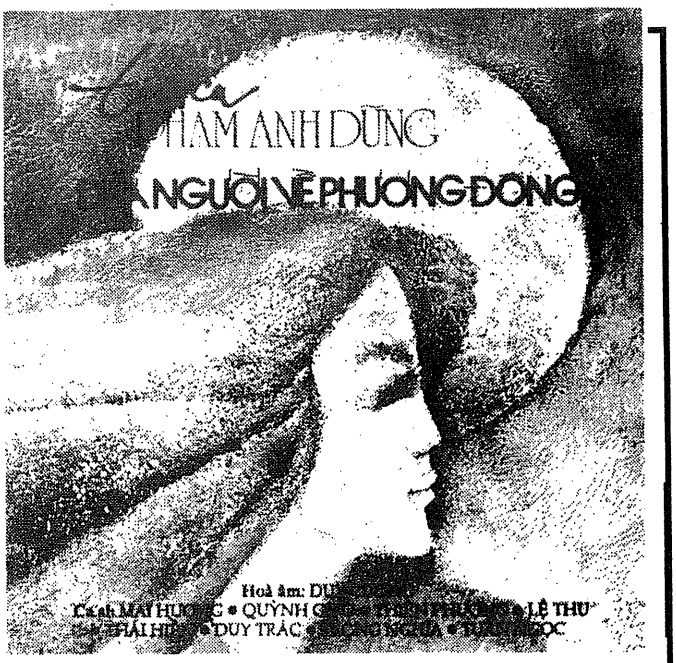

TẬP NHẠC Tình ca
Phạm Anh Dũng

TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG

12 ca khúc của Phạm Anh Dũng, thơ của Phạm Thế Trường, Trang Châu, Mùi Quý Bồng, Đinh Tuấn, Bích Huyền. Có phần hoà âm Tây ban cầm do Duy Cường soạn. Tựa của Phạm Duy. Bìa và phụ bản của Mùi Quý Bồng

Các văn nghệ sĩ nói về "Tình ca Phạm Anh Dũng":

"Mười hai tình khúc của Phạm Anh Dũng, phần nhiều là thơ phổ nhạc, ra đời vào đầu thập niên 90 này, cho tôi cảm tưởng có sự quay về với nhạc tình lãng mạn quý báu sau nửa thế kỷ lạc loài.
"Nhạc điệu của những tình khúc trở về nguồn ân ái xa xưa này cũng đi theo với lời thơ, nghĩa là cũng giản dị nhưng nồng nàn, không cầu kỳ nhưng nhạy cảm. Qua biết bao nhiêu năm tháng ngụp lặn trong biển nhạc dữ dằn, có lẽ đây là lúc ta phải trở về với nguồn suối nhạc trong trẻo...
"Tôi cám ơn Phạm Anh Dũng và các bạn thơ đã giúp tôi trở về với tình cảm trẻ trung rất cần thiết qua những bản nhạc này."

PHẠM DUY
Thị trấn Giữa Đàng, tháng Mười 1991

"Vào những ngày đầu xuân, khí hậu Cali hanh lạnh, khu Sàigòn Nhỏ tràn ngập những chậu hoa rực rỡ, những bóng dáng yêu kiều với tà áo dài đủ màu (...), tôi đón nhận những "tình khúc hồi hương" của Phạm Anh Dũng.
"Tình ca Phạm Anh Dũng chứa cả một bầu trời tâm sự lãng mạn, hiếm có của một người y sĩ. Anh tốt nghiệp Đại học Y khoa Sàigòn, đang hành nghề tại Santa Maria, và mặc dù rất bận với y nghiệp, anh vẫn tham gia sinh hoạt văn nghệ...
"Tình ca Phạm Anh Dũng đã là một tác phẩm nghệ thuật hiếm có trong giới y sĩ nói riêng và làng ca nhạc Việt Nam hải ngoại nói chung."

ĐẶNG ĐỨC NGHIÊM
Đặc San *Y Sĩ* Hè 1992

"Phạm Anh Dũng cho thâu băng những nhạc phẩm phổ từ thơ Nguyên Sa, Du Tử Lê, Y Dịch, Bích Huyền..., với hoà âm tuyệt cú mèo của Duy Cường.
"Hơn ai hết, họ Phạm không chỉ trân trọng với tác phẩm của mình mà ông còn trân trọng với thi ca, với những tiếng hát mà ông cho rằng, nếu không có, cuộc đời ta sẽ buồn tẻ bao nhiêu!"

DU TỬ LÊ
Tạp chí *Văn Nghệ*, tháng Sáu 1993

"Phạm Anh Dũng hội tụ được cả yếu tố âm thanh, phối âm, hoà âm, nhạc khúc, lời ca và cảm xúc, tình tự của giọng ca. Toàn bộ có những lúc không bốc, nhưng chín, vững, làm cho phải nghe hết. Và yêu mến."

NGUYÊN SA
Nguyệt san *Dân Chúng*, tháng Sáu 1992

☐ CD (đĩa nhạc) ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG. Giá một đĩa US$12.00 (thêm $1.00 cước phí)
☐ Tập nhạc TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG. Giá một tập US$6.00 (thêm $1.00 cước phí)
☐ Nếu mua cả hai (CD và tập nhạc), thay vì phải trả $20.00, chỉ có $15.00 (kể cả cước phí).
Nếu mua nhiều (từ 5 đơn vị trở lên) có giảm giá đặc biệt.

Mọi thư từ, tiền bạc, ngân phiếu, lệnh phiếu, xin đề tên và gửi về cho:
DAN PHAM, 4697 STILLWELL RD, SANTA MARIA, CA 93455. ĐT (805) 937-7655.

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2054-H39
Westminster, CA 92684
Đ.T: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752

Chủ Nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ Bút:
Vương Hữu Bột

Tổng Thư Ký
Nguyễn Xuân Hoàng

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$ 15; 12 số US$ 28; 24 số US$ 54, First class trong nước Mỹ 6 số US$ 22; 12 số US$ 42; 24 số US$ 82. Canada: 6 số US$ 23; 12 số US$44; 24 số US$ 86. Các nơi khác: *Âu Châu;* 6 số US$ 32; 12 số US$ 62; 24 số US$ 122; *Á, Úc, Phi:* 6 số US$ 37; 12 số US$ 72; 24 số US$ 142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về P.O.Box 2228-260, Westminster, CA 92683. Đ.T: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Ông Nguyễn Văn Thiệu lên tiếng, nói sẵn sàng "nói chuyện" với "kẻ thù cũ" là Hà Nội, nhưng Hà Nội nhanh chóng bác bỏ, và cho rằng ông Thiệu chẳng đại diện cho ai. Điều này đúng, và hầu hết các cơ quan truyền thông Việt ngữ hải ngoại dùng câu chuyện này làm đề tài chế diễu ông cựu tổng thống họ Nguyễn. Nhưng không thấy báo nào, đài nào nhắc đến một câu hỏi, cũng rất đúng, của ông Thiệu đặt ra với Hà Nội: những người cầm quyền ở Việt Nam hiện nay cũng chẳng đại diện cho nhân dân Việt Nam, vì dân có bao giờ bầu các ông các bà ấy lên đâu? Vậy, Hà Nội còn chờ gì mà không chứng minh mình là đại diện của dân, bằng cách tổ chức bầu cử tự do ngay? Cựu dân biểu Nguyễn Hữu Chung góp ý kiến của ông về câu chuyện "Hòa Giải" này.

Luật sư Nguyễn Trọng Nho cho biết các cựu sinh viên và cựu viên chức ngành canh nông đã họp lại và chuẩn bị cho những "hành động ngoạn mục" về vấn đề nông nghiệp Việt Nam. Hoan hô! Lý do là vì nước Việt Nam chúng ta có tới 80% dân số sống bằng nghề nông, mà các vấn đề nông dân và ruộng đất ít được báo chí hải ngoại quan tâm. Tạp chí Cộng Sản mới đây có một số thông tin và lý luận đáng chú ý về các vấn đề nông nghiệp — Vương Hữu Bột có nhận định trong số này — chắc hẳn sẽ khiến cho các "chuyên gia về kinh tế nông nghiệp" càng ngày càng thấy trách nhiệm của mình nặng nề và phức tạp!

Mục mới trên Thế Kỷ 21, "Trò chuyện với nhau," được hưởng ứng từ khắp nơi. Cuộc trò chuyện đầu tiên, với Kiều Chinh và độc giả, do tòa soạn đại diện, được đăng trong số này. Có nhiều câu hỏi phải đăng trong số báo sau, vì tòa soạn nhận được trễ. Kỳ tới, mời các bạn đặt câu hỏi về Đặng Thái Sơn, dương cầm thủ quốc tế, hiện cư ngụ tại Canada. Sau đó, sẽ có trao đổi ý kiến với họa sĩ Thái Tuấn, nhà văn (và nhà thơ) Đỗ Kh.. Và ai nữa, xin các bạn đề nghị, chúng tôi sẽ mời.□

Bìa: *KiềuChinh,*
tranh sơn dầu của Nguyễn Quỳnh
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng*
và Nguyễn Thị Hợp
Hí họa: *Hiếu, Vẹt*
Minh họa: *Đinh Cường, Thái Tuấn, Nguyễn Hữu Nhật*
Ảnh: *Đông Nguyên, Lê Tam Ca, Huỳnh Hữu Uỷ*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 52 • Tháng Tám 1993

Phần Anh ngữ (English Section)

News in brief, 45 * Assimilation to America: Liberation for the Chinese - American Woman? JULIE KIỀU LINH ĐÀM, 46 * Books briefly noted, 51 *

Phần Việt ngữ

Thư Tòa Soạn, LÊ ĐÌNH ĐIỂU, 2 * Bạn đọc viết, 4 * Tòa soạn và Bạn đọc, 7 * Hòa giải, NGUYỄN HỮU CHUNG, 9 * Vấn đề ruộng đất và khuynh hướng bảo thủ ở nông thôn Việt Nam, VƯƠNG HỮU BỘT, 11 * Hội chứng tinh thần: Sự phét lác, PHẠM XUÂN ĐÀI, 14 * Tiếng Vọng: Bà Đoàn Viết Hoạt phản kháng, 16 * Nhân vụ án Đoàn Viết Hoạt..., TRƯƠNG VŨ, 17 * Câu chuyện dầu hỏa, PHAN NHƯ UYÊN, 18 * Tản mạn: Thư gởi Minh, TIỂU HUYỀN, 20 * Màu sắc và không gian trong tranh Thái Tuấn, HUỲNH HỮU ỦY, 22 * Khoa học: Sự bí mật...nặng nhất, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH, 25 * Chuyện trò với Kiều Chinh, 29 * Truyện dịch: Lạc Phúc Hội, AMY TAN, ĐÀO TRUNG ĐẠO dịch, 33 * Phim ảnh: Mùi đu đủ xanh, THỤY KHUÊ, 58 * Viết một cuốn, đọc nghìn cuốn, VÕ PHIẾN, NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 60 * Chiều trong vườn Luxembourg, NHẤT UYÊN, 63 * Chữ và nghĩa: Từ Hán Việt và phe ta, TRẦN NGÂN ĐÌNH, 65 * Truyện dịch: Khổng Ất Kỷ, LỖ TẤN, THANG MA dịch và chú thích, 67 * Vô Thường, BÙI DUY KHUYẾT, 69 * Cuối tuần giữa ngoặc, ĐỖ KH., 71 * Ngôi nhà Lỗ Tấn, TÚY HỒNG, 73 * Nhà, NGUYÊN PHƯƠNG, 75 * Hữu vô, PHẠM KIM KHÔI, 76 * Suối ghềnh, TRIỀU HOA ĐẠI, 79 * Nguyễn Thị Hậu Giang, TRẦN QUÁN NIỆM, 82 * Không tên, NGUYỄN TẤN HƯNG, 85 * Những người bạn trẻ, HOÀNG NGUYÊN, 88 * Tìm về một địa danh, NGUYÊN HƯƠNG, 92 * Sách báo trong tháng, NGUYỄN NAM ANH và LÊ TAM CA, 94 *

BẠN ĐỌC VIẾT

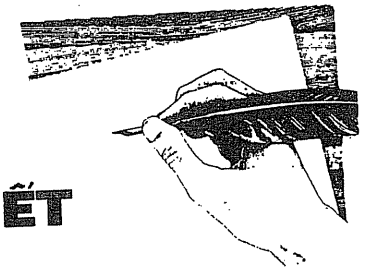

"Tủi thân"

(...)Với thiện ý và một tấm lòng với *Thế Kỷ 21,* tôi đã mua báo dài hạn và cổ động bạn bè mua *Thế Kỷ 21*, mong rằng *Thế Kỷ 21* đáp lại tấm lòng đó bằng cách gửi báo đến sớm. Việc tờ báo số mới đã có bầy bán ở các tiệm sách rồi mà độc giả dài hạn chưa có, làm "tủi thân" những độc giả dài hạn này quá!

Đoàn Nhật
Springfield VA

Báo gửi theo loại "bulk rate" thường đến chậm, có khi nửa tháng, và có khi bị mất luôn! Tòa báo đã khiếu nại với bưu điện (nơi gửi), nhưng không giải quyết được gì, vì bưu điện nơi nhận phát chậm hoặc làm mất. Gửi bằng "first class" giá cao, dĩ nhiên nhanh hơn, nhưng rất ít độc giả đặt mua loại này. Chúng tôi đang xin "second class," nếu được, báo sẽ đến sớm mà cước phí không cao lắm. Cám ơn ông đã cho biết tình trạng và...tâm tư.

Chữ "tâm đắc" nhất mà bị...cắt!

Trong *TK21* số tháng Sáu 1993, có bài phỏng vấn nhà văn Trần Ngọc Tuấn, đăng lại của báo *Cánh Én,* anh Trần Ngọc Tuấn nhắn lại là ở đầu bài "Tôi chỉ có một chỗ để đi về..." các anh cắt mất chữ ĐI; đó lại là chữ tâm đắc nhất của tác giả. Ngoài ra, trong bài nói về giáo sư Trần Đức Thảo có nhắc đến việc Hoàng Khoa Khôi (các anh in là Hoàng Hoa Khôi?!) là "học trò của Tạ Thu Thâu." Chúng tôi đã gặp trực tiếp ông Hoàng Khoa Khôi, và ông Khôi cho hay là chưa từng gặp Tạ Thu Thâu lần nào, và cũng chưa bao giờ là học trò của Tạ Thu Thâu.

N.D.Cường
Nurnberg, Đức

Cám ơn anh Cường và các bạn "Cánh Én" đã chỉ ra những sai lầm trong TK21. Nhân đây cũng xin nhờ anh chuyển lời tạ lỗi của tòa soạn TK21 tới anh Trần Ngọc Tuấn và ông Hoàng Khoa Khôi.

"Máu loãng còn hơn nước lã"

Tôi nhờ quí báo mua giùm ít băng nhạc tiền chiến (danh sách đính kèm). Những bản nhạc đó đã thuộc về kỷ niệm tuổi thơ. Hồi đó, ở Hà Nội, chỉ mê nghe hát — nghe trộm đài Saigòn có cô xướng ngôn viên nói giọng Bắc "ngọt lịm." Bao nhiêu năm rồi vẫn không quên được. Ca sĩ Việt Nam ở Mỹ hết, bên này cứ như "u tì quốc." Xa trung tâm văn hóa hải ngoại quá. Mà nhạc giao hưởng nghe qua băng giảm mất đến 50% giá trị. Nhất định có ngày tôi "bò" qua bên đó để được nghe dàn nhạc giao hưởng của người Việt do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức. Đã là văn học nghệ thuật thì Việt hay Mỹ gì cũng được. Tôi tin rằng chỉ có văn học nghệ thuật chân chính, đi được vào lòng người, làm cho con người biết rung động, biết yêu cái đẹp của nghệ thuật, chắc chắn sẽ làm bớt đi trong tim họ chỗ vẫn dành cho bạo lực, hận thù. Thần Apollo không vác cờ, vác biểu ngữ! May ra, một ngày nào đó, mọi người có dòng máu Việt trong huyết quản đều hiểu "máu loãng còn hơn nước lã." Nhưng không phải là cái "hòa hợp hòa giải" như họ đang hò hét mấy năm nay. Ra đi vì không sống nổi với những người cầm quyền hiện nay, chứ tôi có ghét bỏ, giận dỗi gì dân tộc tôi đâu mà kêu "hòa giải hòa hợp dân tộc"?

Tôi vốn đàn bà cạn nghĩ, chỉ hiểu đến như thế thôi. Tôi luôn tin sân khấu chính trị không phải là chỗ của đàn bà, và quyền lực càng không phải là trò chơi của đàn bà. Cứ xem cái Hội nghị Nhân quyền ở Wien (Áo quốc) vừa rồi thì rõ. Đàn bà dại dột cứ hò hét cho lắm về quyền của phụ nữ. Chẳng qua chỉ để cho mấy chính khách hoạt đầu giấu mặt lảng tránh việc đòi hỏi quyền con người thực sự trên nhiều quốc gia như Việt Nam, Irak, Iran hay Tây Tạng...

(...)Ở Mỹ, ông Mai Kim Ngọc cứ thắc mắc chuyện ban giám khảo chọn "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" cho giải nhất văn học. Ở Việt Nam, bạn bè tôi bảo các ông ấy cứ về Việt Nam mà ngồi thử vào cái ghế giám khảo một lần là hết thắc mắc ngay.

Thu Hà
Berlin, Đức

Một vài nhận xét...

Bài của Thai Strom (*TK21* số 51, phần Anh ngữ), bàn về việc bỏ cấm vận, tác giả đã nêu ra những lý do để hỗ trợ cho việc bãi bỏ. Tôn trọng ý kiến của người khác, tôi không bàn về việc này. Có điều tôi không đồng ý với tác giả khi bà dùng từ *dark-faced* để chỉ một người Việt Nam (tr.46). Có lẽ bà Thai Strom cho mình đã là một người Mỹ nên mới không ngần ngại dùng một lời nói chỉ có người Mỹ trắng ưa dùng để chỉ một người da vàng. Nhưng nếu thực sự dụng ý của tác giả khi dùng từ này là để bài bác ý kiến của một thanh niên Việt Nam mong muốn chính phủ Mỹ đặt những điều kiện đòi hỏi nhà cầm quyền Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền trước

khi bãi bỏ cấm vận, thì tôi không có gì hơn để nói.

Cũng trong số 51, phần Khoa Học (tr.58), Nguyễn Xuân Quang nói về "Siêu Vi Điện Toán," có nhiều chỗ cần hỏi lại tác giả:

1. Nguyễn Xuân Quang đã dùng kiến thức y học để so sánh hai loại "virus": siêu vi trong sinh vật và siêu vi trong máy điện toán. Sự tương đồng, theo tôi, có giới hạn. Khác với siêu vi trong sinh vật, siêu vi điện toán không thể nào lan tràn đến CPU, bộ phận đầu não trung ương (như tác giả viết nơi trang 59). Siêu vi điện toán chỉ có thể lan tràn qua các hồ sơ (*files*), hay do các hồ sơ này lan qua các dĩa cứng (*hard disk*), dĩa mềm (*floppy*), rồi từ đó có thể ẩn náu trong bộ nhớ (*memory*) mà thôi. Siêu vi thuộc phần mềm (*software*), trong khi Bộ xử lý trung ương (CPU) thuộc phần cứng (*hardware*).

2. Khi nói đến tác hại của siêu vi, ông viết: "Siêu vi này kéo dài thời gian khơi động mở máy và thay đổi thể tích tên hiệu (*label*)." Từ *volume* ở đây không có nghĩa là thể tích! *Volume* bổ nghĩa cho label, nghĩa là "tập," hay "bộ," giống như *Thế Kỷ 21* số 1, Bộ I (No.1, Vol.I) chẳng hạn. *Volume label* còn có nghĩa là tên hiệu của một bộ hồ sơ.

3. Cũng ở trang 59, chữ *crash* dịch là sụp đổ thì quá đáng. Người đọc có cảm tưởng siêu vi có thể làm cho máy tan tành. Thực ra, nó chỉ làm máy ngưng chạy. Tắt máy đi, mở lại, máy lại chạy.

4. Trang 61, tác giả viết: "Tách biệt dữ kiện và các thảo chương điều hành riêng biệt ra." Các dữ kiện (*data files*) không bao giờ ở trong cùng một file với thảo chương điều hành để có thể tách riêng ra được.

Lê Thọ Giáo
Mission Viejo CA

Cám ơn anh đã góp ý một cách chi tiết, và ước mong những ý kiến của anh tạo thành một cuộc trao đổi hữu ích và hào hứng trong tình thân ái.

Tội nghiệp cho miền Nam

Trong bài "Tiếng Việt đôi bờ" đăng trên *Thế Kỷ 21*, số 49, tháng 5, 1993, trang 40, khi nhận định về những nỗ lực của hai miền Nam, Bắc trong việc soạn thảo các danh từ chuyên môn, tác giả Chu Việt có viết là từ sau Đại Hội về Danh Từ Chuyên Môn năm 1956 "miền Nam không có một nỗ lực quy mô nào đáng ghi nhận ngoại trừ những sáng tác cục bộ, rời rạc. Kết quả là mạnh ai người nấy đặt, mạnh ai người nấy dùng. Phe xã hội chủ nghĩa thì có Viện Ngôn Ngữ Học thuộc Ủy Ban Khoa Học Xã Hội của nhà nước phụ trách những vấn đề tu từ, nghiên cứu, biên khảo về ngôn ngữ. Gần đây (1988), viện này đã hoàn tất cuốn "Từ Điển Tiếng Việt" đầu tiên, một công trình tu từ hữu ích quy tụ được một số từ ngữ mới đáng kể."

Xin được phép gợi ý để tác giả nhớ lại: Hình như ở miền Nam có tồn tại một cơ quan chuyên môn lo việc này. Đó là *Ủy Ban Điển Chế Văn Tự* trực thuộc Bộ Giáo Dục hay Văn Hóa Giáo Dục. Ủy Ban này đã quy tụ hầu hết các học giả hay giáo sư đại học thuộc các ngành chuyên môn, trong đó có ngôn ngữ học. Những người này vì khiêm tốn nên chỉ âm thầm làm việc thay vì ồn ào, tự quảng cáo cho mình hay cho cơ quan của mình nên quần chúng, ngay cả những người hoạt động trong văn học ít ai biết đến. Điển hình là các học giả như Lê Ngọc Trụ, Nghiêm Toản, Bửu Cầm, Lê Văn Lý vân... vân... Sau này trong những tháng cuối cùng trước khi miền Nam không còn nữa, miền Nam cũng nỗ lực để tiến xa hơn trong việc thiết lập Hàn Lâm Viện. Một ủy ban chuyên lo việc này đã được thiết lập tại *Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục* và do Linh Mục Cao Văn Luận làm trưởng ban. Ủy Ban này đã làm việc rất liên tục ngay cả khi tình hình đã trở nên vô cùng nghiêm trọng và vẫn còn họp ngay cả sau ngày Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ nhiệm và đồng minh vốn tin cậy không còn trợ giúp nữa. Miền Nam, người viết những dòng này muốn nói tới toàn thể nhân dân miền Nam, trong một thời gian ngắn ngủi tương đương với thời gian từ ngày những người Việt hải ngoại bất đắc dĩ phải bỏ nước ra đi cho tới nay đã tạo được những căn bản cho một quốc gia tồn tại trong đó có những căn bản về văn hóa thay vì không làm gì cả. Những thành quả này hiện hãy còn tồn tại một phần. Chúng ta hãy nhìn vào những công trình biên khảo và dịch thuật được thực hiện một cách đứng đắn, có phương pháp, có nguyên tắc của Viện Khảo Cổ, của Nhà Văn Hóa, của Trung Tâm Học Liệu, của các trường Đại Học, các nha, sở chuyên môn. Kết luận như trên e rằng quá vội vã và **tội nghiệp cho miền Nam.** Trong khi mãi đến năm 1988, 34 năm sau khi tồn tại ở miền Bắc và 13 năm sau khi thống trị cả hai miền Bắc nam, *phe xã hội chủ nghĩa* mới xuất bản được một cuốn "Từ Điển Tiếng Việt" đầu tiên, tưởng chẳng có gì ghê gớm. *Giá miền Nam* không mất và nhất là giá nhân dân miền Nam không bị coi là giặc là ngụy cũng như những người Việt hải ngoại không bị coi là... kẻ thù, chắc chắn thành quả chung của cả hai miền phải tốt đẹp hơn nhiều. *Tiếc thay!*

Phạm Cao Dương
Tháng 6/1993
Huntington Beach, CA

Để được lên thiên đàng...

Xin phép được đóng góp vào một vấn đề có lẽ sẽ trở thành li kì (nhiều kì) không kém vấn đề "Làng - Nàng Tô Thị", là vấn đề cắt âm hộ - mòng đóc trên hai số vừa qua của tờ báo.

Trong *TK 21* tháng 6, Nguyễn Hữu Chung viết " Ở Phi châu nhiều người còn tin ở việc phải cắt âm hộ phụ nữ để những người nầy khi chết được lên thiên đàng". Một cách đại cương, thí dụ này mà tác giả dùng để biểu thị cho "Những niềm tin sai lạc một cách tàn ác" không có gì là quấy cả, miễn là minh họa được cho luận cứ trong bài. Thế nhưng, theo truyền thống (Phi châu) là phải cắt ... sợi tóc ra làm bốn, đọc giả Nguyễn Hà Trung (*TK 21* tháng 7) nêu ra một cách đích xác là không thể cắt âm hộ được mà chỉ có thể cắt mòng đóc (*clitoris*, còn gọi là âm hạch - Tự điển phổ thông Anh Việt, Nguyễn Văn Tạo, Nhà Xuất bản Tao Đàn 1973). Theo ông, lý do cắt mòng đóc để được lên thiên đàng cũng không

đúng và "Ở các bé gái tại một số nước Hồi giáo trong đó, nhiều nhất vẫn là ở Phi châu, như ở Somalia, Nigeria... có tục cắt mòng đóc của các em vì theo những tập tục và tin tưởng xưa của những xã hội Hồi giáo nầy một người đàn bà không được cho phép có khoái cảm xác thịt." Tiếp tục theo truyền thống cắt... thí dụ ra làm tư kể trên, việc ông Nguyễn Hà Trung gán cho Hồi giáo tập tục áp bức nầy lại là không đúng.

Tập tục cắt mòng đóc nói trên được phổ biến ở vùng Bắc và Trung Phi và trùng hợp một cách lỏng lẻo với vùng ảnh hưởng của Hồi giáo tại châu này nhưng không phải là một tập quán của tôn giáo này (hay văn hóa Hồi giáo, theo một nghĩa rộng hơn), khác với tập quán cắt da qui đầu *là* một tập quán Hồi giáo và Do Thái. Tại ngay bán đảo Ả Rập và tại các vùng Cận Đông, Tây Á hiện tượng này rất hiếm cũng như không có ở các "nước" Hồi giáo khác như Mã Lai, Indonesia hoặc ở các cộng đồng Hồi giáo khác như Trung Hoa, Cam Bốt, Thái Lan, Phi và Việt Nam (chẳng hạn). Ngược lại, tại Phi châu, tục cắt mòng đóc không những phổ biến ở những cộng đồng Hồi mà còn ở các cộng đồng khác theo đạo tổ tiên hay Kitô. Thí dụ, việc duy trì hoặc chống đối tập quán cổ truyền này tại Kenya đã chia rẽ giáo hội Kikuyu thành hai phái Kitô trong thập niên 30. Vậy, giới hạn tập quán này với Hồi giáo cũng không đúng nốt.

Thành thử như thế, không khác gì khi viết rằng tục bó chân phụ nữ là một tập tục của những xã hội Phật giáo, trong đó nhiều nhất vẫn ở Trung Hoa (và ở Trung Hoa, nhiều nhất vẫn ở Tô Châu, là nơi có nhiều đàn bà đẹp nhất). Hoặc giả, căng cái thí dụ trên ra hơn nữa, khi có một người Phi châu (thường là răng rất trắng, như ta biết) đến Bùi Chu vào thập niên 40 và nhận định: "Nhuộm răng đen là một tập quán của những nước Công giáo".

Những tiểu tiết trên đây không kể, điều đáng lưu tâm là "Quyền lực của tập quán quá lớn lao" theo lời Nguyễn Hữu Chung và những tin tưởng (đại loại) này độc hại. Nguyễn Hà Trung cũng "đúng" khi viết rằng đàn bà không được cho phép có khoái cảm xác thịt theo những tin tưởng *xưa* của những xã hội Hồi giáo. "Đúng" hơn nữa, đây vẫn là tin tưởng *ngày nay* của những xã hội này, và không phải chỉ riêng của những xã hội Hồi giáo mà thôi. Cái phép đó, nhiều xã hội gì gì đó giáo còn không cho cả đàn bà lẫn đàn ông cũng như không cho phép rất nhiều thứ linh tinh khác nữa. Và nếu niềm tin cắt mòng đóc để được lên thiên đàng là một niềm tin sai lệch thì chắc những niềm tin thuộc loại để - được - lên - thiên - đàng đều cần sự cẩn trọng trước khi dùng đến dao, (búa) và (kềm,) kéo.

Đỗ Kh.
(Yorba Linda CA)

Trừ tà

Bài của học giả Thang Ma trong số tháng 5 (Vài Nét Văn Học Trung Quốc Hiện Đại) đáng được ca tụng chẳng những vì giá trị của nó mà còn vì một vài chi tiết phụ đáng nói khác nữa. Thứ nhứt là lối viết rất dí dỏm của tác giả. Nó làm cho bài viết vui và dễ đọc. Thứ nhì là những nhận định ngắn nhưng chứng tỏ tác giả có tài quan sát đối tượng. Nói chung loại bài viết như của ông Thang Ma là loại bài rất đáng đọc đi đọc lại nhiều lần.

Tuy nhiên tôi có một nhận xét là ông Thang Ma sẽ làm nhiều người Việt tốn tiền với cước chú của ông về Mao Trạch Đông khi ông viết rằng nhiều người cả bên Tàu lẫn Hongkong (trong đó có ông) treo hình Mao trên xe để trừ tà. Dân mình, như ông Thang Ma nhận xét, mê tín. Thử tưởng tượng nhiều người Việt nghe theo nhận xét của ông bắt đầu mang hình Hồ Chí Minh treo trong xe hay trong nhà thì cái gì sẽ xảy ra? Tôi nghĩ nhẹ nhứt thì đương sự cũng sẽ bị đập bể kiếng xe hay bị liệng cocktail molotov vào nhà. Nặng hơn thì có thể ăn một bàn tay sắt vào mặt hay một viên vào người. Những người Việt chống cộng đến cùng bên Cali quí ông liệu có tin rằng Mao hay Hồ treo trong xe hay trong nhà có tác dụng trừ tà như ông Thang Ma viết hay không? Lẽ ra Thư Ký tòa soạn nên kèm theo một lời cảnh cáo độc giả khi đăng bài viết của ông Thang Ma.

Trần Ngạn Đình
(Washington DC)

THẾ KỶ 21
PO BOX 2228-260, WESTMINSTER, CA 92683
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):
- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):
- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):
- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:
— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

TÌM ĐỌC
THẾ KỶ 21

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Tòa báo đã nhận được phiếu đặt mua dài hạn hoặc phiếu gia hạn của quý vị và các bạn sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong được quý vị và các bạn cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Anh Hồ (Guadalupe), BS Trần Kiêm Thục (Westminster CA), Nguyễn Khắc Xuyên (Le Perreux, Pháp), Lê Thị Thấm Vân (Milpitas CA), Đàm Trung Pháp (Dallas TX), BS Trần Mạnh Tung (Port Orange FL), Mary K. Crouch (Fountain Valley CA), Vũ Kỳ (Beaverton OR), Lê Văn Xe (Tokyo, Nhật Bản), Lê Quế Hương (San Jose CA), Columbia Branch Library (Seattle WA), Hoàng Phương (Royal Oak MI), Vũ Thị Thanh Hương (Berlin, Đức), Bùi Đông Triều (Silver Spring MD), Lê Minh Tân (Placentia CA), Đặng Hương (Federal Way WA), Nguyễn Đan (Tustin CA), Ngu Yên (Houston TX), Nguyễn Thái Hảo (Rockville MD), Nguyễn Ngọc Bảo (San Francisco CA), ĐĐ Thích Minh Đức (San Jose CA), Nguyễn Chi (Tustin CA), Thanh Thái (Winter Haven FL), Nguyễn Thu Hương Denise (West Hills CA), Nguyễn C Hoan (San Jose CA), Võ Minh Thế (Houston TX), Nguyễn Đức Bạt Ngàn (Edmonton, Canada), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Phùng Mai Trâm (Coto de Caza CA), Mai Viết Hiếu (Lake Forest CA), Nguyễn Ngọc Anh (North Hills CA), Lê Vũ (Stuttgart, Đức), Trần Thu Nga (Sunnyvale CA), Nguyễn Tấn Sĩ DDS (Westminster CA), Lê Long (Orlando LA), Lý Trần Hùng (Carmichael CA), Huỳnh Khánh Hòa (Bankstown, Úc), Trần Văn Huy (Bures/Yvette, Pháp), Trần Quí Phiệt (Kerrville TX), TT Thích Giác Lượng (San Jose CA).

● **Bùi Ngọc Chi Như** (*Santa Clara CA*): Đã nhận được thư. Tháng Tám có xuống miền Nam nhớ ghé. Đã chuyển phiếu và ngân phiếu cho VAALA. Cám ơn Như có lời hỏi thăm. Tòa soạn cũng thăm lại. Chúc vui.

● **Bùi Đông Triều** (*Silver Spring MD*): Cám ơn thư và bài. Bài tiếng Anh sẽ đi trong một số thuận tiện. Việc hoạch định cho tờ Anh ngữ có tiến triển tốt, nhiều người hưởng ứng. Thân ái.

● **Vũ Xuân Rạng** (*Montréal, Canada*): Đã nhận được thư của cụ, và ông HCN ở Québec cũng cho biết đã được cụ liên lạc, như vậy rất mừng. Cám ơn cụ đã hỗ trợ hết sức như vậy. Kính chúc vạn an.

● **Nguyễn Quí Nhơn** (*Nice, Pháp*): Đã thấy đăng một trong hai bài trên NV. Vừa nhận được bưu thiếp từ W. Springfiled. Chúc anh và gia đình một kỳ nghỉ hè vui tươi, thoải mái.

● **Đinh Phụng Tiến** (*Garden Grove CA*): Đã nhận được thơ. Xin cho truyện ngắn khác, ít bi thảm hơn nhé. Chúc vui.

● **Lê Văn Lân** (*New Jersey*): Đã nhận đủ thư, sách và bài tiếng Anh, bài tiếng Pháp. Sẽ làm theo yêu cầu (nhờ bà Ruth). Nếu có ý định sang Cali ra mắt "Bút khảo" xin cho biết để chuẩn bị. Thân chào.

● **Thế Uyên** (*Seattle WA*): Đã nhận được địa chỉ mới. Đồng ý với nhận xét của anh về truyện của NU. Lời rao về việc in sách có kết quả gì không? Mong tin. Thân chào.

● **Phạm Ngọc Lân** (*Athis-Mons, Pháp*): Cám ơn đã "fax" cho hai bài đó. Và xin tuân lệnh về việc không cho biết "người đó" là ai. Thân ái.

● **Đỗ Kh.** (*Los Angeles CA*): Cám ơn thư góp ý. Có thế mới vui chứ! Chờ ngày ra mắt sách đấy.

● **Du Li** (*Agoura CA*): Tòa soạn gửi lời thăm và chúc bạn mau bình phục. Nhớ là đã "thiền" rồi nhé, không có quyền bi quan dù gặp khó khăn. Rất nhiều bạn còn ở quanh. Thân ái.

● **Chu Việt** (*Virginia*): Đã nhận được bài. Kỳ này hơi dài quá, nhưng rất lý thú. Sẽ đăng. Có nhận được báo CVA do anh Giao gửi. Cám ơn anh, anh Giao và các bạn miền Đông — nhiều người nhắc đến quá nên cứ nhảy mũi lia lịa!

● **Đỗ Ngọc** (*Hoechstadt/Aisch, Đức*): Xin chúc mừng "Cơ Sở Liên Kết Người Việt Đông Âu" ra đời, và mong sớm nhận được "Lá Thư Đông Âu" để giới thiệu với độc giả TK21. Đồng ý cả hai điểm trong thư: Sẽ gửi báo TK21 cho "Cơ Sở" và để "Lá Thư" trích đăng bài theo nhu cầu.

● **Nguyễn Thiên Ân** (*Virginia*): Lâu lâu gửi cho một bài là vui rồi. Như vậy là có đóng góp chứ, vậy không có gì mà "đâm ngượng" cả, phải không? Tháng Chín sang, nhớ tới chơi nhé. Thân.

● **Bùi Duy Thuyết** (*San Jose CA*): Cám ơn bạn đã nhận lời làm đại diện quảng cáo và phát hành cho TK21 ở Bắc Cali. Đã nhận được phiếu của hai vị độc giả, tiền của hai nhà sách. Xin chuyển giùm lời cám ơn tới quý vị đó. Giữ liên lạc thường xuyên nhé. Thân ái.

● **Trần Thanh Hiệp** (*Paris*): Đã chuyển bài tiếng Pháp cho anh NST. Đã lâu không được nghe "Tiếng Vọng Trời Âu." Mong tin và chúc vui. Thân.

● **Phạm Đỗ Chí** (*Vientiane, Lào*): Địa chỉ ở Washington chắc đã đổi? Thư bị trả về! Báo gửi

thẳng qua Lào tiền cước cao quá, nhưng cũng vẫn gửi. Liên lạc gấp để bàn nốt dự án báo tiếng Anh. Thân.

● **Đàm Trung Pháp** (*Dallas TX*): Đã nhận được bài của cháu Kiều Linh, sẽ đăng trong phần Anh ngữ. Còn danh sách các báo sao...ít quá vậy? Hình như bên đó báo cũng nhiều không kém Nam Cali mà!

● **Nguyễn Văn Vỹ** (*Richfield MN*): Chúng tôi xem lại trong danh sách thấy có gửi rồi. Vả lại những tháng trước đó báo vẫn đến đều, như vậy lại phải "hỏi thăm" ông bưu điện Richfield mới được. Đã gửi bù số 51, chắc ông nhận dược rồi? Chúc vui. Thân chào.

● **Mai Trung Ngọc** (*Paris*): Ba tháng liền bị trả về, không hiểu tại sao? Có viết thư hỏi, cũng không thấy trả lời, không lẽ ông...dọn nhà rồi? Mong tin.

● **Trần Mạnh Tung** (*Daytona Beach FL*): Cám ơn anh đã gửi thư và bài. Không ngờ anh còn nhớ nhiều "chuyện xưa tích cũ" thế. Có nói chuyện với anh Bàng, rất vui. Sẽ có thư riêng. Thân.

● **Phạm Gia Pháp** (*Houston TX*): Thế là anh lại dọn nhà. Mong anh chóng ổn định, để còn...viết cho TK21. Sẽ có thư riêng bàn thêm với anh việc nhờ anh làm đại diện ở Houston. Thân.

● **Nguyễn Hữu Chung** (*Montréal, Canada*): Đã đưa cho T lời nhắn trên fax. Bài đăng số này, "chia sẻ" với báo bên Tây cũng được, vì xa nhau nửa vòng trái đất mà. Thân ái.

● **Hà Thúc Sinh** (*Alhambra CA*): Đã nhận dược mấy bài thơ tiếng Anh. Cám ơn lắm, sẽ đăng. Có đọc bài "Lời đề nghị tử tế" và rất đồng ý. Nhưng không thể làm nhanh lấy lượng được, đồng ý không? Nhờ bạn và anh em trên đó hỗ trợ cho chương trình "văn sử địa" của nhóm bạn trẻ dưới này nhé. Thân.

● **Lê Quế Hương** (*San Jose CA*): Đã nhận được thiệp, phiếu và ngân phiếu. Cám ơn nhiều. Xin giới thiệu cho vài người bạn nữa. Thân chào.

● **Lê Ngọc Hồ** (*Seattle WA*): Đã nhận được thư, thơ và ảnh. Rất cám ơn. Ban biên tập đang đọc, sẽ liên lạc. Kính.

● **Thai Strom** (*California*): Rất hoan nghênh đề nghị trong thư. Xin xúc tiến ngay. Những bài dịch, xin gửi cho nguyên tác để phòng khi độc giả muốn tìm làm tài liệu tòa báo có thể cung cấp. Thân ái.

● **Nguyễn Văn Chức** (*Houston TX*): Bài "Trả lời NS PNS" không tiện đăng vì chưa đăng bài của PNS. Xin được phép chuyển sang NV. Cám ơn và chúc vui. Kính.

● **Trần Quang Minh** (*Tampa FL*): Cám ơn anh đã có thư thăm tòa soạn. Khi nào có dịp về vùng này chơi xin mời ghé tòa báo. Anh ĐQT đang ở đây, tháng sau mới về lại Montréal. Thân chào.

● **Nguyễn Văn Khanh** (*Virginia*): Cám ơn bạn đã nhận lời làm đại diện cho *TK21* tại miền Đông. Đã nhận được ngân phiếu của Alpha trả tiền báo. Còn TH, xin "cứ bắt tay từ từ chúng ta giải quyết," chậm còn hơn không! Từ số này sẽ gửi báo như K dặn. Thân ái.

● **Dương Quân** (*Santa Ana CA*): Đã nhận được bài trong báo TT-GC. Cám ơn bạn nhiều. Xem trong "Tiếng Vọng." Thân ái.

● **Phan Văn Minh** (*Renton WA*): Bài về "đưa khối lượng lên mặt trăng" rất lý thú, nhưng không phải là "science fiction" mà là một giả thuyết khoa học. Giả thuyết này có điểm chưa thông: Nếu từ mặt trăng phóng lên quỹ đạo, thì dùng sức nào đem từ trái đất lên mặt trăng trước đó? Kính.

● **Minh Hân** (*Orange CA*): Đã nhận được thơ. Cám ơn nhiều. Thân.

● **Kim Hà** (*Garden Grove CA*): Đã giới thiệu QCBD trong một số trước đây. Bài tiếng Anh không phải một "book review" nên không đăng được. Thân chào.

● **Đoàn Nhật** (Springfield VA): Đã nhận được thơ. Sẽ đăng. Cám ơn nhiều.

● **Tường Dung** (*San Jose CA*): Nhận được bản tin về Hội VNSTD. Chờ có kết quả bầu cử sẽ đăng tin luôn. Cám ơn nhiều. Thân chào.

● **Huỳnh Khánh Hòa** (*Bankstown, Úc*): Đã nhận được check và thư. Cám ơn nhiều. Sẽ gửi theo yêu cầu. Chưa nhận được báo VL. Mong tin luôn.

● **Bùi Khiết** (*San Diego CA*): Đã nhận dược thư và bài thơ cũ trên báo "Ngôn Luận." Cám ơn anh, và mong tin luôn. Xin cho ý kiến về tờ báo để cải tiến. Nếu có thể, xin giới thiệu cho vài độc giả. Thân chào.

● **Lê Bình Phương** (*Rambouleux?, Pháp*): Đã nhận được thư và thơ. Cám ơn nhiều. Ban biên tập đang đọc. Thân chào.

● **Nguyễn Đức Vinh** (*Richmond VA*): Mặc dầu thư "hỏa tốc" nhưng cũng không kịp cho số này. Thơ mà bán như thế cũng hiếm có đấy. Chúc vui. Thân.

● **Trần Quí Phiệt** (*Kerrville TX*): Cám ơn anh đã gửi phiếu mua báo và cho tin về "Asian America Journal." Sẽ chuyển tin cho Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, vì Hội này cũng có dự tính xuất bản tập san văn học nghệ thuật bằng tiếng Anh. ■

LỚP VĂN SỬ ĐỊA

Liên lạc:
* Tạ Văn Trung
(310) 372-3219; 334-7685
* Lê Cẩm Thạch
(310) 336-1862; (714) 857-6118

HOÀ GIẢI

NGUYỄN HỮU CHUNG

Tôi biết rằng khi đọc cái tựa này thì có vài người sẽ chụp liền cho tôi một cái mũ thân cộng. Tôi xin nhận cái mũ và xin cám ơn. Nhưng tôi sẽ không đội cái mũ này và tôi xin đem tặng nó cho ông Nguyễn Văn Thiệu (NvT), cựu tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.

Mới đây, trong một cuộc phỏng vấn của tờ báo *San José Mercury,* Ông NvT có kêu gọi CSVN hãy thương thuyết để hoà giải. Ông nói: "Chúng tôi không đòi hỏi một điều kiện tiên quyết nào cả, chỉ cần một đề nghị thành thật và chánh thức và thiện chí của Hà Nội. Nguyên văn tiếng Anh: *"We do not require any precondition other than a sincere and official offer and the good will of Hanoi"*. Ông NvT nói rằng ông không có chánh thức gặp các lãnh tụ CSVN nhưng đã được những người trung gian bảo đảm rằng cá nhân 13 người của chánh trị bộ đảng CSVN đều chấp nhận ý kiến về một cuộc thương thuyết.

Theo tiêu chuẩn quốc gia chống cộng thì ông NvT này quả thật là thân cộng nếu không phải là tay sai CS hay CS nằm vùng. Tôi có thể suy đoán rằng ông NvT là CS nằm vùng nếu kiểm chứng quá khứ để thấy việc ông rút bỏ Cao nguyên và miền Trung để bức tử quân đội VNCH và giao miền Nam cho CS Hà Nội, việc ông bao che các căn bộ cao cấp tình báo CS trong dinh Độc Lập như Huỳnh Văn Trọng, Vũ Ngọc Nhạ v.v... Nếu không dựa vào quá khứ mà chỉ dựa vào những lời tuyên bố nêu trên của ông thì tôi cũng phải suy đoán rằng ông là một người **thân cộng, ngụy hoà, ươn hèn, chủ bại, đâm sau lưng chiến sĩ** (tất cả những chữ in đậm là chữ ông NvT hay dùng lúc còn làm tổng thống)

Chụp mũ không phải là nghề của tôi, nhưng vì dư mũ quá thành ... mũ ông xin trả lại ông.

Phần tặng quà đã xong, tôi xin phân tích chuyện hoà giải. Như tôi đã viết trước đây trên *Tiếng Gọi Dân Tộc*, một tờ báo ở Paris. Hà Nội không muốn nói tới chuyện hoà giải vì hòa giải đòi hỏi hai yếu tố mà đảng CSVN không chấp nhận. Thứ nhất là chấp nhận một đối tượng hòa giải đứng ngang hàng với mình, thứ hai là chấp nhận dân chủ đa nguyên. Chấp nhận nguyên tắc hòa giải là phá bỏ cái thế hiện tại của đảng CSVN. Một việc vô cùng nguy hiểm mà hiện nay họ không ở vào thế yếu để phải chấp nhận. Chống dân chủ đa nguyên hiện nay là mục tiêu số một của Hà Nội. Chánh sách của họ đã hiện rõ, càng mở kinh tế, càng siết chánh trị.

Hà Nội thì như thế, nhưng ông NvT lại muốn hòa giải vô điều kiện với họ. Qua lời tuyên bố của ông, nếu không bảo ông là CS hay thân cộng thì người ta sẽ thấy hoặc là ông NvT quá thấp, hoặc là ông ta quá cao. Thấp ở chỗ ông không hiểu rằng không có chuyện hòa giải vô điều kiện. Hòa giải là phải có điều kiện và hai điều kiện căn bản của nó là phe CS phải chấp nhận ông như một thực thể chánh trị ngang hàng với họ và phải chấp nhận nguyên tắc dân chủ đa nguyên.

Nếu Hà Nội chấp thuận nói chuyện làm ăn với Việt kiều nhưng lại không chấp thuận dân chủ thì đó là không phải hòa giải. Đó là họ khuyến dụ và sử dụng, còn Việt kiều thì hợp tác (*collaboration*), như trong thời chiến, nhiều người Pháp hợp tác với người Đức tuy rằng họ không thích xứ sở họ bị chiếm đóng.

Nếu Hà Nội chấp nhận chia quyền với ông Thiêu hay một phe nào khác nhưng lại không chấp nhận dân chủ thì đó cũng không phải là hòa giải. Đó là thỏa hiệp (*accord*), như hồi 1945, CSVN đã thỏa hiệp với các đảng quốc gia. Có rất nhiều kẻ thù trên đời này thỏa hiệp với nhau. Ở New York, các gia đình mafia, sau một thời gian bắn giết nhau lại thỏa hiệp chia vùng, chia lãnh vực để làm ăn, rồi lại bắn giết nhau.

Phải hiểu là hòa giải không phải là chỉ có hòa giải giữa đảng CSVN và phe chống cộng, mà là hòa giải dân tộc VN, đưa toàn dân VN vào công cuộc hòa giải trong không khí chánh trị dân chủ. Phải có dân chủ nếu muốn có hòa giải. Dân chủ là điều kiện của hòa giải. Không có chuyện hòa giải vô điều kiện. Những chữ thành thật, thiện chí là những chữ đầu môi chót lưỡi. Ngay cả chữ hòa giải cũng là một chữ đầu môi chót lưỡi. **Hòa giải dân tộc, nếu có thật, phải được cụ thể hóa bằng sự bình đẳng của mọi người VN đối với pháp luật, quyền lợi và nghĩa vụ.**

Suy như trên thì thấy ông NvT có thể quá thấp vì khả năng chánh trị hay khả năng ngôn ngữ giới hạn của ông. Nhưng cũng có thể là ông NvT rất cao. Ông biết rằng Hà Nội không muốn hòa giải dân tộc. Hà Nội chỉ muốn

môi mép tuyên truyền bằng mấy chữ đoàn kết, hòa hợp và lập lờ đánh lận con đen làm cho dư luận thế giới (vốn không hiểu nước VN và CSVN) thấy rằng Hà Nội đang hòa giải dân tộc để phát triển đất nước. Biết con tẩy của Hà Nội, ông NvT kêu gọi hòa giải vô điều kiện để gây bối rối cho Hà Nội. Và quả thật Hà Nội đã rất bối rối. Không muốn nói chuyện hòa giải, cũng không thể nói thâm ý đó ra, Hà Nội phải nói quanh rằng ông NvT không đại diện cho ai cả. Ai cũng biết rằng trong hiện tại ông NVT không đại diện cho ai cả, nhưng ông là một người Việt Nam và Hà Nội cũng không chấp nhận nói chuyện hòa giải với bất cứ một người Việt Nam nào cả. Hà Nội tự cho là độc tôn. Do đó, việc làm của ông NvT, ít ra cũng giúp nhiều người hiểu rõ hơn và phân biệt hai chuyện: **chuyện Hà Nội kêu gọi đoàn kết hòa hợp là chuyện tuyên truyền, dụ dỗ, còn chuyện hòa giải trong tinh thần dân chủ và bình đẳng là chuyện Hà Nội từ chối.** Điều nầy rất cần thiết vì rất nhiều nhà báo và chánh trị gia VN lầm lẫn giữa hai chuyện nầy, không nói chi người dân thường hay những người không phải là VN.

Trên đây là phân tích lời tuyên bố của ông NvT và chánh phủ Hà Nội. Nhưng phía sau những lời nói đó thì họ nghĩ gì, muốn gì ?

Về phía Hà Nội, kinh tế VN mà khá lên thì chẳng cần hoà giải hay thỏa hiệp chánh trị với ai cả. Ai muốn làm ăn với họ, dù là Việt, Tàu hay Mỹ thì chỉ cần phục tùng luật lệ của họ, họ sẽ cho phép làm ăn để hai bên cùng có lợi. Để thích ứng với nền kinh tế thị trường, họ sẽ sửa đổi một số luật lệ và thả lỏng một số lãnh vực sinh hoạt của dân chúng. Nhưng trong lãnh vực chính trị, các quyền tự do dân chủ như tự do ngôn luận, tự do hiệp hội, tự do bầu cử và ứng cử thì sẽ bị kiểm soát chặc chẽ. Điều nầy không có nghĩa là sẽ không có bất ổn, mà chắc chắn sẽ có nổi loạn (như ở Thiên An Môn bên Tàu) bởi vì chánh quyền sẽ không còn khả năng kiểm soát tâm lý con người trong nền kinh tế tự do.

Nếu tình hình kinh tế VN suy sụp và có khả năng kéo theo sự sụp đổ của chế độ, khi đó Hà Nội mới chấp nhận một thỏa hiệp chánh trị. Trong trường hợp đó, đương nhiên Hà Nội sẽ tìm sự thỏa hiệp với những người như ông NvT thay vì thỏa hiệp với Phật Giáo hay những người đang tranh đấu cho tự do dân chủ ở VN như các ông Nguyễn đan Quế, Đoàn viết Hoạt v.v... Lý do là vì ông NvT là đại diện chánh thức của phe chống cộng, đồng thời cũng là người tin cẩn của Hoa Kỳ. Thỏa hiệp với ông NvT là một "hành động hoà giải" ngoạn mục nhất dưới mắt của Hoa Kỳ và Âu Châu và sẽ được các nước nầy ủng hộ. Phải chi ông NvT đã đoàn kết phe chống cộng lại thành một mặt trận và đã đề nghị hoà giải trước đây thì vào năm 1990, khi thế giới CS sụp đổ và kinh tế VN đi vào bế tắc thì Hà Nội chắc đã cắn câu. Ngày hôm nay, kinh tế VN đã dễ thở, Hà Nội sẽ không bao giờ chấp nhận thỏa hiệp.

Về phần ông NvT, theo dõi ông từ hồi ông còn làm Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo quốc gia, tôi thấy ông là một người thông minh, biết khai thác tình thế và đã chứng tỏ một khả năng rất lớn trong việc thích nghi với chánh sách của Hoa Kỳ. Chỉ trong vòng vài ngày, ông có thể đổi từ bốn không qua bốn có rồi ngược lại một cách tỉnh bơ.

Khi tôi viết các dòng nầy thì có tin cho biết là chánh phủ Clinton vừa quyết định không chống đối việc Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ tiền tệ quốc tế cho Hà Nội vay tiền. Đây là bước đầu của việc bỏ cấm vận, điều mà chánh phủ Clinton phải quyết định vào tháng Chín tới đây.

Trước đây, ông NvT từng tuyên bố rằng Hoa Kỳ nên tiếp tục cấm vận VN và Hoa Kỳ chỉ nên bỏ cấm vận khi Hà Nội chịu đổi mới chánh trị và chấp nhận dân chủ. Với những dữ kiện mới nhất mà chúng ta có được, tôi thấy chuyện đổi mới chánh trị ở VN là chuyện sẽ không xảy ra trong một tương lai gần. Ngược lại, chuyện bỏ cấm vận là chuyện sắp xảy ra. Như vậy thì lời kêu gọi thương thuyết hoà giải của ông NvT cao hay thấp ? Nó nhắm mục tiêu gì ? Mục tiêu tranh đấu cho dân chủ và hoà giải dân tộc thật sự, mục tiêu tìm một thoả hiệp chánh trị cho mình, hay một cách đơn giản, mục tiêu hoà nhịp với chánh sách mới của Hoa Kỳ đối với VN ?

Tôi không muốn đưa ra một kết luận vì sợ mình bất công với ông NvT. Nhưng dù với mục tiêu gì thì việc nhà lãnh đạo cao nhất của những người chống cộng tỏ ý mong muốn nói chuyện hoà giải vô điều kiện với CSVN, và việc Hoa Kỳ sắp giao hảo với CSVN đã chánh thức khai tử trường phái chống cộng. Nói chánh thức vì tuy những cá nhân và những đoàn thể chống cộng vẫn còn đó nhưng trường phái nầy đã tan hàng từ lâu vì những lãnh tụ không tìm được phương tiện để chuyên chở lý tưởng của mình. Địa lý chánh trị VN đã đổi hình. Không còn CS và chống cộng. Thay vào đó là một đảng độc tài và những người Việt yêu chuộng tự do dân chủ mà đối tượng tranh đấu là cái đảng kia. Năm 1989, trong một bài viết nhan đề *Hãy Ngưng Chống Cộng* trên tạp chí *Thế Kỷ 21*, tôi đã thưa trình với đồng bào về cái thế trận mới nầy trước sự sụp đổ của chủ nghĩa CS khắp thế giới và sự chuyển hướng của CSVN, nhưng nhiều vị lãnh tụ chống cộng đã phẫn nộ vì không tin rằng Hà Nội có khả năng thay áo để đi với các nước cựu đồng minh của VNCH cũng như không tin rằng có thể có những người Việt dân chủ trong số những người đã lớn lên trong chế độ CS. Nay thì mọi việc đã rõ ...

Những người Việt dân chủ đang hiện diện ở Hà Nội, ở Huế, ở Sàigòn, ở Nga, ở Đông Âu, ở Tây, ở Bắc Mỹ v.v... Đã tới lúc những người Việt dân chủ cần tập hợp và cần có lãnh đạo để có một đường hướng tranh đấu thống nhất. Điều kiện để thực hiện thành công một cuộc tập hợp như vậy là tinh thần dân chủ, không âm mưu gian dối và không chịu áp lực của những thành phần phi dân chủ. Dân chủ là một điều kiện không thể nhân nhượng. Hoà giải là một điều kiện không cần phải nói ra vì nó đã ở trong tâm những người Việt dân chủ.■

Montreal 6 juillet 1993.

VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ KHUYNH HƯỚNG BẢO THỦ Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

VƯƠNG HỮU BỘT

Vận mệnh nước Việt Nam tới nay vẫn tuỳ thuộc những người sống ở nông thôn, họ chiếm 80% dân số. Một vấn đề trọng yếu của nông dân là quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất. Đầu năm 1993 cộng sản Việt Nam đã tổ chức một hội nghị về nông nghiệp; đến đầu tháng Sáu, hội nghị trung ương đảng lần thứ năm (khoá 7) cũng chú trọng riêng đến vấn đề nông nghiệp và phát triển nông thôn. *Tạp chí Cộng Sản* (TChCS) tháng 7-1993 đã đăng bài bá cáo của ông Đỗ Mười, và tóm tắt những nghị quyết quan trọng của hội nghị. Đọc những tài liệu đó, chúng ta vẫn thấy một trạng thái lúng túng, những chính sách nửa vời. Tiêu biểu là các câu nói nước đôi, nửa sau có thể phủ nhận nửa trước- như trong hầu hết các văn kiện về chính sách, đường lối ở nước ta hiện nay. Ai cũng biết quyền tư hữu ruộng đất là điều kiện thiết yếu để phát triển nông nghiệp và cải thiện kinh tế nông thôn. Chúng ta sẽ coi một số ý kiến trong tạp chí trên.

Chính sách ruộng đất

Về chính sách ruộng đất, ông Đỗ Mười vẫn nói theo sách cũ: "*...cần tránh khuynh hướng sai lầm muốn tư hữu hoá ruộng đất..*"; nhưng ông lại xác định: "*phải làm sao cho mỗi nông dân có nhu cầu sản xuất nông nghiệp đều có quyền làm chủ một phần ruộng đất...*" (T.Ch.C.S. tháng 7-93, trang 13). Như vậy ai muốn hiểu sao cũng được, tha hồ làm xiệc đi dây giữa hai câu "có quyền làm chủ" và "không có quyền tư hữu." Trên cùng trang báo, ông nói: "Trong tương lai,..tất yếu cũng diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất"- tức công nhận chuyện người ta mua lại ruộng đất của nhau là tất nhiên. Nhưng ngay sau câu đó ông lại chữa: "...phải nghiêm cấm phát canh thu tô, buôn đi bán lại ruộng đất kiếm lời; ngăn chặn chuyển nhượng ruộng đất để tiêu xài, rượu chè, cờ bạc." Khi các ý kiến trên trở thành luật lệ rồi đem thi hành thì người mua ruộng (tất yếu để tích tụ ruộng đất) làm sao chứng minh được rằng kẻ bán ruộng cho mình không dùng tiền đi rượu chè cờ bạc? Ai bán ruộng đều phải trình giấy chứng minh hạnh kiểm tốt hay sao? Nếu một người mua ruộng rồi, sẽ không bao giờ được bán lại chăng? Hay nếu bán lại thì phải bán huề vốn, dù đã bỏ rất nhiều công của để cải thiện đất đai? Điều thấy rõ, là người đưa ra những tuyên bố về chính sách như trên không có chút ý thức nào về một xã hội cai trị bằng luật pháp và sự vận hành của thị trường.

So với bài báo cáo của Đỗ Mười thì bản nghị quyết của hội nghị BCHTƯ lần thứ năm nói rõ ràng hơn. Trong chính sách ruộng đất họ định nghĩa "*quyền sử dụng lâu dài*" của nông dân như sau: "nông dân được *quyền thừa kế, cho thuê, chuyển đổi, chuyển nhượng, thế chấp* theo những quy định cụ thể của pháp luật." Nhưng ngay sau đó bản nghị quyết lại giải thích rằng: "Những quyền nói trên là khá rộng rãi ... nhưng không phải là quyền sở hữu... và nếu người sử dụng không làm tròn nghĩa vụ của mình, vi phạm các quy định của luật pháp thì đất đai có thể sẽ bị nhà nước thu hồi."

Mới đầu nghe định nghĩa quyền sử dụng gồm năm quyền như trên, người ta thấy nội dung nó chẳng khác gì quyền tư hữu. Nếu các quyền trên được thể hiện đầy đủ thì tác dụng không khác chi quyền tư hữu, sẽ giúp cho tài sản đất đai cũng như thị trường nhân dụng ở nông thôn có tính lưu hoạt. Nhờ tính lưu hoạt (liquidity) này mà tài nguyên sẽ tự động phân bố vào khâu sản xuất nào có lợi suất cao hơn cả. Đó chính là sức mạnh của kinh tế thị trường, sẽ giúp khai thông những bế tắc của kinh tế XHCN. Nhưng đọc tới phần giải thích ở dưới thì tất cả các thứ quyền trên tan ra mây khói. Vì luật pháp cũng như nghĩa vụ ở nước ta bây giờ rất mù mờ, hoàn toàn lệ thuộc vào cách giải thích và thi hành của cán bộ đảng, mà các nghị quyết của TƯ còn cao hơn luật. Người nông dân ở nước ta đã có kinh nghiệm về đảng quá nhiều, lúc nào cũng sợ cảnh "vỗ cho béo để làm thịt." Một bài nghiên cứu của Ban Nông Nghiệp Trung Ương, năm 1991, cho biết phần

lớn những nông dân làm giầu, nhờ đổi qua các nghề thủ công hoặc buôn bán, vẫn cố giữ quyền sử dụng trên mảnh đất được giao khoán, 80% cho biết lý do chính là họ sợ chính sách sẽ thay đổi, tài sản có ngày sẽ bị tịch thu (*Về sự phân tầng xã hội ở nông thôn hiện nay*, phần II). Chính nỗi sợ hãi cố hữu này sẽ gây nhiều cản trở, triệt tiêu những tác dụng tốt của năm thứ quyền tương đương với quyền tư hữu, khiến cả nhân lực lẫn đất đai mất tính lưu hoạt. Sự vận dụng và phân bố tài nguyên sẽ thiếu hiệu quả tốt. Người có khả năng đổi ngành thì không giám đổi, người có sức canh tác nhiều hơn phần đất được giao khoán thì lại không được trao thêm ruộng đất. Cộng lại thì trong xã hội bao nhiêu là tài nguyên nhân lực bị phung phí.

Tại sao ông Đỗ Mười và Trung Ương đảng CSVN có chính sách tiền hậu bất nhất như trên? Có thể họ biết chính sách như vậy là bất nhất nhưng họ phải chiều theo hai khuynh hướng một lúc. Một khuynh hướng tiến bộ trong đảng muốn "tư hữu hoá" ruộng đất, nhưng phải tránh không dùng ba chữ huý kỵ này nếu không thì bị tiêu diệt. Nên họ bày ra trò định nghĩa "quyền sử dụng" bằng năm thứ quyền tương đương. Hội nghị nông nghiệp đầu năm 1993 đã thông qua năm quyền này, chứng tỏ khuynh hướng tiến bộ thắng thế. Nhưng những người có khuynh hướng bảo thủ không ngu. Họ yêu cầu "thòng vào" thêm những ràng buộc, ngăn chặn ngõ hầu bảo đảm uy quyền của đảng tại các địa phương, là nơi cán bộ có quyền sinh sát.

Lực lượng bảo thủ

Lực lượng bảo thủ trong đảng hiện nay mạnh nhất ở các vùng nông thôn miền bắc và bắc trung phần Việt Nam. Trước kỳ đại hội VII, 491 đại biểu Nghệ Tĩnh nhất trí bác bỏ việc tư hữu hoá, bác bỏ cả quyền chuyển nhượng và quyền thừa kế (Báo *Nhân Dân* 5-5-93). Đa số đại biểu tỉnh Bắc Thái cũng kịch liệt phủ nhận quyền thừa kế và chuyển nhượng (*Nhân Dân* 10-5-93). Sự đối kháng thể hiện rõ ràng là gần 10 ngàn hợp tác xã còn chưa chịu giải thể, chưa chịu thay đổi, phần lớn nằm ở miền bắc và miền trung Việt Nam.

Khi nhìn vội, chúng ta có thể nghĩ rằng lực lượng bảo thủ trên do một số uỷ viên bộ chính trị hay các cường hào địa phương kiểm soát. Nhưng sự thật không đơn giản như vậy. Cơ cấu lực lượng bảo thủ phức tạp và có nguồn gốc ở ngay trong thành phần nông dân. Bản tính nông dân là ngại thay đổi, thà hưởng ít mà yên ổn trong cuộc sống nghèo nàn còn hơn đối phó với một tương lai hứa hẹn mà bấp bênh. Kinh nghiệm của họ là đời sống bây giờ so với đời sống nông dân thời Pháp thuộc. Kinh nghiệm đổi mới nửa vời trong thời gian qua lại làm họ thêm thất vọng. Chỉ có một số ít gia tăng lợi tức nhờ thoát ly khỏi nông nghiệp hay ra khỏi làng.

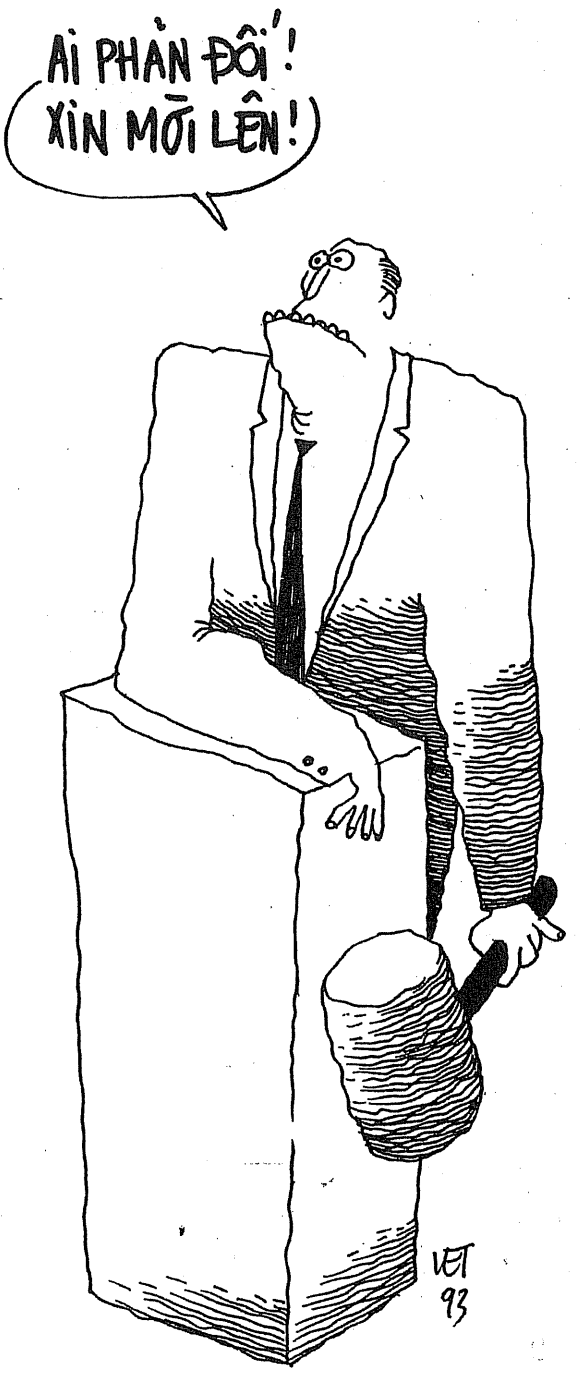

Trong khi đó cảnh chênh lệch giầu nghèo lại gia tăng quá đáng. Bài nghiên cứu của Ban Nông Nghiệp Trung Ương năm 1991 (ký tên Đặng Canh Khanh, đã dẫn ở trên) cho thấytại xã Ninh Hiệp, một làng ven Hà Nội, sự chênh lệch giầu nghèo lên tới mức phi nhân. Lợi tức trung bình một gia đình nghèo là 15 ngàn một tháng, nhà giầu là 2 triệu rưỡi. Tính bảo thủ, chống thay đổi của nông dân được biện minh bằng tinh thần "bình sản," nhân danh công bằng xã hội. Thiếu sót thông tin, nông dân không hiểu được rằng tình trạng bất công đó không phải do kinh tế thị trường, mà do đổi mới nửa vời, xã hội thiếu dân chủ và thiếu luật pháp, tất cả là do chế độ đảng trị.

Một yếu tố khác tạo nên khuynh hướng bảo thủ là thành phần những hộ có người già yếu, tàn tật, có con em trong bộ đội, giải ngũ, thương phế binh chiếm một tỷsố cao ở nông thôn. Trên toàn quốc có khoảng tám triệu cựu chiến binh trên dân số 70 triệu. Những người này thuộc diện "chính sách," được ưu đãi trong chế độ hợp tác xã cũ. Họ cảm thấy không có khả năng cạnh tranh trong một nền kinh tế thuần túy thị trường mộtkhi giải tán hợp tác xã. Ngay thời kỳ khoán sản sau nghị quyết số 10 (khoán 10) họ đã cảm thấy bị mất bớt quyền lợi, bị bỏ rơi. Nghệ Tĩnh có 190 000 đảng viên; trong tổng số 3,5 triệu dân có gần 230 ngàn thuộc diện chính sách, 82 ngàn người nghỉ hưu. Những hộ dân sống nhờ bao cấp như thế chiếm 15% đến 20% tổng số các hộ trong tỉnh (*Nhân Dân* 6-5-91). Nhiều gia đình thuộc diện này, ở mọi nơi, không thể làm thêm nghề nào khác, và cũng không thể lãnh canh thêm vì không đủ sức làm, không có vốn đầu tư thêm, và còn nợ thuế đùm đìa nên dù làm thêm cũng đem trả nợ thuế không chắc được hưởng. Sự chênh lệch giầu nghèo khiến xã hội nông thôn ngày càng chia rẽ, và không phải chỉ có chia rẽ giai cấp mà còn phân chia theo gia tộc. Ai cũng biết tinh thần gia tộc ở nông thôn rất mạnh, các nhà khá giả bao bọc lẫn nhau, lại tiêu pha có tính cách khoa trương, gây thêm chia rẽ, hận thù. Đó cũng là một nhân tố kết hợp các lực lượng bảo thủ lại, và họ sẵn sàng chống lại cả trung ương, theo tinh thần "phép vua thua lệ làng", nói theo lối mới là "*nhân dân làm chủ*".

Phát triển nông thôn

Nhưng các chính sách ruộng đất và nông nghiệp đổi mới nửa vời chắc không thể giúp phát triển kinh tế và xã hội nông thôn.

Về mặt kinh tế nông thôn chỉ có thể phát triển khi nông dân có quyền sở hữu ruộng đất, gồm đủ năm quyền nêu trong bản nghị quyết mà không bị giới hạn. Chỉ quyền sở hữu mới giúp nông dân có lòng tin vào tương lai. Nông nghiệp chỉ phát triển khi người ta tin tưởng và đầu tư thêm công, của. Mặt khác các công nghệ và dịch vụ phải được tự do phát triển, trong một cơ chế thị trường đích thực, một chế độ pháp trị nghiêm minh, mới thu hút vốn đầu tư ở nơi khác tới sử dụng nhân lực dư thừa ở nông thôn.

Những vấn đề công bằng xã hội phải được giải quyết song hành mà không cản trở tính lưu hoạt của thị trường. Mức chênh lệch giầu nghèo sẽ giảm bớt khi xã hội có dân chủ, luật lệ công minh ngăn chặn hối lộ và tham nhũng, thuế khoá có hệ thống tiến bộ, hữu hiệu. Những người yếu kém về kinh tế phải được giúp đỡ bằng một hệ thống an sinh xã hội mà không cản trở sự vận hành của thị trường.

Họ cũng phải được *thông tin đầy đủ* để hiểu rằng vấn đề chung của dân ta không phải chỉ là chia đều cái bánh lợi tức sẵn có mà kìm hãm bắt nó nhỏ mãi. Vấn đề chính là làm cái bánh chung lớn hơn để phần của ai cũng lớn hơn, kể cả người được chia phần nhỏ nhất. Nói như Hà Sĩ Phu thì "Động tác chính của cách mạng là động tác nâng cao chứ không phải động tác cào bằng... chúng ta đấu tranh cho công bằng chứ không chấp nhận sự cào bằng, vì cào bằng làm xã hội thấp đi và tạo ra sự bất công mới khốc liệt hơn." (*Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ*, 1988). Muốn thông tin đầy đủ thì cần một chế độ tự do chứ không phải là một chế độ chuyên quyền độc đảng. Ông Đỗ Mười nói đến dân chủ hoá, và "đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị ở nông thôn," nhưng ông lại đòi "tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn," tức là trở về cơ chế độc đảng, cực quyền cũ chứ không phải đổi mới. Không thể có dân chủ ở nông thôn nếu chưa có dân chủ tự do cho toàn dân, trên toàn đất nước, nhất là tự do báo chí, tự do lập hội, lập đảng.

Việc giải toả khuynh hướng và lực lượng bảo thủ ở nông thôn là mối quan tâm của những người tiến bộ ở trong nước cũng như người Việt ở ngoài. Nông dân không thờ phượng các giá trị về dân chủ tự do như các giá trị tự tại. Muốn thuyết phục họ phải trình bầy kinh tế thị trường và thể chế dân chủ bằng lợi ích thực tế. Khi chưa có gì thiết thực mà bảo họ giải tán hợp tác xã thì họ sẽ chống vì sợ rủi ro. Họ chỉ thay đổi ý kiến khi nào có các tổ chức tư doanh đến tận nông thôn cạnh tranh cung cấp các dịch vụ rẻ tiền hơn, vì làm việc hữu hiệu hơn các hợp tác xã. Họ chỉ ủng hộ đổi mới khi thấy nó bảo đảm một cuộc sống tốt hơn, lâu dài hơn, khi các thành quả của sự phát triển kinh tế trên toàn quốc lan xuống tận thôn xã.

Người nhìn từ xa, nói đến khuynh hướng bảo thủ chỉ thấy mặt nổi là một tầng lớp cường hào địa phương và những lãnh tụ giáo điều ở trung ương. Nhưng khi phân tích kỹ chúng ta thấy lực lượng gọi là bảo thủ sâu xa và phức tạp hơn nhiều. Cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng tiến bộ và bảo thủ trong thời gian tới đây ở nông thôn sẽ là một cuộc tranh đấu chính trị trong việc giải thích các nghị quyết, thi hành các đạo luật. Tùy thế lực chính trị mà mỗi nơi sẽ giải thích khác nhau. Nếu phe tiến bộ thắng thế, giải thích luật ruộng đất theo khuynh hướng "rộng rãi" thì sự phát triển nông nghiệp sẽ được thúc đẩy nhanh hơn. Còn các tác nhân ngoại vi như phát triển công nghệ, thương mại, thông tin và giáo dục, đó là nhiệm vụ của tất cả mọi người, để giúp nông thôn thực sự thay đổi. □

HỘI CHỨNG TINH THẦN

PHẠM XUÂN ĐÀI

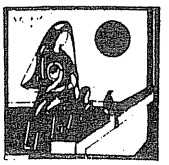

(Bài III)

SỰ PHÉT LÁC

Trong mắt của người miền Nam, sự phét lác của người miền Bắc vào Nam sau 75 là vô bờ bến, đã thực sự thành một cái bệnh chung mà họ nhớ lại trước đây chưa bao giờ người Việt Nam mắc phải. Đó là một sản phẩm của xã hội chứ không còn thuộc tính cách của một cá nhân.

Các binh sĩ của Hà Nội có thể say sưa kể một cách nghiêm trang đứng đắn về chiến thuật "phục kích trên mây" trong các trận không chiến giữa không quân miền Bắc và không lực Hoa Kỳ: Máy bay của ta ẩn vào mây, tắt máy, chờ phi cơ địch đến gần mới xông ra đánh. Bạn đừng tỏ vẻ không tin rằng một đám mây mà có thể đỡ được một chiếc tàu bay tắt máy và đưa định luật vật lý này nọ ra cãi, không ăn thua gì đâu, một chuyện thần kỳ thì không cần chứng minh bằng định luật vật lý. Cái chính là họ nói ra điều đó, nói như họ đã nghe được, từ một cấp ủy nào đó, thế thôi.

Những chuyện đại loại như vậy thì nhiều vô kể, như xe cộ chạy trên Trường Sơn là dùng xăng đã cô đặc thành viên, chỉ cần quậy với nước lã là có thể đổ vào xe chạy được, tên lửa SAM của Liên Xô thoạt tiên không thể bắn trúng máy bay Mỹ, bên ta phải điều chỉnh mỗi tên lửa bằng hai cục pin là sau đó bắn máy bay rụng như sung v.v...

Sau một trận chiến tranh dài lâu và khốc liệt, người ta có thể hiểu những chuyện như vậy chỉ là sản phẩm tự nhiên của chiến tranh, dù nguồn gốc của nó là do sự hoang tưởng dân gian hay là do bộ máy tuyên truyền của đảng nghĩ ra. Đó cũng là một loại vũ khí, chỉ có giá trị trong cơn mịt mù khói lửa. Khi mọi chuyện đánh nhau đã qua và tâm trạng trở lại hòa bình, người ta có thể thấy nó ngớ ngẩn và sẵn sàng quên nó đi. Cũng như quên các loại súng ống đạn dược một thời gắn chặt với cuộc đời chiến chinh của mình.

Nhưng bịnh nói phét thì không phải là sản phẩm của chiến tranh. Nó là hậu quả tự nhiên của đời sống chính trị trong xã hội cộng sản, trong đó bản chất mọi thứ đều là sự tự huyễn hoặc.

Mặc dù chưa biết rõ cái chỗ mình sẽ dắt cả xã hội đi đến là gì, các lãnh tụ cộng sản đã *tưởng tượng* và đặt tên cho nó là *thiên đường trên mặt đất*, và gọi chế độ của họ là *ưu việt* nhất.

Mặc dù áp dụng chế độ độc tài đảng nói sao dân phải nghe vậy, họ vẫn bảo chế độ của họ dân chủ hơn một triệu lần nền dân chủ tư sản.

Mặc dù kinh tế đầy khó khăn thiếu thốn, họ luôn luôn che đậy nỗi nghèo cực của mình, bắt nhà thơ, nhà văn, nhà báo v.v... phải luôn luôn vẽ ra một sự *phấn khởi* bao trùm cả xã hội, bắt mọi người không được thốt ra một lời than vãn vì chính lời than đó được coi là chống đối chế độ.

Họ tập cho mọi người có thói quen hễ nói về "ta" thì đã có sẵn một số câu mẫu và một số từ đẹp đẽ để cứ thế mà dùng, nói về địch cũng thế nhưng với nội dung ngược lại. Sau 75 người miền Nam khi nghe người Bắc vô nói về chủ nghĩa xã hội lấy làm ngạc nhiên sao thấy ai nấy đều nói có một kiểu giống nhau, về ta, về địch, về tình hình thế giới, sau mới hiểu rằng để có sự thống nhất ấy cả xã hội phải được kiểm soát rất chặt chẽ, luôn luôn được học tập, thảo luận, thu hoạch với những tài liệu chung do đảng ban hành. Vì những điều mà đảng dạy cho dân chúng ấy là những điều tuyệt đối phải tin và phải thuộc chứ không được mảy may nghi ngờ — mà có muốn nghi ngờ cũng không biết dựa vào đâu, vì mọi sự thật đã được bưng bít — nên riết rồi mọi người đều phát ngôn có một kiểu.

Một con người "truyền thống" (tức người bình thường, không ở trong xã hội cộng sản) khi nói một điều gì thì thường dằn đo, tìm lời, vì đó là lời *của mình*, mình có trách nhiệm về nó. Nhưng con người miền Bắc xã hội chủ nghĩa thì nói lời của kẻ khác. Về mọi chuyện họ cứ phát ngôn đúng như bài bản do đảng đã soạn sẵn và họ đã quen thuộc, lời nói như thế sẽ đem lại an toàn cho họ về mặt chính trị, vừa không phải mệt óc với trách nhiệm về chính lời lẽ của mình. Trước cánh đồng lúa xanh tốt, người ta có thể thốt ra một câu rất bình thường: "Nhờ gieo trồng kịp thời vụ, phân nước đầy đủ, lúa tốt quá!" thì người nông dân xã hội chủ nghĩa thường phải chính trị hóa cái hiện tượng

thiên nhiên ấy như sau: "Nhờ sự quan tâm của các đồng chí trên huyện đưa phân bón kịp thời xuống xã ta, nhờ sự chỉ đạo sâu sát của ban nông nghiệp xã, nhờ tinh thần chủ động đấu tranh chống khó khăn về nước tưới của toàn thể xã viên, xã ta mùa này chắc chắn sẽ phấn đấu đạt chỉ tiêu năm tấn của trên giao v.v..." Anh không bao giờ được quên rằng mọi thành tựu trong xã hội đều là do đảng đem lại. Và cứ nói đúng theo như cái kiểu như thế anh sẽ là người tiến bộ, một điều rất an toàn cho anh. Khỏi phải bận tâm tìm hiểu những cái xa xôi nào khác cho mệt óc, cái miệng của anh đã hoạt động thay cho các cơ năng khác một cách đầy đủ. Chỉ với lời lẽ anh có thể sống yên.

Thảo nào Trương Hiền Lượng, người Trung Quốc, tác giả cuốn "Một nửa đàn ông là đàn bà" đã cho hồn ma Các Mác hiện về nói những lời này với một người Tàu lục địa:

"Hiện nay sức sản xuất của các người đã bị cắt cụt, ngay năng lực tái sản xuất cũng không còn nữa, nay chỉ còn gắng gượng thoi thóp bằng hô hấp nhân tạo... Điều nực cười là ở cái thời đại của các người hiện nay, không phải khối óc cũng không phải bàn tay mà chính là cái miệng mới là cơ quan đặc biệt phát triển. Con cứ nghĩ mà xem, một thời đại như vậy thì liệu còn kéo dài được bao lâu nữa?..."

Đấy là những lời báo động hẳn hoi.

Vì lời nói của con người không phải chỉ là một phương tiện. Nó *chính là biểu hiện sự sống* của anh ta, trong đó có nhân cách, tư tưởng, tình cảm... Khi một người chỉ sử dụng nó thuần túy như một phương tiện, một cái loa, không chuyên chở chút sự thật nào trong anh ta, thì một cái gì đã bị đổ vỡ, sự hòa hợp thống nhất trong cả con người anh ta không còn vẹn toàn. Anh ta đã sử dụng sai các *chức năng người* của mình. Sự lệch lạc lâu ngày sẽ kéo theo tàn tật.

Bịnh nói phét là một sự tàn tật trong nhân cách. Không tin, không hiểu, hoặc hoàn toàn dửng dưng nhưng hễ mở miệng ra là tuôn hàng tràng, toàn những điều đao to búa lớn. Chứng bịnh đường miệng ấy là một chứng đặc biệt mà chế độ cộng sản gây ra trên nước ta và nhiều nước khác. Pasternak đã viết trong Bác Sĩ Zhivago:

"Cái gì đang cản trở tôi làm phận sự, chữa bệnh và viết? Tôi nghĩ, không phải là những thiếu thốn, những sự lang thang trôi giạt, không phải là sự bấp bênh cùng là những thay đổi thường xuyên, mà là tinh thần của các câu nói huênh hoang đang rất phổ biến, đang ngự trị thời này, ấy là câu nói kiểu: bình minh của tương lai, xây dựng thế giới mới, đuốc sáng của nhân loại. Thoạt nghe ta có cảm tưởng: phong phú thay, trí tưởng tượng rộng lớn thay! Nhưng thực ra thì ta thấy nó huênh hoang vì nó thiếu tài năng."

Cái nguy hiểm là người ta chỉ vụ vào cái huênh hoang chứ không phải vào tài năng. Cho nên con người phát triển không đều, chỉ có bộ phận phát thanh cho sự huênh hoang, tức cái miệng, là phát triển nhất, trong khi bàn tay, khối óc, tài năng lại có cơ thoái hóa đi.

Điều đặc biệt là một người trong xã hội cộng sản có thể thao thao toàn những chuyện trời ơi mà không hề ngượng miệng. Đạt đến trình độ đó thì thật đáng buồn: họ tưởng họ đang nói sự thật. Chế độ đã đẩy tất cả dân chúng xuống một cái đáy giếng và thế giới của họ chỉ còn là một khoảng tròn tròn nho nhỏ trong đó chỉ có đi lại mấy ông Mác, ông Lê, ông Mao, ông Hồ và vài ba ông cao cấp trong đảng. Khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn, vũ trụ, đời sống tinh thần và vật chất... đều được nhào nặn lại hết cho vừa vặn với cái khoảng tròn tròn đó thôi. Không gian càng nhỏ thì bản đồng ca của những sinh vật trong đó càng trở nên ồn ào và luẩn quẩn. Nhưng người ta có thể ca hát rất say sưa và không ngượng miệng, vì họ đã được tạo cho một niềm *hãnh diện giả*. Phải nhận rằng trong thế giới của họ rất nhiều người, nhất là người trẻ, mang niềm hãnh diện ngây thơ một cách khó chịu đó. Nói về đất nước thì luôn luôn là giàu đẹp, rừng vàng biển bạc. Không sản xuất được gì thì ca tụng cái có sẵn: "Cây tre là thế mạnh của xứ ta. Thằng Nhật Bản nó thèm lắm, nó xin mãi đổi một cái đài bán dẫn lấy một cây tre mà ta chưa chịu." Về chế độ: "Chế độ ta là ưu việt nhất. Khó khăn chỉ là tạm thời, thuận lợi là cơ bản. Dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng ta sẽ... ta sẽ..." Về việc ăn khoai sắn thay cơm: "Khoa học bây giờ chứng minh rằng việc ăn mầu (tức hoa mầu tươi) là văn minh hơn ăn lúa gạo..." Hình như con người ai cũng ngầm chứa nhu cầu nói tốt về những gì thuộc về mình. Trong hoàn cảnh bị che kín hết mọi cảnh đời khác và chỉ học tập mãi cái gì của ta cũng là nhất, thì khuynh hướng phát triển tự nhiên của con người là đi vào con đường phét lác một cách không tự giác, và phét lác vô cùng vô tận. Nó là sự tối tăm ngu dốt dưới dạng hoạt động, ở đây là hoạt động của cái miệng.

Khi cánh cửa đã được mở tung, ngó bốn phía thấy trời quả không phải chỉ là một khoảng tròn tròn trên đầu nữa thì người ta mới dần dần thấm thía một nỗi ngượng ngùng. Theo quán tính cái miệng vẫn hoạt động nhưng theo chiều ngược lại. Và đó là điều chẳng hay ho gì. Nói với mặc cảm cũng tệ như nói với ngu dốt. Biết được sự thật mới là quí. Nhưng sự thật chỉ có được trong một đời sống tự do, thật thà và lương thiện. Lời nói của một người phải mang đầy đủ phẩm chất, giá trị của con người đó. Con người trống rỗng thì lời nói huênh hoang, và cái "khẩu nghiệp" ấy chẳng đem lại điều gì tốt đẹp cho bản thân cũng như cho cộng đồng. Chỉ có cách quay lại với sự chân thật. Chấm dứt chế độ chính trị dối trá, trở lại với các tình cảm hồn nhiên đối với gia đình, làng xóm, núi sông, quay về với cái tâm thức truyền thống qua lịch sử dân tộc Việt Nam đã tạo được cho mình mà mấy mươi năm qua đảng cộng sản đã cố tình phá vỡ đi để thay thế chủ nghĩa Mác-Lênin vào, đó là các điều kiện để dần dần người dân lấy lại thói quen coi lời mình nói là của mình, không còn bị vong thân trong khi sử dụng chính ngôn ngữ của dân tộc mình do chính miệng của mình nói ra nữa.■

BÀ ĐOÀN VIẾT HOẠT PHẢN KHÁNG

Thư Kháng nghị

Kính gửi:

- Ông Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- Ông Thủ tướng Chính Phủ nước CH XHCN Việt Nam.
- Ông Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp.
- Ông Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.
- Ông Viện Trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao.
- Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.

Thưa Quí Vị,

Tôi tên Trần Thị Thức, sinh năm 1943, thường trú tại số 18 Lê Văn Sỹ, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, hiện là một nhà giáo. Tôi xin kính trình quí vị vụ việc như sau:

- Chồng tôi tên Đoàn Viết Hoạt, sinh năm 1942, nguyên là Giáo sư Tiến Sĩ. Trước năm 1975, anh Đoàn Viết Hoạt dạy tại các Đại Học ở Sài Gòn và là Phụ Tá Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh.

- Ngày 29/8/1976, anh Hoạt bị chính quyền Cách Mạng bắt giam và sau đó bị gán cho tội danh "Tuyên truyền chống chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa". Trong suốt 12 năm, anh Hoạt bị xếp vào loại "giam cứu chính trị" và không hề được đem ra xét xử. Mỗi năm, anh Hoạt chỉ được gặp mặt gia đình một lần. Mỗi lần chỉ chừng 15 phút. Đến tháng 2 năm 1988, anh Hoạt mới được trả tự do.

- Sau khi về nhà. Anh Hoạt nhận định rằng: "Tại sao dân tộc Việt Nam vốn thông minh, cần cù, và kiên nhẫn, chịu khó, chịu khổ, lại có dân số 70 triệu người mà vẫn chậm tiến, nghèo nàn nhất thế giới?" Nhân dịp nhà nước có chủ trương chính sách đổi mới, anh Hoạt muốn sốt sắng đóng góp vào việc cải cách để đưa đất nước tiến lên, mong sao cho Việt Nam sớm được tiến bộ và giàu mạnh. Nhưng thân phận của anh chỉ là một người mới ra tù làm sao có thể nói lên tiếng nói của mình được!? Là một kẻ sĩ, là một công dân mà suốt cuộc đời thanh xuân đã dâng trái tim và khối óc cho quê hương Việt Nam, anh Hoạt muốn làm một việc gì đó mà anh nghĩ rằng việc này sẽ mang lại lợi ích cho đất nước. Đến cuối năm 1990, anh Hoạt cùng vài người bạn đã có sáng kiến thu một cuốn băng nhựa những ý tưởng, những đề nghị góp phần xây dựng đất nước theo quan điểm riêng của mình và gửi cho một số bạn thân để nghe và chia sẻ những ước mong trong giai đoạn đang cải tiến đất nước. Cũng trong năm 1990, anh Hoạt và các bạn đã góp nhặt một số bài viết, bài dịch từ các tạp chí nước ngoài, với nội dung đóng góp vào việc đổi mới chính trị, thực hiện dân chủ, kêu gọi tôn trọng tự do và nhân quyền thành một tập tài liệu đánh máy gọi là "Diễn Đàn Tự Do". Thật ra, không có in ấn báo chí gì cả. Tất cả chỉ mới có 3 tập, mỗi tập vào khoảng 10 trang đánh máy, và cũng chỉ phổ biến trong một số bạn thân mà thôi.

Ngày 17/11/1990, anh Hoạt đã bị bắt với lý do "Tuyên truyền chống chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa." Nhưng mãi đến ngày 29/3/1993, sau 28 tháng, anh Hoạt và nhóm bạn liên quan mới được đem ra tòa xét xử. Qua phiên tòa xét xử, chúng tôi thấy có những điểm không hợp pháp sau đây:

1. Theo Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự của nhà nước hiện hành, mỗi bị can chỉ có thể bị tạm giam tối đa 3 kỳ hạn. Mỗi hạn là 4 tháng. Nếu vì lý do đặc biệt và có lệnh của Viện Kiểm Sát Nhân Dân tối cao thì bị can có thể bị tạm giam thêm khoảng thời gian đó, bị can phải được đem ra tòa xét xử nếu xét thấy có tội. Nếu không đủ yếu tố buộc tội phải trả tự do cho bị can. Trường hợp của anh Hoạt đã bị tạm giam đến 28 tháng. Như vậy, có phải chính Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã vi phạm Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự hay không?

2. Lúc Anh Hoạt bị bắt, ngày 17/11/1990, lệnh bắt giam ghi tội danh "Tuyên Truyền Chống Chế Độ Xã Hội Chủ Nghĩa." Nhưng khi đem ra tòa xét xử, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lại buộc tội là "Âm mưu lật đổ Chính quyền Nhân dân." Điều này hoàn toàn vô lý. Theo Bộ Luật Hình Sự, chương 1, mục A, điều 73: Một người chỉ bị buộc tội "âm mưu lật đổ chính quyền" nếu người đó:

a/ thành lập một tổ chức chính trị.

b/ có cơ sở vật chất, tài liệu, vũ khí v.v...

c/ kêu gọi nhân dân xuống đường biểu tình.

Phải có đầy đủ các yếu tố nêu trên thì mới bị buộc tội "âm mưu lật đổ chính quyền." Trong bản cáo trạng của Viện Kiểm Sát, không có chứng cứ nào như đã nêu trên. Bản thân anh Hoạt và vài người bạn kia không thể gọi là một tổ chức chính trị được.

3. Trong cuốn băng nhựa, như anh Hoạt đã trình bày trước kia, chỉ kêu gọi có bầu cử tự do và nhấn mạnh rằng khi nhà nước tổ chức cuộc bầu cử tự do thì coi như cuộc vận động dân chủ đã thành công và "nhiệm vụ của chúng tôi chấm dứt." Một đề nghị như vậy tại sao lại bị buộc tội "âm mưu lật đổ chính quyền"?

4. Trong một bài viết nằm trong một tập tài liệu đánh máy, anh Hoạt đã nói rõ: "Chúng tôi không chủ trương lật đổ chính quyền... mà chúng tôi chỉ đòi có dân chủ tự do và nhân quyền mà thôi." (Bài "Đối Sách của Chúng Ta")

5. Trong phiên tòa xét xử ngày 29 và 30/3/93, ông Chủ Tọa đã vi phạm điều 20, chương 1, Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự các điểm sau đây:

a/ Không thực thi đúng nhiệm vụ của mình là xét

xử phải công minh.

b/ hoàn toàn đứng về phía Công tố.

c/ đã nêu ra các điểm trong tập tài liệu "Diễn Đàn Tự Do" theo quan điểm chính trị của riêng mình mà không nghe quan điểm của các bị cáo.

d/ đã nạt nộ và trấn áp tinh thần các bị cáo bằng những lời hăm dọa và những cơn thịnh nộ, quát tháo, đập bàn...

6. Việc phê bình chế độ là để xây dựng và thể hiện tinh thần dân chủ của một nước mệnh danh là "độc lập, tự do, hạnh phúc." Thiện ý như vậy là "âm mưu lật đổ chính quyền" hay sao?

Thưa quí vị,

Nhân danh là vợ của bị cáo Đoàn Viết Hoạt, và nhân danh là công dân của nước CH XHCN Việt Nam, tôi cương quyết phản bác bản án tuyên bố ngày 30/3/1993 của Tòa Sơ Thẩm Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xử phạt chồng tôi 20 năm tù.

Tôi trân trọng đề nghị quí vị:

Hãy xem xét lại vụ án để trả tự do cho anh Đoàn Viết Hoạt và các bạn cùng vụ. Có như thế, các cấp lãnh đạo của nhà nước Việt Nam mới thể hiện đúng tinh thần:

- Tôn trọng pháp luật.
- Thực thi đúng luật pháp của một nhà nước dân chủ pháp quyền.
- Thực thự tinh thần dân chủ và đổi mới về chính trị.
- Thực thi tinh thần hòa hợp hòa giải theo truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Gia đình chúng tôi đang mong đợi sự anh minh, sáng suốt và độ lượng của quí vị.

Trân trọng kính chào quí vị.

Làm tại thành phố Hồ Chí Minh
Ngày 01 tháng 06 năm 1993

Kính đơn,
Bà Đoàn Viết Hoạt,
nhũ danh Trần Thị Thức

TIẾNG VỌNG

NHÂN VỤ ÁN ĐOÀN VIẾT HOẠT, NGHĨ ĐẾN

QUYỀN CỦA MỘT CÔNG DÂN ĐƯỢC CÓ Ý KIẾN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẤT NƯỚC

TRƯƠNG VŨ

Kể từ khi Đông Âu bắt đầu chuyển mình, tại Việt Nam, một số trí thức và văn nghệ sĩ như Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Hộ, Nguyễn Đan Quế v.v... đã đưa ra những đề nghị thay đổi mô thức chính trị và xã hội của Việt Nam. Trong số này có rất ít công trình thật sự ở mức độ qui mô, nghiêm chỉnh, ít cảm tính, quên chuyện riêng, chỉ nhằm trình bày những nhận định khách quan, sắc bén về hiện tại và tương lai của đất nước, đi kèm với những đề nghị có lớp lang, có chi tiết và đi thẳng thắn vào vấn đề mà không phải "che dù" dưới bất cứ hình thức nào. Hình như, cho đến bây giờ, trong nước chỉ mới thấy có ba người làm công việc như vậy. Đoàn Viết Hoạt ở trong Nam và Phạn Đình Diệu, Nguyễn Kiến Giang ở ngoài Bắc. Trong số ba người này, Đoàn Viết Hoạt ở trong hoàn cảnh khó khăn nhất để trình bày những suy nghĩ của ông, nhưng ngược lại, những trình bày của ông đầy đủ nhất. Trong số ba người này, cũng chỉ có Đoàn Viết Hoạt là trước đó phải chịu mười hai năm tù chẳng mang một tội danh nào cả, và sau khi ông trình bày những suy nghĩ của một người yêu nước đối với vận mạng của đất nước, ngày 29 tháng 3 năm 1993, ông bị xử thêm hai mươi năm tù nữa.

Tất cả những bài vở đăng trên Diễn Đàn Tự Do đều chỉ là những bài nhận xét về tình hình chính trị thế giới, tình hình chính trị của Việt Nam, và đưa ra một số đề nghị trong một tinh thần rất xây dựng. Rất thẳng thắn nhưng cũng rất hòa nhã, không hề chủ trương bạo động. Không chủ trương trả thù. Không cả chủ trương giải tán đảng Cộng Sản. *Chỉ đòi cho đất nước được quyền có một lối thoát*. Đòi vận mạng của đất nước phải được xem trọng hơn vận mạng của một đảng phái, một tập thể, hay một cá nhân. Đòi quyền bình đẳng chính trị cho mọi công dân. Đòi những quyền rất sơ đẳng như quyền của một tín đồ được tự do thờ phượng, quyền của một thầy giáo được giảng dạy theo lương tâm và kiến thức của mình, quyền của một học trò được nhận xét thẳng thắn thực tế của đất nước dựa trên những điều đã được học hỏi v.v...

Là một công dân có hiểu biết, ông thấy được tình trạng khủng hoảng chính trị và xã hội của Việt Nam. Là một công dân yêu nước có ý thức trách nhiệm, ông đi tìm một giải pháp đúng đắn để giải quyết những khủng hoảng nầy. Và ông đã quan niệm như thế nào về một giải pháp đứng đắn?

"Không thể tìm một giải pháp đúng đắn bằng xung động tình cảm, xung động tình cảm chỉ là chất men cần thiết cho hành động. Bản thân hành động phải đặt cơ sở trên những phân tích tình thế một cách khách quan và có biện chứng. Và tình hình Việt Nam luôn có quan hệ mật thiết với tình hình khu vực và thế giới. Cho nên vấn đề cùng nhau phân tích thực chất của tình hình thế giới là việc cần thiết đầu tiên. Chỉ trong xu thế chung của nhân loại và thời đại, chúng ta mới hy vọng tìm được giải pháp đứng đắn cho vấn đề riêng của nước ta. Đồng thời mọi thù hận tranh chấp, bè phái nhỏ nhen, mọi toan tính chính trị cơ hội, đảng tranh chỉ làm tình thế rối ren thêm. Chúng ta cần vượt lên trên mọi ý hệ, chính kiến, mọi mặc cảm tự ti, tự tôn, tôn giáo, cực tả hay cực hữu. Hãy chỉ vì sự thật, vì tự do, hạnh phúc của toàn dân. Tất cả những điều khác chỉ là phương tiện. Phương tiện nào cũng cần phản ảnh bằng sự thật. Chà đạp lên con người và làm quốc dân đói khổ, phương tiện ấy phải được thay thế, dù đó là phương tiện gì." (1)

Quan niệm đó được phản ảnh trong tất cả những bài viết của ông.

Khi đi tìm nguyên nhân của khủng hoảng, ông

đụng phải đối tượng lớn nhất: chủ nghĩa Mác và đảng Cộng Sản Việt Nam. Ông nêu lên câu nói:

"1- Liệu chủ nghĩa Mác có còn thích hợp trong thế giới đa cực và một nền chính trị đa nguyên nữa hay không?

2- Liệu độc tài đảng trị có thể song hành với tự do dân chủ và tiến bộ xã hội được hay không?

Đã đến lúc tất cả chúng ta và đặc biệt là những người Cộng Sản Việt Nam phải thẳng thắn trả lời các câu hỏi này."

Cho đến nay những người Cộng Sản Việt Nam đang nắm quyền lãnh đạo đất nước không hề thẳng thắn trả lời những câu hỏi như vậy. Gần như là họ chỉ lập lại những khẩu hiệu cũ. Đặc biệt, họ không cho phép một công dân như ông được hỏi những câu như vậy. Do đó, ông chịu thêm hai mươi năm tù nữa. Trong cái phiên tòa độc đáo đó, có người bị tù chỉ vì đã nhìn thấy những điều ông viết.

Mới đây, một người bạn về thăm Việt Nam có kể chuyện gặp gỡ một số văn nghệ sĩ và trí thức trong một buổi tiệc tại Sàigòn. Trong số này, có một cán bộ hơn bốn mươi tuổi đảng. Người bạn nói đùa: "Trên thế giới các đảng Cộng Sản đều lần lượt tự giải tán mà đất nước mình vẫn cứ một mực bảo vệ đảng Cộng Sản. Trông nó làm sao ấy!" Vị cán bộ chỉnh lại ngay: "Khi đất nước gặp khó khăn các anh chị bỏ đi. Ngày nay lấy tư cách gì các anh chị bảo chúng tôi phải dẹp cái này dẹp cái kia?"

Cách nhìn của vị cán bộ này về tư cách chính trị của những người đã bỏ nước ra đi là một cách nhìn khá phổ biến hiện nay. Nó thường được nhắc lại dưới hình thức này hay hình thức khác trên sách vở, báo chí ở Việt Nam.

Thật ra, không biết dựa trên tiêu chuẩn nào để xác định thành phần có quyền và thành phần không có quyền phát biểu về những vấn đề của đất nước. Tuy nhiên, cứ tạm cho rằng "đã bỏ nước ra đi, kể cả ra đi vì không chịu vào trại cải tạo, là không có quyền góp ý về chuyện chính trị của đất nước" là đúng đi. Trên thực tế, ngược lại, dù đảng Cộng Sản Việt Nam có muốn nghe hay không, *những người đã bỏ nước ra đi lại luôn luôn được quyền có ý kiến công khai về những vấn đề chính trị của Việt Nam*. Chính họ đã sử dụng cái quyền đó ở nơi cư ngụ mới, để gây khó dễ cho Việt Nam, cũng như để giúp đỡ cho Việt Nam. *Sự thiệt thòi vẫn ở phía những người đã sống chết với quê hương*. Thiệt thòi nhất là những người như Đoàn Viết Hoạt. Ông không bỏ nước ra đi vào 1975 hay sau đó. Ông bị bắt vào trại cải tạo một cách vô lý suốt một thời gian dài mười hai năm. Ông vẫn ở lại trên quê hương. Vậy thì ông có cái quyền đề nghị dẹp cái này hay dẹp cái kia để cho đất nước vươn mình lên hay không?

Mà trên cái mảnh đất quê hương khốn khổ đó, có biết bao nhiêu người không bỏ nước ra đi. Ngày nay, trong số bảy mươi triệu công dân ở lại với quê hương, có bao nhiêu người được quyền có ý kiến là nên dẹp cái này, dẹp cái kia để tìm một lối thoát cho đất nước?

Trong một chương trình của đài truyền hình PBS ngày 25 tháng 5, 1993 nói về cuộc bầu cử tự do ở Kampuchia, khán giả nhìn thấy một thiếu nữ Mỹ tình nguyện làm việc cho Liên Hiệp Quốc đang nói chuyện trước một đám đông dân chúng Kampuchia. Đám đông thật lặng lẽ. Trên nét mặt họ dường như còn phảng phất nỗi kinh hoàng vươn lại từ thời Khmer Đỏ nắm quyền sinh sát. Thiếu nữ Mỹ thì nói như gào, như năn nỉ: "Quý vị hãy sử dụng cái quyền của quý vị, cái quyền được lựa chọn người đại diện, cái quyền bầu cử tự do. Cái quyền đó không ai cho quý vị. Cái quyền đó quý vị đã có từ khi quý vị mới sanh ra. Tôi nhắc lại: cái quyền đó quý vị đã có từ khi quý vị mới sanh ra."

Không biết có phải những người tâm huyết và hồn nhiên như cô đã thuyết phục người dân Kampuchia quên nỗi sợ hãi để sử dụng cái quyền đó không? Cái quyền đó đã bị nhiều tập đoàn chính trị tước đoạt, đặc biệt là Khmer Đỏ. Ngày nay, bao nhiêu chuyện khủng bố đang xảy ra trên đất nước Kampuchia cũng chỉ để ngăn cản người dân sử dụng cái quyền đó. Điều mỉa mai là hiện nay trên bán đảo Đông Dương vẫn còn hai tập đoàn làm công việc tương tự: Khmer Đỏ ở Kampuchia và Đảng Cộng Sản ở Việt Nam. Cả hai đều tôn sùng Marx. Cả hai từng gọi nhau là những người cộng sản anh em ruột thịt và sau đó từng bắn giết nhau. Ngày nay, về phương diện bám víu quyền lực, cả hai rất giống nhau.

Cuối cùng, kết quả cuộc bầu cử cho thấy người dân Kampuchia đã biết sử dụng quyền lựa chọn chính trị của họ. Và đây chỉ là bước đầu để có được dân chủ. Trong hoàn cảnh của Kampuchia, những bước sắp tới chắc còn nhiều chông gai. Tuy nhiên, trên con đường tiến đến dân chủ, họ đang vượt xa dân tộc Việt Nam.

Người Việt Nam ngày nay chưa được quyền có ý kiến về những vấn đề của đất nước. Nói chi đến quyền lựa chọn chính trị.■

TIẾNG VỌNG

CÂU CHUYỆN DẦU HỎA

PHAN NHƯ HUYÊN

Hơn một trăm năm qua, dầu hỏa là một câu chuyện ly kỳ. Có lẽ bây giờ và cả nhiều năm sau, dầu hỏa vẫn là câu chuyện hấp dẫn một nghìn lẻ một đêm.

Câu chuyện ly kỳ

Dầu hỏa là một nguồn lợi phong phú, đà tiến của khoa học kỹ thuật hiện đại, chi phối cả về kinh tế, chính trị toàn cầu, cũng như ảnh hưởng đến môi sinh và sức khỏe công cộng.

Hơn 14 năm làm việc với Unocal, chúng tôi học hỏi được rất nhiều góc cạnh của nền kỹ nghệ này và hy vọng được chia sẻ sự hiểu biết đó với các bạn đọc.

Một hôm, gặp anh DT Võ đang vội vã điều gì, tôi hỏi: Việt Nam có dầu không anh? "Có chứ, có nhiều lắm." Anh DT Võ là kỹ sư dầu hỏa. Anh học xong PhD tại đại học Oklahoma và cũng đang làm việc với Unocal mấy năm nay.

"Trữ lượng dầu khí trên thế giới còn ra sao?"

"Nhiều, có lẽ cả đời mình vẫn chưa thấm thía gì đâu!"

Anh DT (chúng tôi gọi anh là Đi-Ti) làm việc về các phương thức khoan dầu. Một trong những kỹ thuật tân tiến bây giờ là khoan ngang. Sự đóng góp của anh trong lãnh vực này thật lớn. Anh đã nhận được giải thưởng Creativity Award của công ty cho sự đóng góp này. Có lẽ một ngày gần đây, chúng ta sẽ có dịp nói chuyện với anh lâu hơn.

Dầu hỏa Việt Nam ở đâu?

Phần lớn các mỏ dầu đang tìm kiếm và khai thác ở Việt Nam nằm ở hai khu vực: chung quanh đảo Côn Sơn và ngoài khơi Đà Nẵng. Ngoài ra dầu hỏa cũng có thể tìm thấy ở các đảo nhỏ trong vùng tranh chấp ngoài khơi biển Nam Hải.

Giếng Bạch Hổ đang sản xuất 120,000 phuy mỗi ngày. Các giếng Rồng và Đại Hùng đang khoan và sẽ sản xuất được dầu vào khoảng cuối năm 1994. Ngoài ra Việt Nam còn sản xuất được khoảng 2 tỉ feet khối khí đốt mỗi tháng. Việt Nam hiện bán dầu cho Nhật Bản. Dầu hỏa ở Việt Nam thuộc loại tốt vì tỉ trọng nhẹ và chứa ít chất bẩn như sulfur, cadmium và nicked.

Nguồn lợi dầu hỏa

Đứng đầu công ty dầu hỏa của chính phủ, Petrovietnam là ông Đỗ Văn Hà. Ông tuyên bố: Việt nam vẫn tiếp tục đặc nhượng quyền khai thác dầu hỏa cho các công ty ngoại quốc qua những cuộc thương lượng kín (bởi vì Việt Nam chưa biết tìm dầu và khai thác dầu!). Ông ước lượng hiện nay có khoảng 23 dự án dầu khí. Các dự án này đem về một ngân khoản đầu tư khoảng một tỉ mốt Mỹ kim, bằng một phần tư tổng số vốn đầu tư toàn quốc.

Thuế lợi tức chính phủ đánh trên các dự án từ 15% đến 25% tùy từng loại. Năm 1992, Việt Nam sản xuất được 5 triệu rưỡi tấn dầu thô và nhập cảng để tiêu thụ khoảng 3 triệu tấn dầu biến chế.

Lối thoái cho Việt Nam

Hiện nay, dầu khí là một nguồn lợi lớn cho Việt Nam và có lẽ là lối thoát duy nhất cho nền kinh tế chết chìm của Việt Nam. Vì chỉ có dầu hỏa tự dưng đem đến lợi tức quý báu và nhờ đó làm động lực cho các dự án phát triển khác. Nếu hoạch định và đầu tư khôn khéo (!), Việt Nam sẽ thoát cảnh nghèo đói và dân chúng sẽ có đủ cơm ăn áo mặc.

Tóm lại, chiến tranh Việt Nam trước đây (?), sự tranh chấp ngoài khơi biển Nam hải giữa các nước lân bang, sự tồn tại và phát triển của Việt Nam hiện giờ, một phần cũng do mối lợi dầu hỏa gây ra vậy.■

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC

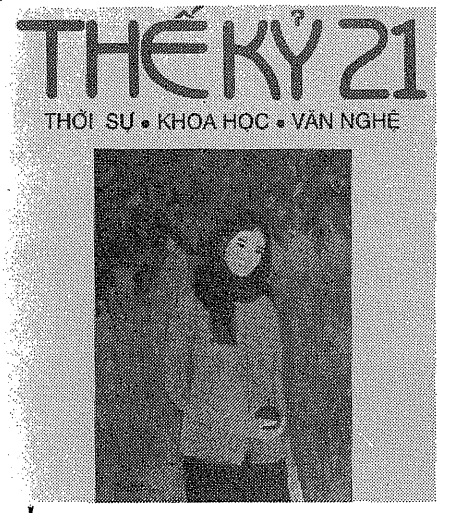

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

THƯ GỞI MINH

TIỂU HUYỀN

9 tháng Năm, 1993

Nhìn tấm hình đăng cùng tin "VN sắp sản xuất xe BMW" báo *Thế Kỷ 21* số 49, tôi thấy muốn chia sẻ với Minh những cảm nghĩ của mình. Tấm hình cho thấy cảnh hai cô gái đẹp đang giới thiệu chiếc xe BMW rất mắc tiền cho dân Hà Nội. Tiền cảnh cũng cho ta thấy hình hai bà mẹ VN, áo dài, khăn len, y như hình ảnh bà mẹ tôi hồi sống tại Hà Nội, 1950-1954. Không hiểu sao, nhưng tôi có cảm tưởng như dáng vẻ của các bà mẹ không thay đổi gì cả sau bốn chục năm qua. Vẫn cái áo dài bằng dạ ấm, vẫn vuông khăn len chùm đầu và thất lại kiểu ấy, nhất là nét mặt vẫn chân chất, hiền lành. Hai bà mẹ còn tỏ lộ sự tò mò và ngơ ngác của những con người không biết gì nhiều việc ngoài gia đình, khi trực diện với cái xe tân kỳ... Minh ơi, tôi sống lại cái không khí mát lạnh của mùa xuân Hà Nội. Tôi thấy lại hơi ấm của Mẹ tôi truyền ra cả những vạt áo khi tôi quấn quít bên người. Những buổi theo Mẹ đi sắm Tết, mua bóng, mua miến ở phố hàng Đường. Những ngày rằm lên chùa Quán Sứ lễ Phật... Mẹ tôi mất 27 năm nay rồi, nhưng hơi ấm của mẹ vẫn ấp ủ tôi mỗi khi tôi nhớ mẹ. Khi gặp một vấn đề quá khó, tôi vẫn bật khóc dễ dàng, miệng vẫn kêu "mẹ ơi", tưởng như vẫn được mẹ ôm đầu tôi an ủi, vỗ về.

Hôm nay là Mother Day, tôi lại nhớ mẹ nhiều hơn. Mỗi năm, khi dân Làng Cây Phong làm lễ Bông Hồng Cài Áo vào dịp Vu Lan, tôi đều không cầm được nước mắt. Nghe nói về Mẹ, mà mình không còn được ôm mẹ, không còn được nhìn thấy người, thì quả là tủi thân, Minh biết không? Vậy nên, tấm hình hai bà già ngơ ngác bên cái xe BMW khiến tôi muốn về thăm lại những bà mẹ không quen ấy quá.

Hai bà mẹ trong tấm hình đó, có lẽ tượng trưng cho giai cấp khá giả, diện khăn áo đi coi triển lãm. Lần đầu tiên coi tấm hình đó, tôi nghĩ tới những tương phản đáng kể của giới mua bán xe BMW và tình trạng đói khổ, thiếu thốn của đa số dân chúng. Nghe nói nhiều về tệ trạng tham nhũng, buôn lậu lộng hành tại Việt Nam ngày nay, tôi đâm ra thắc mắc, băn khoăn: không biết các bà mẹ VN ấy có còn giữ được những nền nếp Hà Nội xưa — biết cư xử có nhân nghĩa, ăn nói thanh lịch? — Họ có biết chăng, Hà Nội thời trước nổi tiếng là thủ đô đẹp nhất Đông Nam Á, không phải chỉ vì cảnh trí hoặc dân chúng biết ăn ngon, mặc đẹp, mà chính là nhờ cách ăn nói thanh nhã, cách xử sự nhu hòa của mọi người, nhất là giới phụ nữ.

Nhìn hình ảnh các bà, tôi cũng thấy phía sau, hình ảnh những bà mẹ lam lũ khác của Hà Nội. Những bà mẹ đi bán hàng rong, gánh cốm vòng, ổi găng, hoặc mươi bát xôi lúa hay dăm cái bánh giò — những bà mẹ ngồi ngoài chợ với mấy bó rau muống, mấy bìa đậu phụ v.v... Một người bạn mới về thăm Việt Nam qua,

Mỹ ngưng chống IMF cho Việt Nam vay tiền

WASHINHTON- Hôm 2-7-93 Tổng Thống Bill Clinton đã công bố việc Hoa Kỳ chấm dứt việc chống đối Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế cho Việt Nam vay tiền. Tuy nhiên ông nhấn mạnh rằng việc tái lập liên lạc ngoại giao với Hà Nội vẫn còn phải tùy thuộc vào những tiến bộ xa hơn nữa trong vấn đề người Mỹ mất tích.■

Nhà danh họa Nguyễn Gia Trí đã qua đời

Họa sĩ lão thành Nguyễn Gia Trí đã qua đời vào lúc 10 giờ đêm 20 tháng Sáu 1993, tại nhà riêng (số 493 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận - Sài Gòn), thọ 85 tuổi.

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí đã yếu sức từ lâu, sau khi bị liệt thân thể từ mấy năm qua, do bị xuất huyết não.

Tên tuổi họa sĩ Nguyễn Gia Trí gắn liền với chất liệu và kỹ thuật sơn mài truyền thống Việt Nam.

Ngay từ những năm đầu thập niên 1930, khi còn là sinh viên Trường Mỹ thuật Đông Dương, Nguyễn Gia Trí đã có những tìm tòi sáng tạo nhằm nâng cao và hoàn thiện tranh sơn mài.

Chính nhờ ông mà kỹ thuật sơn mài đạt tới đỉnh cao.

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí, pháp danh Thiện Trân, đã được an táng tại Nghĩa trang miền Vĩnh Nghiêm - Tân Phước Hiệp - Hóc Môn, ngoại thành Sài Gòn, hôm 25 tháng Sáu 1993.

kể chuyện về một bà bán lá xông ngoài chợ Đồng Xuân. Bữa đó ông ta bị cảm, ra chợ thấy có bán lá xông thì muốn mua về dùng. Không có tiền Việt Nam, anh ta đưa cho bà bán lá $5 đôla Mỹ và chỉ lấy một bó. Bà bán lá bèn gói tất cả mươi bó lá đưa hết cho ông. Ông ta trả lại, cho bà biết chỉ cần mua một bó thôi, và vì không có tiền lẻ, ông tặng bà hết $5 chứ không cần nhiều như vậy. Bà cụ nhất định không chịu, nói rằng: "Tôi không có tiền trả lại ông, thì ông phải lấy hết hàng cho tôi mới được. Tôi ăn ở có Quỷ Thần Hai Vai chứng giám, không thể lấy tiền nhiều mà lại giữ lá lại được"... Những bà mẹ còn thấm nhuần văn hóa trọng nhân nghĩa này, Minh ơi, mình cần họ biết bao. Nghe mãi những chuyện màu xám về đạo đức suy đồi, tệ trạng của xã hội Việt Nam ngày nay, tôi cảm thấy như dễ thở hơn khi bạn tôi kể câu chuyện mua lá xông đó. "Quỷ Thần Hai Vai", xưa mẹ tôi cũng thường hay đem ra răn dạy chúng tôi: "Con làm việc gì xấu hay tốt, có khi không ai hay biết, nhưng Quỷ Thần trên Hai Vai con họ đều chứng giám cả. Vậy nên mình phải ăn ở cho ngay ngắn, đàng hoàng..."

Ý niệm có hai ông thần ghi chú, chứng kiến tất cả những hành động có lẽ là một niềm tin bình dân, một biểu hiện của học thuyết Duy Thức (hay Tâm Lý học) của Phật giáo. Theo đó, bất kỳ chúng ta làm, nói hay nghĩ gì là chúng ta đang tạo ra ba nghiệp thân, khẩu, ý. Mỗi hành động, lời nói hay ý tưởng của mình đều tạo ra những hạt giống (chủng tử) tương ứng, và Tàng Thức (hay A Lại Gia Thức, tạm dịch là subconciousness) của chúng ta đều ghi chú một cách vô tư và đầy đủ. Nếu mình tạo nghiệp thiện, thì các hạt giống thiện sẽ rơi vào tàng thức, ngược lại, khi mình tạo nghiệp bất thiện, thì dù không ai biết, không ai hay, những hạt giống bất thiện đó cũng rơi vào và chất chứa trong tàng thức... Người ta tin rằng Quỷ Thần Hai Vai chứng giám tất cả mọi chuyện, cũng tương đương như người Phật tử hiểu rằng, trong đời sống, Tàng Thức ghi chú tất cả mọi hành động, tư tưởng và lời nói của mình. Khi tạo nghiệp dữ, dù chỉ trong tư tưởng, dù dấu diếm được hết mọi người, Tàng Thức của mình nó vẫn ghi chú đầy đủ... Cho tới khi cuộc sống này chấm dứt, Tàng Thức sẽ "tính sổ" tất cả các nghiệp dĩ chúng ta đã tạo ra. Chính cái Thức và cái nghiệp tổng kết đó sẽ đi tái sanh vào những thân mạng mới, làm súc vật, con người hay thần tiên, tùy những nghiệp dĩ mình đã tạo. Vậy nên, khi mới ra đời, đứa trẻ nào cũng đã sẵn có một căn cơ hay Nghiệp dĩ, xấu tốt tùy theo cái "tổng kết" của kiếp trước. Rồi sống với gia đình, xã hội, đứa trẻ lại tiếp tục tạo những nghiệp mới... và cứ tiếp tục luân hồi trong cõi sinh tử. Người Phật tử tin rằng, khi sống Thiện, làm thiện, nói và nghĩ thiện, người ta tạo ra những nghiệp tốt, và dần dà có thể tự chuyển nghiệp, biến nghiệp xấu sẵn có thành ra tốt hơn. Cho tới khi thanh lọc hết những Chấp Ngã, dứt bỏ hết những nghiệp bất thiện trong tàng thức, và vượt thoát được mọi ràng buộc của thế gian, thì họ sẽ thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, đạt tới giác ngộ viên mãn, nghĩa là thành Phật.

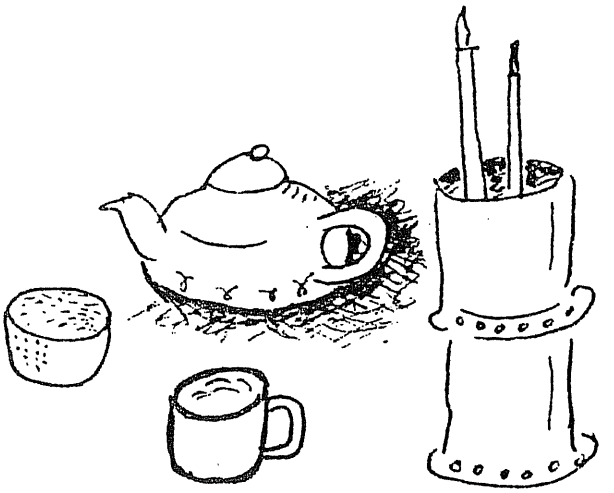

Tôi mới được nghe chuyện về một Phật tử hiện còn đang sống tại Huế, đã và đang tự cải nghiệp cho chính mình. Bác Việt năm nay hơn tám mươi tuổi. Bà vợ bác bị tật nguyền, không thể tự lo thân, bác phải chăm sóc cho vợ đã nhiều năm. Một người con bác bị điên, phải nhốt trong cũi... Vậy mà, ngoài việc chăm sóc gia đình, bác đã đem hết tâm sức ra lo việc cứu tế cho kẻ khó. Mỗi ngày, bác đạp xe đạp đi xin gạo vòng quanh làng xóm, đem lên chùa nấu cháo hay cơm phát chẩn cho người nghèo. Khi có ai bệnh hoạn bác cũng dùng xe đạp đi xin thuốc hay mời thầy giúp họ... Chỉ có chiếc xe đạp và nụ cười luôn luôn nở trên môi, bác đã giúp đỡ được rất nhiều người. Con người có tấm lòng Bồ Tát ấy kiên trì hành động cứu Khổ đã nhiều năm. Thầy Nhất Hạnh nhiều lần đã nhắc tới bác trong những bài giảng Pháp. Một số người xưa lâm cảnh khốn cùng, đã được ăn bát cơm thí nơi cổng chùa của bác, nay ra sống ở nước ngoài, đã không quên gửi tiền về để giúp bác có phương tiện cứu khổ nhiều hơn. Nhưng bác Việt thì vẫn chỉ đi xe đạp... Bác hiện còn đang hoạt động tại Huế dù tuổi đã khá cao. Chắc bác không bao giờ nghĩ rằng mình lại đóng góp cho bà con sống xa quê hương nhiều đến thế đâu nhỉ. Nghe chuyện về bác, về bà cụ bán lá xông, có phải chúng ta có thêm nhiều tin tưởng vào dân tộc Việt mình? Quê hương chúng ta vẫn có nhiều người thiện như vậy, thì mình vẫn còn hy vọng ở tương lai, phải thế không Minh?■

MÀU SẮC VÀ KHÔNG GIAN TRONG TRANH THÁI TUẤN

HUỲNH HỮU ỦY

Thái Tuấn tại Orléans , Pháp, 1989

Tôi đã có nhiều dịp viết và bàn luận về hội họa Thái Tuấn. Mới đây, nhận được tấm hình chụp một bức tranh mới của anh mà tôi cũng khá thích, và nhân dịp anh ghé thăm California vào giữa tháng 7, xin viết thêm mấy lời ghi chú này để chào mừng anh.

Thái Tuấn, cùng với Duy Thanh và Ngọc Dũng đã tạo nên một dấu mốc quan trọng đối với sinh hoạt hội họa ở miền Nam, là một chuyển tiếp giữa những xung đột, va chạm từ nghệ thuật trước và sau điểm tựa lịch sử 1954. Thái Tuấn khoảng năm 1938 - 1940 có theo học trường Mỹ thuật Hà Nội ở lớp dự bị, bỏ học lỡ dỡ, đến năm 1957 mới bắt đầu vẽ sơn dầu vì những hưng phấn giữa những bạn văn nghệ gặp gỡ ở Saigòn. Thái Tuấn sau nhiều năm làm việc đã để lại nhiều vết tích đáng kể trong lòng người yêu hội họa. Anh thành công ở chỗ đã tìm được cho mình một màu sắc riêng, những màu xanh xám, xanh rêu ảm đạm, xanh đại dương ngã sậm, pha vào đấy là những mảng trắng để tạo nên chuyển sắc, tức là vẽ theo sắc độ (peinture par la valeur) chứ không còn nặng về màu (peinture par la couleur). Màu sắc và đường nét là da thịt và xương cốt của hội họa, Thái Tuấn đã tìm được xương thịt kia, thường gợi dậy một thế giới rất dung dị với những đường nét tinh giản nhất. Anh nhìn sự vật dường như qua làn ánh sáng mờ của những buổi sáng sớm hoặc chiều hôm.

Anh luôn luôn ao ước vẽ một bức họa giản dị, ít màu ít nét và

để nhiều khoảng trống rộng rãi. Những chi tiết như nếp nhăn trên khuôn mặt hay trên một tà áo thường bị loại bỏ, anh không ưa vẽ từng ngọn cỏ, đến từng cái lá. Ở đây, chúng ta thấy rất rõ là Thái Tuấn đã tổng hợp tinh túy của nghệ thuật Á Đông và kỹ thuật hội họa Âu Châu để vẽ nên những tấm tranh của mình, là sự khoáng đạt của những chấm phá giản dị nơi nghệ thuật thủy mặc cộng với nghệ thuật sơn dầu của phương Tây. Có lẽ chúng ta cũng nên nghe qua phát biểu của chính Thái Tuấn về nguồn mỹ cảm của mình: "Cảnh trí trước mặt tôi thực khác xa bức họa. Màu xanh êm mướt là một nền đất ẩm, cỏ hoang lộn xộn. Những đường nét cuốn lượn trên thân cây duyên dáng là cành trụi khẳng khiu. Và bóng nước mặt hồ chỉ còn lại vũng bùn lầy đen bẩn. Những con chim nhỏ trong tranh đã bay đi tự bao giờ, trả lại cho nền cỏ khoảng trống vắng vô cùng. Cố ý nhớ lại những bước tranh, đúng là cảnh trí này, cũng hồ nước, cũng lùm cây, song le khởi từ cuộc đời nhìn thấy sự vật trở thành sự thật của đời sống trí tuệ..."

Từ cảnh trí ở ngoài thiên nhiên đến phong cảnh trong bức họa, sự vật đã biến dạng để trở thành chất liệu cho người sáng tác. Hình nét trong tranh này có thể từ sự vật mà đến, nhưng không còn là sự vật và thuộc về sự vật nhìn thấy.

Luật tắc đã tạo nên niềm rung cảm hay rung cảm đã biến thành luật tắc. Chúng ta yêu trăng sao và tranh của Rubens. Chúng ta nghe lời gió thở than trong nhạc phẩm của Schubert. Nhưng chúng ta cũng đã từng đê mê trong thế giới thơ của Hàn Mạc Tử.

Sáng tạo cũng chỉ là sự trở về, sự tìm đến cùng thiên nhiên." (Thái Tuấn, Nguồn Mỹ Cảm, Tạp Chí Văn số 93, đặc biệt về Hội Họa).

Không khí và tính cách ấy của Thái Tuấn ngày càng ổn định, đã trở nên một thế giới riêng, vững chắc rất sớm. Và bây giờ thì có thể nói cũng chỉ là chừng ấy quan niệm nhưng đã được hoàn thiện hơn nhiều vì một cuộc đời từng trải, lão luyện, đạt nhân. Như nơi bức Góc Biển mới sáng tác gần

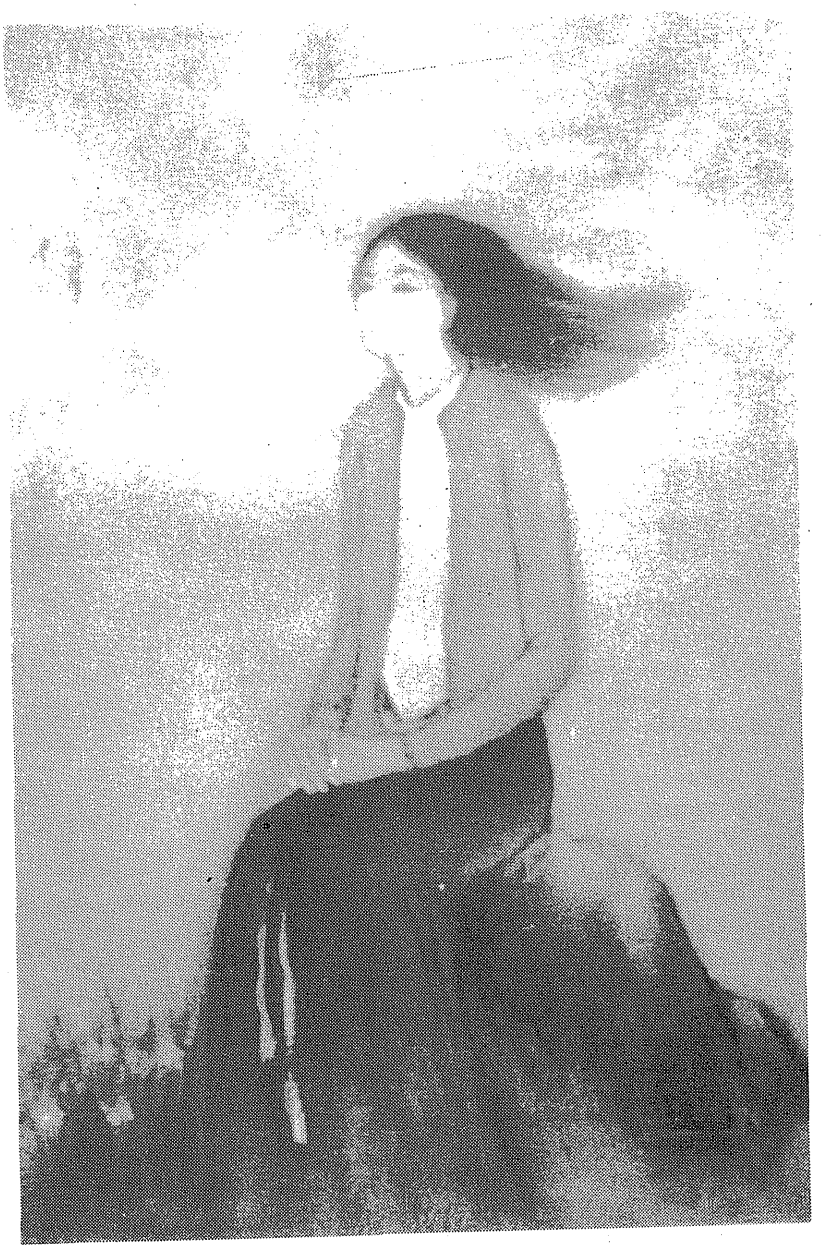

tranh sơn dầu của Thái Tuấn

đây, vẽ một thiếu nữ ngồi lặng lẽ nơi bờ biển, mặc áo cánh, đội nón lá, với màu xanh rêu và xanh biển ngã sậm chủ yếu tràn đầy tấm tranh. Thái Tuấn cho biết: " Bức tranh này tôi coi như đã đáp ứng đúng với ước muốn của tôi, trong việc làm nghệ thuật. Người và cảnh đã được thanh lọc, 'gột rửa' đến độ đơn giản nhất. Biển cũng chỉ còn là một vạch trắng mờ. Một thoáng dư âm như sự chuyển hóa từ bức họa mà anh giữ (tức bức Cõi Ngoài thuộc sưu tập của tôi, có đề cập trong cuộc nói chuyện *Tản mạn với Thái Tuấn chung quanh giá vẽ, Thế Kỷ 21* số tháng 10. 1992 chú thích của H.H.U; Nhớ lại câu của Charles Trenet: Tôi không theo mốt nào cả, nên không sợ démodé." (Thư riêng của Thái Tuấn gửi cho H.H.U, viết từ Orléans ngày 21.5.1993). Thái Tuấn còn ghi thêm ở phần tái bút của thư: "Có thể đông đảo người xem tranh,

thích thú với nét đẹp nguyên vẹn của thiên nhiên ở cảnh và người, và chẳng cần chú ý tới nét đẹp của đường nét, sắc màu, lẫn trốn sau cái đẹp từ thiên nhiên. Tất cả kỹ thuật tôi đã gói ghém và không muốn nó lộ liễu; vì kỹ thuật chỉ là phương tiện dành cho các nhà phê bình nghệ thuật. Tôi nhận thấy nghệ thuật ngày nay có phần phô trương kỹ thuật và quá chú ý đến thời sự."

Quan niệm tạo hình của Thái Tuấn rất nhất quán, ngay từ những năm đầu cầm bút vẽ lại, sau cuộc di cư từ miền Bắc vào Nam, cho mãi đến ngày nay. Ở Saigon anh bày tranh năm lần, lần đầu tiên vào năm 1957 ở Alliance Francaise và lần sau cùng ở Dolce Vita khách sạn Continental (năm 1973). Anh làm việc cẩn thận và chậm rãi, tính trung bình mỗi năm chỉ vẽ được hơn hai mươi bức, mỗi lần bày tranh cũng không quá ba mươi bức.

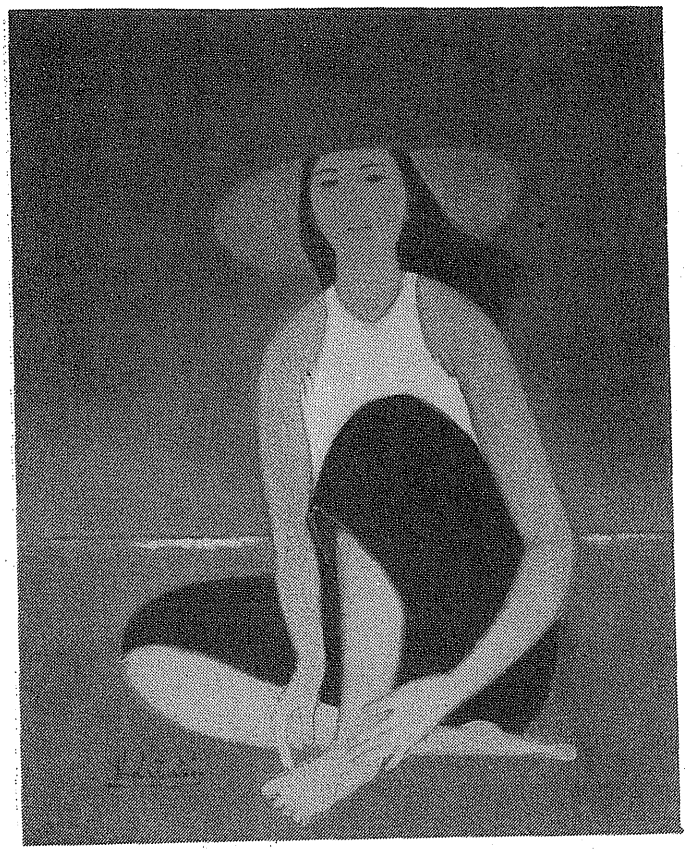

Góc biển, sơn dầu của Thái Tuấn

Lần bày tranh thứ nhì ở Pháp Văn Đồng Minh Hội (Alliance Francaise) vào tháng 4. 1966 cũng chỉ có hai mươi mốt tấm; chúng tôi dẫn lại đây mấy lời phát biểu của Thái Tuấn, in trong Catalogue của cuộc triển lãm này, sẽ giúp chúng ta nhận ra được một trong những dấu mốc cuộc đời hoạt động nghệ thuật của anh và sẽ thấy rằng anh không thay đổi: Chút gì về quan niệm mà chỉ có những biến chuyển nhẹ nhàng trên tác phẩm. "Sau cuộc triển lãm đầu tiên của tôi vào khoảng 1957, tôi đã nhận thấy kỹ thuật sơn dầu đòi hỏi một thời gian lâu dài và những kinh nghiệm thực hành.

"Nhận xét đó đã làm tôi quyết định không mở cuộc bày tranh riêng biệt nào trong vòng gần 10 năm nay.

"Số tranh đưa ra hôm nay cũng chỉ có mục đích trình bày cùng các bạn yêu nghệ thuật con đường tôi đã đi và đang đi.

"Những người, những vật trong tranh không hoàn toàn là sự thật và cũng không hoàn toàn do tôi bịa đặt ra.

"Đường lối có hình hay không hình thì cũng chỉ là một cách thức sáng tạo. Cho đến cả công việc sáng tạo nữa, tôi cũng không hề muốn nói lên một điều gì nhất định hoặc một tư tưởng nào. Tôi cho rằng đó là điểm khác biệt của nghệ thuật với văn chương".

Và cho đến lần triển lãm ở Paris năm 1985, Ở Foyer International D'Acceuil de Paris, vẫn chỉ bàng bạc không khí và cách nhìn riêng tư ấy, đó là một cách nhìn tổng hợp văn hóa Đông Tây, và chính ở đó Thái Tuấn đã có sự đóng góp khiêm tốn mà đặc sắc của mình vào thế giới sắc màu trên giá vẽ.

Có nhiều đề tài anh vẽ đi vẽ lại thành nhiều bức, tưởng chừng như sao chép chính tranh mình, song thực ra mỗi lần vẽ thì lại có một nội dung mới tùy theo tâm trạng đổi thay trong khi vẽ. Những nhân vật hay cảnh trí anh vẽ, nếu quan sát và chiêm nghiệm kỹ, sẽ thấy là thực đó mà lại không thực. Anh chẳng bao giờ dùng đến người mẫu, ngay cả những chân dung bạn bè, là những tranh thường anh có vẻ ưng ý nhất. Cảnh vật và con người chỉ là sự chắp nối của những giấc mơ. Nói đúng hơn, anh muốn tạo ra một không gian cho sự vật và con người hoạt động trong đó. Cái chính yếu trong tranh anh là không gian. Một thứ không gian yên lặng, đơn giản trống vắng. Không gian ấy không cần trang trí gì thêm nữa. Như vậy, tính chất trừu tượng nằm ở nền tranh, anh phải làm việc nhiều với nền tranh hơn là với sự vật. Với hình thể trong tranh. Chính từ những hình khối: của sự vật mà nền tranh được tạo dựng cho phù hợp, nói một cách khác: Sự vật chỉ là cái cớ để anh vẽ cái nền.■

SỰ BÍ MẬT... NẶNG NHẤT

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

(Viết theo bài của L.A. Times, June 25, 1993)

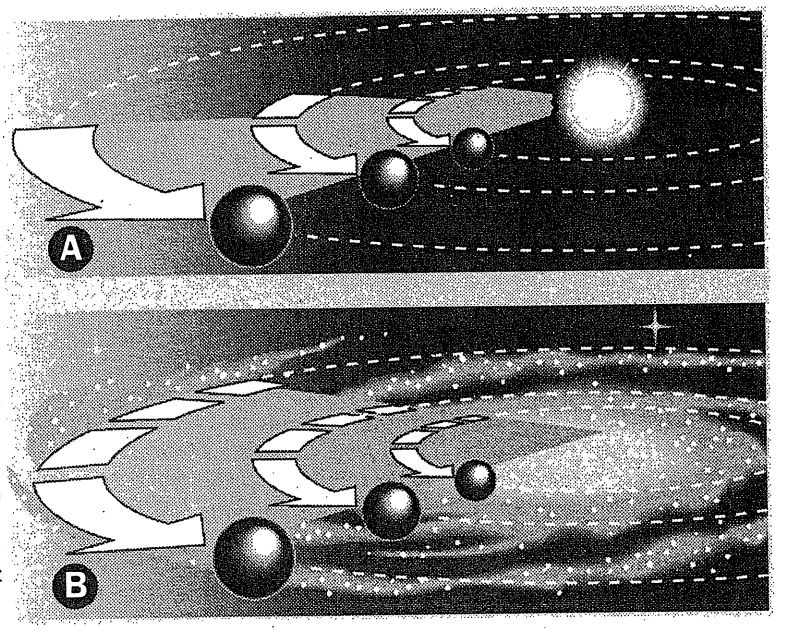

Hình A: Các hành tinh quay xung quanh Mặt Trời, theo đúng luật Newton, hành tinh ở gần Mặt Trời quay nhanh, hành tinh ở xa quay chậm.

Hình B: Hình ảnh Galaxy có cánh tay, các ngôi sao ở ngoài cùng đầu các cánh tay, lại quay nhanh bằng các ngôi sao ở gần lõi galaxy, luật Newton bị vi phạm.

Các nhà bác học trên thế giới đang quýnh lên, hè nhau đi tìm cho bằng được. Họ biết là có nó đây rồi, bây giờ chỉ còn là việc làm thế nào để nắm được nó, cũng như các nhà thám tử đã tìm thấy dấu vết của thủ phạm, nên quyết tâm truy lùng cho bằng được.

Thủ phạm có tên là... chất tối (*dark matter*) — xin xem bài *Vũ trụ sụp đổ* — và từ tháng 6-1993, cuộc lùng bắt trở nên ráo riết hơn bao giờ hết tập trung ở những Đại học hàng đầu của Thế giới về khoa Vật lý thiên thể như Berkeley ở Bắc Cali, ở các phòng thí nghiệm nổi danh của Cộng Đồng Âu Châu, ở Nga, ở Úc, hay ngay cả ở nơi tu luyện năm xưa của cụ Einstein, tức là Princeton bên Mỹ.

Cuộc săn lùng "chất tối" là một cuốn tiểu thuyết trinh thám vĩ đại nhất trong khoa học không gian, không phải chỉ vì người ta muốn nhìn thấy mặt mũi của nó như thế nào, mà vì một kết luận mới nhất gây choáng váng cho các nhà bác học: "chất tối" chẳng may — khổ nhất cho các cụ khoa học — lại chính là vũ trụ mới chết chớ. Bây giờ đo lường chính xác các chuyển động của các galaxy, các ngôi sao, các đám hơi nằm giữa các vì sao, người ta mới thấy một sự thật không ngờ nhất chình ình ra trước mắt. Chất tối chiếm đến 99.9% *mọi thứ* trên thế gian và vũ trụ này.

Thí dụ chúng ta là những con kiến sống trên một cổ thụ già nua mọc giữa một hoang đảo nhỏ xíu ở giữa biển. Các nhà thông thái "kiến" đó, sau mấy trăm năm nghiên cứu, đi đến một kết luận khó chối cãi. Đại khái mấy chú kiến bác học đó hỉ hả nói với nhau như thế này: Vũ trụ của chúng ta là một cái cây. Bên cạnh cái cây của chúng ta có thể còn những cái cây khác. Và chúng ta đã thám hiểm thấy rằng ở dưới gốc cây của chúng ta là đất. Vậy vũ trụ của chúng ta chỉ có thế thôi, chẳng có gì khác lạ hết.

Nếu có một *ông thần* nào đó hiện lên nói: Này các chú ơi, các chú lầm rồi, vũ trụ của các chú là biển bao la, cái hoang đảo và mấy cái cây của các chú chỉ bằng 0.01% của vũ trụ thật sự mà thôi, chắc các chú kiến sẽ ré lên cười: Ông chỉ nói láo. Làm sao có chuyện lạ thế. Và các chú kiến thông thái hơn, có đầu óc khoa học, vội lý sự ngay: "Cái gọi là vũ trụ biển chiếm 99.99% đó ở đâu, chỉ cho chúng tôi coi, chúng tôi có thấy gì đâu?". *Ông thần* đó nói: "Các chú thấy làm sao được, bởi vì đối với các chú, biển là... chất tối." Lại ré lên cười: "Đúng là

chuyện bịp. Ông bảo có nó, vậy mà chúng tôi không sờ thấy, không nhìn thấy... thì cũng coi như số không, nghĩa là thật ra chẳng có cái gì gọi là *biển chất tối* trên cõi đời này cả."

Con người chúng ta cũng như lũ kiến sống trên hoang đảo, nhất định không tin. Không tin là phải, bởi vì vũ trụ ngay trước mắt ta, ngày thì trời xanh ngắt, ban đêm thì trăng sao vằng vặc, không có thể nào sự bao la đó, sự vĩ đại đó chỉ là 0.01% thê thảm của tất cả. Khốn thay đến bây giờ thì không tin cũng không được. Bởi vì tuy không nhìn thấy, chúng ta đã thấy có những bằng chứng rõ rệt nhất là có nó, có chất tối đó và nhiều vô kể.

Chất liệu nào đã tạo thành vũ trụ của chúng ta? Chỉ có một phần rất nhỏ làm bằng các galaxy, các vì sao, các hành tinh như Trái Đất, các đám tinh vân, các đám bụi hơi. Còn lại là chất tối chiếm đại đa số. Không nhìn thấy nó, nhưng người ta biết chắc có nó, bởi vì người ta đã thấy gián tiếp qua sức hút ghê gớm của nó đối với những vật mà ta nhìn thấy ở xung quanh nó. Bởi vì chất tối rất nhiều, rất lớn và nặng vô kể.

Có nhiều bằng chứng về chất tối. Nhưng ta hãy bỏ qua một bên những phương trình toán học nhức đầu, những lối tính phức tạp của các siêu-computer, các định lý trong khoa Vật lý Lượng tử liên hợp với khoa Vật lý thiên thể, ta hãy nhìn vào một chứng cớ dễ hiểu nhất, bởi vì đó là thường tình qua kinh nghiệm kiến thức bình thường.

Từ thuở cắp sách đến trường chúng ta đã biết Trái đất và Mặt trời của chúng ta nằm trong một hệ gọi là Thái dương hệ, gồm có Mặt trời nằm giữa và ít ra cũng có chín hành tinh quay xung quanh. Từ mấy trăm năm nay, nhà bác học người Anh Newton đã cho chúng ta thấy một định lý về sự vận hành của các thiên thể đó, gọi là cơ học thiên thể, luôn luôn được nghiệm là trúng phong phóc. Hành tinh nào ở gần Mặt trời nhất là chạy nhanh nhất. Hành tinh nào ở xa Mặt trời là chạy chậm nhất (xem hình vẽ A kèm theo). Thí dụ lấy sức chạy của Trái đất chúng ta làm thước đo để tính cho dễ hiểu. Trái đất đứng vào hàng thứ ba, tính từ Mặt trời tính ra. Chúng ta đã biết cứ một năm 365 ngày là Trái đất chạy được một vòng quanh Mặt trời. Ở vòng trong cùng sát Mặt trời nhất là Thủy tinh (Mercury) chỉ cần hơn 88 ngày là đã chạy được một vòng rồi. Ở xa nhất là Diêm vương tinh (Pluto) phải mất hơn 249 năm mới di chuyển được một vòng.

Thời nay các viễn vọng kính mỗi ngày một tinh xảo hơn, người ta có thể nhìn sang cả những galaxy khác, giống như giải Ngân hà của chúng ta, dù chúng ở xa chúng ta hàng triệu năm ánh sáng. Và chúng ta đã thấy cái gì? (xem hình vẽ B).

Các galaxy hình giống như một cái bánh tráng dẹt như hình dạng Thái dương hệ của chúng ta. Người ta đã đo lường rất chính xác là các ngôi sao ở vành ngoài cũng chạy quanh bằng những ngôi sao nằm sát bên cái lõi. Thế là thế nào? Định luật của trời đất do ông Newton tìm ra được là ứng dụng với mọi nơi trong vũ trụ, cả ngay trong những vật ở trên mặt đất này cho đến những vật ở xa chúng ta muôn trùng, như kinh nghiệm đã cho thấy. Không lẽ nào luật của ông Newton bị vi phạm ở trên các galaxy? Chỉ có một lời giải duy nhất: Ở các galaxy đó, phải có những vật gì mà chúng ta không nhìn thấy được nhưng nó nặng và có sức hấp dẫn đủ mạnh để kéo cả các ngôi sao vành ngoài đi nhanh đến như vậy.

Bây giờ thì "chất tối" là chuyện hiển nhiên rồi. Bởi vì ở khắp nơi trong vũ trụ nhìn thấy hay nghe thấy, người ta đều gặp cái gọi là lực hấp dẫn ghê gớm của vũ trụ trong khi tính đổ đồng tất cả các galaxy các vật thể mà thiên văn kính nhìn thấy cũng không thể nào tạo được thành sức mạnh hấp dẫn đến như vậy.

Vấn đề là đi tìm nó. Cuộc truy lùng thủ phạm bắt đầu. Thế nhưng các nhà thiên văn, các nhà bác học, các nhà toán học đều là những người thích nhìn lên trời mà thơ thẩn cũng giống như các nhà văn nhà thơ hay... tìm thi hứng ở trăng ở sao. Bảo họ giống như mấy anh "cớm" thô lỗ đi bắt bọn gian là họ giận đấy. Ý của họ muốn nói là họ đi tìm... em.

Thật là:

"Tìm em như thể tìm chim,

"Chim ăn biển Bắc đi tìm biển Đông".

Có điều hơi khó cho các nhà thơ đó là họ chẳng biết em mặt mũi như thế nào, vì em mơ hồ như bóng ma, họ lại không biết *em* làm bằng chất gì, có cùng loại nguyên tử nguyên tố như ta thường gặp trên đời này không.

Nhưng các nhà bác học không phải chỉ là những nhà thơ. Họ còn là những tay... phù thủy lành nghề nữa. Trong tay họ lại có nhiều bửu bối.

Trước hết chúng ta hãy nói sơ qua về những cái gì mà khoa học đã biết về chất tối. Nó ở đâu, người ta đã biết. Có thể ở giữa các galaxy, ngay chính giữa giải Ngân hà của chúng ta có thể cũng là một đống. Nhìn các galaxy khác người ta còn nghi là cả các galaxy cũng bị bao trùm bởi một quầng "hào quang" (thật ra chẳng có ánh sáng hay hào quang nào hết) gồm toàn chất tối. Vậy thì cứ đến đó mà tìm, hoặc giả múc luôn một tô đem về nghiên cứu là biết nó là cái gì chớ sao? Khốn thay, đi đến giữa giải Ngân hà ít ra cũng phải mất 50,000 năm nếu chúng ta đi nhanh bằng ánh sáng. Còn đi ra ngoài Ngân hà có lẽ còn xa hơn. Và đi đến các Ngân hà khác là vấn đề đi hàng triệu năm với tốc độ của ánh sáng, trong khi chúng ta chỉ mới bay lên được Mặt Trăng cách chúng ta có... 1 giây ánh sáng (300,000 cây số). Thê thảm.

Không nhìn thấy nó. Không đến được với nó. Lại không biết nó là cái gì. Đi truy lùng "kẻ thủ phạm" này coi như chuyện không tưởng. Thế có đoán ra được hình thái nó thế nào không? Ở đây các nhà lý thuyết khoa học đưa ra từ A đến Z, nghĩa là có ông lý luận "chất tối" phải đóng cục thành từng đống, tối thiểu nó cũng phải bự gấp ngàn lần Trái đất, có ông lại nghĩ "chất tối" chỉ là những bụi mà hạt của nó chỉ nhỏ bằng... nguyên tử. Từ những quan sát gián tiếp về sức hút cho đến các mớ bòng bong lý luận này thật không khác gì chim chích lạc vào rừng.

Tuy nhiên không thể coi

thường những suy luận của các nhà bác học. Cho đến nay, những suy luận những lý thuyết lạ lùng nhất thường là những điểm tiên khởi của biết bao khám phá kỳ diệu.

Họ suy luận như thế này: Vũ trụ nguyên thủy ở đâu ra? Đó là một vụ Big Bang (xem bài vũ trụ bùng nổ trong các số trước), nghĩa là bất luận vật gì trong thế gian này, kể cả chất tối, cũng sinh ra từ một nồi "súp", gọi là *quả trứng nguyên thủy* hay *lỗ đen* hay gì gì nữa... cũng vậy. Chất tối nhiều đến 99.99% của vũ trụ thì tất nhiên khi nồi "súp" bắn vung ra tung tóe như hiện nay, phải có những mảnh nhỏ li ti — dù không phải là nguyên tử, hạt nhân hay điện tử như ta biết — của cái gọi là chất tối đó bám vào đâu đây, nghĩa là mọi thứ hạt dưới nguyên tử (subatomic patricles) đều... dính trấu hết.

Lý luận như vậy rồi, các ngài bác học bèn bỏ qua luôn các cục lớn khó vời là vũ trụ, mà moi vào tận cùng của nguyên tử để tìm manh mối thủ phạm "chất tối".

Ngành Vật lý hạt (particle physics) hiện đang sôi động bởi vì đã có những phương tiện mới. Giản dị như thế này: Muốn biết cái hạt đó có gì, phương pháp thông thường là đập cái hạt đó cho nó bể ra mà xem. Nhưng có một điều không thông thường là như thế này: Khoảng 15 tỷ năm trước đây, khi cụ Tạo Hóa quyết định làm nổ lò Bát Quái (Big Bang) để cho các chất trong món "súp" của cụ biến thành vật chất (tối cũng như sáng), thì cụ phải dùng đến những năng lượng (energy) khổng lồ mới làm các hạt li ti đó gắn lại với nhau mà thành nguyên tử, điện tử, điện hạt nhân, v.v... để rồi tạo thành các galaxy, các vì sao, các hành tinh như hiện nay.

Nguyên lý dễ hiểu là khi cụ Tạo Hóa kết nó lại thành hạt nhân hay vi hạt bằng năng lượng khủng khiếp, thì bây giờ cũng lại phải có năng lượng cũng bằng năng lượng khủng khiếp đó mới làm bể nó ra mà xem được. Chu choa, té ra các ông bạo phổi thật, dám bắt chước Thượng Đế?

Họ đã lầm rồi. Họ đã làm ra các máy đập phá nguyên tử (smasher), các máy va chạm hạt (collider). Mục đích là để tiến đến một năng lượng tương đương với năng lượng nguyên tử của Big Bang. Và những nhà bác học Mỹ đang định tiến mạnh hơn nữa bằng dự án xây dựng một SSC (Superconducting Super Collider), nghĩa là máy Siêu Dẫn Siêu Đập Hạt, ở Texas, có điều là dự án này đang bị trắc trở vì... thiếu tiền.

Cho đến nay những máy collider đã có ở Mỹ, Âu Châu và Nhật Bản đã đem lại những kết quả ngoạn mục, chẳng hạn như người ta đã tìm thấy hạt neutrino hầu như không trọng lượng và hạt muốn có năng lượng rất cao do các máy collider tối tân ở Illinois và ở Thụy Sỹ. Chính vì thế các nhà bác học hy vọng đi sâu hơn nữa, nghĩa là tạo ra những năng lượng khủng khiếp để tìm ra những dấu vết của chất tối bên trong hạt nhân nguyên tử. Bởi vì một nguyên lý bất di dịch của vật lý học là vật chất, cũng như năng lượng, không thể có cái gì làm nó biến tiêu mất trong vũ trụ này được, nó chỉ có thể thay hình đổi dạng đi mà thôi.

Nhưng dù là tìm vào trong thế giới vi mô lượng tử như vậy thì cũng không khác gì đáy bể mò kim! Thế giới Lượng tử nhỏ vậy mà nó còn phức tạp gấp triệu lần Vũ trụ vĩ mô, dù có phép lạ mà chui được vào trong cái thế giới tí hon đó, biết chất tối ở đâu mà tìm?

Các nhà bác học không "mò" đâu các bạn ạ. Trước hết họ xây dựng lý thuyết trên một mảnh đất học thuật kỳ ảo nhất của loài người là *toán* (Mathematics) và là thứ toán học siêu đẳng. Biết bao khám phá của khoa học từ đầu thế kỷ này đã được mở đầu bằng lý thuyết xây dựng trên toán, để rồi thực nghiệm tìm thấy quả đúng như vậy.

Ngày nay những mẫu hình toán căn cứ trên các hạt cơ bản đã tìm thấy, bắt đầu tiên đoán được rằng nếu các vi hạt đã sắp xếp như vậy thì tất nhiên phải có một loạt những vi hạt khác nữa, chẳng hạn như loại hạt được tạm thời đặt tên là hạt *axion*. Và hạt này chỉ rã (decay) nghĩa là bể ra, trong một từ trường cực mạnh và khi nó decay nó sẽ bức xạ một loại sóng vi ba đặc biệt. Nếu nắm được cái này, người ta sẽ lần ra manh mối chất tối.

Ở Nhật Bản, các nhà bác học, cũng như ở Illinois và Thụy Sỹ, đang đi tìm một bóng ma khác gọi là hạt siêu-tương-xứng-gương của neutrino (super-symmetric neutrinos). Trong các công cuộc

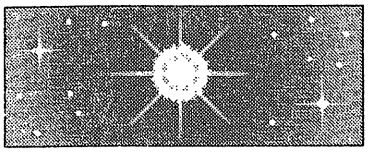

Hình Machos: Machos là những đám bụi trên lý thuyết, không có khả năng bốc cháy thành các vì sao, nhưng nếu đúng có thật, nó sẽ tạo thành một thứ lăng kính làm các vì sao ở xa trông sáng rực hẳn lên.

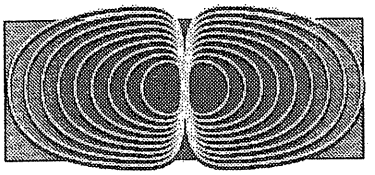

Hình Axions: Loại vi hạt do lý thuyết tưởng tượng ra, nhưng các nhà bác học tin rằng nó phải được "nấu" chung trong nồi "súp" của Thượng Đế trước khi Ngài làm cho nổ tung (Big Bang) để bắn vung ra thành... vũ trụ.

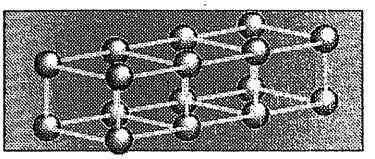

Wimps: Cũng là loại vi hạt đang nằm trong lý thuyết chớ chưa thấy bóng dáng nó đâu. Các mẫu hình toán siêu đẳng cho rằng đây cũng là một món nữa trong nồi "súp" của Thượng Đế, cũng có thể kiếm ra được, nếu ta có một lò Bát Quái cũng nóng ngang bằng lò đốt của Ngài.

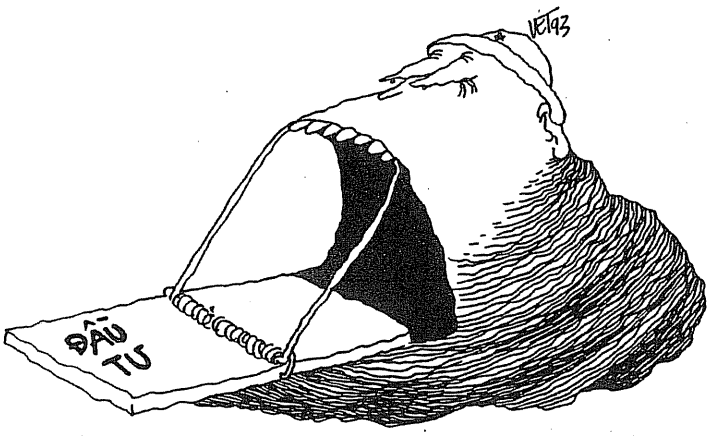

truy lùng khó khăn này, điều thiết yếu là phải tránh các tia vũ trụ tuyến hay phá rối và gây ngộ nhận. Bởi vậy các nhà bác học phải đem cả 33,000 tấn nước xuống đáy một cái hầm mỏ thiếc để thử, hoặc phải đặt phòng thí nghiệm trong một đường hầm trong núi ở Ý, hoặc đi thẳng vào một trái núi rỗng ruột ở bên Nga, hoặc phải núp trong một cái hầm mỏ vàng ở South Dakota bên Mỹ.

Trung tâm Hạt Vật Lý Thiên Thể ở Berkeley là nơi tập trung công trình nghiên cứu chất tối ở Mỹ đã được National Science Foundation tài trợ 2.5 triệu đôla để nghiên cứu. Trung tâm này sẽ đứng ra chủ trì cho các cuộc khảo cứu của hàng chục các nhà khoa học đang tìm kiếm chất tối bằng những đường hướng khác nhau. Và người ta biết chắc rồi đây thế nào cũng có một vị "giải Nobel" trong tương lai nằm ở nhóm này.

Riêng ở vùng Vịnh Bắc Cali các nhà bác học như Snowden-Ifft và Alcock đang chú trọng vào hai mục tiêu, thực ra là hai bóng ma mà lý thuyết đã vẽ ra, là WIMP và MACHO. Các nhà bác học khoái đặt tên, nhất là những tên ngồ ngộ. Nhưng cũng có khi họ làm biếng, họ bèn ghép luôn các mẫu tự đầu của một câu về tên gọi của các hạt... trong lý thuyết.

WIMP là các chữ đầu của từ *weakly interactive massive particle*, có nghĩa là hạt có khối lượng nặng tương tác yếu với nhau. Còn MACHO là *massive compact halo objects*, có nghĩa là các vật khối lượng nặng kết tụ thành quầng (hào quang).

Cứ theo lý thuyết thì mỗi giây đồng hồ có hàng tỷ Wimp xuyên qua các nhân nguyên tử có thể để lại dấu vết mà người ta chưa thấy được. Tìm thấy được đúng có Wimp cũng chỉ là một bước tiên khởi để dẫn dắt đến chất tối mà thôi.

Riêng về nhà bác học Alcock, ông thích đi tìm Macho hơn, nghĩa là thay vì đi tìm ở bên trong nguyên tử, ông hy vọng tìm thấy Macho ở khoảng không vũ trụ giữa các giải ngân hà. Sử dụng một viễn vọng kính kiểu cũ, đã có từ 125 nay ở Úc có tên là Great Melbourn tại Canberra, Alcock và các bạn đồng sự của ông đang kiểm kê và lên danh sách cho những ngôi sao sáng nhất của hơn 40 triệu ngôi sao. Họ chờ tìm xem có những ngôi sao nào mà đột nhiên ánh sáng của nó bỗng rực lên một cách bất ngờ nhất và không sao giải thích nổi. Ông tin rằng đó là dấu hiệu khi có những khối Macho chạy ngang qua khoảng cách giữa Trái đất và ngôi sao đó.

Macho có thể là những khối hơi nhẹ như các khối hơi phản ứng nhiệt hạch trên các vì sao, nhưng chúng lại không tự tạo được phản ứng dây chuyền để bốc cháy như các vì sao. Đó là những khối hơi tối, lạnh và di động chậm. Nó không bức xạ cái gì hết kể cả quang tuyến X hay làn sóng điện - cho nên chúng ta không nhận thấy nó. Thế nhưng các khối hơi đó lại có sức hấp dẫn đủ mạnh khiến có thể làm ánh sáng cong đi một chút, cũng như các lăng kính trong ống nhòm, làm cho các vật ta nhìn thấy gần hơn.

Vì thế, thí dụ đối với người nào ở Trái đất đang ngắm nhìn vì sao qua một viễn vọng kính, khi có Macho chạy ngang qua tầm nhìn, tự nhiên ánh sáng của ngôi sao sẽ rực sáng lên trong một lúc. Bằng cách nghiên cứu quang phổ (spectrum) của ngôi sao lúc đó, ông Alcock tin rằng ông có thể phân biệt được Macho với các hiện tượng khác.

Mặc dù Alcock và các nhà bác học khác nghĩ là hàng 1,000 trillion (ngàn ngàn tỷ) Macho thường xuyên vây thành quầng xung quanh giải Ngân hà của chúng ta, nhưng kiếm ra được chúng là công việc thiên nan vạn nan. Alcock tính rằng bất cứ lúc nào cứ trong số 2 triệu vì sao cũng có một bị Macho khuếch đại ánh sáng. Chính vì thế viễn vọng kính do người máy điều khiển của ông mỗi đêm lần lượt tự động quan sát 20 triệu ngôi sao để kiếm "của lạ" này. Kỹ thuật dò tìm thượng thặng này sở dĩ có được là nhờ sự phát triển của Chương trình Phòng thủ chống Hỏa tiễn tầm xa trong cái gọi là chiến tranh giữa các vì sao (Star Wars) hay SDI của Mỹ. Ánh sáng của mỗi vì sao phát ra sẽ được đo lường bằng một dụng cụ điện tử, tương tự như bộ phận nhạy cảm ánh sáng của các máy video camera chúng ta vẫn dùng.

Nhà bác học Alcock không thể quả quyết là phương pháp tìm sao của ông có thể khám phá ra Macho hay không, nhưng ông nói ông không nghĩ được phương pháp nào tốt hơn để... truy lùng kẻ thủ phạm này.

Ông nói: "Chúng tôi đã đo ánh sáng các vì sao nhiều hơn bất cứ thời kỳ nào của lịch sử thiên văn học." Nhưng ông cũng không chịu cho biết đã tìm được manh mối nào... khả nghi chưa.

"Dù sao," ông tiếp, "chúng tôi cũng đã tìm hiểu được một số dữ kiện khổng lồ về các vì sao."■

Kỳ tới: Vũ trụ bùng nổ hay tranh luận bùng nổ. Viết theo một bài mới nhất của báo Pháp: *Et si le Big Bang n'avait jamais eu lieu?*

CÕI TÔI / NIỀM IM LẶNG CỦA MẸ

CHUYỆN TRÒ VỚI KIỀU CHINH VỀ LẠC PHÚC HỘI (JOY LUCK CLUB)

Kiều Chinh và Đào Trung Đạo

Chúng tôi đến gặp Kiều Chinh vào buổi sáng Chủ Nhật 11 tháng bảy, 1993. Theo giờ giấc đã hẹn thì chúng tôi đã chậm mất gần nửa giờ. Không sao đâu, không sao đâu, Kiều Chinh rất vui vì các anh chị đã tới. Kiều Chinh mở cửa bước ra, tấm áo nâu nhạt trong vóc dáng thanh thoát và đôi mắt nồng nàn theo từng lời nói: Kiều Chinh đón chúng tôi vào "Cõi Tôi" theo cái cung cách của những người bạn thân đến thăm nhau chứ không phải như một nữ tài tử điện ảnh quốc tế gặp gỡ những nhà báo đến phỏng vấn. "Cõi Tôi" là địa chỉ của Kiều Chinh, là căn nhà nhỏ ấm cúng đầy ắp tình bằng hữu và trải rộng một phong thái rất Kiều Chinh trong trang trí, trong tiếp đón bằng hữu, trong tiếng nói giọng cười, trong dáng ngồi, ánh mắt. Chúng tôi tìm thấy ở Kiều Chinh một sự đơn giản, chân thành, và thanh cao toàn phần. Cũng toàn phần như trái tim Kiều Chinh trọn vẹn dành cho điện ảnh và bằng hữu.

Chúng tôi - Trần Diệu Hằng (TDH), Lê Đình Điểu (LĐĐ), và Đào Trung Đạo (ĐTĐ) - lần lượt, mỗi người ở một góc độ khác nhau, chuyện trò với Kiều Chinh về Lạc Phúc Hội, về sự tiếp cận và tham dự vào sinh hoạt điện ảnh Mỹ đặt ra cho người Việt muốn bước chân vào sinh hoạt này. Kiều Chinh có rất nhiều điều để nói, muốn có rất nhiều câu hỏi. Chúng tôi hứa với Kiều Chinh là sẽ để độc giả *Thế Kỷ 21* hỏi trong những lần gặp gỡ tới, chỉ sợ Kiều Chinh quá bận rộn.

ĐTĐ: Trong trường hợp nào Kiều Chinh đã được mời đóng Joy Luck Club?

KC: Như anh biết Joy Luck Club (JLC) do hãng Disney thực hiện. Disney đã rất thành công trong việc sản xuất Aladin. Chủ trương làm phim của Disney chú trọng vào những đề tài có tính cách lịch sử, giáo dục, gia đình, di dân... Đặc điểm là phim của Disney không có những cảnh bạo động tuy vẫn khai thác nhu cầu "muốn cái lạ" của khán giả Mỹ và thế giới. JLC có đủ những tính chất vừa kể, thích hợp với chủ trương của hãng này. Một chuyên viên lựa truyện phim (story research) người Trung Hoa của Disney mà Kiều Chinh quen biết đã thành công trong đề nghị đưa JLC ra thực hiện vào phút chót. Nhiều tháng trước đây Kiều Chinh đã tới hãng này thử tiếng nói (audition) cho một phim khác chứ không phải cho JLC. Rồi qua sự dàn xếp của người *agent* của KC, Ron Bass và Wayne Wang muốn gặp KC. Ron Bass vừa là người viết chuyện phim vừa là nhà sản xuất, rất nổi tiếng với phim *Rain Man*. Còn Wayne

Wang là một nhà đạo diễn Trung Hoa rất có thể giá ngay từ phim *Tìm Sắm*, một người vừa rất hiểu biết văn hoá Á châu vừa được huấn luyện đầy đủ kỹ thuật làm điện ảnh của Mỹ. Lần gặp đầu tiên với hai vị này chỉ là gặp gỡ và truyện trò thôi. Không lâu sau cả hai đề nghị gặp lại KC, lần này họ giao Script cho KC đọc, hẹn sẽ gặp gỡ lần thứ ba. Lần thứ ba gặp lại thật rất thích thú. Để KC kể lại cuộc đàm thoại giữa KC với Ron Bass (RB) và Wayne Wang (WW) theo trí nhớ về những lời đối thoại quan trọng:

RB: *Bà đã xem cuốn tiểu thuyết cũng như truyện phim (script) rồi thì trong bốn bà mẹ bà thấy thích hợp nhất trong vai bà mẹ nào ?*

KC: *Tôi là một diễn viên rất tham lam, Tôi thấy tôi trong cả bốn nhân vật này. Tôi nghĩ rằng Amy Tam đã khiến độc giả truyện bà tìm thấy chính mình trong tiểu thuyết của bà.*

RB: Câu trả lời thật tuyệt vời, nhưng tôi xin bà chọn đi...

KC: *Đứng về mặt diễn xuất quả thực tôi rất mê đóng vai bà mẹ An-Mei Hsu. Theo tôi, cái cảnh bà mẹ này mất đứa con gái ngoài bờ biển là một cảnh tôi mê được diễn xuất. Nhưng tôi cũng nhìn thấy mình rất thích hợp với vai bà mẹ Suyan Woo. Vai này gần cuộc đời thật hơn, vả lại tôi cũng là một di dân, có kinh nghiệm về di cư, từng trải và chứng kiến cảnh di cư di tản. Thêm nữa theo sự xếp đặt của câu truyện thì Suyan Woo thuộc mạng Thổ, tôi cũng mạng Thổ.*

Nhưng xin quý vị hãy để cho tôi về nhà đọc lại truyện, sống đời sống của nhân vật, ngủ cùng nhân vật và sẽ đóng thử cả hai vai An-mei Hsu và Suyan Woo.

RB: *Tôi chọn bà đóng vai An-mei Hsu.*

WW: *Tôi nghĩ là bà đóng vai Suyan Woo hợp hơn.*

Sau lần đóng thử, cả Ron Bass lẫn Wayne Wang đồng ý để KC đóng vai bà mẹ Suyan Woo. Như anh biết cả bốn bà mẹ trong truyện kể lại thời còn son trẻ và thời đã về già. Sau khi thử cả bốn diễn viên thì chỉ có KC là có thể đóng hai quãng đời trẻ và già của nhân vật này vì vậy họ không phải tìm người đóng thay thế KC lúc Suyan Woo còn trẻ.

ĐTĐ: Kiều Chinh cho biết về những tài tử chính khác đóng những nhân vật...

KC: Anh biết không, ở Mỹ này số tài tử điện ảnh và diễn viên kịch nghệ người Á châu gồm Tàu, Nhật, Đại Hàn, Philipne nổi tiếng rất nhiều. Ở New York, ở California, ở những tiểu bang khác nữa, nhiều lắm. Và họ đã hoặc sinh trưởng ở đây, hoặc đã ở đây từ lâu hơn KC nhiều. Tiếng Anh đối với họ không thành vấn đề. Lớp tài tử lớn tuổi thì đã thành danh với những phim trước đó. Lớp trẻ thì tài nghệ diễn xuất rất vững vàng vì họ tốt nghiệp ở những trường huấn luyện điện ảnh kịch nghệ đã đóng phim diễn kịch nổi tiếng.

Và KC đã được họ chọn! Về các nhân vật và các tài tử khác? Sự thật trong truyện cũng như trong phim khó nói tài tử nào nhân vật nào là chính. Cứ cho là tất cả có tám nhân vật chính, nghĩa là có tám tài tử chính là bốn bà mẹ và bốn người con gái. Thêm tám ông chồng là mười sáu. Rồi lại còn con gái của những nhân vật này, cộng thêm họ hàng, bạn bè, tính ra cả thảy có sáu mươi lăm diễn viên. Kiều Chinh nói về bốn diễn viên đóng vai bốn bà mẹ trước. Bốn bà mẹ được tượng trưng theo "mạng" gồm Kim, Mộc, Thủy, và Thổ. Kiều Chinh (Thổ) trong vai bà mẹ Suyan Woo. France Nguyễn (Thủy) trong vai bà mẹ Ying Ying St. Clair. Khán giả Việt Nam đã biết France Nguyễn qua phim Le Monde de Suzie Wong, rất nổi tiếng. Vai bà mẹ An-mei Hsu được giao cho Lisa Lu, người đóng vai Hoàng Thái Hậu trong The Last Emperor đấy. Còn Tsai Ching, một nữ kịch sĩ lão thành của Broadway được giao vai bà mẹ Lido Jong. Bốn người con gái Jing-mei "June" Woo, Rose Hsu Jordan, Waverly Jong và Lena St. Clair được chọn rất kỹ lưỡng cho hợp với nhân dáng Kim Mộc Thủy Thổ của bốn bà mẹ đều là những tài tử điện ảnh hay diễn viên kịch nghệ đã thành danh... KC cho rằng JLC là một truyện phim lớn với nhiều nhân vật và tình tiết, lẽ ra phải là một cuốn phim dài. Rất tiếc đây chỉ là một cuốn phim chiếu trong khoảng hai giờ nên đã phải cắt bỏ đi rất nhiều cảnh, tình tiết trong cuốn tiểu thuyết.

ĐTĐ: Theo tinh thần cuốn tiểu thuyết thì Suyan Woo và con gái June Woo là những người kể chuyện (narators) chính. Truyện mở ra trong sự vắng mặt của Suyan Woo, sự vắng mặt đó trải rộng, khỏa lấp toàn thể không gian truyện. Suyan Woo là sợi dây nối kết tất cả các nhân vật khác lại. Suyan Woo phơi mở rõ nét nhất hình tượng người mẹ Á châu và June Woo lại rất gần với Amy Tan ngoài đời. Theo tôi chủ ý của Amy Tan khi viết JLC đã được bài tỏ rõ nét nhất trong hai nhân vật này. Amy Tan đã đưa ra ngôn từ của người mẹ Á châu di dân, người mẹ

Kiều Chinh trên sân quay

Kiều Chinh kể chuyện đi đóng phim ở Quế Lâm

của Thế Giới Thứ Ba bấy lâu sống trong niềm im lặng giờ đây đã lên tiếng. Trong cái "Cõi Tôi" của mình...KC đã thay người mẹ đó ra khỏi niềm im lặng bấy lâu. Không biết người viết truyện phim cũng như đạo diễn có phần nào thực hiện được cái "thần" đó không?

KC: KC thấy Ron Bass có lẽ cũng hiểu như vậy nhưng bằng con mắt điện ảnh mới. Hôm qua đây thôi KC đã phải đóng lại cảnh Suyan Woo "cãi nhau" với June Woo trong bữa tiệc "cua". Phải quay lại cảnh nầy vì Ron Bass muốn người xem phim "hiểu" được nhân vật Suyan. Đóng lại, cãi nhau thật sự, diễn tả hết được sự độc đáo nơi người mẹ này. Ngôn ngữ bề ngoài tỏ ra một con người rất độc đoán chẳng bao giờ thèm con nghe con gái nói gì, cứ theo ý mình mà nói.

LĐĐ: Kiều Chinh có thích thú với vai Suyan Woo không ?

KH: Rất happy với vai Suyan Woo. Cũng may nếu họ giao đóng vai An-mei Hsu thì KC lại sẽ không có dịp ở cái cảnh người mẹ mất con ngoài bờ biển vì cuối cùng cả đạo diễn lẫn sản xuất đều đồng ý bỏ cảnh này nhưng trên hết mọi thứ, KC rất thích khi đóng JLC vì mình đã được đóng một cuốn phim về cảnh thổ, phong tục, văn hóa... đời sống nói chung rất gần với văn hóa Việt Nam.

TDH: Kiều Chinh có thể kể lại một vài kỷ niệm đẹp đáng ghi nhớ khi đóng phim này...

KC: Nhiều kỷ niệm đáng ghi nhớ lắm, nhất là kỷ niệm của Kiều Chinh những khi quá vất vả trong thời gian đóng phim. Thí dụ vào tháng Hai vừa rồi, khi sang Tàu đóng phần đời son trẻ của Suyan Woo. Trên chuyến bay đến Quế Lâm KC ngồi gần một công nhân địa phương của hãng phim. Anh ta còn rất trẻ, Nhìn KC anh ta hỏi KC có phải người Tàu không, KC đến Quế Lâm làm gì, nếu ngày mai rảnh rỗi nên đến xem cảnh quay phim của hãng phim Mỹ rất vĩ đại và nếu như KC muốn đóng vai figurant trong một phim sắp quay ngày mai để anh ấy giới thiệu với chủ. KC nói để KC suy nghĩ xem sao, nếu thấy thích ngày mai KC sẽ nhờ bạn có xe hơi đưa tới. Điệu bộ anh ta thật tức cười, tỏ ra rất hãnh diện vì mình thuộc "film crew" của Disney. Sáng hôm sau tại sân quay tại Quế Lâm anh ta hoảng hốt và sững sờ khi gặp lại KC đang sửa soạn đóng vai chính trên sân quay, anh ta cố tìm cách đến gần KC và xin lỗi "Oh my Godess !..." Anh chị biết không, KC sang Quế lâm vào mùa đông trời lạnh dưới năm độ. Vì không quen với thực phẩm ở đây và nhất là nước ở đây, KC bị bệnh suốt thời gian đóng phim. Thật không may mắn và cực khổ quá đi. Mình phải có tinh thần trách nhiệm, chia sẻ những lo âu của sản xuất nhất là về mặt tài chính, phải cố gắng vượt qua mọi khó khăn để thực hiện đúng theo chương trình trù liệu. Hãng phim dự trù chi phí cho năm ngày quay phim ở Trung Quốc khoảng 800,000 Mỹ kim. Đạo diễn, tài tử cũng như nhà sản xuất, bằng mọi giá, phải thực hiện toàn hảo mọi thứ trong kế hoạch. Vì phải đóng vai Suyan thời còn trẻ nhân viên hoá trang đã dùng những kỹ thuật buộc tóc căng da mặt vv... làm mình nhức nhối đau đớn suốt thời gian quay phim. Chỉ mong đóng xong để trở về phòng nghỉ ngơi.

Một chuyện khác cũng đáng ghi nhớ nữa là câu chuyện "cái gốc cây" ở Quế Lâm và hai đứa bé thuê của một gia đình địa phương. Theo chuyện phim KC trên đường chạy loạn sẽ bỏ lại hai đứa con thơ ở một gốc cổ thụ. Quả thực ở Quế Lâm có một gốc cổ thụ thật là lớn và rất đẹp nên được chọn để quay cảnh này. Theo thủ tục, đoàn quay phim đã được trung ương tỉnh cấp giấy phép rồi, nhưng khi đến Quế Lâm, chính quyền địa phương và dân làng ở đây nhất định không cho phép quay cái "gốc cổ thụ" của họ, họ bất chấp lệnh trung ương đòi hãng phim phải trả 5,000 đô la mới cho quay. Họ cãi cọ, dọa nạt, xua đuổi nhân viên hãng phim và cả đạo diễn, sản xuất lẫn tài tử. Ron Bass thương lượng trả họ 2,000 rồi 3,000 Mỹ Kim họ cũng chẳng chịu. Mà thời giờ thì eo hẹp, cảnh này phải quay khi trời còn sáng, nếu cứ dằng co như thế khi trời sập tối là hết quay được. Rồi đoàn quay phim giả bộ, bỏ cái gốc cây đó không quay nữa, đi chỗ khác.

Lại thêm cái khổ về hai đứa bé hãng phim thuê của một gia đình địa phương, khá giả nữa chứ. Theo đòi hỏi của truyện phim, KC mỗi tay ôm một đứa bé đến ngang cái gốc cây phải ngã xuống. Gia đình hai đứa bé nhất định

Kiều Chinh trong vai bà mẹ mất con

không chịu như vậy vì họ sợ hai đứa bé sẽ bị thương. Tuy KC đã nói với họ là khi ngã xuống, nếu có người bị thương thì người đó phải là KC chứ không phải là hai đứa bé. KC cho họ biết KC đã là mẹ, đã từng nuôi con, nuôi cháu, lớn khôn. KC biết bảo vệ, lo lắng cho trẻ thơ như thế nào, mà họ vẫn không thông cảm. Rồi lại cái vụ "ngã" nữa. Đạo diễn bắt buộc KC phải ngã theo cái thế đùi phải thẳng, chịu sức nặng của toàn thân trên hai đùi, vì nếu ngã nằm xuống thì rất xấu và ống kính đặt sát sẽ thu hết sự hở hang...

LĐĐ: Còn những kỷ niệm ấm cúng...?

KC: Cái cảm giác ấm cúng khi mọi người, đạo diễn, sản xuất, tài tử, và cả Amy Tan nữa... đã đối xử với nhau như người trong cùng một gia đình. Trong gia đình với nhau cả trong phim lẫn ngoài đời sống. Còn nhớ khi đóng phim ở San Francisco, KC được dịp sống và sinh hoạt rất gần gũi thân thương với mọi người trong đoàn. KC đã gặp gia đình Amy Tan, nhất là bà mẹ Amy rất cần gặp. Ở San Francisco có Joy Luck Restaurant các bạn ạ. Nhớ nhất có một hôm chẳng may KC bị té. Mọi người, tất cả mọi người, ai cũng lo lắng, săn sóc, giúp đỡ KC hết mình...Thật là cảm động.

ĐTĐ: Thường thường giữa tiểu thuyết với điện ảnh không có sự trung thực tương xứng khi đem tiểu thuyết lên màn ảnh. Nghĩa là trong rất nhiều trường hợp tác giả của cuốn tiểu thuyết được đưa lên màn bạc thường phê phán điện ảnh đã không thực hiện được điều tiểu thuyết muốn người đọc thấu hiểu. Nói cách khác ngôn từ tiểu thuyết đã bị đánh mất khi đưa lên màn ảnh. Trong JLC, Amy Tan có rất nhiều ý tưởng muốn người đọc nắm bắt, chẳng hạn vấn đề phá tan niềm im lặng của người mẹ Á Châu di dân để phơi mở chủ thể tính rất cá biệt của mình. Và ý định phá bỏ định kiến của người da trắng về người di dân Á châu. Theo KC phim Lạc Phúc Hội đã thực hiện được đến mức độ nào ý định của Amy Tan ?

KC: Thật ra phải chờ xem phim mới có thể có nhận xét đầy đủ được. Nhưng KC cũng thấy có nhiều hy vọng lắm vì thứ nhất Ron Bass là tay viết chuyện phim rất giỏi và rất nhạy cảm với thông điệp của cuốn truyện; thứ hai chính Ame Tan cũng tham dự vào việc viết truyện phim và sản xuất. Trước khi đóng phim tất cả các tài tử đã được nghe Rone và Amy giảng dạy về JLC một cách khá đầy đủ. Vả lại thêm đạo diễn Wayne Wang là người Trung Hoa, tuy làm việc theo kiểu Mỹ, nhưng đối xử cũng như đạo diễn theo tinh thần Đông Phương.

LĐĐ: Bao giờ thì JLC được đem chiếu cho công chúng xem. Ở tiểu bang nào trước, và trước đó JLC và KC cũng như các tài tử khác sẽ tham dự những đại hội điện ảnh nào ?

KC: JLC có thể sẽ được ra mắt công chúng vào tháng mười, ở New York trước. Về việc tham dự các đại hội thì hãng phim dự định vào tháng 9 sẽ cho xuất hiện ở một Film Market rất lớn ở Colorado, kế đó đi Montréal, dự Đại Hội Venice vào tháng mười, và cuối cùng là Đại Hội Điện Ảnh Thượng Hải vào tháng 11. Hãng Disney cho rằng sự thành công của JLC có thể hơn cả phim Aladin. Không chỉ khán giả ở Mỹ sẽ xem phim này thôi mà họ còn nhắm khán giả khắp thế giới nữa. Còn về thành phần đi dự các đại hội thì cũng còn trong vòng tranh luận, được giữ kín. Cả bốn bà mẹ và bốn người con đi dự hay chỉ đưa bốn bà mẹ đi (tài tử già e rằng không thu hút sự chú ý?) hay chỉ đưa bốn cô con gái đi cho trẻ trung hấp dẫn hơn? Ý kiến của Kiều Chinh là đã đi là phải đi hết, trong cái tinh thần gia đình gắn bó.■

LẠC PHÚC HỘI

AMY TAN

Hội Lạc Phúc (Joy Luck Club) tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Mỹ gốc Hoa Amy Tan, xuất bản năm 1989 và đứng đầu liền trong chín tháng trên danh sách tiểu thuyết bán chạy nhất ở Mỹ. Loại bìa cứng in 27 lần và loại bìa mỏng do nhà Vintage phát hành từ tháng 6,1990 bán trên hai triệu bản. Hiện nay tiểu thuyết này đã được quay thành phim. Kiều Chinh của Việt Nam được mời đóng vai Suyan Woo, một trong bốn bà mẹ.

Tác giả Amy Tan sinh tại Oakland, California năm 1952, hai năm rưỡi sau ngày cha mẹ bà di dân đến Mỹ. Cha mẹ Amy Tan mong muốn con trở thành một bác sĩ giải phẫu thần kinh, nhưng cuối cùng Amy Tan lại tốt nghiệp Cao Học Ngữ Học và làm việc cho những chương trình trợ giúp trẻ em có khuyết tật trong chức vụ cố vấn chuyên môn (consultant). Trước Joy Luck Club Amy Tan đã có truyện ngắn đăng trên nhiều tạp chí văn chương Mỹ.

Trở về thăm quê hương Trung Quốc lần đầu vào năm 1987, Amy Tan nghiệm ra lời mẹ nói: " Ngay khi đặt chân lên đất Trung Quốc là ta đã trở thành người Hoa " là chí lý.

Tuy là một cuốn sách được nhiều người đọc nhưng Lạc Phúc Hội về mặt văn chương, nhất là về cấu trúc và kỹ thuật cũng như về những đề tài chính, lại không mấy được cả giới độc giả lẫn giới phê bình và điểm sách dành cho nó sự chú ý và đánh giá đúng mức. Về cấu trúc đây là một lối kể chuyện không liên tục đường thẳng với bốn phần: Phần nhất " Lông thiên nga từ ngàn dặm xa" là tự sự của bốn bà mẹ Suyuan Woo, An-mei Hsu, Lindo Jong và Ying-ying St. Clair. Riêng tự sự của Suyuan Woo không phải do chính bà kể mà do con gái bà là Jing-mei Woo thay lời vì bà đã khuất. Khi rời Hoa lục trên con đường sang Mỹ qua ngả Thượng Hải, Suyan Woo đã đem theo một con thiên nga vì bà vẫn đinh ninh rằng con vật này mang theo niềm hy vọng, rằng con gái bà sau này sẽ giống bà, hơn thế nữa, sẽ nói được tiếng Anh một cách toàn hảo và sẽ chẳng phải nuốt sầu uống hận trong đời. Tiếc thay khi bà đặt chân lên đất Mỹ, nhân viên sở di trú đã tịch thu con thiên nga và trong tay bà chỉ còn lại chiếc lông thiên nga để nhớ để quên.

Cuộc đời trôi chảy, trên đất Mỹ này con gái bà lớn khôn và chỉ biết nói tiếng Mỹ uống Coca-Cola nhiều hơn ngậm tủi nuốt sầu. Đã từ lâu bà muốn trao lại cho con chiếc lông thiên nga còn lại và nói với con rằng chiếc lông này tuy trông thật chẳng đáng chi nhưng nó đã đến từ một chốn xa xăm và mang theo cùng với nó tất cả những ý nghĩ tốt đẹp của mẹ về con. Bà đã chờ đợi, chờ đợi nhiều năm để có một ngày bà có thể nói điều đó với con gái bà bằng thứ tiếng Anh toàn bích.

Phải chăng Amy Tan khi viết JLC đã thực hiện được ước vọng đó của mẹ ?

Phần thứ nhì "Hai Mươi Sáu Họa Môn Quan" là bốn cuộc đời mẹ cọn gắn liền từ thuở mẹ còn son trẻ, con từ niên thiếu đến trưởng thành của bốn người con gái là Waverly Jong, Lena St. Clair, Rose Hsu Jordan, và Jing-mei Woo.

Ngôn từ văn chương tiểu thuyết ở đây đã phơi mở sự thật, một sự thật không hiện hữu trước khi bản viết xuất hiện: rằng nơi mỗi người con có một nửa phần mẹ và nơi mỗi người mẹ có một nửa phần con. Từ khi con còn bé dại con thường cãi lời mẹ dạy dỗ, làm điều trái ý mẹ. Để làm làm bằng cho con tin lời mẹ, mẹ chỉ còn biết nói với con rằng những lời mẹ khuyên con chẳng qua cũng chính là những điều đã được ghi chép trong sách " Hai Mươi Sáu Họa Môn Quan". Trái tim khối óc nhỏ dại của con làm sao hiểu được ý mẹ ? Con cãi lời mẹ, con đã ngã xuống nhiều lần. Con cũng như mọi người vẫn cho rằng mẹ độc đoán, chuyên quyền, bất chấp ý kiến của con. Và rồi đây con còn ngã xuống bao nhiêu lần nữa và đã học được gì ở đời sống của mẹ, của con ?

Phần thứ ba "Chuyển Ngữ Sang Tiếng Mỹ" là cuộc đời khi trưởng thành của bốn người con, bốn cuộc đời trống rỗng như bóng mình trong gương. Những mất mát, những đổ vỡ, trong hạnh phúc lứa đôi nào tránh được, tuy bên tai còn văng vẳng những lời mẹ cảnh tỉnh. Mẹ đã tặng con tấm gương để nhìn thấy chính mình, nhìn thấy tương lai, nhưng con nào thấy gì đâu ngoài bóng mình trơ trọi đang nhìn lại chính mình ? Phải chăng mẹ là dị đoan, độc đoán, hay mẹ có cặp mắt tiên tri nhìn thấu tương lai ?

Phần Thứ Tư "Mẫu Hậu Trời Tây Phương" nối tiếp phần thứ nhất câu chuyện của bốn bà mẹ tâm thành nguyện ước " thà chịu mất đi sự hồn nhiên chứ chẳng thể để mất đi niềm hy vọng ". Ba bà mẹ An-mei Hsu, Ying-ying St. Clair

và Lido Jong cuối cùng tiết lộ cho con gái mình những bí mật đời mình. Riêng bà mẹ Suyuan Woo thì không lâu trước khi qua đời, bà cẩn thận dặn dò một người bạn giúp bà thực hiện điều ước nguyện trọn đời là hãy cố tìm cho ra tung tích hai người con gái song sinh do đời chồng trước của bà. Hai đứa trẻ này đã thất lạc trên đường chạy loạn và bà tin chắc hiện chúng đang sinh sống ở Hoa Lục: Jing-mei Woo là người đã thực hiện được nguyện ước của mẹ khi cùng với cha trở về nước gặp mặt hai người chị song sinh đó, đồng thời cũng nghiệm được lời mẹ: ngay lúc vừa đặt chân lên Trung Quốc là mình đã trở thành người Trung Hoa.

Amy Tan và Kiều Chinh tại San Francisco

Ngược với thói thường của độc giả ở đây nói chung và độc giả Mỹ nói riêng khi đọc những tác phẩm của các nhà văn Mỹ gốc Á thường chỉ coi đó là những " hoa thơm xứ lạ "Chúng tôi xin đề nghị một lối đọc gần sát với bản văn (Close Reading), và hơn thế nữa, đọc theo kế thuật của bản văn (Strategic reading) nhằm xóa bỏ thị hiếu đọc sai (mis-reading) đầy rẫy những định kiến kỳ thị chủng tộc và đồng hóa văn hóa của giới phê bình và truyền thông Mỹ. Ta thấy tiểu thuyết của Amy Tan tuy về mặt văn chương cũng như về tư tưởng chưa thể sánh ngang, nhưng cũng là một sự bừng nở mới của tinh thần văn chương Maxine Hong Kingston (với những tác phẩm lẫy lừng "The Woman Warrior". "China Men, và "Tripmaster Monkey" trong thập niên 80.

Thị hiếu "đọc sai" (misreading) của độc giả, nhất là độc giả Mỹ, khi chỉ muốn tìm thấy trong văn chương di dân những hình tượng cụ thể tô vẽ cho những khái niệm mòn cũ như "melting pot", cultural shock", "generation gap" v.v.. đóng khung trong quan niệm của xã hội chủ lưu đồng hoá đã không còn tỏ ra có giá trị khi đem áp đặt vào ngôn từ văn chương mới nơi Salman Rushdi, Maxine Hong Kingston hay Amy Tan.

Lạc Phúc Hội có một chủ đích khác hơn là chỉ trình bày kinh nghiệm di dân hay dị biệt văn hóa. Nếu Maxine Hong Kingston đã viết ra một ngôn từ tuyên bố chủ quyền sở hữu Mỹ châu của người di dân gốc Á Châu thì Amy đã đưa ra một ngôn từ chống lại quan điểm học thuyết Á Châu trước đây (Ortientalist discourse) là thứ ngôn từ chủ trương, người Á Châu nói chung và người phụ nữ Á Châu nói riêng sống trên đất Mỹ chỉ thể có hai lựa chọn để được chấp nhận: hoặc phải dấu kín cái bản chất đặc biệt cũ của mình và đồng hoá với văn hoá Mỹ, hoặc từ bỏ hẳn cả những gì thuộc nguồn cối giống nòi từ quá khứ và tiếp thu toàn thể phong cách mới của nền văn hóa da trắng để nhập vào xã hội dòng chính. Với Amy Tan, mọi chuyện không phải là như vậy ... Giá trị trước tiên của Lạc Phúc Hội là phải bỏ những quan niệm sai lầm về người Á Châu trên đất Mỹ từ lâu đã ăn sâu vào nếp suy nghĩ của người da trắng. Chẳng hạn lối nhìn những giá trị văn hóa Á Châu chẳng qua chỉ là những thứ trang sức phụ tùy trong khung cảnh văn hóa da trắng vẫn lớn tiếng chủ trương đa nguyên (Á Châu = Sushi, Chinatown shops, Karate kids...)

Amy Tan cũng muốn phản kích huyền thoại "thiểu số kiểu mẫu" (model minority) khi đưa ra những nhân vật không thể xếp loại vào bất cứ một người Á Châu nào trong xã hội Mỹ, những nhân vật này không phải là những hình nộm vừa khít cho những khái niệm phân chia chủng tộc về người Á Châu hoặc những hình vẽ trong phim hoạt họa bày ra để múa rối. Cấu trúc và lối kể chuyện không liên tục theo thứ tự thời gian cũng như thứ tự các nhân vật của Lạc Phúc Hội có một chủ ý rõ ràng: buộc người đọc không nên coi những nhân vật mẹ con là có thể hoán vị (giống nhau và có thể thay thế cho nhau) mà phải chú ý tới những cá tính riêng biệt, những câu chuyện khác biệt. Không làm gì có "một tiếng nói" đại diện cho người Á Châu, không làm gì có một kiểu mẫu bà mẹ Á Châu. Và đây cũng là lần đầu tiên trong văn chương di dân Á Châu niềm im lặng từ lâu ở phía người mẹ đã được phá vỡ: mẹ đã lên tiếng, đã có ngôn từ, tiếng nói mẹ, đã vang vang trong không gian bản viết và chủ-thể-tính (subjectivity) của mẹ đã được cấu thành.

Chúng tôi xin chuyển ngữ chương đầu của phần thứ nhất Lạc Phúc Hội để giới thiệu Amy Tan với độc giả.

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Cha tôi ngồi chân thứ tư trong bàn mạt chược Lạc Phúc Hội. Tôi ngồi thay chân mẹ tôi vì chỗ bà đã bỏ trống từ khi mẹ tôi

mất đi cách đây hai tháng. Cha tôi nghĩ rằng bà đã tự giết chết mình bởi những ý nghĩ của chính bà.

"Khi bà ấy đã có một ý nghĩ mới mẻ trong đầu rồi thì trong lúc ý nghĩa đó chưa kịp thoát ra ngoài cửa miệng bà, nó đã khuyếch đại quá cỡ và nổ tung ra rồi. Ý nghĩ đó hẳn phải là một ý nghĩ chẳng ra gì," cha tôi nói.

Bác sĩ thì lại nói bà chết vì chứng mạch máu não bị nở lớn. Còn các bà bạn của mẹ tôi trong Lạc Phúc Hội lại bảo rằng bà chết giống y như thỏ chết; chết thật mau chóng và còn để vương lại công chuyện lỡ dở. Lẽ ra nếu còn sống mẹ tôi đến lược phải đứng ra chủ trì kỳ họp mặt tới đây của Lạc Phúc Hội.

Một tuần lễ trước ngày bà mất, mẹ tôi gọi điện thoại cho tôi giọng thật hãnh diện, tràn trề nhựa sống: "Bác Lin lần trước nấu chè đậu đỏ đãi Lạc Phúc Hội. Mẹ sẽ nấu chè mè đen." "Thôi đừng có khoe nữa," tôi nói.

"Không phải là khoe khoang gì cả." Bà bảo rằng tuy hai thứ chè cũng gần giống nhau thôi, cũng chẳng là chabudwo (tương tự như nhau) cả. Hoặc cũng có thể bà đã dùng chữ butong (bất đồng) thì phải, là hoàn toàn không phải giống nhau. Đó là một trong những từ ngữ của tiếng Hoa có nghĩa là cái nửa tốt hơn những ý hướng xếp chung lẫn lộn. Tôi chẳng bao giờ có thể nhớ được những gì mà trước hết tôi chẳng hiểu biết ráo trọi gì cả.

Mẹ tôi đã khai hội Lạc Phúc tại San Francisco vào năm 1949, hai năm trước ngày tôi ra đời. Đó là năm mẹ và cha tôi đã rời Trung Quốc với một cái va li lèn chặt ních toàn y phục bằng lụa sang trọng. Sau khi lên tàu rồi mẹ tôi giải thích cho cha tôi biết là chẳng làm sao có thì giờ để gói ghém được cái gì nữa. Vậy mà hai tay cha tôi vẫn cứ xục xạo điên cuồng giữa những món đồ lụa trơn nhẫy cố tìm kiếm cái áo vải bông và cái quần len của ông.

Khi hai người tới San Francisco, cha tôi đã bảo mẹ tôi giấu kỹ những món áo quần bóng lưỡng đó đi. Mẹ vẫn mặc bộ đồ kẻ ô màu nâu của người Hoa mãi cho tới khi Hội Tiếp Đón Tỵ Nạn cho bà hai bộ đồ bố thí rộng thùng thình ngay cả đối với phụ nữ Mỹ. Hội này gồm một nhóm các lão bà tóc cước thuộc cơ quan truyền giáo Mỹ của nhà thờ First Chinese Baptist. Và cũng vì đã nhận mấy món tặng phẩm của họ mà cha mẹ tôi đã không thể từ chối lời mời nhập đạo của họ. Và cha mẹ tôi cũng không thể nào gác ngoài tai những lời khuyên thực tế của mấy lão bà bảo phải học thêm tiếng Anh qua lớp học Kinh thánh vào tối Thứ Tư và, sau đó nữa là lớp tập hát lễ vào sáng Thứ Bảy. Và cũng chính tại những nơi đó cha mẹ tôi quen biết gia đình các bác Hsu, Jong, va St. Clair. Mẹ tôi có lẽ đã cảm thấy được rằng ở những người đàn bà của những gia đình này cùng chất chứa những thảm kịch chẳng thể thổ lộ trước đây ở quê nhà và họ cũng có những niềm hy vọng giờ đây họ chẳng thể tỏ bày với vốn liếng tiếng Anh mỏng manh của họ được. Hoặc ít nhất mẹ tôi cũng đã nhận ra được trên nét mặt những người đàn bà một sự ê chề. Và khi mẹ tôi đưa ra ý kiến lập Lạc Phúc Hội với họ bà nhìn thấy ngay mắt họ đã sáng lên, láo liên như thế nào.

Lạc Phúc là một ý kiến mẹ tôi nhớ lại từ thuở còn ở Quế Lâm khi bà lập gia đình lần đầu, trước lúc quân đội Nhật bản đến đó. Cũng vì vậy mà tôi coi Lạc Phúc là câu chuyện Quế Lâm của bà. Đó là một câu chuyện mà bất kỳ lúc nào rảnh rỗi là bà đem ra kể cho tôi nghe, như khi bà thấy chán nản vì không còn việc gì để làm nữa, khi mà chén bát đã được rửa sạch sẽ và cái bàn mặt *formica* đã hai lần được lau sạch bóng, khi mà cha tôi ngồi đọc báo và hút thuốc lá Pall Mall hết điếu này sang điếu kia, một hành vi có ý bảo mọi người đừng có quầy rầy ông. Đó cũng là lúc nhân dịp mẹ tôi kéo ra cái hộp đựng những cái áo len để đi trượt tuyết cũ do những người bà con thân thích chẳng bao giờ gặp mặt ở Vancouver gửi đến cho chúng tôi. Rồi bà lấy kéo xén bằng gấu một chiếc áo len và rút từ đó ra một sợi len xoăn xoăn, bà lấy một miếng bìa cứng quấn sợi len đó vào. Và ngay khi bà bắt đầu cuộn sợi len với một nhịp điệu vút nhanh, bà sẽ bắt đầu kể câu chuyện của bà. Năm này qua năm khác bà đã kể cho tôi nghe cũng chỉ vẫn một câu chuyện đó thôi, ngoài cái kết truyện thì càng ngày càng trở thành tối tăm hơn, đồng thời nó ném vào đời mẹ tôi những mảng bóng tối dài dặc, và hoá ra vào cả đời tôi nữa.

"Mẹ đã nằm mộng thấy mình về Quế Lâm trước cả khi mẹ tận mắt thấy Quế Lâm," mẹ bắt đầu câu chuyện bằng tiếng Hoa. "Mẹ mơ thấy những đỉnh núi cao ngất lởm chởm lượn quanh một con sông uốn khúc hai bờ trải đầy rêu xanh thần bí. Trên đỉnh những ngọn núi này là sương trắng. Và nếu như ai có thể trôi xuôi theo giòng sông này và ăn rêu hai bên bờ mà sống thì người đó có thể có dư sức mạnh để leo lên đỉnh núi. Và nếu như người đó có trượt chân ngã, thì cũng sẽ chỉ ngã xuống một tấm nệm rêu mềm mại rồi cười vang. Một khi trèo lên đến đỉnh núi rồi thì người đó có thể nhìn thấy mọi vật và cảm thấy được một thứ hạnh phúc đủ để suốt đời mãi mãi về sau chẳng còn bao giờ phải lo lắng buồn phiền.

"Ở Trung quốc ai chẳng mơ về Quế Lâm. Và khi mẹ đến nơi đó mẹ mới nhận ra rằng những giấc mơ của mẹ sao mà tả tơi, những ý nghĩ của mẹ sao mà nghèo nàn đến thế. Khi mẹ nhìn thấy những ngọn đồi, mẹ vừa cười rộ vừa rùng mình kinh sợ. Những vách núi trông giống như những cái đầu cá chiên khổng lồ đang cố nhảy ra khỏi một vạc dầu. Phía sau mỗi ngọn đồi mẹ có thể nhìn thấy bóng một con cá khác, rồi một con nữa, lại một con nữa. Và rồi những đám mây chợt nhích đi và những ngọn đồi đột nhiên trở thành những con voi quái đản đang từ từ tiến bước về phía mẹ! Đấy con thấy không? Và ở chân một ngọn đồi có những cái hang bí mật. Trong hang mọc toả xuống những khu vườn đã có hình dáng và mầu sắc cái bắp cải, dưa gang, củ cải, và hành. Có những vật thật lạ kỳ và đẹp đẽ không thể tưởng tượng được.

"Nhưng mẹ không tới Quế Lâm để thấy vùng này đẹp đẻ như thế nào. Người đàn ông là chồng mẹ đã đem mẹ và hai đứa con của

mẹ đến Quế Lâm bởi vì ông ta nghĩ mẹ và hai đứa bé sẽ được an lành. Ông ta là một sĩ quan trong Quốc Dân Đảng, và ngay sau khi ông đưa mẹ và hai đứa bé đặt chân vào một căn phòng nhỏ trong một căn nhà hai từng, ông liền ra đi tức thì về hướng tây bắc, để tới Trùng Khánh.

"Dân chúng ở đây biết rằng người Nhật đang thắng trận, dù rằng báo chí cố nói rằng họ không thắng trận. Mỗi ngày, mỗi giờ, có hàng ngàn người đổ vào trong thành phố, chật ních lối đi lại, đi kiếm chỗ trú ngụ. Họ từ tứ phía đến đây, Đông, Tây, Nam, Bắc. Người giàu có, người nghèo có, người Thượng Hải, người Quảng Đông, người phương bắc, không phải chỉ có người Hoa thôi mà cả người ngoại quốc và người trong đoàn giảng đạo của các tôn giáo nữa. Và dĩ nhiên là có cả người thuộc Quốc Dân Đảng và những sĩ quan trong quân đội vẫn cứ tưởng mình là thuộc đẳng cấp cao nhất trong xã hội.

"Dân sống trong thành phố gồm tập hợp hầm bà lằng những người bị bỏ lại. Nếu lý do chẳng phải là chỉ vì quân Nhật không biết sẽ tiến vào lúc nào, thì đã có không biết bao nhiêu lý do có thể đưa đến việc đánh giết nhau giữa những người dân rất khác biệt nhau trong thành phố. Con có thể thấy đấy! Dân Thượng Hải gồm nông dân, thợ cấy với những người thợ cạo, phu xe cùng với những người tỵ nạn Miến Điện. Ai nấy đều khinh miệt nhau. Việc mọi người cùng chia nhau một lối đi để khạc nhổ lên hay cùng mắc bệnh thổ tả chẳng còn quan trọng gì nữa. Mọi người đều hôi hám nồng nặc nhưng ai cũng than phiền về một người nào đó hôi hơn mọi người. Mẹ hả? Ôi mẹ ghét cay ghét đắng những sĩ quan không quân Mỹ miệng cứ phát ra những âm thanh habba-habba làm cho mẹ đỏ cả mặt lên. Nhưng tệ hại nhất là những người nông dân phương bắc hỉ mũi vào trong lòng bàn tay và xô đẩy mọi người chung quanh và truyền cho mọi người những bệnh tật nhơ bẩn.

"Như vậy con cũng đủ thấy được Quế Lâm đã mất đi nhanh chóng vẻ đẹp của nó đối với mẹ. Mẹ chẳng còn trèo lên những mỏm núi để nói, "Những ngọn đồi này sao đẹp đẽ vô chừng !" Mẹ chỉ còn tự hỏi xem quân đội Nhật bản đã tiến tới ngọn đồi nào rồi. Mẹ ngồi trong góc tối căn nhà của mẹ mỗi tay ôm một đứa bé, chờ đợi với đôi bàn chân bồn chồn. Khi còi báo động rú lên báo có oanh tạc cơ tới, những người láng giềng của mẹ và mẹ nhảy thót lên và núp chạy vào những hầm sâu để tránh núp như những con thú hoang. Nhưng ta chẳng thể cứ ở mãi trong bóng tối lâu được. Một cái gì đó trong bản thân mình bắt đầu mờ nhạt đi và mình trở thành giống như một người đói ăn, thấy thèm ánh sáng đến điên lên được. Mẹ có thể nghe thấy tiếng bom nổ ở bên ngoài. Bùm ! Bùm ! Và rồi âm thanh của đá rơi như mưa. Nằm trong hầm mẹ chẳng còn thèm khát cái bắp cải hay những củ cải của khu vườn đá treo nữa. Mẹ chỉ còn thể nhìn thấy những thứ ở trong lòng của một ngọn đồi cổ cũ chảy nhỏ giọt rất có thể đổ xụp lên đầu mẹ. Con có thể tưởng tượng xem tình cảnh đó như thế nào, cái tình cảnh chẳng muốn ở trong cũng chẳng muốn ở ngoài, muốn được không ở đâu hết và biến đi?

"Rồi khi tiếng bom chỉ còn văng vẳng ngoài xa, mọi người lại sẽ chui ra ngoài trở lại giống như những còn mèo sơ sinh mơ đường trở về thành phố. Và luôn luôn mẹ đầy kinh ngạc nhận thấy những ngọn đồi nổi bật lên trên nền trời cháy rực đã không bị xé nát.

"Vào một đêm hè quá nóng nực đến mức mối chết sa trên mặt đất, cánh mối nặng chĩu hơi nóng ẩm, mẹ đã nghĩ ngợi về Lạc Phúc. Khắp mọi nơi đều chật ních người, chẳng đâu còn chỗ cho khí trời lọt vào nổi. Mùi hôi không thể chịu nổi từ những người thợ may quầy áo bốc lên tới khung cửa sổ căn nhà hai tầng mẹ ở và mùi hôi này chẳng còn chỗ thoát đi nên sộc thẳng vào mũi mẹ. Không trừ một giây khắc nào cả đêm lẫn ngày mẹ đều nghe thấy những tiếng gào thét. Mẹ chẳng biết đó có phải là tiếng kêu phát từ chỗ một người nông dân đang chọc tiết con heo xống lạc hay một người sĩ quan đang đánh đập một người nông dân nửa sống nửa chết nằm cản lối đi của ông ta trên vỉa hè. Mẹ chẳng đi ra phía cửa sổ xem là cái gì vậy nữa. Có thấy chăng nữa phỏng có ích gì ? Và chính đó là điều khi mẹ nghĩ mẹ cần phải làm một việc gì đó để nhúc nhích tay chân.

Pháp nêu vấn đề với Võ Văn Kiệt

PARIS, Pháp (Reuter) - Võ Văn Kiệt, Thủ tướng Cộng Sản Việt Nam đã đến Pháp hôm 23 tháng Sáu, khởi đầu chuyến Âu du của ông, nhằm đẩy mạnh các liên lạc kinh tế ngày càng gia tăng giữa Việt Nam với Tây Phương.

Khi được hỏi là liệu chính phủ Paris có sẽ nêu lên vấn đề nhân quyền tại Việt Nam hay không, thì phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Pháp đáp lại rằng:

"Không có vấn đề gì mà chúng tôi loại ra khỏi các cuộc thảo luận cả... Sẽ không thể có phát triển kinh tế nếu không có tiến bộ trong các sự tự do cá nhân."

Dân số VN tính đến tháng 6-93: 71,187,505 người

Theo đồng hồ dân số của cơ quan UNDP (Liên Hiệp Quốc) thì tính đến ngày 7 tháng Sáu 1993, dân số của Việt Nam đã lên đến 71,187,505 người.

Với mức tăng dân số hiện nay, ông Hafdan Mahler, Tổng thư ký Hiệp Hội Kế Hoạch hóa gia đình Quốc Tế (IPPF), đến thăm Việt Nam hôm 9 tháng Sáu 1993, đã nhận định rằng:

"Tỷ lệ gia tăng dân số ở Việt Nam hiện nay vẫn còn quá cao!"

Ông tiếp:

"Với tỷ lệ gia tăng dân số cao như vậy, thì Việt Nam sẽ không thể đạt được những tiến bộ về khoa học kỹ thuật, sản xuất..."■

"Ý của mẹ là họp mặt bốn người phụ nữ lại, mỗi người ngồi ở một cạnh chiếc bàn mà chược. Mẹ biết mẹ muốn mời những người đàn bà nào. Cả ba người này đều hãy còn son trẻ như mẹ, đều có những gương mặt tràn mơ ước. Một người là vợ sĩ quan, cũng giống như mẹ. Một người khác là một thiếu nữ có cung cách rất thanh lịch xuất thân từ một gia đình giàu có ở Thượng Hải. Cô ta chạy trốn chỉ mang theo được một chút đỉnh tiền bạc. Và cũng còn có một thiếu nữ khác nữa gốc Naking có mái tóc đen ơi là đen mẹ chưa từng thấy. Cô ta gốc gia đình tiện dân nhưng rất xinh đẹp và vui tính, lại may mắn lấy được một ông chồng già chết đi để lại cho cô của cải nên cô ta có một đời sống phong lưu.

"Mỗi tuần một người trong bọn mẹ đứng ra chủ trì một bữa tiệc gây quĩ và cũng để cho lên tinh thần cả bọn. Vị nữ chủ trì phải cung cấp những đồ ăn *dyansyin* đặc biệt để đem lại sự may mắn đủ loại -- nào là bánh bao có hình dáng như đồng tiền bằng bạc, bún sợi dài ăn vào sẽ sống lâu, lạc luộc để sinh con trai, và dĩ nhiên, thật nhiều những trái cam may mắn đem lại một cuộc đời ngọt ngào viên mãn.

"Bọn mẹ đãi dằng nhau bằng thực phẩm tuyệt vời biết bao trong cảnh đạm bạc đó ! Bọn mẹ chẳng để ý đến chuyện bánh bao đó phần lớn chỉ độn nhân bí rợ và cam thì vỏ lỗ chỗ những lỗ sâu ăn. Bọn mẹ ăn uống thanh cảnh, chẳng phải vì thiếu đồ ăn mà là để đoan quyết rằng vì sao mình chẳng thể ăn nhiều hơn, chẳng qua vì buổi sớm ai nấy đã no nê cả rồi. Bọn mẹ biết rằng mình đầy đủ thừa mứa chẳng mấy ai được vậy. Bọn mẹ là những người may mắn.

"Sau khi đã ăn uống no nê rồi bọn mẹ liền lấy một cái bát đổ đầy tiền vào và để ở một nơi ai cũng thấy được. Rồi ai nấy ngồi vào bàn mà chược. Cái bàn của mẹ do gia đình cho mẹ làm bằng gỗ quí thơm ngát, không phải thứ gỗ hồng đào mà con biết đâu, mà là gỗ *hồng mụ* thật đẹp, trong Anh ngữ chẳng có tiếng nào tương ứng cả. Cái bàn này có mặt thật dày vì vậy khi dọi con bài xuống chẳng nghe tiếng kêu ngoài tiếng những con bài mạc chược bằng ngà khi xoa chạm vào nhau.

"Một khi đã bắt đầu chơi bài rồi thì không ai được nói năng gì nữa ngoại trừ xướng Phống ! hay Bốc ! khi lấy một quân bài. Mọi người phải chơi nghiêm cẩn và không nghĩ ngợi chuyện gì cả ngoài việc cố thắng nhiều cho sướng. Cứ sau bốn hội mẹ lại nghỉ tay ăn uống, lần này là để ăn mừng vận may. Ăn uống xong mọi người chuyện trò suốt đêm tới sáng, kể cho nhau những chuyện về thời hạnh phúc trong quá khứ và thời hạnh phúc sắp đến trong tương lai.

"Ôi thật là những chuyện tuyệt vời ! Những chuyện kể tuôn tràn khắp nhà ! Bọn mẹ cười vui muốn chết được. Có một con gà trống ở đâu chạy xổ vào nhà, đứng trên những chồng chén bát ăn cơm, kêu thất thanh, nó đứng đúng trên ngay những chén bát ngày hôm sau đựng những miếng thịt anh gà này một cách êm đềm ! Và một câu chuyện về một người con gái viết thư tình giúp cho hai cô bạn mà cả hai ả này lại cùng yêu một người bạn trai. Và câu chuyện về một bà người ngoại quốc đã ngất xỉu trong cầu tiêu khi ngay bên cạnh có một cái pháo nổ đánh dùng.

"Nhiều người cho rằng bọn mẹ tuần nào cũng yến tiệc linh đình là một sự sai quấy trong khi ở chính thành phố này có không biết bao nhiêu người thiếu ăn, họ ăn cả chuột bọ và khốn nữa ăn cả rác rưởi là thứ bọn chuột đói đến kiếm ăn. Nhiều kẻ khác cho rằng bọn mẹ bị quỉ ám - bày ra tiệc tùng ăn mừng trong khi chính trong gia đình mình có bao nhiêu người già trẻ lớn bé đã mất mạng, đã mất nhà mất cửa và của cải, và đã ly tán chồng xa vợ, anh xa em, con xa mẹ. Hừ làm sao chúng ta có thể cười vui được, người đời tự hỏi.

"Không phải rằng bọn mẹ không tim không mắt đối với sự đau đớn. Bọn mẹ đều rất sợ hãi. Bọn mẹ đều có những nỗi khốn khổ của mình. Nhưng tuyệt vọng có nghĩa là cầu mong có lại được cái gì đã mất hẳn rồi. Hoặc cũng có nghĩa là cứ kéo mãi cái gì trong quá khứ đã không thể chịu đựng được nữa. Ta có thể cầu mong được bao nhiêu khi mà một tấm áo quí báu mình ưa thích treo trong tủ áo ở một căn nhà đã cháy rụi thiêu luôn cả cha mẹ mình trong đó? Ta có thể chịu đựng được bao lâu khi trong óc mình cứ thấp thoáng thấy những cánh tay những ống chân treo lòng thòng bằng dây điện thoại và hình ảnh những con chó đói chạy hoang ngoài phố miệng ngậm lòng thòng một bàn tay đã gậm hết một nửa ? Bọn mẹ tự hỏi còn gì tệ hại hơn là cứ ngồi và chờ đợi với vẻ mặt buồn bã cái chết của chính bản thân mình ? Hay là ta chọn lấy sự hạnh phúc của chính mình ?

"Vậy cho nên bọn mẹ đã quyết định mở tiệc tùng và giả đò coi như mỗi tuần lễ là một năm mới. Mỗi tuần lễ mọi người có thể quên đi những điều không nên không phải đã xảy đến cho mình. Bọn mẹ không được phép có một ý nghĩ xấu nào trong đầu. Bọn mẹ ăn mừng, cười vui, đánh bài, được và thua, nói những câu chuyện hay ho nhất. Và mỗi tuần có thể hy vọng mình sẽ may mắn. Sự hy vọng đó là nỗi vui duy nhất của bọn mẹ. Và chính vì lý do đó bọn mẹ đã đồng ý gọi những bữa tiệc nhỏ của bọn mẹ là Lạc Phúc".

Mẹ tôi thường chấm dứt câu chuyện ở một khúc có hậu, khoe mãi về tài nghệ đánh mà chược của mình. "Mẹ thắng nhiều lần lắm và hên đến nỗi mọi người nói đùa rằng mẹ đã học được món nghề của những tay ăn trộm khôn ngoan," Mẹ tôi nói "Mẹ đã thắng hàng chục ngàn quan tiền. Nhưng mẹ chẳng giàu có gì đâu. Không giàu có gì cả. Vì thời bấy giờ tiền giấy đã thành chẳng có giá trị gì nữa. Giấy đi cầu còn có giá trị hơn. Và điều đó khiến mẹ cười dữ hơn khi nghĩ rằng tờ giấy một ngàn quan chẳng đủ để ta chùi chôn."

Tôi cho rằng câu chuyện Quế Lâm của mẹ tôi chẳng là cái gì khác hơn một câu chuyện cổ tích. Kết thúc câu chuyện thì luôn luôn thay đổi khác nhau. Khi thì mẹ tôi nói rằng bà đã dùng cái tờ giấy quan kim một ngàn đó mua được nửa lon gạo. Khi thì nửa lon gạo đó lại đổi ra một hũ cháo. Rồi thì bà đổi món cháo hoa đó thành

hai cái giò heo. Rồi thì giò heo lại trở thành sáu cái trứng, sáu cái trứng thành sáu con gà. Câu chuyện cứ lớn dần mãi.

Và rồi vào một buổi tối sau khi tôi đã năn nỉ mẹ tôi mua cho tôi một cái máy thu thanh transistor, và sau khi mẹ tôi từ chối và tôi im lặng hờn dỗi cả tiếng đồng hồ, mẹ nói, "Tại sao con lại nghĩ rằng còn đánh mất đi một thứ mà con chẳng bao giờ có? Và rồi mẹ tôi kể cho tôi nghe một cái kết chuyện hoàn toàn khác.

"Một buổi sáng sớm có một vị sĩ quan đến nhà mẹ "bà nói, "bảo mẹ rằng hãy về Trùng Khánh gấp để gặp chồng. Và mẹ biết ngay rằng ý ông ta muốn bảo mẹ chạy khỏi Quế Lâm đi. Mẹ biết rằng khi quân Nhật tiến tới thì số phận của các vị sĩ quan và gia đình sẽ như thế nào. Nhưng làm thế nào đi được đây ? Chẳng làm gì có xe lửa rời Quế Lâm nữa. Một người bạn mẹ từ Nam kinh tới đã đối xử với mẹ thật tốt. Bà ấy hối lộ tiền cho một người đàn ông để người này đánh cắp một cái xe cút kít thường dùng để tải than. Bà ta cũng hứa là sẽ nói cho những người bạn khác nỗi nguy hiểm gần kề.

"Mẹ thu vén đồ đạc của mẹ, và hai đứa nhỏ của mẹ xếp vào cái xe cút kít đó và bắt đầu đẩy xe đi Trùng Khánh trong bốn ngày trời trước khi quân đội Nhật tiến vào Quế Lâm. Dọc đường chạy giặc mẹ nghe được những tin tức về việc giết người từ cửa miệng những người chạy loạn. Thật là ghê gớm. Mãi cho tới ngày cuối cùng mà quân đội Quốc Dân Đảng còn cứ nhất quyết là Quế Lâm vẫn an toàn, được quân đội Trung Quốc bảo vệ. Nhưng vào ngay buổi chiều hôm đó thì trên đường phố Quế Lâm đầy những dãy xác người chết đàn ông, đàn bà, trẻ con, những người chẳng bao giờ đánh mất niềm hy vọng nhưng đã đánh mất chính đời sống của mình nằm la liệt trên chính những tờ báo loan tin những chiến thắng vĩ đại của quân đội Quốc Dân Đảng, họ nằm chết giống như cá tươi trong tay đồ tể. Khi mẹ nghe được những tin tức này mẹ bước đi ngày càng nhanh hơn, mỗi bước đi mẹ lại tự hỏi, Có phải họ điên thật không? Có phải họ can đảm thật không?

"Mẹ đẩy xe về hướng Trùng Khánh, đẩy mãi cho đến khi bánh xe bể nát. Mẹ đã bỏ lại cái bàn mà chược gỗ hồng mụ đẹp đẽ. Nhưng vào lúc đó mẹ chẳng còn có dư chút tình cảm nào còn lại trong cơ thể để mà khóc được. Mẹ lấy lại những tấm khăng quàng cổ buộc lại thành những cái địu, mỗi vai địu một đứa bé. Hai tay mỗi tay mẹ xách một cái túi, một bên là túi quần áo bên kia là túi đồ ăn. Mẹ xách những túi đồ này cho đến khi bàn tay mẹ có những vết lằn đứt sâu tận xương. Và cuối cùng lần lượt mẹ phải bỏ lại cả hai túi đồ khi hai bàn tay mẹ bắt đầu tóe máu hóa ra trơn tuột chẳng còn cầm nổi cái gì nữa.

"Dọc đường mẹ nhìn thấy những người khác cũng đành làm như vậy cả, từ bỏ dần dần từng chút từng chút niềm hy vọng. Con đường đi trở thành rải rác suốt dọc đầy những của cải quí giá. Những cuộn hàng may quần áo rất đẹp và sách vở. Những bức tranh chân dung tổ tiên và những dụng cụ nghề mộc. Cho mãi tới khi người ta có thể nhìn thấy những chuồng vịt con lả đi vì khát nước, và kế đó, cả những bình bằng bạc nằm chỏng trơ trẽn trên đường đi, mọi người đã quá là mệt chẳng còn có thể ôm chúng theo mình để mong có được bất kỳ một thứ hy vọng nào trong tương lai. Tới khi mẹ vào được Trùng Khánh mẹ đã mất hết tất cả không còn một thứ gì ngoài ba tấm áo lụa quí mẹ mặc trên người cái nọ chồng lên cái kia."

"Mẹ nói 'tất cả mọi thứ' nghĩa là thế nào ?" Cuối cùng tôi kinh ngạc hỏi mẹ tôi. Tôi lặng người đi khi biết rằng câu chuyện hoàn toàn đúng thực như vậy. "Còn hai đứa bé thì ra sao hả mẹ ?"

Mẹ tôi cũng chẳng ngưng lại trong giây lát để suy nghĩ gì cả. Một cách đơn giản theo cái kiểu y như muốn nói toạc ra rằng câu chuyện đến đấy là kết thúc, mẹ tôi nói: "Cha con không phải là người chồng đầu tiên của mẹ. Con không phải là một trong hai đứa trẻ đó đâu."■

Hí họa của Hiếu

Bộ Chữ Việt Nam

Do VNLabs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Việt Nam và Bộ Chữ Quốc Tế

Giám Đốc: Nguyễn Nam Việt
Cố Vấn Nga : Vladimir Ouzdin

Hệ Thống Computer Ngoại Ngữ tối tân nhất thị trường

Bộ Chữ duy nhất có khả năng dùng tiếng Việt trong nhiều Software sẵn có trên thị trường(DOS $ WINDOWS), kể cả PageMaker, Ventura Publisher, CorelDraw, WordPerfect, Ami Pro, Windows Word, Excel, Dbase, spreadsheets, vv..
Bộ Chữ Việt Nam do VNLabs hiện đang được sử dụng tại nhiều cơ quan Quốc Tế và hiện là Bộ Chữ căn bản dùng tại đa số các nhà in tại Hải Ngoại, cùng các cơ quan tình báo và quân sự Hoa Kỳ.
Bộ Chữ Liên Sô do VNLabs hiện là software thông dụng nhất tại Nga Sô.
VNLabs là nơi sản xuất trên 30 Software Ngoại Ngữ từ 1984.

Các kiểu chữ tiếng Việt trong Bộ VN Windows (PostScript & TrueType)

Dùng trong Windows (V3.0 & V3.1), các fonts PostScript và TrueType này có thể in trên bất cứ loại printer nào được Windows support (dot matrix, Bubblejet, Inkjet, Deskjet, Laserjet, Paintjet, PostScript printers, vv..).

VN Aristote Bộ Chữ Việt Nam
VN Avant Garde Bộ Chữ Việt Nam
VN Bodoni Bộ Chữ Việt Nam
VN Brush Bộ Chữ Việt Nam
VN Century Bộ Chữ Việt Nam
VN Chancery Bộ Chữ Việt Nam
VN Cooper Bộ Chữ Việt Nam
VN FreeStyle Bộ Chữ Việt Nam
VN Friz Bộ Chữ Việt Nam
VN Goth Bộ Chữ Việt Nam
VN Helvetica Bộ Chữ Việt Nam
VN Helvetica Insera Bộ Chữ Việt Nam
VN Hobo Bộ Chữ Việt Nam
VN Merlin Bộ Chữ Việt Nam
VN Palatino Bộ Chữ Việt Nam
VN Park Avenue Bộ Chữ Việt Nam
VN Present Bộ Chữ Việt Nam
VN Revue Bộ Chữ Việt Nam
VN Teknika Bộ Chữ Việt Nam
VN Tiffany Bộ Chữ Việt Nam
VN Times Bộ Chữ Việt Nam
VN University Bộ Chữ Việt Nam
VN Vogue Bộ Chữ Việt Nam

ДИПЛОМАТ

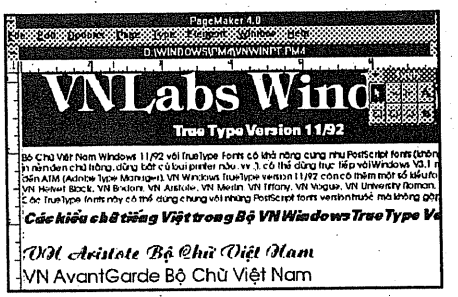

Bộ Chữ Việt Nam trên PageMaker V4

Bộ Chữ Việt Nam trên CorelDraw V3

INTERNATIONAL DESKTOP

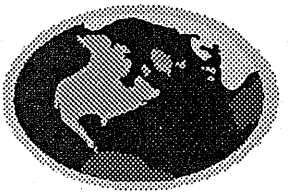

VNLabs
3700 Campus Dr., Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

1984 - 1992

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S | Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED — Automotive Service Excellence

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ
(MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK
$19.00 + 67 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TII CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chất dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT
(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$50.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- *Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- *Máy lạnh thổi không ra hơi*
- *Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- *Hệ thống lạnh bị xì*
- *Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- *Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

1ST AMERICA HOME LOANS
14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: (714) 565-9809

HOME LOANS
CẦN VAY TIỀN

MUA NHÀ | **APARTMENT**
CONDO | **COMMERCIAL**

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: **REFINANCE**

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

ĐẶC BIỆT:

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún bung
6. Bún riêu
7. Bún giả cầy
8. Bún thang
9. Bún mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún ốc
12. Bánh đúc đậu rán
13. Đu đủ bò khô "Viễn Đông"
14. Miến gà
15. Miến lươn
16. Chả giò

ĐẶC BIỆT:
CHẢ CÁ THĂNG LONG,
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - Nghỉ ngày thứ Ba

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

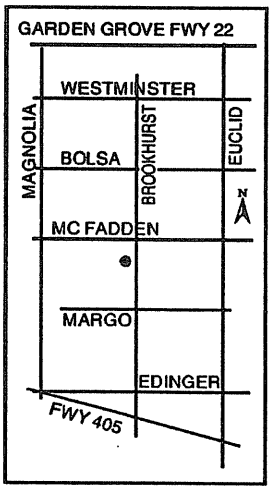

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

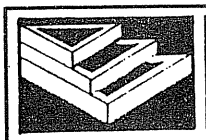

VT CONSTRUCTION CONSULTANTS

BONDED - INSURED STATE LIC. 590997

Chúng tôi gồm những nhân viên có nhiều khả năng và kinh nghiệm trong mọi lãnh vực xây cất. Sẵn sàng phục vụ và hướng dẫn quý vị để thực hiện các dịch vụ:

DESIGN & DEVELOPMENT

- Nhận vẽ họa đồ, xin giấy phép, structural, Tittle, Soils Reports etc...

CONSTRUCTION SERVICE

- Chọn tay nghề phù hợp với công việc (Quality Workmanship)
- Thực hiện thời khóa biểu (Construction Schedule)
- Theo dõi Công Trình Xây Cất (Construction Management)
- Báo cáo hằng tuần (Weekly report)
- Đại diện cho quý vị khi liên lạc với các cơ quan liên hệ như: Building Department, Architect and Engineer's Office Lenders etc...

BUILDING INSPECTION SERVICE

Thực hiện dịch vụ kiểm tra cho các cơ sở thương mại và gia cư để phục vụ cho nhân viên địa ốc, ngân hàng và quý vị trước khi mua hay bán bất động sản

CONTRACTORS Nếu quý vị cần hợp tác với công ty để được giới thiệu với khách hàng, xin vui lòng liên lạc chúng tôi để biết thêm chi tiết

Liên lạc: **VINH TRAN**

(714) 379-0057 * Pager (714) 663-3770

THẾ KỶ 21

P.O. BOX 2228-260, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name: . . . . . .

Địa chỉ / Address: . . . . . .

. . . . . .

Điện thoại / Telephone: . . . . . .

Tôi đặt mua Thế Kỷ 21 / I would like The Ky 21 delivered to me:

☐ 06 số / issues ☐ 12 số / issues ☐ 24 số / issues

Bắt đầu từ số / Starting from issue:. . . . . .

Kèm theo đây là chi phiếu/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of:
(NB: From other countries, please send only USD International Money Order).

Introducing the Fascinating New Oriental Horoscope CARD

According to most recent studies:
* 50% of two-year marriages end in divorce.
* Divorces are taking epidemic proportions and are threatening to shake the very foundations of the family.

Prince Charles and Princess Diana of Great Birtain are experiencing a miserable marriage life though they both are rich and royal.

How to explain these romances being torn apart by the very invidual lovers concerned or these numerous troubled marriages of the decade?

At this point, ORIENTAL HOROSCOPE tends to offer the most appropriate answer to the question.

Let's try to fathom the mystery of HOROSCOPE. It will bring you new amazing disclosures of various sources of troubles that are plaguing your marriage life. HOROSCOPE is great as it can tell you with almost high precision what and who you and your marriage partner really are. It also can tell you a lot about compatibility and incompatibility of your animal sign so that you will understand why some marriages are successful and why some others tragically fall apart.

Buy a HOROSCOPE CARD to know about your personality and find out whom you'll be compatible or incompatible with, or with whom you can contract a trouble-free, strong and enduring marriage or how to avoid being sucked down into a turbulent and ruinous marriage combination.

It helps in doing business, too. Study your card and the cards of your partners, employers, employees, colleagues — you will find how rewarding, financially as well as emotionally, ORIENTAL HOROSCOPE is!☐

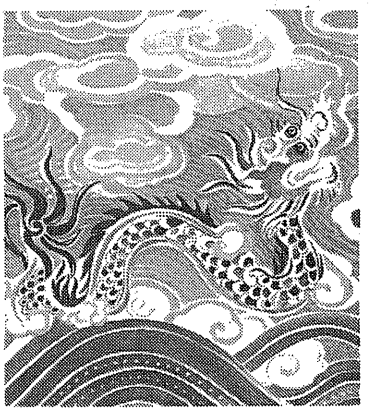

ORDER FORM

Please send ORIENTAL HOROSCOPE CARD(S) to:

Name (business or personal): .....

Address: .....

City: ..... *State*.....*Zip*.....

Tel: ..... *Fax:*.....

☐ 1 card (Year of birth:.....): $2.75 (plus 29c shipping).
☐ 10 up to 99 cards (year(s) of birth: .....) $1.50 each (plus $1.05 shipping).
☐ 100 or more cards (year(s) of birth:.....): $1.25 each (shipping free).
NB: Tax included.

Make check or money order payable to TND PUBLICATIONS and send to:
TND Publications, 9315 Bolsa Ave., Suite 260, Westminster CA 92683.
Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752.

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to: THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

NEWS IN BRIEF

VAALA sponsors zither class

WESTMINSTER -- Half a dozen children are attending the 16-string zither class taught by Mai Nguyen and sponsored by the Vietnamese American Arts and Letters Association (VAALA).

The class meets every Friday afternoon and will continue through October. In it, children from 5 to 15 years of age learn how to play the most popular Vietnamese traditional musical instrument -- dan tranh or dan thap luc. Originally, it has 16 strings, but it has been continuously altered by musicians and today it may have as many as 17 or 25 strings.

The 16-string zither class is open to new students every week. The classes are held at the VAALA Club at 14901 Moran St., Westminster. For further information, please contact Mr. Vu at (714) 894-5630.

Poets read and chant bilingual verses

NEWPORT BEACH -- Four poets -- two Vietnamese and two Americans -- got together in a "poetry night" at the Newport Harbor Art Museum, to read their own or others' poems, to an audience of more than 30 in a cozy atmosphere, Friday night, July 16.

John Harrell and Al Brooks read a dozen poems each, most of them in remembrance of the Vietnam War in which they had been soldiers. The English poems were summarized in Vietnamese by Dieu D. Le.

Quang Van Pham read his poems in both English and Vietnamese, one praised American veterans and another advocated "no-smoking." Pham was a teacher in Vietnam. Now he works as a project director at the Vietnamese Community in Orange County, Inc.

Thuy-Hanh Vu is a poet, but the poem she chanted in Vietnamese way was written by the late poet Vu Hoang Chuong, entitled "Thang Sau Muoi Hai" (The Twelfth of June). Thuy-Hanh noted that she would like to "bring us to happier time."

Ysa Le and Cam Thach Le enhanced the poetic atmosphere by playing a Vietnamese old tune which used to be a lullaby, with their zither and lute.

This was the first bilingual reading of Vietnamese and English poetry in the area and it may contribute to the building of a bridge of communication between communities.

Class in Vietnamese language and literature

WESTMINSTER -- A group of Vietnamese professionals are organizing a class in Vietnamese literature, history and geography. It is planned for young Vietnamese who are interested in understanding their original culture.

The series will begin on Sunday, August 8, from 1 - 3 p.m., and will meet every Sunday afternoon for 12 weeks.

Cam Thach Le and Trung Van Ta, two members of the organizing committee, have obtained assistance from the Vietnamese Former Teachers Association and the Vietnamese American Arts and Letters Association. The former will provide teachers, and VAALA will supply the facilities.

Several well-known artists and writers, along with experienced high school teachers, will give lectures and guidance on various topics, such as Vietnamese history from ancient to modern times, influences of Buddhism, Confucianism and Taoism on the society, and Vietnam's heritage in literature, art and music.

For further information, please contact Le at (714) 857-6118 or Vu at (310) 372-3219.

ASSIMILATION TO AMERICA: LIBERATION FOR THE CHINESE-AMERICAN WOMAN?

JULIE KIỀU-LINH ĐÀM

Western culture often oversimplifies Asian society in an attempt to define itself in contrast to the other. The traditionally perpetuated image of China is one of a high culture, though patriarchal to an extreme -- implying that the Western mores are not as extreme. This male-dominated image naturally has a flip side, the perspective of the oppressed female. Unfortunately, the issue of oppression has been turned around and instead celebrated in popular culture as the myth of the exotic "Oriental" woman -- small, mysterious, and submissive. Despite some efforts at female emancipation in the early twentieth century in both China and America (as described in Judy Yung's "The Social Awakening of Chinese American Women as Reported in Chung Sai Yat Po 1900-1911"1), the stereotype of the weak Asian woman -- and its real-life parallel, institutional male dominance -- seems to have persisted in this country.

Only in the last twenty years or so has this trend begun to be reversed. Following in the footsteps of the black power movement of the 1960s, the so-called "yellow power" movement strove to fight the subtle prejudices against Asian-Americans and to find a means of self-identity. 2 The latter movement in turn paved the way for the advancement of the Asian-American women in fact and fiction, although it is a process -- like its contemporary, the movement for woment's liberation -- yet to be completed.

This gradual breakdown of stereotypes and the celebration of Asia-American womanhood can be seen in Maxine Hong Kingston's *The Woman Warrior:Memoirs of a Girlhood Among Ghosts (1976)3* and Amy Tan's *The Joy Luck Club.4* These two works present a social history of the transformations of women's lives (and their societies' expectations of them) over the course of three generations - the traditional Chinese, the twentieth century immigrant, and the second generation Chinese-American - and two different societies. On the one hand these books are attempts at revisionist history that offer a gendered perspective. On the other, they are not history at all: although *The Woman Warrior* won a National Book Critics Circle award for best "nonfiction," the book's critics have dismissed the "semi-autobiographical" descriptions as inaccurate, muddled history at best.5

Therefore, these books certainly should not be regarded as the definitive history of Chinese immigrants in America. But as second generation Chinese-American women, Kingston and Tan offer valuable insights into the double transformations of assimilation to American society and of the liberation of women - all from the viewpoint of the first Chinese-American generation of women. The ideas expressed in the books would seem to reflect the formation of the author's identities; this personal process parallels the progression from generation to generation of Chinese-American women.

The question to be asked, then, is this: To what extent is the liberation of these women from traditional roles, sexual and economic, dependent on the Chinese immigrants' determined assimilation to American life? Further, in terms of self-identity and mobility, can this assimilation truly be deemed progress?

The values and practices of the generation preceding that of the Chinese immigrants represent an initial phase in the emancipation of women in China, as discussed previously. Hence the childhood stories of the mothers in *The Joy Luck Club* and the myths in *The Woman Warrior* consist of a series of small advances, generously peppered with events characteristic of the most extreme restrictions on women. In the story of "No Name Woman," which tells about an aunt who killed herself and her illegitimate child out of shame, Kingston recounts the forgoing attitude toward women:

Adultery is extravagance...To be a woman, to have a daughter in

starvation time was a waste enough. My aunt could not have been the lone romantic who gave up everything for sex. Women in the old China did not choose. Some man had commaded her to lie with him and be his secret evil. I wonder if he masked himself when he joined the raid on the family.6

Not only was a baby girl not valued, but once the girl grew up to be a woman, she had no power her own body. Yet this society demeaned women who were found to be impure - whether willingly or not, as in the case of An-Mei Hsu's mother in *The Joy Luck Club* after she is tricked and raped, she becomes a pariah:

So when Wu Tsing asked [her] to be his third concubine, to bear him a son, what choice did she have? She was already as low as a prostitute. And when she returned to her brother's house and kowtowed three times to say good-bye, her brother kicked her, and her own mother banned her from the family house forever.7

This oppressive double standard becomes even more apparent in the story of Lindo Jong, whose role in her first arranged marriage in China is little more than that of a maid: "Huang Taitai [her mother-in-law] hurried me upstairs to the second floor and into the kitchen, which was a place where family children didn't usually go. This was a place for cooks and servants. So I knew my standing."8

Each of these passages emphasizes a feeling of helplessness in the face of an institutionalized male dominance. But other vignettes in the two books celebrate the various women's ability to overcome, or at least circumvent this system. Through her cleverness, Lindo is able to get herself out of her unhappy marriage (and in fact takes the money her in-laws give her to come to America).

The survival instinct is further elevated to heroic stature in the myths described by Kingston: thereby male domination is turned around to be the effect rather than the cause. Says the narrator, "We could be heroines, swordswomen. Even if she had to rage across all China, a swordswoman got even with anybody who hurt her family. Perhaps women were once so dangerous that they had to have their feet bound."9 But this celebration of strength, too, is checked by the juxtaposition with the limited reality of women's lives: "Chinese executed women who disguised themselves as soldiers or students, no matter how bravely they found or how high they scored on the examination."10 The sings of a future liberation are present, but for this generation, the plight of women remained grim.

The first real changes were to be effected by the immigrant women. The immigrants described by Tan and Kingston belong to a wave of Chinese who came to America to stay after China came under Communist rule in 1949. Before this final exodus, men tended to come to America alone to make money, with the intention of returning to China. Combined with tough immigration restrictions, this practice meant that there were few Chinese women in America - and even fewer stable families. When immigration laws were liberalized after 1943, the sex ratio began to even out. 11 With this group of immigrants in the 1940s and 1950s, then, came the first possibility for the large-scale establishment of real "families" and male-female Chinese- American interaction.

Under these circumstances, the men seemingly reestablished the patriarchal hierarchy with ease, as they had the advantage of experience. Men who had been in America alone continued to have the same attitudes about their wives; some, like the uncle of the the narrator of *The Woman Warrior*(in "At the Western Palace"), had few qualms in deserting the wives completely, even after the wives arrived in America.

But in a way, the immigrant women must be implicated in the persistence of the double standard. The narrator's mother, Brave Orchid, wants her sister to claim her rights as First Wife; she does not disapprove of the brother-in-law's having remarried, but rather wants the two women to fall into their "rightful" places in the household. These immigrant women also reinforce the old female expectations by teaching them to their daughters - particularly emphasizing the fear of sex and a sense of weakness:

I knew my mother made up anything to warn me, to help me avoid some unknown danger. My mother saw danger in everything, even in the Chinese people...[She said,] "It is too terrible to consider. A man can grab you off the streets, sell you to someone else, make you have a baby. Then you'll kill the baby. And when they find this baby in a garbage can, then what can be done? You'll go to jail, die there."12

At the same time, the necessities of survival and assimilation (or rather, assimi- lation as a means to survive) forced a great deal of change. The initial hostility to these immigrants gave way to widespread campaign for the Chinese on the part of American groups. This campaign - seen in publications and speeches of the era - emphasized the Chinese- American's ability to assimilate to American life. In Elizabeth Colman's *Chinatown U.S.A.*(1946), for example, the Chinese communities are depicted as modern and mainstream; once the public was convinced of these positive, assimilationist qualities, understanding (if not inappropriate pity) of the Chinese changed some viewpoints and helped facilitate the immigration process. 13 Thus the Chinese immigrant felt hard-pressed to live up to the assimilationist, "American" fervor.

Becoming "American" was also a matter of necessity. The presence of families - more mouths to feed - meant that immigrant women had to work outside of the home. Working became an expectation; all of the immigrant women in *The Joy Luck Club* enter the work force.

This relatively easy transition to the work world may also have something to do with the independence that the women had achieved in China while their husbands were gone. Brave Orchid entered medical school in China, though implicit in the decision were the facts that her husband was not there to approve or disapprove, and that she was all the while waiting for her husband to send for her from America.

Through the course of the book, Brave Orchid grows into a clearly strong, forceful character who provides quite a role model for her daughter - despite what her daughter considers to be old-fashioned ties to traditional Chinese values. Here the question arises whether Brave Orchid's strenghts were a direct result of the opportunities (good and bad) which she had to (or got to) deal with as an immigrant woman. Upon closer inspection, it would seem that her innately bold personality - as evidenced by her battles with ghosts and diseases - was the source of her success as an immigrant, and not the other way around. She herself seems to set herself a part from other immigrants:

If she were in her sister's place, Brave Orchid would have been on the phone immediately, demanding one of those Chinatown jobs. She would make the boss agree that she start work as soon as he opened his doors the next morning. Immigrants nowadays were bandits, beating up store owners and stealing from them instead of working. It must've been the Communists who taught them those habits.14

This conclusion is perhaps validated when Brave Orchid's resistance to assimilation is considered. The narrator comments,

Most emigrants learn the barbarians' directness - how to gather themselves and stare rudely into talking faces as if trying to catch lies. In America my mother has eyes as strong as boulders, never once skittering off a face, but she has not learned to place decorations and phonograph needles, nor has she stopped seeing land on the other side of the oceans.15

Thus her strength exists despite her distance from mainstream American society. The immigrant women of *The Joy Luck Club* express the same hesitance to settle down as Americanized Chinese, no matter how Americanized their lives have become, and no matter how much they have benefited for it. But how much had they benefited as a direct result of becoming at least partially assimilated? The second generation Jing-Mei Woo says of her immigrant mother,

My mother believed you could be anything you wanted to be in America. You could open a restaurant. You could work for the government and get good retirement. You could buy a house with almost no money down. You could become rich. You could become instantly famous.16

But was this only a myth that these immigrants (as well as many Americans) came to believe? What were the real boundaries faced by this generation of immigrant women? Would giving up the old country and embracing assimilation make these opportunities into realities, even for women?

These questions may be answered when the possibility is taken up by the second generation Chinese-American women who do break almost entirely from the Chinese tradition. There are constant reminders throughout *The Joy Luck Club* that the daughters of the immigrants had assimilated all too well. They do not speak or read Chinese (well) nor do they always understand their parents' values and tradition. In sharp constrast to the asexuality of their female ancestors, they express an openness about sex; they marry white Americans. Waverly Jong defeats men and Americans alike in the game of chess:

By my ninth birthday, I was a national chess champion. I was still some 429 points away from grand-master status, but I was touted as the Great American Hope, a child prodigy and a girl to boot. They ran a picture of me in *Life* magazine next to a quote in which Bobby Fischer said, "There will never be a woman grand master." "Your move, Bobby," said the caption.17

These women certainly express and awareness of themselves as women, and of their abilities as women. But this cannot be the extent of it. There are also the problems of their uncertain ethnic identities and of the outside world's resistance to their self-assuredness.

Inherent in their personalities is the troublesome feeling of being torn by the Chinese tradition of their mothers (who themselves made advances as women) and the American realities of their lives. The source of the problem is part misunderstanding and part denial. Kingston talks about the second generation's distorted impressions of China, from which they are separated but of which they are constantly reminded (in the form of questionable truths combined with myths) by their parents. In *The Joy Luck Club* Jing-Mei Woo describes her denial as a way to fit in with her American peers:

"Cannot be helped," my mother said when I was fifteen and had vigorously denied that I had any Chinese whatsoever below my skin. I was a sophomore at Galileo High in San Francisco, and all my Caucasian friends agreed: I was about as Chinese as they were.18

But assimilation by second generation women, for Kingston, also reverses the gains that were made by the generation of immigrant women. She writes, "Normal Chinese women's voices are strong and bossy. We American-Chinese girls had to whisper to make ourselves American-feminine. Apparently we whispered even more sofly than the Americans."19

The result appears in the adulthood of Chinese-American women, as described by Tan. These second generation women go on to material success fulfilling careers, but there seem to be limits to their success - limits imposed by both their psychic dissatisfaction and the

male-dominated American institutions. That these characters are completely Americanized cannot seem to change what Robert Yoshioka terms a "three-fold discrimimation pattern": as women, Asian-American, and the specific nationality group.20 One mother in *The Joy Luck Club* describes the cross-cultural plight of being a woman in a male-dominated world (China for her, America for her daughter):

I was taught to desire nothing, to swallow other people's misery, to eat my own bitterness. And even though I taught my daughter the opposite, still came out the same way! Maybe it is because she was born to me and she was born a girl. And I was born to my mother and I was born a girl. All of us are like stairs, one step ater another, going up and down, but all going the same way.21

Likewise, even within marriage, Lena St. Clair of *The Joy Luck Club* feels the suffocating bounds of traditional roles - ones that overlap as female and ethnic minority, in the home and out:

I love my work when I don't think about it too much. And when I do think about it, how much I get paid, how hard I work, how fair Harold [her husband] is to everybody expept me, I get upset. So really, we're equals, except that Harold makes about seven times more than I make. He knows this, too, because he signs my monthy check, and then I deposit it into my separate checking account.22

Each of the women in turn experience some kind of turnaround from their initial abhorrence to the traditional Chinese culture. It would be second guessing, and generalizing, to try to find one reason: Do the women return to their roots because their ignorance of these roots are the cause of their lack of identity, or do they turn to a "symbolic ethnicity" as an easy escape from an oppressive reality (as described by Herbert Gans in "Symbolic Ethnicity: The Future of Ethnic Groups and Cultures in America")?23

It would be unfair, as Kingston and Tan make apparent, to dismiss the importance of the Chinese heritage, as the lineage of strong women runs deep in both of their books. The two authors imply that something is missing in their second generation characters, and that the process of finding it is on-going. The ties to the traditional - made by their relationships to their mothers - are a thread that runs throughout the books; neither author purports that working out the thread that has been tangled by extreme assimilation is easy. Tan has one mother comment:

My daughter did not look pleased when I told her this, that she didn't look Chinese...Oh, maybe ten years ago, she would have clapped her hands - hurray! - as if this were good news. But now she wants to be Chinese, it is so fashionable.... All those years I tried to teach her!...Only her skin and her hair are Chinese. Inside - she is all American-made. It's my fault she is this way. I wanted my children to have the best combination: American circumstances and Chinese character. How could I know these two things do not mix?24

In the end, it would seem that there is a middle ground that Chinese-American women can find, but only after exploring both "Chinese" and "American" sides of themselves. The expected "progress" or "progression" of becoming more liberated as one becomes more American turns out to be an oversimplified, faulty conclusion that does not take into account the threads of history. Neither does it take into account the structural discrimination against minorities and women in American society. The position of accepting the ties to both cultures - having been born to a Chinese family and having grown up American - comes after the initial assimilation and the perhaps superficial back-to-your-roots journey. That may seem like a step backward, but again, it is wrong to assume that American society equates liberation and "progress." In the end, it is the duality of being a woman and a second generation Chinese-American that forms the basic of identity.

As depicted in the coming-to-terms conclusions of Tan's *The Joy Luck Club* and Kingston's *The Woman Warrior* taking on this compromise identity seems to parallel all women's struggle to reconcile their own awareness of self-worth and strength, and society's relative reluctance to accept them. In drawing from the strength of women from both cultures, and understanding their own identities beyond the stereotypes, these second generation Chinese-American women can truly move toward liberation.■

WORKS CITED AND CONSULTED

Kingston, Maxine Hong. *The Woman Warrior; Memoirs of a Girlhood Among Ghosts* New York; Alfred A. Knopf,1976.

Tan, Amy.*The Joy Luck Club* New York: Ivy Books, 1989.

Colman, Elizabeth. *Chinatown U.S.A.* New York: The John Day Company, 1946.

Gans, Herbert. "Symbolic Ethnicity: The Future of Ethnic Groups and Cultures in America," In *On the Making of Americans; Essays in Honor of David Riesma.* Philadelphia: Univerity of Pennsylvania Press, 1979.

Jung, Betty. "Chinese Immigrants," *Civil Rights Digest 6* (Spring 1974), 46-47.

Kim, Elaine. "Visions and Fierce Dreams: A Commentary on the Works of Maxine Hong Kingston," *Amerasia Journal 8* (Fall/Winter 1981), 145-161.

Lyman, Stanford. "Marriage and the Family Among Chinese Immigrants to America, 1850-1960," *Phylan,* XXIX (Winter 1968), 321-330.

Uyematsu, Amy. "The Emergence of Yellow Power in America," In *Roots; An Asian American Reader* Eds. Amy Tachiki, et.al. Los Angeles: UCLA Press, 1971.

Woo, Deborah. "Maxine Hong Kingston: The Ethnic Writer and the Burden of Dual Authenticity," *Amerasia Joural* 16 (1990), 173-200.

Yoshioka, Robert B."Stereotyping Asian Women," *Civil Rights Digest* 6

(Spring 1974), 45.

Yung, Judy. "The Social Awakening of Chinese American Women as Reported in *Chung Sai Yat Po*, 1900-1991," in *Unequal Sisters: A Multicultural Reader in U.S. Women's History* Eds. Ellen Carol DuBois and Vicki L. Ruiz. New York: Routledge, 1990.

NOTES

1.Judy Yung. "The Social Awakening of Chinese American Women as Reported in *Chung Sai Yat Po*, 1990-1991,"in *Unequal Sisters A Multicultural Reader in U.S. Women's History*, eds. Ellen Carol DuBois and Vicki L. Ruiz (New York: Routledge, 1990).

2.Amy Uyematsu, "The Emergence of Yellow Power in America," in *Roots; An American Reader*, eds. Amy Tachiki, et.al. (Los Angeles: UCLA Press,1971),p.9.

3. Maxine Hong Kingston, *The Woman Warrior of a Girlhood Among Ghosts* (New York: Alfred A. Knopf, 1976). All further references to or quotations from this novel are from this edition.

4. Amy Tan, *The Joy Luck Club* (New York: Ivy Books, 1989). All further references to or quotations from this novel are from this edition.

5. Deborah Woo, "Maxine Hong Kingston: The Ethnic Writer and the Burden of Dual Authenticity," *Amerasia Journal*, 16 (1990), pp.174-175.

6. Kingston, p.7.

7. Tan, p.267.

8. Ibid., p.49.

9. Kingston, p.23.

10. Ibid., p.46.

11. Stanford Lyman, "Marriage and the Family Among Chinese Immigrants to America, 1850-1960," Phylan, XXIX (Winter 1968), pp.321-322.

12. Tan, pp.108-109.

13. Elizabeth Colman, *Chinatown U.S.A.* (New York: The John Day Company, 1946).

14. Kingston, p.147.

15. Ibid., p.70.

16. Tan, p.141.

17. Ibid., p.99.

18. Ibid., p.306.

19. Kingston, p.200.

20. Robert B. Yoshioka, "Stereotyping Asian Women," *Civil Right Digest* 16 (Spring 1974), p.45.

21. Tan, p.241.

22. Ibid., p.173.

23. Herbert Gans, "Symbolic Ethnicity: The Future of Ethnic Groups and Cultures in America," in *On the Making of Americans; Essays in Honor of David Riesman* (Philadelphia: University of Pennsylvania Press, 1979).

24. Tan, p.289.

LỚP VĂN SỬ ĐỊA

Mời các bạn ghi tên học

LỚP VĂN SỬ ĐỊA VIỆT NAM

do các cựu giáo sư trong Hội Ái Hữu
Cựu Giáo Chức Việt Nam
thuyết giảng và hướng dẫn.
Có sinh hoạt minh họa như: Trình diễn
ca nhạc, chiếu ảnh, video, làm báo, v.v...

Thời gian: Mỗi chiều Chủ Nhật từ 1 đến 3 giờ.
Khai giảng: 8-8-1993

Địa điểm: Câu Lạc Bộ VAALA
14901 Moran St., Westminster

Liên lạc: * Tạ Văn Trung
(310) 372-3219; 334-7685
* Lê Cẩm Thạch
(310) 336-1862; (714) 857-6118

BOOKS BRIEFLY NOTED

FICTION

COI SA MU. By Tran Long Ho
(Minh Van; 452 pp. $18)

Coi Sa Mu ("The Veiled Land") is the first of a septet of epic novels written by an emerging novelist. The novel depicts lives of several transplanted, South Vietnam-trained doctors in the town of Vi Thanh, South Vietnam, after the country was taken over by the North Vietnamese communists. Vi Thanh, a poor, out-of-the-way town in the delta region of South Vietnam, was used as a dumping ground for the government's rejects and reactionary. The novel's protagonist, a reactionary in the eyes of responsible administrators, was exiled and assigned to teach at the town's makeshift health school for local cadres. There, in that veiled and obscure place, the main character witnesses the other side of the oft -touted socialism. What he sees is corruption, illicit sex, and abuse of power by party representatives. There, he collides ideologically with the people in charge of indoctrination while trying to solve a mysterious death of his friend. Written in a distinctive southern style and idiom, the novel captures a precise detail of life under a totalitarian regime; life in a town that rekindles a typical Stalinist work camp. Tran Long Ho is the pseudonym of Tran Truc Quang, a medical doctor by profession. Mr. Quang has previously published two works, "A Day With No Place To Go." (Ngay Quanh Quan) and " A Cancerous Joy (Niem Vui Ung Thu), both in the form of collected short stories.

DOI BO. By Le The Tham Van
(Self-piblished; 195 pp. $8)

"Doi Bo And Other Stories" is Ms. Tham Van's debut into the lieterary world. A collection of eleven short stories, "Doi Bo And Other Stories" is a nice going for an up-and-coming writer. (The Vietnamese words "doi bo" somehow defies a sensible translation into English. Literally, doi bo means the two sides of a river, a line or an intervening space. Figuratively, doi bo indicates a seperation or a cessation of a relation.) Each story of the collection is about an aspect of life in general -- aspects from all walks of life that we encounter every day--yet the author turns it into interesting stories. Le Thi Tham Van (born Le Thi Hoang Mai) came to the U.S. when she was in her early teens. Despite years of cultural and societal assimilation, Ms. Tham Van, through "Doi Bo" proves that she can still retain the fluencey of her mother tongue. An entertaining reading.

VET THUONG. By Son Tung

Refugess who escaped Vietnam by boats always bear with them harrowing stories. Stories about the horror of pirate, rapes, killings, tormented conditions, or just the awe-sticken immensity of the sea. These traumatic experiences stay with them so long that it somewhat became wounds within their bodies. Vet Thuong (The Wounds And Stories") is a collection of those stories. In "The Wound" (The Collection's namesake) Son Tung tells a story of a girl who was raped during the sea crossing flight. After the incident, she attempted to suicide but was saved. Arriving on shore, she constanly contemplates on the price she had to pay for freedom. "Freedom. I hate freedom, for it cost me so dearly," she injects. Son Tung is the penname of Nguyen Minh Ngoc, onetime an attorney. His previous work. Trung Phat ("Punishment"), also a collection of short stories, was warmly received.

NONFICTION

MOT KIEP NGUOI. By Huynh Van Cao
(Self-published; 339 pp. $25).

"A Span Of Life" is the autobiography of Huynh Van Cao, a former general-turned-politician of the once Republic of South Vietnam. Dubbed the "man of historic moments" by American press for his proneness to be involved in many historic-if not akward-moments in the politico-military history of South Vietnam. Mr. Cao, a major general at the age of thirty-five, seemed to be destined for higher positions until the late president Ngo Dinh Diem -- Cao's mentor and sponsor -- was assasinated. General Cao was the commander of the IV military corps, where the infamous Battle of Ap Bac took place. The 1962 Battle of Ap Bac marked the beginning of communist's open warfare against the South Vietnamese government. In 1967 Mr. Cao retired from the military to run, and was elected, for a senatorship. After the collapse of South Vietnam, Mr. Cao was detained for more than eleven years in con-

centration camp. In addition to the intimate accounts of South Vietnam's inner circles of political power, the book has several excellent chapters on the life of former government officials in reeducation camps.

CUOC CACH MANG BI PHAN BOI.
By Leon Davidovich Trotsky
Translated by Hoang Khoa Khoi.
(Tu Sach Nghien Cuu; 325 pp. $120)

This is the Vietnamese translation of Trotsky's "The Betrayed Revolution." Written when he was exilted abroad by Stalin, "The Betrayed Revolution" offers Trotsky's analysis of the October Revolution, the Civil War, and the failure of the New Economic Plan. As one of the earliest inakomyslyaschy (dissidents; those who think differently), Trotsky tried to rally opposition against Stalin. He failed, was expelled from the Party, and banished from the Soviet Union. When Stalin consolidated his power, Trotsky's writings was prohibited from circulation during the entire Stalin's reign, and much later. The apparent collapse of communism recently has sparked renewed interest in Trotsky's writings and his theory of Permanent Revolution. This renewed interest seems to be intiated by the followers of Trotsky's Fourth International in newly democratized countries (of formely socialist ones). Soviet Marxist historians, however, have mixed reviews of Trotsky's analysis. "... because of his dogmatism, his inadequate information, his bitterness, Trotsky's analysis of the complicated process going on in the USSR and in the world Communist movement was one-sided and tendentious," comments Roy A. Medvedev, one of the leading Russian historians, on Trotsky's writings. Hoang Khoa Khoi, the translator, a Trotskyist and leader of Trotsky's Fouth International movement in Vietnam during the mid-forties.

NHUNG NGAY MUON QUEN. By Doan Them
(Canh Nam; 426 pp. $18)

Nhung Ngay Muon Quen ("The Days To Be Forgotten") is a recollection of social events, personal observations and feelings during the eight years the author spent under the Vietnamese communist regime. The seventy-eight year-old author, whose a dozen books ranging form constitution law to aesthetics to poetry, records in 42 short chapters the vicissitudes of life that occured to him and the country's populace in the wake of communist takeover. The title of the books was not without reason: one of Mr. Them's most widely read books titled Nhung Ngay Chua Quen. 1939-1954 ("The Unforgettable Days. 1939-1954"). Why is a reversal ? For one thing, "The Ungorgettable Days" was written more than fifty years ago at the time when the whole country of Vietnam was burning with desire and enthusiasm for independence from French colonialism). Those unforgetable days were full of hopes and asperations. In The Days To Be Forgotten. 1975 ended all hopes, shattered all dreams; the communists were in South Vietnam to stay. And for eight years Doan Them had a taste of communism's platitudes. Doan Them, a tight-lipped, punctilious civil servant of the Republic of Vietnam for its entire existence, held many important positions that afforded him the privity of government matters. His "Daily Events" volumes ("Viec Tung Ngay"), an annual compilation of newsworthy items, were consulted by many. Born in 1915, a product of excellent French academic, Mr. Them has a degree in Law and began to serve in the government thereafter. For those unfamiliar with Doan Them's writings, along with this book, his "The Unforgetable Days 1939-1945" is highly recommended.

HO CHI MINH, NGO DINH DIEM, VA MAT TRAN GIAI PHONG.
By Ho Si Khue
(Van Nghe; 441 pp. $16)

"Ho Chi Minh, Ngo Dinh Diem, and The National Liberation Front" offers a canvas of Vietnamese political personages. This is one heavy-duty political analysis tome. The author, a contemporary of most of the leaders of the two Vietnams, dissects the political thinkings of Ngo Dinh Diem, Ho Chi Minh; and reasons why the National Liberation Front was created and disowned immediately after the war. One of the main failures of the late president Diem, the author opines, was Diem's refusal to create a distinct state of South Vietnam by putting more native south Vietnamese political leaders in his administration. To wit: The author tells of an anecdote about Ngo Dinh Nhu, Diem's brother and the regime's omnipotent advisor. When president Diem asked the author to head a press department, created just for the purpose of promoting political causes for the young Republic, he was first screened by Nhu for the job. During the conversation, when the author suggested that more native south Vietnamese should be employed in key government positions, Nhu bluntly stated that he did not trust the natives (both Nhu and the author were born in the central Vietnam), and that he thought the southern-born Vietnamese were nothing but a bunch of traitors (Nhu was convined that since the south Vietnamese ceded six eastern provinces to the French in the mid-1800's without a fight, that, to Nhu, constituted an act of treason). In reply, the author told Nhu that if they were to build a nation in the south -- as opposing to the north -- the southern-born natives must be trusted and employed. In fact, a regional locale of "South Vietnam" must be promoted. Without the participation of the natives or a regionalism in place, the young republic has no hope or chance to survive. Survive it didn't. How prophetic. The book is peppered with biographical anecdotes, political personages, and psychohistorical insights. Highly recommended for the history shelf.

Compiled and Written
by **Nguyen K. Phong**

July 13, 1993

Trung Tâm Băng Nhạc Hải Âu

Xin hân hạnh giới thiệu: *2 băng nhạc mới, lạ nhất của 3 ca sĩ đang được quí khán giả yêu thương:*

Mỹ Huyền
Chung Tử Lưu
Randy

Hải Âu 65
HỢP KHÚC TÌNH YÊU 1

TÌNH NHỚ 24
HỢP KHÚC TÌNH YÊU 2

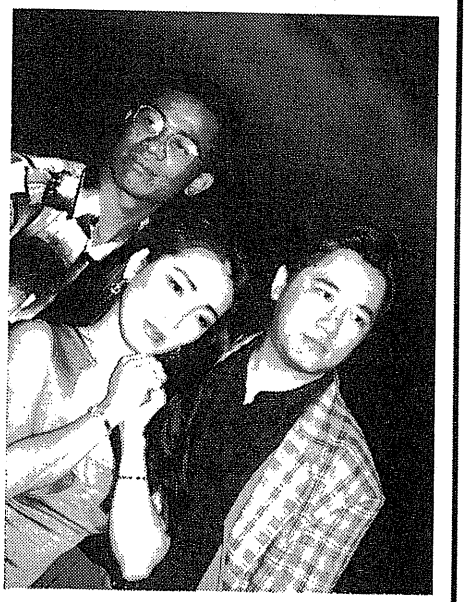

MỸ HUYỀN - CHUNG TỬ LƯU
RANDY 1

2 Băng Nhạc dễ thương và đặc biệt nhất của mùa hè 93

9842 Bolsa Ave., Ste. 103
Westminster, CA 92683
(714) 531-8119

CHUNG TỬ LƯU - RANDY
MỸ HUYỀN 2

ĐÃ PHÁT HÀNH: BỘ LASER DISCS HẢI ÂU TỪ SỐ 1 ĐẾN SỐ 7
BỘ LASER DISCS HẢI ÂU TÌNH NHỚ SỐ 1, 2

TÌM BẠN

Thiếu phụ khả ái, có kiến thức, ly dị, một con (ở riêng), qua Mỹ 75, trẻ trung, lãng mạn nhưng không buông thả, hay giúp đỡ, nhạy cảm, can đảm, rất tự lập. Thích nấu ăn, được chiều và nhõng nhẽo. Thích tìm hiểu, luôn cầu tiến. Kiếm đối tượng 40-50, professional work, biết English, hiểu biết, không cờ bạc, rượu, điếm đạm, để dìu dắt và hỗ trợ nhau trong đời sống, chí hướng, mà ước mơ trong tương lai sẽ đi đến tình yêu vững bền. Thực tế, tình yêu của hai người vẫn là những điểm tương đồng căn bản, cùng hòa nhịp với giếng mắt, hành động và thành thật.

HẠNH: (213) 650-3688
P.O. Box 46742
Los Angeles, CA 90046

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

MỜI CÁC BẠN CÙNG VIẾT!

Thế Kỷ 21 hoan nghênh mọi đóng góp của thân hữu và bạn đọc khắp nơi.

Xin đừng chờ xây dựng và hoàn tất một "công trình văn học hoặc báo chí" rồi mới gửi cho *TK21*.

THẾ KỶ 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92683. (714) 894-9021. FAX (714) 894-2752

SUBSCRIPTION RATE

NOTES:

(1) Effective from July 1st, 1993 through June 30th, 1994.

(2) The following rate is for individuals. For institutions, add up 30% to individuals' rate.

(3) We honor 1992 rates on orders received before July 1st, 1993.

(4) Checks (or, outside of US, International Money Orders in USD) payable to "THE KY 21."

Price		(1) US		(2) Canada		(3) Europe		(4) All others	
	Discount	Bulk	First	Regular	Air	Regular	Air	Regular	Air
1 issue -	0%	$3.30	$4.44	$3.90	$4.48	$4.56	$6.01	$4.78	$6.90
6 issues	-15%	17.10	25.74	22.50	25.98	26.46	35.16	27.78	40.50
12 issues	-20%	32.40	49.68	43.20	50.16	51.12	68.52	53.76	79.20
24 issues	-25%	61.20	95.76	82.80	96.72	98.64	133.44	103.92	154.80

Bác Sĩ Y Khoa

TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

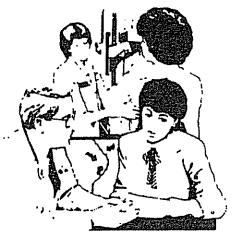

- DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
- VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ
- NGUYÊN GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON
- NGUYÊN GIÁO SƯ MÔN NỘI KHOA ĐẠI HỌC Y KHOA OKLAHOMA
- NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC OKLAHOMA CITY V.A. MEDICAL CENTER

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM

Chuyên Trị:

BỆNH NỘI KHOA & BỆNH NGOÀI DA:

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đai, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàng nhan, mụn cóc, lang ben
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp xương, đau nhức kinh niên
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh
- **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:** Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi
- **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu thận suy

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não
- Bệnh tê liệt, bại xuội

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư, máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh thử máu trước khi lập gia đình

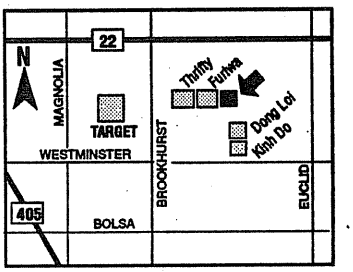

13832 BROOKHURST ST.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Góc Brookhurst &Westminster trong khu chợ Kinh Đô cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
1:30 PM - 7:30 PM
Thứ Bảy:
9:30 AM - 6:00 PM
Chủ Nhật: nghỉ

Xin Gọi Trước Để Lấy Hẹn

The Company You Keep®

Pascal Dung Gia Nguyen
Agent
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst St. #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 #21 Fax 714 964-0545
Pager 714 568-5006

Registered Representative
for NYLIFE Securities Inc.
1 City Blvd. West, #1121
Orange, CA 92668

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc compact disc và video:

- **Băng nhạc quê hương**
- **Ngâm thơ**
- **Thánh ca**

P.O. Box 10553, Santa Ana, CA 92711
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

BÁC SĨ TRƯỞNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**
  Với sự cộng tác của Bác sĩ Nguyễn Duy, tốt nghiệp Y Khoa gia đình tại Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

Thuh Beauty Institute

THUH ★ BEAUTY

Orange County, California, USA

9600 Bolsa Ave., Suite E
Westminster, CA 92683

BOLSA MARKET PLACE

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA, USA.
* Certified in Make Up+Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make-Up &Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Normolee Cosmetics, Beijing, China
* Gosh Cosmetics, Copenhagen, Denmark.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N) Cal State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.N.S) Cal-State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* BA in Education (Pedagogy), and BA in Literature, University of Saigon, Vietnam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, Vietnam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991&1992&1993. CA,USA
* Aestbetics World Expo 1991&1992. 1993 Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
* Professional Beauty 1992. Olympia 2, West London England.
* International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU:

Mắt - Mũi - Cằm - Ngực
Da mặt - Da trán - Hút mỡ - Lấy da và mỡ bụng.
Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay.
Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel: (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

CHUYÊN MÔN

* Facial
* Lột da mặt
* Dầu thơm (Pháp)
* Dưỡng da
* Xâm thẩm mỹ
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô Dâu, dạ hội.

* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn.
* Lớp dạy Trang Điểm và Xâm thẩm mỹ.
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO TẤT CẢ NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG.

MÙI ĐU ĐỦ XANH

THỤY KHUÊ

Đêm đã khuya — tiếng dồn dập gõ cửa của một bé gái trước một ngôi nhà cổ kính phá vỡ bản hòa ca rỉ rả của côn trùng trong giây lát. Rồi vài lời đối thoại ngắn gọn. Rồi tất cả những tiếng nói chìm đi, tiếng đàn chìm đi, chỉ còn lại bầu không khí tịch lặng của đêm khuya, của những nét mặt và của những chiếc bóng thầm lặng...

Như đoạn dạo đầu, cả cuốn phim ít lời đến gần như không nói. Tất cả diễn ra bằng ánh mắt, nụ cười, bằng cử chỉ, bằng những gì không phải là ngôn ngữ. Đó là nghệ thuật điện ảnh dựa trên sức mạnh của nội tâm. Đó là cõi tịch lặng đông phương và đồng thời cũng là thế giới câm nín, suốt đời chịu đựng của người phụ nữ Việt Nam. Trần Anh Hùng đã dẫn ta vào tác phẩm *"Mùi đu đủ xanh"* bằng thuật pháp vô ngôn ấy. Anh đã thực hiện được cái tĩnh, cõi tịch lặng và câm nín trên màn ảnh, một cách vô cùng nghệ thuật. Trần Anh Hùng dùng kỹ thuật không lời để nói lên cái sâu xa, mãnh liệt của thế giới những điều không thể nói.

Trong những phim về Việt Nam gần đây xuất hiện ở Pháp, không thiếu những phim hay. Mức độ hay tùy theo cách đánh giá của mỗi người: hay kiểu phiêu lưu, tiểu thuyết, nhuốm sắc cải lương như *Indochine*. Hoặc hay vì bật ra sức chịu đựng tối đa của con người trong cực điểm của chiến tranh như *Điện Biên Phủ*. Hoặc hay vì tính cách đặt vấn đề trực tiếp: trong tình yêu, thể xác làm chủ, thể xác đi trước tâm linh như *L'Amant* (Người Tình). Những giá trị ấy được các tầng lớp khán giả yêu chuộng theo nhịp độ và trình độ khác nhau, nhưng tựu trung đều đặt nền trên thể động của Tây phương. Tất cả mọi diễn biến: từ tình tiết éo le trong *Indochine*, đến sự cung cấp dư giả xương máu, sinh mạng con người cho Chiến tranh trong *Điện Biên Phủ*, hay động tác chủ lực của thể xác nơi sinh hoạt tình yêu, trong *L'Amant*... Dù những phim ấy được quay trên bối cảnh là đất nước Việt Nam, nhưng những cái nhìn của đạo diễn chủ ý nằm ở thể động. Nói khác đi, họ dùng động tác, ngôn ngữ, âm thanh làm sức mạnh cho tác phẩm. Đó là một lối nhìn rất Tây phương, rất động, lấy bối cảnh Việt nhưng không có không khí Việt.

Phải đến Trần Anh Hùng, với *Mùi đu đủ xanh*, quay toàn trên đất Pháp, ở phim trường Bry sur Marne — vì thiếu phương tiện tài chính — chúng ta mới thực sự có một cuốn phim Việt với tâm hồn đông phương.

Trần Anh Hùng đã thành công trong hai chủ đích của anh:

- Dùng thể tĩnh để nói lên sức sinh động của cuộc đời qua trung gian của ống kính.

- Tôn vinh những người mẹ thầm lặng, câm nín, những người

phụ nữ không được quyền đa ngôn, lý luận, phát biểu, mà chỉ có quyền câm lặng, hy sinh, cho mẹ chồng, cho chồng, cho con, trong suốt cuộc đời. Hằng hà sa số thế hệ phụ nữ Việt Nam đã cuốn đi, trôi đi như thế...

Trần Anh Hùng diễn tả những thầm lặng ấy bằng *caméra* trực chỉ. *Caméra* là nguồn sống, là sinh lực, của cuốn phim. Cho nên, nếu muốn nói đến một kỹ thuật trong nghệ thuật điện ảnh: tôi nghĩ rằng cái bí quyết của Trần Anh Hùng nằm ở đôi mắt *caméra*. Chính đôi mắt ấy đã làm cho khán giả ngửi thấy mùi lá cây, hoa cỏ, mùi mưa, mùi đu đủ.... và cả mùi khổ đau của con người. Chính đôi mắt *caméra* ấy đã chiếu vào nội tâm của sự vật, của các vấn đề: từ giọt sương mai, giọt nhựa đu đủ, đến những con kiến, con cóc, con ễnh ương... đến những giọt nước mưa long lanh trên lá. Đôi mắt của Trần Anh Hùng đã tận dụng những *gros plan* cận ảnh như những ẩn dụ để nói lên sức ép nội tâm: Đàn kiến ngoi ngoai trong đống sáp nến khêu lên tâm trạng khốc liệt của đứa bé, vị thành niên, muốn phá phách, muốn tận diệt những bất công xã hội mà mẹ nó suốt đời phải chịu bằng cách đổ những bạo động lên đầu "con kiến". Rồi đôi mắt long lanh như hai vì sao của đứa bé gái chiếu hậu vào mặt trái của cuộc đời. Sự trườn trợt của những con ễnh ương, trong vũng lầy ẩm ướt ẩn giấu khát vọng dục tình cuồn cuộn của đôi trai gái trong đêm khuya.

Tác phẩm dựa trên ba điều mạnh:

- *Caméra,*
- Diễn xuất,
- Và nhạc đệm.

Hai yếu tố đầu thuộc phạm vi đạo diễn vì các tài tử, phần lớn là những diễn viên không chuyên nghiệp, trừ nghệ sĩ Nguyễn Anh Hoa từ Việt Nam sang.

Phần đầu cuốn phim hay hơn phần sau: các diễn viên trong phần đầu đóng hay, diễn xuất hợp với không khí khiêm cung, đạm bạc. Phần sau nhiều đoạn chậm quá, dài quá, có chỗ màu mè, cải lương không cần thiết. Cô bé Lu Man San đứng đầu trong diễn xuất các vai chính, rồi đến Nguyễn Anh Hoa, Trương Thị Lộc... Những vai phụ: hai cậu bé trai đóng cũng rất hay.

Nhạc đệm của nhạc sĩ Tôn Thất Tiết góp phần không nhỏ vào việc tạo không khí đông phương gợi cảm giác cùng sinh lực cho tác phẩm.

Phần trang trí do Trần Nữ Yên Khê đảm nhận đã đóng góp không nhỏ vào cái không khí trang nghiêm và khe khắt.

Điểm sau cùng: Tác phẩm đã được thực hiện với thành phần, từ đạo diễn đến diễn viên, phần lớn là những người Việt sinh trưởng ở Pháp, hoặc rời nước đã lâu từ năm 13 tuổi như Trần Anh Hùng. Nhưng tất cả hầu như đã trút bỏ khía cạnh Tây phương thường ngày của họ để nhường bước cho khía cạnh Việt, trong khoảnh khắc 1 giờ 40 phút. Khoảnh khắc ngắn ngủi ấy sẽ ghi vào tâm khảm người xem sâu đậm và lâu dài.■

Paris 9/6/93

(Phim nói tiếng Việt phụ đề tiếng Pháp)

ĐÀN TRANH

Lớp Vỡ Lòng
do GS Nguyễn Thị Mai hướng dẫn

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt - Mỹ tổ chức
với sự yểm trợ của Ban Dân Nhạc Lạc Hồng.

Lớp Đàn Tranh dành cho thiếu niên từ 5 tới 15 tuổi.
Khóa I bắt đầu từ 16-07-1993

Mỗi thứ Sáu có hai lớp:
(1) - Từ 5 giờ tới 6 giờ
(2) Từ 6 giờ 15 đến 7 giờ 15

Học phí $50.00 / một tháng. - Nhạc cụ tự túc

Liên lạc: **(714) 894-5630,** hỏi Ô. Tự

GHI CHÚ: GS Mai nhận giới thiệu mua và bán đàn (liên lạc trực tiếp sau đó.)

MỘT HOÀN CẢNH MỚI CHO SÁNG TÁC VĂN NGHỆ

VIẾT MỘT CUỐN, ĐỌC NGHÌN CUỐN

VÕ PHIẾN / NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Võ Phiến (Ảnh Đông Nguyên)

NGUYỄN XUÂN HOÀNG.- Lần trước ông đề nghị nên bắt đầu thảo luận về ý nghĩa các dữ kiện nêu ra...

VÕ PHIẾN.- Có lẽ nên thế, ông ạ. Nếu không, lâu ngày ta quên mất đã nêu ra những gì. Rối lắm.

N.X.H. Chúng ta đã nhận thấy:

Ngày nay ít đọc sách hơn xưa,

Ngày nay viết nhiều sách hơn xưa,

Ngày nay đọc qua quít hơn xưa...

Đơn giản thôi. Chưa có gì rối rắm. Dù sao, đưa ra cái gì, giải quyết ngay cái đó vẫn hơn.

V.P.- Tôi xin có mấy ý nghĩ về cái qua quít. Theo tôi, đọc mà nhảy lóc cóc, đọc một dòng nhảy một dòng, đọc vài đoạn nhảy một đoạn v.v..., đọc như thế tức là không phải đọc cuốn sách tác giả đã viết ra. Đọc như thế là đọc một ấn bản đặc biệt, có đục bỏ nhiều khoảng trống. Một ấn bản như thế không phải là công trình nghệ thuật thể hiện phong cách của tác giả, mỹ quan của tác giả...

N.X.H.- "Bản đặc biệt" là công trình hợp soạn giữa tác giả và độc giả!

V.P.- Không được thế đâu. Chữ "hợp soạn" giả thiết một suy tính, cân nhắc, một sửa đổi cố ý. Đàng này, không có thế. Vừa đọc vừa nhảy, người ta chỉ có thể "thưởng thức" một tác phẩm ngẫu thành, đầy may rủi, xệch xạc, bôi bác. Tác giả thường thoạt tiên làm một bản phác thảo đơn giản, qua loa (hoặc trong trí hoặc trên giấy); từ đó ông ta cặm cụi dựng lên một công trình nghệ thuật. Công trình hoàn tất, được trao qua tay độc giả, tức khắc biến trở lại thành những phác thảo đơn giản qua loa. Cái biến thành ấy là do phép nhiệm mầu của thời đại: phép đọc nhanh. Cái biến thành ấy cũng có thể gọi là sự phá hủy tan tành cố gắng nghệ thuật.

Trong cố gắng ấy, mỗi chi tiết là một tử công phu. Trong phép đọc nhanh, mọi chi tiết đều là vướng víu cần vượt thoát.

Bao nhiêu tác giả xưa nay đã nhiều lời tha thiết về chi tiết. Tôi không nhớ trong một bức thư nào đó của Tolstoi, ông so sánh văn với hoạ, văn với nhạc, và trong so sánh nào ông cũng nhấn mạnh vào tầm quan trọng sinh tử của cái "một chút xíu". Trên bức vẽ kém cỏi của người học trò, lắm khi ông thầy chỉ cầm cây cọ phết vào một nét sửa chữa là bức họa có sinh khí. Trong cuộc trình diễn âm nhạc, một nốt nhạc kéo dài hơn hay dứt ngắn hơn, lên cao hơn hay xuống thấp hơn mức độ cần thiết một chút, thế là sức tác động của bản nhạc bị ảnh hưởng tai hại ngay.

Một tác phẩm nghệ thuật chỉ gầy được tác động tâm lý mong muốn trong cái hình thức nhất định của nó. Mọi xô đẩy, sai lệch, làm méo mó cái hình thức ấy đều hại tác phẩm. Ông tưởng tượng xem: Một bức tranh xưa của Vương Duy bị dán cẩn chỗ này

nước mưa dậm chỗ nọ, trông thì vẫn còn nhận ra là chim đậu cành trúc hay đạo sĩ dạo dưới núi đấy,nhưng người xem có còn nhận được cái cảm xúc mà Vương Duy cố truyền vào tranh không? Một bức tranh bị xoá trắng đi chừng dăm ba khoảnh đã không còn là tranh, lẽ nào một tác phẩm văn chương bị xoá đi năm chục khoảng vẫn còn là văn phẩm? Đối với họa phẩm, nhạc phẩm, không thể sửa đổi chút xíu nào; tại sao có thể bứng từng tảng, từng khối lớn của văn phẩm vất đi? Trong cuốn khảo luận nào về *Truyện Kiều* đều có phần tóm lược cốt

truyện này; đọc xong bài tóm lược, các cô cậu học sinh có thể nào cho rằng mình đã được "thưởng thức" *Truyện Kiều*, đã biết tài nghệ của Nguyễn Du? Người đọc nhảy còn cẩu thả hơn kẻ soạn sách khảo luận nhiều chứ.

Đọc truyện không phải là đọc cốt truyện; đọc thơ không phải là đọc ý thơ. Tác phẩm văn nghệ bây giờ bị hất hủi quá lắm. Nó không thể cúi đầu chịu cái nhục ấy mà vẫn còn xứng đáng là nghệ phẩm.

N.X.H.- Ông vừa nói đến cốt truyện và đến vấn đề chi tiết trong truyện. Tôi nghĩ đến Nhất Linh. Nhất Linh coi thường cốt truyện, không muốn gọi bằng cái tên thường gọi là cốt truyện: ông đặt tên nó là "Các việc xảy ra"! Theo ông thì trong một cuốn tiểu thuyết cái đó không quan trọng chút nào, vậy muốn viết nên cuốn tiểu thuyết hay tốt hơn là đừng bận tâm về cốt truyện. Quan trọng nhất là chi tiết. Theo Nhất Linh, các nhà văn hơn kém nhau ở chỗ tìm chi tiết.

Ông có cho rằng nói như thế là quá đáng không?

V.P.- Ối, tôi mà cho là thế này thế nọ thì có nghĩa gì đâu. Có lần trong một cuộc đàm thoại về tiểu thuyết, hai nhà văn lớn của Nhật bản là Yukio Mishima và Kenzaburo Oe cũng đi đến những ý kiến của Nhất Linh.

Thoạt tiên Oe bảo không nên chú trọng quá về chi tiết; Mishima hoàn toàn bác bỏ ý nghĩ của nhà văn đàn em, và cuối cùng đã thuyết phục được Oe. Họ đồng ý với nhau rằng đặc điểm của tiểu thuyết Nhật là sở trường về chi tiết, và đó là chỗ thành công của tiểu thuyết Nhật. Tiểu thuyết là một công trình hư cấu, giả tưởng. Cái giả ấy mà thành tuyệt diệu được là nhờ những chi tiết rất thực. Chi tiết mà thực thì công trình giả cấu hoá nên sống động.

Ông kể rằng ông vừa đọc một câu chuyện cấu trúc lỏng lẻo loạng choạng nhưng có nhiều chi tiết hay. Ông định chê, nhưng Mishima bênh vực. Mishima nói ngay là ông thích Oe cũng chính vì trong truyện Oe có những chi tiết hay, ông khen Oe thành công về chi tiết. Như vậy ở đây cũng lại cốt truyện không cần, chi tiết là nhất. Trong khi ấy, kẻ đọc nhảy đọc nhanh lại nhảy phóc qua đầu các chi tiết, chỉ lo rượt đuổi cái cốt truyện. Ông nghĩ coi: vậy có khốn khổ cho nghệ thuật, có tàn đời nghệ thuật không chứ?

Nhưng trình bày các quan niệm của nhà văn này nhà thơ kia, chuyện ấy làm tôi khổ sở quá. Tôi chẳng đọc được bao nhiêu, mà đọc xong lại chóng quên, mỗi lúc truy tầm tư tưởng của các vị ấy thật là vất vả. Xin phép ông cho tôi xả hơi một chút, bằng cách kể chuyện mình. Nói cái của mình thì về tư tưởng nhất định là nghèo nàn, nhưng về dữ kiện may ra chính xác. Tôi muốn kể với ông vài kỷ niệm, được chứ ạ?

N.X.H.- Ông cứ tự nhiên. Không nên giữ ý quá đáng, xin tự nhiên.

V.P.- Năm ngoái khi vào nhà thương chịu giải phẫu, tôi bỏ theo trong cặp vài tờ tạp chí và cuốn *Kiếp người* của Somerset Maugham do Nguyễn Hiến Lê dịch, để đọc lai rai trong khi chờ mổ. Bản dịch của ông Nguyễn đã in ở Sài gòn, nhưng hồi đó tôi không có dịp đọc. Bây giờ nằm trên giường bệnh đọc gần hết cuốn sách, thỉnh thoảng thấy có điều ngờ ngợ, nhưng vẫn chưa nhận ra là sách quen, và quen từ bao giờ. Bỗng nhiên đến cái chết của mục sư Carey. Người bệnh nằm mê man đã lâu; trong gian phòng vắng vẻ chỉ có mình Philip ngồi canh chừng ông bác già, chờ đợi từ giờ này sang giờ khác. Một con nhặng xanh vo ve đâm đầu vào cửa kính. Bên ngoài trời nắng đẹp, không mây, khu vườn đầy bóng mát. Thình lình nghe có tiếng ọc ọc, ông già run bật bật rồi tắt nghỉ. Con nhặng xanh vẫn còn đâm đầu, đâm đầu hoài vào cửa kính.

Đến đây tôi vụt tỉnh người. Không những tôi nhớ rõ ràng đã từng đọc cuốn truyện, dần dần lại nhớ đích xác đã đọc ở đâu, lúc nào, trong khung cảnh ra sao. Nhớ bấy giờ là vào khoảng 1944, bốn mươi tám năm trước, nhớ buổi sáng hôm ấy, mùa thu, trời lành lạnh, ở Huế, không hiểu sao tôi lại có mặt tại trường, trong lớp học không người ở tầng lầu một, một mình ngồi đọc cuốn truyện (bấy giờ trong bản tiếng Pháp). Sau gần nửa thế kỷ, một đêm trên giường bệnh ở Los Angeles tôi ngừng giữa trang sách, sống lại cái xao xuyến năm xưa khi gặp cái chết của ông mục sư già, tiếng ọc ọc, con nhặng xanh... Không những thế, không những nhớ cảnh trong sách, mà còn nhớ đến tâm trạng mình lúc bấy giờ. Bấy giờ tôi cũng ngừng đọc giữa trang sách, cũng thẫn thờ, nhìn ra bên ngoài. Trong buổi sáng của thành phố Huế vắng xe cộ, tai nghe từ đâu đó vang lại đều đều tiếng búa đập xuống sắt beng beng... Trí óc dần dần tách rời khỏi cái chết của ông cụ già, tôi chú ý đến tiếng búa nghĩ mãi không biết từ đâu. Và cái tiếng nọ cứ bám vào trí nhớ. Cách chừng ấy thời gian, tôi nghe lại rõ mồn một!

Bao nhiêu biến cố chìm nổi trong cuộc đời điên đảo phong ba của Philip trong tác phẩm dày cộm đã mờ lạt hết, thế mà cái chi tiết về con nhặng xanh trong cái chết yên lành cứ ám ảnh mãi. Kỳ cục thật.

May quá, cả hai lần đọc tôi đều không nhảy qua chi tiết nhỏ mọn ấy, mặc dù sau này tôi cũng "bận" lắm.

N.X.H.- Xin lỗi. Tôi tò mò một chút. Có phải đó là cách đọc sách riêng của ông? Ý tôi muốn nói lúc nào đọc truyện có phải ông cũng chú tâm lục soát các chi tiết?

V.P.- Không biết đâu. Tôi không nghĩ mình có riêng một phương pháp, một kỷ luật nào. Vả lại tôi cũng chưa có dịp tự phân tích thói quen của mình. Bất thần bị hỏi, e không có câu đáp

đúng đắn. Tuy nhiên có thể nói ngay rằng trường hợp vừa kể không phải chỉ xảy đến một đôi lần. Tôi đã gặp nhiều lần như thế.

N.X.H. Á_ Xin ông vui lòng kể thêm đôi kỷ niệm nữa.

V.P.- Cuộc trao đổi tình yêu bằng mắt giữa Dũng và Loan một buổi trưa trên ngọn đồi ở Quỳnh nê, tôi đã nói đâu đó rồi, giờ xin được nhắc lại. Những gì đã xảy ra giữa cặp trai gái ấy suốt cuốn *Đôi bạn* (của Nhất Linh) khá loằng ngoằng, không phải lúc nào muốn ôn lại cũng dễ dàng. Thế nhưng mỗi lần nói đến *Đôi bạn* tôi liền nghĩ ngay đến khoảnh khắc nọ. Nắng chan hoà, tiếng thông reo, thợ gặt nói cười văng vẳng trên cánh đồng dưới chân đồi, vài người bạn nằm ngủ bên cạnh, mắt Dũng gặp mắt Loan nhìn trộm mình, Loan vờ nhắm mắt lại rồi mở mắt ra, hai người nhìn nhau âu yếm qua những lá cỏ rung rung trong gió.

Có những mối tình diễn ra giữa những cuộc đấu hót ríu rít liên tu bất tận (trong *Vợ thầy Hương, Chú Tư Cầu* v.v... chẳng hạn); có mối tình qua ánh mắt lặng lẽ. Có những đổ vỡ diễn ra giữa tiếng đĩa bát loảng xoảng, tiếng chửi rủa tru tréo, tiếng đay nghiến ác độc; có cuộc đổ vỡ xảy ra trong một tiếng ngáy, đột ngột, ngắn ngủi, phát lên khẽ khàng bên tai mà đủ khiến người nghe cảm thấy sự cách biệt vô phương hàn gắn...

Ánh mắt nọ, tiếng ngáy kia, nó loáng thoáng chợt hiện chợt tắt, khó bắt như một chi tiết nhỏ mấy dòng trong pho sách dày; và kẻ không bắt được những cái ấy tưởng chừng không bắt được cái thần của tác phẩm.

Trong cái đọc cũng lắm cơ duyên, ông ạ. Đọc nhảy, mất hết cơ duyên.

N.X.H.- Ông vừa nói đến tiếng ngáy đổ vỡ...

V.P.- Ý chết. Tôi nhảy lóc cóc từ chuyện nọ sang chuyện kia, không mạch lạc, không báo trước, khó theo dõi được. Xin lỗi ông. Chỗ này tôi muốn nói về một chi tiết trong cuốn *Anna Karénine* của Tolstoi. Kể ra, ngay cả cái này cũng đã từng viết ra rồi. Nhân tiện xin trở lại chút xíu thôi.

Lúc bấy giờ hình ảnh của chàng trai Wronski đã ám ảnh Anna Karénine, nhưng trong tâm hồn thiếu phụ còn những giằng co. Đêm ấy, nàng trăn trở bên cạnh người chồng lớn tuổi. Ông vừa phát lên tiếng ngáy, bổng vấp một một cái, ngưng nín một lát, rồi lại tiếp tục ngáy đều. Thiếu phụ một mình thao thức, đôi mắt long lanh trong đêm tối, nàng chợt cảm thấy rõ là mình đã đi xa, quá xa. Nàng ý thức rõ cái khoảng cách tuyệt vọng giữa vợ chồng...

Hiện thời tôi không có cuốn sách trong tay. Không biết tôi có nói gì sai lạc chăng, ông bỏ qua cho. Không chừng trí tưởng tượng của tôi đã vô tình xuyên tạc chi tiết của Tolstoi. Dù sao... Lạ chứ ông: Tất nhiên tôi thì làm gì có kinh nghiệm về cái tâm lý của người đàn bà ngoại tình, vậy mà tôi cứ đinh ninh là ông Tolstoi viết "đúng" quá! Còn ông Tolstoi nữa, ngay ông cũng làm gì có được cái kinh nghiệm u ẩn của một thiếu phụ trong trường hợp éo le như vậy? Vậy mà ông viết ra; sâu sắc quá trời. Thần sầu. Kẻ viết cũng như người đọc thấy đều... vô căn cứ! ông có thể bảo thế. Nhưng tôi vẫn có cảm tưởng làm nên giá trị của tiểu thuyết Tolstoi là những cái như vậy, chứ không phải những biến cố ngoạn mục như vụ tự tử của Anna Karénine. Ông có nghĩ rằng phải cần đến một thiên tài như Tolstoi mới xô nổi thiếu phụ xinh đẹp nọ vào bánh xe lửa không? Hừm, nhiều tác giả còn dám tạo nên những chuyện động trời, gay cấn, khủng khiếp hơn nhiều chứ lại. Ngã vào xe thì nhằm nhò gì.

N.X.H.- Những chi tiết nhỏ nhặt có phải là then chốt thành công của tiểu thuyết hay không, có phải đó là điều kiện cốt yếu của giá trị không? chúng ta không có nhiệm vụ phải quyết định. Dù sao, nó phải có vai trò quan trọng...

V.P.- ... Mà sự đọc nhanh phế bỏ hoàn toàn. Ông nghĩ coi: Khi người đọc nhảy thì họ nhảy bỏ những gì? Có ai bỏ qua được một vụ tự tử hay một trận đấm đá, một hành hung, một tai nạn chết người đâu. Chỉ toàn bỏ qua

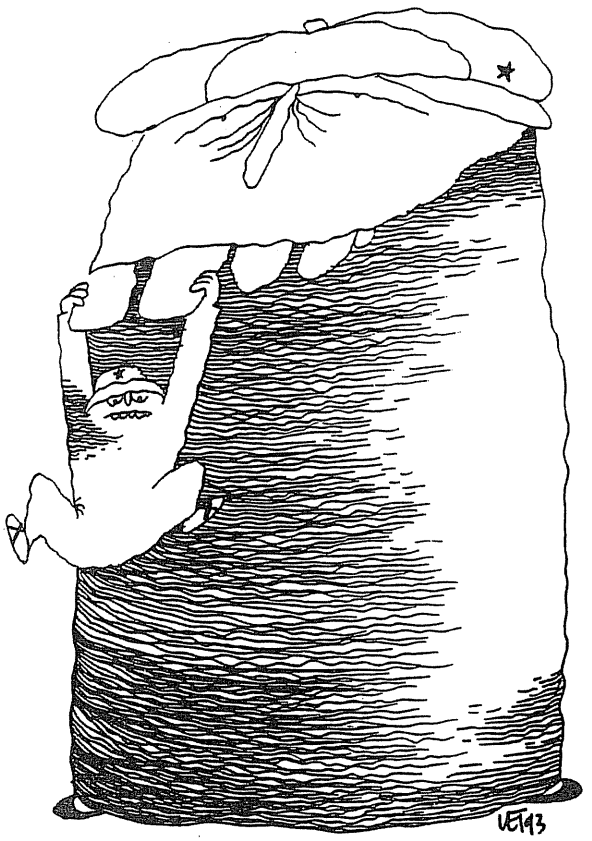

những đôi mắt trao đổi âm thầm lén lút, những tiếng ngáy đứt nối giữa đêm khuya thôi. Mà bỏ qua những cái đó đi! Trời ơi, những trường hợp vừa kể cho thấy khi vứt bỏ những cái đó đi là tiêu tan sức sống của tác phẩm nghệ thuật. Nghệ phẩm là hư cấu, thì những chi tiết nọ lại rất thực. Chính những cái thực nhỏ thổi sinh khí vào cái giả lớn. Thế nhưng những cái thực nhỏ ấy chỉ trao sự sống, chỉ thổi được sinh khí khi nó được nhìn tới. Không nhìn thấy nó, không đọc đến nó, thì nó nằm đó đầy sách mà nó không hề có. Nó nằm ngổn ngang như rác như rến, lù lù, bẩn thỉu. Nó vô dụng và gây vướng víu. Gây vướng víu cho người đọc sách để biết chuyện, để giải trí.

Kẻ đọc bộ *Chiến tranh và Hòa bình* trong hai tuần, người đọc bộ sách ấy trong hai đêm, hai độc giả không cùng đọc một tác phẩm đâu. Tuy cùng nêu ra một nhan đề, họ đọc hai tác phẩm khác nhau. Và họ cảm xúc khác nhau xa, khác hẳn nhau. Từ vị trí một công trình nghệ thuật, bộ tiểu thuyết đọc nhanh bị kéo tụt xuống hàng một món giải trí rẻ tiền. Nó không bồi bổ, không làm phong phú cảm xúc của người đọc; nó chỉ giết giúp người ấy một số thì giờ (vốn đã eo hẹp).

Bộ *Chiến tranh và Hòa bình* vài nghìn trang chăm chút thận trọng từng chữ là tác phẩm nghệ thuật của Tolstoi, còn những bản *Chiến tranh và Hòa bình* chừng nghìn trang hay dăm bảy trăm trang do các nhà xuất bản rút ngắn hay những độc giả sốt ruột tự ý rút ngắn bằng cách đọc loáng thoáng, cũng gọi là tác phẩm của Tolstoi được sao?

Bản *Truyện Kiều* 3254 câu, lời lời châu ngọc, là tác phẩm của Nguyễn Du. Chỉ có bản ấy thôi. Giả dụ có những bản *Truyện Kiều* nghìn câu hay bảy tám trăm câu lưu hành, cũng gọi được là của Nguyễn Du sao? Tác giả những bản nọ chỉ có thể ký tên là "Kẻ đâm sau lưng Nguyễn Du" thôi, Trời ạ.

N.X.H.- Ông nổi dóa rồi.

V.P.- Ai cũng thế thôi, ông ơi. Cuốn *Trăm năm cô độc* của Gabriel G. Marquez được dịch sang Nga ngữ bị cắt bỏ chỗ này

NHẤT UYÊN

CHIỀU TRONG VƯỜN LUXEMBOURG

Pho tượng trắng cúi đầu dưới cành buồn trơ lá,
chiều mênh mông những bước chân qua
bao yêu dấu trong tầm tay ngày tháng
nhớ thương nào đã vỗ cánh bay xa

Anh đứng cúi đầu bên cành khô heo hút lạnh
nghe hồn buồn mòn lối sỏi lá vàng khô
mây bay mãi cho buồn qua nẻo ấy
anh đứng trong chiều nghe gió lộng bơ vơ

Anh đứng trong chiều buồn như pho tượng đá
nhớ lối nào mình đã đi qua
hồn năm tháng xa vời yêu dấu cũ
anh đứng trong chiều nghe gió thoảng mơ xa

Em có biết những tháng ngày vô tận
mà hồn anh mòn mỏi nhớ thương
tình đâu phải thuyền một lần xa bến
sóng thời gian phủ lấp lối thiên đường

Anh vẫn đợi những mùa xuân sẽ đến
như lời em mơ ước thuở bên nhau
anh vẫn đợi mắt em nồng sưởi ấm
cõi hồn anh đông giá lạnh buồn hao

Hay thương nhớ đã tan thành bọt nước
như bong bóng bay trong nuối tiếc tuổi thơ.
hay buốt giá về trong niềm hy vọng
mà khát khao anh vẫn mãi mong chờ

Anh vẫn mơ một thiên đường có mặt
trong đôi ta và trên cõi trần gian
anh vẫn tin một tình yêu chân thật
mà thương yêu sưởi ấm được tâm hồn.

Khoảng không gian nào ta còn xa cách
thời gian nào chia những nhớ thương
anh đứng cúi đầu buồn như pho tượng trắng
mây chiều bay biền biệt ngàn phương.

chỗ nọ. Người ta mời tác giả sang Mạc-tư-khoa, ông không sang, dù là sang để nhận tiền bạc, để hưởng tôn vinh mến mộ.

Đáng thương là những kẻ đã qua đời, những tác giả của các thế kỷ trước viết sách để lại cho các thế hệ sau này: Họ không còn nổi đoá được. Tolstoi, ông gom góp từng chi tiết quí báu, ông sửa chi chít bản thảo, ông bắt bà cụ chép đi chép lại những tác phẩm đồ sộ mấy nghìn trang, để rồi...

N.X.H.- Tolstoi, ông cụ ấy giàu sụ, thừa thãi thì giờ và tiền bạc, ông muốn sửa chữa bản thảo bao nhiêu lần, bắt thợ xếp chữ xếp đi xếp lại mấy lần cũng được, giữ lại bản thảo bao lâu cũng được. Theo tôi, trường hợp Balzac mới thực là đáng phục. Ngày nào như ngày ấy, ông uống cà-phê đậm đắng, viết một mạch từ 12 giờ khuya tới 8 giờ sáng. Vậy mà dừng lại điểm tâm và tắm một cái xong, ông lại chúi đầu sửa chữa bản vỗ cho tới xế chiều. Đoạn nào cũng sửa đi sửa lại năm, sáu lần, sửa chi chít làm điên đầu thợ in. Có những đoạn sửa lại đến mười sáu lần luôn. Sửa đến thế thì toà báo nào, nhà xuất bản nào chịu thấu, tác giả phải xuất tiền túi ra trả công thợ in. Có lần một ông chủ báo sốt ruột không chịu đựng nổi, đã cho in một đoạn truyện không chờ tác giả chữa lần chót và ký tên cho phép in, Balzac liền nghỉ chơi tức khắc, chấm dứt ngay sự cộng tác với tờ báo ấy. Nợ nần đầy đầu, phải viết hối hả tới kiệt lực như Balzac mà cứ nhất định chi tiền, chi thì giờ như ông cho sự toàn thiện toàn mỹ của nghệ phẩm, thật là can đảm dị thường.

V.P.- Balzac rất ý thức về sự can đảm của mình, biết đánh giá đúng mức thái độ cao cả của mình. Ông còn nhớ các cuốn sách đặc biệt tặng những người đặc biệt thân hữu chứ ạ? Đối với những người như bà De Hanska, bà De Castries, như người chị thân thiết của mình -- chị Laure --, như bác sĩ Nacquart vừa là tri kỷ vừa là người săn sóc mình v.v..., Balzac thỉnh thoảng tặng những cuốn sách dày gấp mười lần cuốn sách bày bán cho thiên hạ. Chẳng hạn ấn bản bày bán ngoài tiệm sách dày hai trăm trang thì, cũng chính tác phẩm ấy, bản Balzac tặng người thân dày chừng hai nghìn trang. Bởi vì ông đã cố tình cất giữ các ấn cảo những lần chữa đi chữa lại, rồi ông gom góp, cho đóng chung vào một tập với ấn bản cuối cùng.

Làm như thế, ông tự mình tuyên dương cái công phu miệt mài, cái thiết tha nghề nghiệp, sự hi sinh lớn lao của mình.

N.X.H.- Balzac dứt khoát bỏ một ông chủ báo muốn hạn chế sự sửa chữa của tác giả, là Balzac đã nổi đóa. Balzac nổi đóa thì được, còn chúng ta mà nổi đóa thì hỏng, vì không hợp thời, vì là một sự nổi đóa muộn màng. Muộn mất một thế kỷ.

Vào thời Balzac, ông ta nhất định đòi độc giả phải đọc đúng ấn bản tác phẩm tuyệt hảo, đã được sửa chữa đến nơi đến chốn của mình; bây giờ đâu có tác giả nào được phép đòi hỏi điều kỳ cục như thế. Thời Balzac kẻ nào không thoả mãn sự đòi hỏi ấy, tác giả nghỉ chơi; bây giờ không tác giả nào được phép nghỉ chơi với độc giả, vì đại đa số độc giả đều từ chối, không chịu đọc ấn bản chính. Bây giờ, tác giả cho lưu hành một ấn bản, thiên hạ xăng phú, cứ tha hồ đọc những dị bản linh tinh. Mỗi độc giả có một dị bản riêng của mình. Mỗi tác phẩm có muôn vạn dị bản khác nhau, tự thành rồi tự xoá trong trí mỗi độc giả...

V.P.- Trước hoàn cảnh ấy người cầm bút ngày nay hoàn toàn bất lực, vô phương phản đối; họ phải chấp nhận ngoan ngoãn. Đó là điều kiện mới, luật mới dù là luật bất thành văn nhưng cứng rắn. Thế hệ sáng tác này phải liệu mà sửa mình chứ ông. Viết một dàng cho người ta đọc một nẻo: phải có cách viết khác, có quan niệm viết khác đi chứ ông.

N.X.H.- Khác ra sao?

V.P.- Ý. Khoan, khoan đã. Nêu sự kiện, tìm ý nghĩa của sự kiện, ảnh hưởng của nó đến quan niệm sáng tác, lề lối sáng tác v.v... Thế đã là hai bước rồi. Chưa xong, đã đặt ra vấn đề giải pháp: Giải quyết cách nào? đường lối nào thích hợp? v.v... Thế là vội vàng quá đấy.■

Tháng 5 - 1993

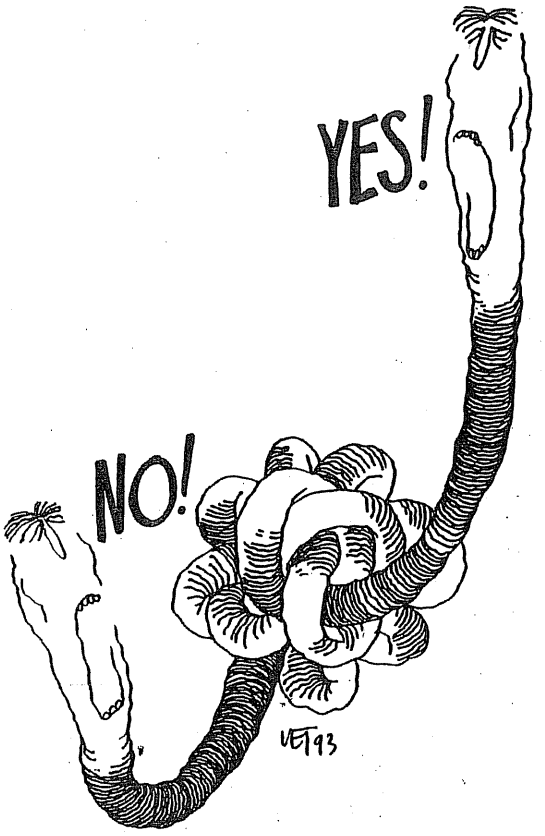

TỪ HÁN VIỆT VÀ PHE TA

TRẦN NGÂN ĐÌNH

Đã đến lúc phải soạn một quyển từ điển tiếng Việt. Nhưng cấp bách hơn nữa, phải soạn ngay một quyển từ điển Hán Việt mới. Chẳng phải vì chưa có từ điển Việt và Hán Việt trên thị trường. Nhưng những quyển ấy có lẽ vì cũ nên bị nhiều người cho là lỗi thời và chẳng buồn tra. May ra một hoặc đôi ba quyển từ điển mới, do các học giả quốc gia chống cộng soạn, sẽ làm cho chính các nhà văn nhà báo cùng lập trường chấp nhận và do đó mà chịu tra trước khi viết. Báo chí Việt Nam xuất bản ở nước ngoài cho thấy nhu cầu này. *TK21* số tháng 6 có một nhà văn *đề kháng* trong một truyện ngắn của ông. Mấy tháng trước, một độc giả đã thản nhiên *mãi dâm* trong bài viết về những tệ nạn ở Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản.

Từ Hán Việt *mãi* nghĩa là *mua* chớ không phải là *bán*. Sự khác biệt giữa *mãi* (mua) và *mại* (bán) đã được ghi trong mọi từ điển Hán Việt bày bán ngoài tiệm sách. Nhưng chẳng ai thèm đọc. Y như cũng chẳng ai thèm để ý từ Hán Việt *đề* trong *đề kháng* chẳng có nghĩa gì ráo trọi. Từ điển Hán Việt chỉ có *để* (dụng chạm, chống đối) và chỉ có *để kháng*. Từ bao đời nay, từ kép đó vẫn nằm nguyên trong từ điển, chưa hề bị xóa bỏ, chưa hề biến dạng. Vấn đề chỉ là chẳng ai thèm xài. Tối ngày chỉ có *đề* và *mãi*. Thậm chí các bậc khoa bảng, ba bốn bồ chữ nghĩa và bằng cấp đủ để đốt cháy cả xóm mà cũng *đề* và *mãi*.

Từ Hán Việt có rất nhiều chữ thuộc loại "coi vậy mà không phải vậy". Thí dụ *yếu điểm* không hề có nghĩa là cái chỗ yếu sìu. Vậy mà người đọc cứ phải đọc, và người nghe cứ phải nghe, hoài cái câu "Ảnh cứ đè cái yếu điểm của em mà thọt lét".

Hay thí dụ "Loài kangaroo ở Úc tuy được gọi là *đại thử* nhưng khi mới ra đời lại chỉ là những chú chuột bé tí." Hay thí dụ nữa "Để cho hơi trong bụng thoát ra ngoài và phát thành tiếng kêu như vậy bị coi là hành động bần tiện nên mới được gọi là "cái *trung tiện*". Những thí dụ loại này kể tới Tết Congo cũng không hết mặc dầu từ hồi nào tới giờ từ điển vẫn ghi rõ *yếu* là quan trọng (*nhược* mới là yếu sìu), *đại* trong trường hợp con Kangaroo nghĩa là cái túi, cái đẩy chớ không phải là to lớn và *tiện* trong ba cái thú của mình hàng ngày là thuận tiện, tiện lợi chớ không phải là thấp kém đáng khinh. Những từ Hán Việt đó dễ lắm, ai cũng biết, nhưng rất nhiều người cứ thản nhiên cho rằng chỉ có cuốn từ điển sống, ngay trong đầu họ, mới đúng thôi. Báo hại nhiều khi người đọc chẳng biết người viết thực sự muốn nói gì. Thí dụ "Việt Cộng chọn Ban Mê Thuột để tấn công vì đó là yếu điểm của quân đoàn II". Ban Mê Thuột quan trọng đối với quân đoàn II hay Ban Mê thuột là chỗ phòng ngự kém vì chỉ có địa phương quân và vài đơn vị của sư đoàn 23 lo bảo vệ?

Sau khi phe ta ra khỏi nước thì còn có thêm vài chuyện rắc rối nữa liên quan tới cách dịch tên riêng. Phe mình khi ra khỏi nước cứ thích dùng những từ cũ từng dùng hồi trước 75 để tỏ lập trường chống cộng của mình (y hệt như CS cứ cố sửa những chữ đã từng được mình dùng để chứng tỏ họ chống Mỹ ngụy đến cùng và rồi sửa thành những chữ dở ẹc, chẳng ra làm sao cả). Một ông thợ dịch có lần dịch tên nước Slovakia thành nước Khắc, cho rằng "Czechoslovakia là Tiệp Khắc nên Czech nhứt định là Tiệp và Slovakia nhứt định phải là Khắc". Dạo trước, khi Czechoslovakia còn nguyên là một liên bang thì nói thế cũng được đi bởi vì thỉnh thoảng Slovakia mới được nói tới. Ác một nỗi là bây giờ thì Czech đã là Czech và Slovakia đã là Slovakia; không lẽ gọi theo lối nửa nạc nửa mỡ Czech là "nước Tiệp" và Slovakia là "nước Slovakia" trong một bài nói tới sự phân rã liên bang Tiệp Khắc? Như vậy kỳ lắm. Kỳ chẳng khác gì khi nói tới chuyện Anh sắp phải trả Hongkong về cho Tàu mà gọi Hongkong là "Hương Cảng" trong khi cứ để yên Macau thay vì dùng luôn từ Hán Việt là "Áo Môn". Hay gọi ông Kim Dae Jung ở Đại Hàn là ông Kim Đại Trọng (nhờ báo Chính Luận trước kia có dịch) trong khi lại để nguyên đương kim Tổng Thống Đại Hàn là ông Kim Young Sam (có lẽ vì Chính Luận không còn nữa trong khi chẳng mấy ai gọi ông này là Kim Vĩnh Tam). Hoặc gọi ông Kim cha ở Bắc Hàn là Kim Nhật Thành trong khi vẫn nhất định gọi ông Kim con là Kim Jong Il thay vì Kim Chính Nhất.

Học giả Thang Ma ghi trong một cước chú dưới bài viết của ông (đăng trên *TK21* số tháng 5) hai chuyện mà có lẽ nhiều người đồng ý. Thứ nhứt là chữ Washington, tên ông Tổng Thống thứ nhứt và tên thủ đô Hoa Kỳ, cứ hay được người mình gọi là Hoa Thịnh Đốn. Thứ nhì, chữ "u mặc" đã được học giả Nguyễn Duy Cần dùng liên miên trong cuốn "Cái Cười Của Thánh Nhân". Hai thí dụ được ông Thang Ma nêu ra đều thuộc loại

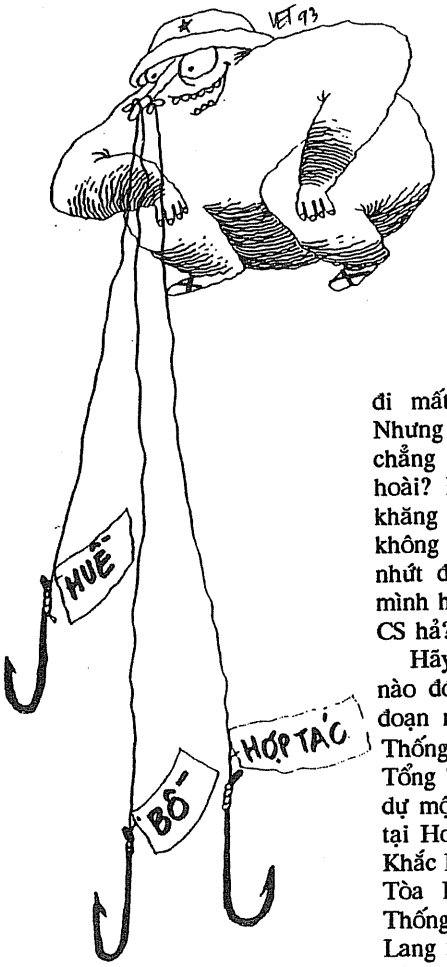

từ Hán Việt được các bậc túc nho ta đọc theo âm Việt của các chữ Hán. Cái khổ là những chữ Hán đó, tiên khởi, do chính người Hoa đọc theo âm lơ lớ của những địa danh hay nhân danh ngoại quốc, hay một từ Anh hoặc Pháp. Dĩ nhiên khi thấy chữ Washington thì người Tàu phiên âm ra thành ba chữ Hán và đọc là Oa-Shing-Tuân chớ không hề đọc là Hoa Thịnh Đốn. Y như thế, Paris được người Hoa đọc ngọng là Pa Li (kiểu họ cứ xin nhà hàng dọn cho họ món vừa Ruồi vừa Bọ Chét — Fly Lice — trong khi thiệt ra họ muốn ăn cơm chiên Dương châu — Fried Rice). Người mình nổi tiếng là giỏi ngoại ngữ, từng đoạt đủ thứ bằng cấp ở nước ngoài và chẳng mấy ai ngọng nghịu chi cả. Ấy vậy mà lại rất sính theo chân người ngọng để dịch Paris thành Ba Lê; Bulgary thành Bảo Gia Lợi, Hongrie thành Hung Gia Lợi. Sẽ có người cho là "quen quá đi mất rồi thì đổi làm chi?" Nhưng quen và rồi biết là sai, chẳng lẽ lại cứ tiếp tục chịu sai hoài? Đề nghị thay đổi thì cứ khăng khăng cho là quen rồi, không muốn thay đổi. Có người nhứt định đòi thay đổi thì phe mình hay hỏi ngược lại "Bộ theo CS hả?"

Hãy tưởng tượng một ngày nào đó chúng ta đọc được một đoạn như sau: "Sáng nay Tổng Thống Khắc Lâm Đốn và cựu Tổng Thống Bố Thập vừa tham dự một cuộc chạy mã lạp thông tại Hoa Thịnh Đốn. Sau đó ông Khắc Lâm Đốn lên ma thác xa về Tòa Bạch Ốc tiếp kiến Tổng Thống Mật Trì Lăng nước Pháp Lang Sa trong phòng khánh tiết có treo chân dung các ông Lâm Khẳng và Lý Căn. Tổng Thống nước Mỹ Lợi Căn đã hứa sẽ hỗ giá cho đồng Phật Lăng y như đã vừa chơi mạn đà lâm vừa hứa sẽ yểm trợ nền kinh tế Nga khi gặp Tổng Thống Diệp Lợi Khâm hôm trước vậy". Tất nhiên khó có chuyện ông Clinton nắm tay ông Bush chạy marathon rồi leo lên xe motor về tiếp ông Mitterrand trước chân dung ông Lincoln và ông Reagan sau khi đã từng khảy mandoline cho ông Yeltsin nghe ngay chỗ đó. Nhưng giả tỉ diễn biến đó thực sự xảy ra thì liệu phe mình có chấp thuận một đoạn tường thuật như vừa ghi hay không? Chắc là không bởi vì nó kỳ quá. Nhưng nếu không chịu thì tại sao lại chịu Hoa Thịnh Đốn, Ba Lê, Luân Đôn, La Mã, Bá Linh, Mạc Tư Khoa, Tây Ban Nha, Tiệp Khắc, Á Căn Đình, Ba Nhĩ Cán... khi mà con đường dẫn đến mấy chữ trong đoạn văn thí dụ cũng y hệt như thế? Có người lập luận rằng viết Ố-xtrây-li-a, Ác-hen-ti-na, Niu-Di-Lơn thì quái dị và Việt Cộng quá. Vấn đề là ít ra thì khi viết như thế, một người đọc được tiếng Việt cũng có thể đọc gần giống với người bản xứ cái tên của nước họ. Còn nếu không chấp nhận lối phiên âm như vậy (sau khi đã chấp nhận từ mấy chục năm nay lối phiên âm của người Tàu) thì tại sao lại không viết luôn là Australia, Argentina và New Zealand? Tại sao phải cứ nhứt định giữ chữ Tiệp Khắc để dịch Czech mà không dùng luôn Tư Lạc Phạt Khắc để gọi Slovakia?

Mỹ có câu "Call a spade a spade" (thấy cái xuổng thì kêu nó là cái xuổng). Còn người mình thì thích hỏi xem người Tàu gọi cái xuổng là cái gì rồi dịch ra để kêu. Bởi vậy mà cho tới bây giờ, trên mặt báo hẳn hoi, người đọc vẫn còn thấy in chình ình tên ông Thạch Sĩ Bia. Mới nhìn cứ ngỡ các cụ Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim vừa tái sinh để viết bài đó. Chỉ tội đám nhỏ tị nạn. Nhiều đứa bị cha mẹ bắt đọc báo Việt để trau dồi Việt Ngữ chắc phải cầm báo chạy ra hỏi tía má nó xem tác giả viết về ai. Và ngay cả tía má nó có khi cũng phải bứt tóc cả tháng mới may ra nhớ lại cái thời còn đi học đùa cợt với nhau bằng những chữ đại loại như Thạch Sĩ Bia, Lư Thoa, Mạnh Đức Tư Cưu, tuồng Hăm Liệt, tuồng Lôi Xích, tuồng Hòa Lạc(1) và những cái "yên sĩ phi lý thuần"(2) của mấy tác giả. Hồi trước, dùng những chữ đó để đùa cợt nhau cho vui. Đâu có ngờ ba bốn chục năm sau, chạy sang Mỹ lại thấy nó rất nghiêm chỉnh xuất hiện trên mặt báo. Mình "back to the future" chăng?

Bởi vậy mấy cuốn tự điển mới — nhứt là Từ Điển Việt và Hán Việt — coi bộ đã cần lắm rồi. Và những thứ sách cơ bản như thế, trừ các nhà khoa bảng chống cộng ở hải ngoại, ai dám làm?■

(1) Tên phiên âm theo lối Hán Việt của Shakespeare, Rousseau, Montesquieu, Hamlet, Le Cid, Horace - (Chú thích của Tòa Soạn)

(2) Inspiration (chú thích của Tòa Soạn)

KHỔNG ẤT KỶ

LỖ TẤN
THANG MA *dịch và chú thích*

Lời Người Dịch:

Lỗ Tấn là một đại văn hào Trung Quốc. Ông nổi tiếng và sở trường về truyện ngắn. Một trong những truyện ngắn đầu tay, từng gây nhiều dư luận xôn xao năm 1919 ở Trung Quốc, là Khổng Ất Kỷ. Tôi chắc rằng truyện này đã từng được dịch sang Việt ngữ bởi các vị túc nho trên văn đàn Việt Nam. Nhưng tôi chưa hề đọc bảng dịch nào về Lỗ Tấn của các vị đó, trừ một cuốn "Tập Truyện Lỗ Tấn" của Mai Kim Ngọc, mà tôi mua ở phố Bolsa một chiều mùa đông 87 tại nhà sách Văn Khoa. Điều đáng tiếc là bảng dịch của ông Ngọc lại chuyển thoát từ các bảng dịch Anh hoặc Pháp, và không có Khổng Ất Kỷ.

Đọc "Tập Truyện Lỗ Tấn", tôi có cảm giác như đọc văn tiền chiến, hao hao phảng phất hương vị Tự Lực văn đoàn, chứ không phải Lỗ Tấn. Nhưng tôi vẫn quí cái nỗ lực của Mai Kim Ngọc. Đành rằng "dịch là phản", nhưng không phải vì "phản" mà ta không dịch. Văn Lỗ Tấn, dù viết bằng bạch thoại, vẫn mang ảnh hưởng cổ học Hán văn. Ông được giáo dục căn bản "Tứ Thư" "Ngũ Kinh", viết văn vào buổi giao thời tân cổ. Văn ông phần nào cũng vương vấn tí hương vị "biền ngẫu, tám vế" của nền học cổ, nhưng ở thời điểm 1919 được coi là rất mới. Ta có cảm tưởng như một người Việt Nam vào thập niên 80 đọc phải văn của Hồ Biểu Chánh, Phạm Quỳnh hoặc Nguyễn Văn Vĩnh vậy. Thanh niên Trung Quốc ngày nay ít người thưởng thức nổi Lỗ Tấn.

Truyện Khổng Ất Kỷ đăng trên tờ Tân Thanh Niên tháng 4, năm 1919, chỉ vài tuần trước Ngũ Tứ Vận Động khiến nhiều người cho rằng ông dùng Khổng Ất Kỷ để đả phá nền học cổ, nhất là ảnh hưởng của nền giáo dục Khổng Mạnh đã ăn sâu trong giới trí thức Tàu vào lúc đó. Vì vậy gây xôn xao khá nhiều trong văn và giáo giới, cổ lẫn tân. Tuy nhiên, Lỗ Tấn liền sau đó phủ nhận điều này. Trong một bài phát biểu riêng, ông cho biết "Khổng Ất Kỷ" chỉ là một truyện ngắn. Khi viết, Lỗ Tấn không hề có một ý nghĩ đả phá nào cả. Chỉ vì thời điểm ra mắt lại trùng hợp với cuộc vận động canh tân văn hóa nên người ta nghĩ vậy thôi. Tôi tin lời bài phát biểu này. Nhưng giới văn học cách mạng cộng sản nhất định cho là ông kích bác cổ học phong kiến, hết lời ca tụng ông là người tân tiến cách mạng. Mật ngọt chết ruồi. Làm người ai chẳng muốn được khen. Vì thế có lẽ ông đi luôn và "tiến vững chắc" vào con đường đánh đổ đập phá phong kiến cho được xứng đáng với lời khen chăng ? Vì văn ông đọc thấy cổ hơn mấy nhà văn khác đồng tuổi, đồng thời.

Văn phong Lỗ Tấn rất thẳng thừng, cô đọng, hàm súc, Ông viết không dư chữ, chẳng thừa câu. Ngắn, gọn như dao chặt đứt nhát. Quả là ảnh hưởng lối hành văn Kinh điển cổ học Hán văn. Tôi không cho rằng lối viết này hoàn toàn hay. Tuy có lúc đọc lên nhịp nhàng, nhưng lắm khi đơn điệu. Học giả Nguyễn Hiến Lê về già sau năm 1975 có một lối hành văn tương tự nhưng đơn giản, như chính ông Lê thú nhận trong Hồi Ký. Bố tôi ở Mỹ gửi sang Tàu cho tôi cuốn "Kinh Dịch, đạo của người quân tử" và "Khổng Tử" của Nguyễn Hiến Lê. (Có lần tôi ăn mày sách của nhà xuất bảng Văn Nghệ, mà họ không cho). Đọc xong tôi hơi tiếc, văn ông Lê càng già càng cô đọng, ít cảm xúc, gần như văn dịch "Cổ Văn Quan Chỉ" man mác chút hương cổ học trong tinh thần tân học. Về già ông vui thú nhà nho ẩn dật, gần cổ nhân, mà "văn là người": Lá rụng về cội chăng ? Tôi hơi lạc đề qua ông Nguyễn Hiến Lê chỉ là để so sánh và cho thấy có lối hành văn ngắn, gọn, cô đọng, của một số văn gia học giả chịu ảnh hưởng nền cổ học Hán văn.

Qua điều trình bày trên, tôi muốn lột được không những cái cốt truyện mà cả cái văn phong của Lỗ Tấn trong Khổng Ất Kỷ. Muốn là một chuyện, được hay không là chuyện khác. Tiêu chuẩn tôi dịch là trực dịch, theo sát nguyên văn về hình thức lẫn nội dung, chỉ chỗ nào "quá Tàu" thì tôi hơi thoát một tí. Điều này có thể dễ dàng thực hiện, vì cấu trúc Hán ngữ và Việt ngữ nhiều chỗ tương đồng. Lỗ Tấn dùng nhiều dấu phẩy (,) và chấm phẩy (;), rất ít dùng chấm câu (.), nhiều lúc thiếu lô gích, nên hình thức luộm thuộm so với tiêu chuẩn chấm câu

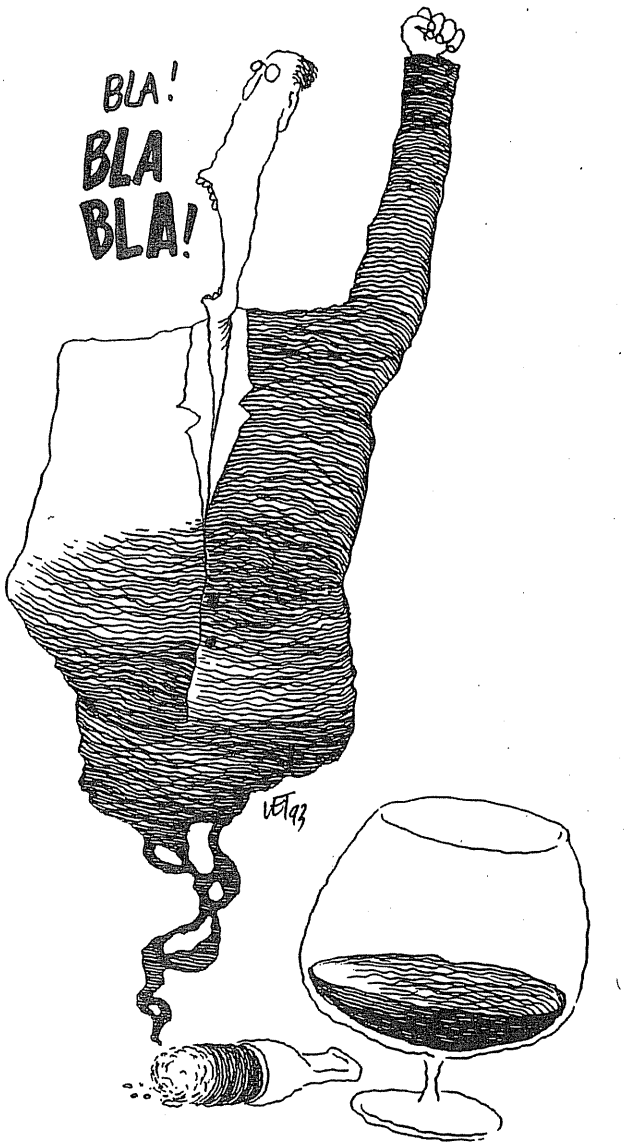

Tây Phương. Mà cách chấm câu của Lỗ Tấn, chủ đích là sự nhịp nhàng của câu văn khi đọc, chứ không phải lô-gích về cách thuận ý hay quy luật văn phạm.

Vì thế, tôi mong ấn công cứ y theo bản thảo mà in, đừng thấy có chỗ hơi trục trặc mà sửa cho thuận thì tội cho cả người dịch lẫn Lỗ Tấn.

Hy vọng độc giả cảm được Lỗ Tấn, một người Trung Quốc, chứ không cảm Thang Ma, một người Việt Nam.

Dịch là phản. Uống cà phê có hại cho bao tử. Tôi vẫn cứ thèm một ly cà phê đậm đặc những buổi sáng sớm lành lạnh đầy sương thu.

VÀO TRUYỆN:

Cách bày biện mấy quán rượu ở Lỗ Trấn không giống những nơi khác: luôn có một cái quầy vuông hình thước thợ đối diện mặt đường, sau quầy đặt sẵn nước nóng để tùy lúc hâm rượu. Cứ mỗi trưa chiều vào lúc tan việc, mấy thợ làm công thường bỏ ra bốn đồng văn mua một bát rượu, - đây là chuyện hai mươi năm trước, bây giờ phải lên tới mười văn đồng tiền,*(1) - đứng dựa phía ngoài quầy, uống nong nóng nghỉ ngơi; nếu như tiêu thêm một văn, thì có thể mua được đĩa măng muối, hoặc là đậu hồi hương, làm đồ nhắm rượu, còn như bỏ ra mười mấy văn thì có thể mua được một món thịt, nhưng mấy thực khách này đa phần là dân áo ngắn*(2), đại để chẳng sang gì. Chỉ có dân mặc áo dài, mới từ từ bước vào phòng trong quán có tường ngăn, gọi rượu gọi thịt, ngồi chậm chạp nhâm nha.

Tôi từ lúc lên mười hai tuổi, làm hầu cho quán rượu Hàm Hanh ở đầu trấn, ông chủ bảo tôi dáng trông đần độn, sợ không hầu nổi các khách áo dài quen thuộc, nên để tôi chạy việc ở nhà ngoài. Khách quen áo ngắn phía ngoài, tuy dễ trò chuyện, nhưng cũng nhiều người lắm mồm lộn xộn. Bọn họ lúc nào cũng đòi chứng kiến tận mắt rượu hoàng tửu múc từ trong thùng ra, xem xét qua đáy bầu coi có nước không, rồi phải nhìn tận mắt khi đặt bầu vào nước nóng, sau đó mới an tâm: dưới sự soi mói kỹ như vậy, pha chế thêm nước thật khó. Vì thế chỉ qua được vài ngày, chủ quán lại bảo tôi làm không được việc. Cũng may người giới thiệu tôi là chỗ thân tình với chủ, nên không từ được, đành đổi tôi chuyên quản cái việc nhàm chán là hâm rượu.

Tôi từ đó cả ngày đứng sau quầy, chuyên quản phận sự mình. Mặc dù không hề thờ ơ phận vụ, nhưng luôn cảm thấy có chút đơn điệu, có chút nhàm chán. Chủ quán là một người mặt mũi dữ dằn, khách quen giọng điệu cũng chẳng tốt, làm người ta nhanh nhẹn yêu đời không nổi ; chỉ khi Khổng Ất Kỷ đến quán, mới có thể cười được vài tiếng, vì vậy đến nay tôi hãy còn nhớ.

Khổng Ất Kỷ là người duy nhất đứng uống rượu mà mặc áo dài. Lão thân thể cao lớn ; sắc mặt trắng xanh, giữa những nếp nhăn thường chen lẫn vài vết thẹo; một bộ râu điểm bạc rối bù. Dù mặc áo dài, nhưng lại vừa dơ vừa rách, tựa hồ cả mười năm không vá, cũng chẳng giặt. Khi lão nói chuyện với người ta, miệng lúc nào cũng đầy *chi hồ giả dã**(3), làm mọi người chẳng hiểu gì. Vì lão họ Khổng, kẻ khác nhân tiện lấy câu chẳng hiểu gì cả "*thượng đại nhân Khổng Ất Kỷ*" trên miêu hồng chỉ, mà đặt biệt

hiệu cho lão, gọi Khổng Ất Kỷ*(4). Khổng Ất Kỷ một khi đến quán, mấy người uống rượu có mặt đều nhìn lão cười, có kẻ kêu lên, "Khổng Ất Kỷ, mặt lão lại thêm vết thẹo mới rồi!" Lão không trả lời, nhìn vào trong quầy nói, "Hâm hai bát rượu, cho một đĩa đậu hồi hương." Rồi trải ra chín văn đồng tiền lớn. Bọn thực khách lại cố ý la to "Lão nhất định lại đi ăn cắp đồ của người ta rồi !" Khổng Ất Kỷ trợn trừng mắt lên nói, "Sao ông làm nhục thanh danh người không bằng cớ ... ..." "Thanh danh cái gì ? Ngày hôm trước chính mắt ta thấy lão ăn cắp sách của nhà họ Hà, bị treo lên đánh." Khổng Ất Kỷ mặt đỏ lên, gân xanh ở cổ đều nổi cả ra, cãi, "Trộm sách không thể coi là ăn cắp ... ... trộm sách ! ... ... chuyện của người đọc sách, có thể nào cho là ăn cắp được?" tiếp sau liền là xổ một tràng nho, nào là *"quân tử cố cùng"**(5) nào là những câu "giả hờ", làm mọi người cùng cười ồ lên ; không khí trong ngoài quán tràn đầy thích thú.

Nghe người ta đàm luận sau lưng, Khổng Ất Kỷ trước cũng đọc sách thánh hiền, nhưng rốt cuộc không có tiến học,*(6) lại chẳng biết mưu sinh ; vì vậy càng sống càng nghèo, tới mức gần như ăn xin. May nhờ viết chữ đẹp, nên có người thuê sao chép sách vở, đổi lấy bát cơm ăn. Đáng tiếc lão lại có tật xấu, là thích uống rượu và lười làm việc. Ngồi chưa được vài hôm, cả người lẫn sách vở thư tịch giấy bút nghiên mực, nhất loạt biến mất. Vài lần như vậy không ai gọi lão sao chép sách nữa. Khổng Ất Kỷ chẳng còn cách nào, ngẫu nhiên không tránh được việc làm ăn trộm. Nhưng lão tại quán rượu chúng tôi, tính tình khá hơn những kẻ khác, là chưa bao giờ quên trả tiền uống thiếu; mặc dù đôi lúc không có sẵn tiền, tạm thời ghi trên bảng phấn *(7) nhưng chưa đầy một tháng, nhất định trả xong, tên Khổng Ất Kỷ trên bảng được xoá sạch.

Khổng Ất Kỷ uống quá nửa bát rượu, sắc mặt đỏ dần dần trở lại bình thường, người bên cạnh lại hỏi "Khổng Ất Kỷ, lão thật biết chữ à?" Khổng Ất Kỷ nhìn người hỏi mình, nét mặt ra vẻ không cần biện bạch. Bọn họ bèn nói tiếp, "Ngay cả nửa cái tú tài sao lão không giật nổi?" Khổng Ất Kỷ đột nhiên thần sắc chùng hẳn lại lộ vẻ bất an, mặt càng tái xám hơn, nói lầm bầm trong miệng ; nhưng hoàn toàn những câu chi hồ giả dã, một loạt chẳng hiểu. Vào lúc đó, mọi người cũng đều cười rộ lên : Không khí trong ngoài quán tràn đầy thích thú.

Vào những lần đó, tôi có thể phụ họa cười theo, chủ quán cũng không trách mắng. Còn chủ quán khi gặp Khổng Ất Kỷ, cũng thường hỏi như vậy, làm mọi người phát cười. Khổng Ất Kỷ tự biết không thể cùng bọn họ tán ngẫu, bèn quay qua đám con nít nói chuyện. Có một lần hỏi tôi, " Em có đi học chưa?" Tôi hơi gật gật đầu. Lão tiếp," Có đi học, ... để ta thử xem. Cái chữ *hồi* trong *đậu hồi hương* viết như thế nào ? " Tôi nghĩ một tên như ăn mày, cũng đòi thử mình à ? Bèn quay mặt đi, không thèm để ý. Khổng Ất Kỷ đợi một hồi lâu, nói rất ân cần , " Không biết viết à ? ... ... Để ta dạy em, nhớ đây ! Mấy chữ này phải nên nhớ. Tương lai khi làm chủ quán, cần dùng tính sổ. " Tôi thầm nghĩ đẳng cấp giữa tôi và chủ quán hãy còn rất xa, vả lại chủ quán tôi chưa bao giờ mang đậu hồi hương vào trong sổ sách; vừa cười to, vừa không kiên nhẫn, chầm chậm trả lời lão, " Ai cần lão dạy, phải chữ *hồi* trong *" lai hồi"* có bộ thảo trên đầu không ? " Khổng Ất Kỷ lộ vẻ cao hứng, dùng hai ngón tay có móng dài gõ trên mặt quầy, gật đầu, "Đúng đó, đúng đó!... ... chữ hồi có bốn cách viết, em biết không?" Tsi càng thiếu nhẫn nại, chu mỏ bỏ ra xa. Khổng Ất Kỷ vừa dùng móng tay nhúng vào rượu, định viết chữ lên mặt quầy, thấy tôi chẳng có chút nhiệt tâm, bèn thở dài một hơi, lộ vẻ rất hối tiếc.

Đôi lúc, trẻ con hàng xóm nghe tiếng cười náo nhiệt, cũng chạy ra xem, vây quanh Khổng Ất Kỷ. Lão cho chúng ăn đậu hồi hương, mỗi đứa một hột. Bọn trẻ ăn xong, cũng không chịu tản, mắt cứ dán vào đĩa. Khổng Ất Kỷ hoảng, xòe bàn tay năm ngón che lên trên đĩa, gập người xuống nói, "Không có nhiều, ta cũng chẳng còn nhiều." Thẳng người lên rồi nhìn đậu, tự lắc đầu, *" Bất đa bất đa ! Đa hồ tai ? Bất đa dã."**(9) Vì thế đám con nít đều cười và tản đi mất.

Khổng Ất Kỷ như vậy làm kẻ khác vui nhộn, nhưng không có

BÙI DUY THUYẾT

VÔ THƯỜNG

Chiều đông sóng vỗ giận hờn,
Nước buồn nhăn mặt cuộn tròn vô minh.

Cát nằm trơ kiếp tội tình,
Vật vô tri đó vận hành hư không.

Trên cao âm sắc lạnh lùng,
Dương gian thù hận người mong làm người.

Thân này cát bụi trôi xuôi,
Hiện sinh cõi mộng nửa đời lưu vong.

Hợp tan sinh vật đèo bòng,
Có không không có bụi hồng thế gian.

Thôi em chốn đó vô thường,
Mình đi cho hết đoạn đường chân không.

lão người ta cũng vẫn sống vui vẻ.

Có một hôm, độ trước trung thu* (10) khoảng hai ba ngày, chủ quán đang chậm chạp kết toán sổ sách, đem bảng phấn xuống, đột nhiên nói, "Khổng Ất Kỷ đã lâu không lại. Hãy còn thiếu mười chín đồng này !" Tôi cũng chợt cảm thấy đã lâu lão không lại. Một người uống rượu nói, "Lão làm sao lại được ... bị đánh gẫy chân rồi." Chủ quán thốt " À ! " " Lão vẫn tật ăn trộm. Lần này tự mình lẫn lú, trộm ngay vào nhà của cử nhân họ Đinh. Đồ của người ta trộm được sao ? " "Sau ra sao?" "Còn sao nữa? Trước viết tờ thú tội sau thì bị đánh, đánh suốt nửa đêm, đánh tới gẫy chân." "Sau đó ? " "Sau đó đánh gẫy chân." "Gẫy chân rồi ra sao?" "a sao ? ... ... Ai biết được? Có lẽ chết rồi." Chủ quán cũng thôi hỏi, tiếp tục từ từ tính sổ.

Trung thu qua đi, gió thu mỗi ngày một lạnh, xem ra cũng sắp đầu đông. Tôi cả ngày ngồi sát lò sưởi, cũng cần mặc áo bông rồi. Một ngày buổi chiều, không một thực khách, tôi đang ngồi chợp mắt. Đột nhiên nghe có tiếng giữa gian, " Hâm một bát rượu." Mặc dù thanh âm rất nhỏ, nhưng nghe thật quen, nhìn khắp lại chẳng thấy người. Tôi đứng dậy nhìn ra phía cửa, kìa Khổng Ất Kỷ đang ngồi ở ngưỡng cửa phía dưới quầy. Mặt lão vừa đen, vừa hóp, trông không ra hình thù, lão mặc chiếc áo kép rách, hai chân bó lại, phía dưới đệm mảnh bao bố, dùng giây kết bằng rơm cột lên vai ; thấy tôi, lão lại kêu, "Hâm một bát rượu". Chủ quán cũng ló đầu ra, vừa thấy lão. "Khổng Ất Kỷ? Lão còn thiếu mười chín đồng đấy!" Khổng Ất Kỷ rầu rĩ ngước mặt trả lời, "Cái này ... ... để lần tới thanh toán. Lần này trả tiền mặt, cho rượu ngon." Cũng như mọi lần, chủ quán cười nói, "Khổng Ất Kỷ, lão lại đi trộm đồ rồi!" Nhưng lần này lão không biện bạch lắm, chỉ nói độc một câu, "Đừng nhạo báng!" "Nhạo báng? Nếu không trộm cắp, sao bị đánh gẫy chân?" Khổng Ất Kỷ nhỏ giọng, "Té gẫy, té, té ... ..." Ánh mắt lão, dường như khẩn cầu chủ quán, xin đừng nhắc tới. Vào lúc đó vài người kéo đến tụ quanh, đều cùng chủ quán cười. Tôi hâm rượu xong, bưng ra đặt xuống thềm cửa. Lão moi trong túi áo rách bốn văn tiền lớn, đặt vào tay tôi, nhìn tay lão đầy đất bùn, thì ra lão dùng tay này mà đến đây. Chưa được một lát, lão đã uống sạch, rồi trong tiếng nói cười của người chung quanh, ngồi mà dùng tay này từ từ ra đi.

Từ đó về sau, lâu lắm không gặp Khổng Ất Kỷ. Đến *niên quan,*(11)* chủ quán hạ bảng phấn tính sổ cuối năm "Khổng Ất Kỷ hãy còn thiếu mười chín đồng ! " Đến tết *đoan ngo*(12)* năm thứ nhì, lại kêu, "Khổng Ất Kỷ hãy còn thiếu mười chín đồng!" Đến Trung Thu thì thôi nhắc, lại đến niên quan cũng chẳng thấy lão đâu.

Suốt cho đến ngày nay tôi chưa được gặp lại. Có lẽ Khổng Ất Kỷ đã chết thật rồi.

Tháng 3 năm 1919

DỊCH GIẢ PHỤ LỤC

*(1) *Văn đồng tiền*: Đơn vị tiền tệ ở Tàu vào cuối đời Thanh, Cứ một *"đồng tiền"* thì gọi là một *"Văn tiền"*. Có lẽ đơn vị *"đồng"* tiền ở Việt Nam gốc nguồn từ đây chăng ?

*(2) *Dân áo ngắn, áo dài:* Thời trước, giới lao động tay chân Trung Quốc thường mặc quần áo tương tự bộ bà ba đen ở Việt Nam. Áo ngắn đây là áo bà ba, không hẳn phải tay ngắn. Giới có tiền, ăn học thường mặc áo dài. Giống như áo dài khăn đóng của giới sĩ phu Việt xứ ta. Việt Nam xưa dân áo ngắn, áo dài tương tự như vậy. Tưởng Giới Thạch trước chỉ mặc quân phục hoặc áo dài Tàu, rất ít khi mặc tây phục. Mao Trạch Đông còn trẻ đi học cũng thường mặc áo dài, sau chê là phong kiến, không mặc nữa, bỏ hẳn.

*(3) *Chi hồ giả dã:* Tiếng Hán cổ đại (văn ngôn) khó nhất là cách dùng hư từ. "Chi, hồ, giả, dã, yên, tai ..." là những hư từ căn bản của tiếng Hán cổ. Nắm vững cách dùng mấy chữ này thì phần văn pháp coi như đã thông, không cần học cú pháp, văn phạm (grammar) gì cả. Các cụ đồ nho ta xưa học tiếng Hán cổ đọc chữ nho có biết "văn phạm" là cái quái gì mà viết vẫn hay. Ấy là nhờ nắm vững hư từ. "chi, hồ, giả, dã ..." Ở Tàu cũng vậy, trước năm 1900, chẳng có sách nào về văn phạm: chủ từ, túc từ, tĩnh từ, động từ ... câu đơn, câu kép gì ráo trọi. Về sau này bắt chước tây phương. Họ vẫn viết đúng qui luật, là nhờ chú trọng cách dùng hư từ. Họ chỉ có sách giảng cách dùng hư từ. Ta có thể tạm coi đó là các sách về văn phạm. Vì thế các nhà nho Trung Quốc khi dạy học cách viết văn cho đúng, thường đọc hai câu sau khuyên học trò:

Chi hồ giả dã hỹ yên tai (ý nói các hư từ)

Dụng đắc thành chương hảo tú tài (dùng viết được thành văn coi như đậu tú tài)

Giới trí thức sĩ phu ta, cũng như Tàu, xưa kia cứ mở miệng là chữ thánh hiền vọt ra, đầy "chi hồ giả dã ..." Ý là nói chữ, dân học thức, nôm na là "xổ nho".

*(4) *Khổng Ất Kỷ:* Đời nhà Thanh có một loại sách tập dạy trẻ em học vỡ lòng in trên giấy đỏ, gọi " miêu hồng chỉ " (giấy đỏ có hình vẽ, chữ) in những chữ ít nét, giản dị, xếp thành thơ ba chữ một để dạy trẻ em, có câu: "thượng đại nhân, khổng ất kỷ, hóa tam thiên, thất thập sĩ, nhĩ tiểu sinh ..." (Ý: Đức Khổng Tử đã dạy b a ngàn bẩy mươi học trò, em là học trò nhỏ ...) 上大人 孔乙己 化三 千七十士尔小生

Toàn là các chữ dễ cả. Cuốn này không phải là "Tam Tự Kinh".

*(5) *Quân tử cố cùng:* Trích từ Luận Ngữ, chương Vệ Linh Công, Ý nói người quân tử nên an chịu cảnh bần cùng, đừng vì nghèo khổ mà phạm lễ thất đức. Cố: an chịu, cùng: Cùng khốn.

*(6) *Tiến học:* Chế độ khoa cử nhà Thanh đại loại chia làm ba bậc:

- Đầu tiên là "Viện Thí" (thi viện), thi ở cấp phủ huyện, dành cho các "đồng sinh", các học trò học xong nhưng chưa thi bao giờ, bất luận già trẻ đều gọi "đồng sinh". Thi đậu thì gọi là "sinh viên", tức là "tiến được tú tài" hoặc gọi là "tiến học". Lúc này các "sinh viên" có thể vào học các trường do triều đình thành lập để sau ra làm quan (quan lập học hiệu).

- Bậc thứ nhì là "Hương thí" (thi hương) cho các "sinh viên," tức là đã có "tú tài", thi ở cấp

tỉnh. Đậu gọi là "Cử Nhân".

- Bậc thứ ba là "Hội thí" (thi hội) cho các "cử nhân" thi trên toàn quốc. Đậu gọi là "Tiến Sĩ". Tiến Sĩ đậu đầu gọi "Trạng Nguyên" (Đệ nhất danh tiến sĩ)

So với Việt Nam đời nhà Nguyễn có chút khác biệt danh xưng:

Việt Nam:
Thi Hương (tú tài)
Thi Hội (cử nhân)
Thi Đình (Tiến Sĩ)
Trung Quốc:
Viện thí (tú tài)
Hương thí (cử nhân)
Hội Thí (tiến sĩ)

Việt Nam ta dùng từ "học sinh, sinh viên" cho bậc trung học, đại học, và bằng cấp "tú tài, cử nhân" gốc nguồn có lẽ do trên mà ra chăng? Ở Tàu và Nhật dùng từ "học sinh" cho cả hai bậc trung học và đại học, và bằng Bachelor gọi là "Học Sĩ".

*(7) *Bảng phấn: (Phấn bảng)* Thời trước các tiệm buôn, nhất là quán rượu ở Trung Quốc thường dùng bảng phấn ghi sổ thiếu nợ. Nhưng bảng thường sơn màu trắng, dùng than đen viết lên, chứ không phải bảng phấn như ở trường học ngày nay bảng đen, phấn trắng.

*(8) *"Hồi" trong "lai hồi"*: Tiếng Tàu, thí dụ tiếng phổ thông (quan thoại) chỉ có độ 500 ngữ âm (Speech sounds) và bốn ngữ điệu (Speech tones). Thành ra chữ đồng âm nhiều hơn tiếng Việt. Thí dụ: từ "hồi hương " (hạt hồi nấu phở) và từ "lai hồi" (tới lui), hai chữ "hồi" này viết khác nhau. Nên khi nói chuyện, đôi lúc tránh nhầm lẫn, người ta phải nói *"lai hồi đích hồi"* hoặc *"hồi hương đích hồi"* (đích = của) (hồi trong hồi hương, hồi trong lai hồi). Đoạn văn này Khổng Ất Kỷ đố cách viết chữ "hồi" trong "hồi hương": 茴 gồm chữ "hồi" cộng thêm bộ thảo (bộ cỏ) ++ trên đầu. Còn "hồi" trong "lai hồi" có bốn cách viết, nhưng thường mọi người chỉ viết có ba cách là: 回 , 迴 và, 廻 cách thứ tư rất ít người biết: 囘 . Chủ ý của Khổng Ất Kỷ là đố cách viết thứ bốn này, vì chữ hồi dễ, đa số ai cũng nhận ra. Các nhà phê bình "Khổng Ất Kỷ" cho rằng Lỗ Tấn

ĐỖ KH.

CUỐI TUẦN GIỮA NGOẶC

*
Bờ Biển Bắc
Vào mùa xuân
Cuối tuần ẩm ướt
Chân dài
Áo tắm một mảnh
Duỗi người hồ bơi
Soải
Chị lội qua lội lại
Nước cầm tay
Nguậy
Parka vải
Kính đen vênh mặt
Tôi có cớ để ngồi nhìn gái

*
Mái hiên vải
Sọc phần phật gió
Nắng lăn tăn
Trên những mặt đường đá chạy

*
Chị nói không hiểu nổi
Cái khả năng dấu ngoặc
(Của đàn ông các anh)
Cuối tuần
Tối thứ sáu mở
Đóng chiều Chủ nhật
Một lần
Liệng
Ra khỏi đời
Phủi tay
Sạch

*
Lâu lâu
Mang ra cầm lên nhìn
Những dấu ngoặc đã đóng
Rất kỹ
Để lau chùi lại .

có ý chỉ trích cái học từ chương cổ của Tàu, chỉ vụ học chữ mà quên phần thực dụng qua đoạn truyện này.

*(9) *"Đa hồ tai? Bất đa dã"*: Trích từ Luận Ngữ - Chương Tử Hãn có đoạn : "Thái tể vấn ư Tử Cống, viết: "Phu tử thánh giả dư? Hà kỳ đa năng dã!" Tử Cống viết. " Cố Thiên tung chi tương thánh, hựu đa năng dã!" Tử Cống viết: "Cố thiên tung chi tương thánh, hựu đa năng dã." Tử văn chi, viết: "Thái tể tri ngã hồ ? Ngô thiếu dã tiện, cố đa năng bỉ sự. Quân tử đa hồ tai ? Bất đa dã."

Dịch văn: "Quan Thái Tể (một chức quan lớn) hỏi Tử Cống (một đồ đệ của Khổng Tử): "Đức Khổng Tử có phải là thánh nhân không? Hẳn là ngài phải nhiều tài năng! Tử Cống trả lời: "Vì trời muốn ngài là thánh nhân, nên ngài đa tài đa nghệ." Khổng Tử nghe được, nói rằng: "Quan Thái tể biết rõ ta chăng? Ta thiếu thời nghèo hèn, nên phải học nhiều tài vặt. Người quân tử có cần nhiều tài năng không ? Không cần nhiều." (Bạn đọc có để ý mấy chữ "chi hồ giả dã" đoạn trên chưa ?)

Các nhà nho Việt, Tàu, Nhật, Đại Hàn xưa hễ muốn nói gì mà ý tưởng có thể mượn lời trong sách, thì dùng lời thánh hiền chứ ít khi dùng tự ý. Do đó điển cố nhiều. Người nay đọc khó hiểu.

Khổng Ất Kỷ thấy đĩa đậu hồi hương đã vơi, nên thốt: "Không nhiều, không nhiều! *Bộ nhiều hả ? Đâu có nhiều"* . Các nhà phê bình cho rằng Lỗ Tấn mỉa mai Khổng học đến thế thì thật là tuyệt. Tôi thiết tưởng Lỗ Tấn ngẫu nhiên mà viết chứ chưa chắc đã có thâm ý gì. Đáng sợ mấy ông phê bình, nhiều lúc nhét lời mình vào miệng kẻ khác. Nhất là mấy nhà phê bình XHCN.

*(10) *Trung Thu:* Trung thu ở Tàu khác Việt Nam, là ngày gia đình đoàn viên ăn bánh thưởng trăng (Xưa chứ nay ít ai thưởng trăng, ăn bánh xem TV, có ông nào mát dây mới ra ngoài thưởng trăng). Tôi ở Trung Quốc, Trung Thu thì cả nhà đoàn tụ. Ông bố và ông anh vợ nấu ăn. Tựa tựa như ngày Thanksgiving ở Mỹ. Trung Thu là một lễ tiết truyền thống âm lịch, không phải lễ nghỉ, cho nên tụ lại ăn cơm chung rồi còn lo ai về nhà nấy nghỉ ngơi, hôm sau đi làm. Ở Việt Nam Trung Thu dành cho nhi đồng: "Tết Trung Thu rước đèn đi chơi, em rước đèn đi khắp phố phường, đèn ông sao với đèn cá chép ... ..." Đấy là miền nam trước 75, còn giờ thì sao tôi không rõ.

Dân Việt Nam ta có ai còn lạ gì cái bánh trung thu (mooncake). Tàu gọi là "Nguyệt Bánh". Bánh Trung Thu thật sự chỉ mới tái xuất hiện ở Trung Quốc vài năm nay. Đêm Trung Thu đầu tiên ở Trung Quốc, các sinh viên và giáo sư ở trường đến tặng tôi một ít bánh nướng (mooncake) mà họ khoe ngon lắm, đựng trong bao ni lông. Bánh chẳng có gì, toàn bột trộn đường ép một ít hạt mè hoặc đậu xanh làm nhân. Họ quý lắm. Tôi nhìn họ ăn hồ hởi mà lòng ngậm ngùi. Mấy mươi năm dưới chế độ Cộng Sản họ không biết cái bánh Trung Thu Tàu thật nó ra làm sao. Đêm Trung Thu đầu, tôi ăm cơm gia đình với một giáo sư bạn. Tôi gồng mình mà rán nuốt cho trôi chiếc bánh. Đêm đó trăng sáng lắm, nhà bạn sát biển trên một bờ dốc thoai thoải, gió lại rì rào hương rong, hôm sau cả hai đứa không có giờ dạy, vợ con bạn đã đi ngủ. Thấm cảnh sinh tình, tôi ngồi tả cái bánh Trung Thu. Bạn nhấp ly trà ô-long lắng nghe. Ra thế à ? Có cái bánh như vậy à ?... Mãi đến năm 1991, tôi mới thấy xuất hiện bánh Trung Thu thật hiệu chính tông ở Trung Quốc. Cũng là bánh nướng dầy, thơm nồng hương đậu, đựng trong hộp vuông in hình Hằng Nga. Bạn tôi từ Thượng Hải công tác về, chạy đến thăm biếu tôi một hộp. Hồ hởi. Đây cái nguyệt bánh bạn tả đêm nào, tìm thấy rồi. Chính nó ! Cái bánh tôi biết từ bé, sang Mỹ vẫn gặp lại, và nay lần đầu ở Tàu. Bánh Trung Thu miền bắc và nam nước Tàu không hoàn toàn giống nhau. Bánh miền bắc đơn giản hơn, đường nhiều, nhân không lạp xưởng và trứng muối. Còn miền nam bánh như Việt và Hoa Kiều làm ở Mỹ. Có điều tôi tìm không ra cái bánh dẻo nhân đậu xanh, thứ tôi thích ăn hơn là bánh nướng. Có lẽ bánh dẻo là bánh Trung Thu Việt Nam chăng? Xin tồn ghi

*(11) *Niên Quan:* Thời trước, các tiệm buôn Tàu thường buôn bán ghi sổ, một thứ buôn bán bằng tín dụng (Credit). Đến cuối năm phải tổng kết sổ sách, nơi nào còn thiếu nợ thì đi đòi. Những người cùng khổ cứ đến mùa này lo lắng lắm. Đã nghèo lại mắc cái eo, trả nợ không nổi, cũng chẳng ai cho vay cuối năm, lấy tiền đâu ăn tết. Khổ cả hai đằng. Vì thế đối với hạng người này, ăn tết cũng giống như vượt qua ải (quan), cực nhọc lắm. Cái cảnh khổ này cũng tựa như cảnh "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, hay trong mấy truyện ngắn của Nam Cao.

*(12) *Tiết Đoan Ngọ:* Tương truyền đại thi hào Khuất Nguyên, người nước Sở nổi tiếng với bài "Ly Tao", cách nay 2,000 năm đâm đầu xuống sông Mịch La tự tử, vì Vua nước Sở là Sở Tương Vương không nghe những lời cứu quốc của ông. Về sau, dân Tàu cứ đến ngày 5 tháng 5 âm lịch làm lễ tưởng niệm. Hiện giờ vẫn vậy. Vào tiết Đoan Ngọ, dân Tàu thường ăn "bánh ú", họ gọi là "thông tử", tôi gọi là bánh ú, vì hình thù y chang cái bánh ú miền nam, cũng dùng lá dong để bao, hình tam giác khối. Chỉ hơi khác, họ dùng nếp xen một quả táo tầu nhỏ làm nhân. (Cái thứ táo tầu mọc đầy công viên bên Mỹ, rụng chẳng ai buồn lượm, mà mẹ tôi hay nhặt mang về nhà phơi khô rồi luộc ăn như thuốc bắc. Vợ tôi cũng thèm ăn táo tầu. Để chừng nào rảnh dẫn về Mỹ cho ra công viên tha hồ lượm, ăn tới ngán thôi). Miền Nam Trung Quốc thì dùng thịt đậu làm nhân, ăn như bánh chưng. Ngoài ra, dân Tàu còn đua chèo thuyền rồng (long thuyền). Vì thế họ dịch tiết Đoan Ngọ ra Anh văn là "Dragon Boat Festival". Hiện giờ chính phủ Tàu đang ra công cổ võ cho lễ này thành hội đua thuyền quốc tế trên sông Trường Giang. Tương đối thành công, mấy năm qua có vài đội của Mỹ, Anh, Úc, Canada ... sang tham dự. Dĩ nhiên, đua theo truyền thống Tàu, có đánh trống, hò hét om sòm, rất náo nhiệt. Có Việt Kiều nào rảnh rang thì giờ tiền bạc mà đến Vũ Hán ngày 5 tháng 5 âm lịch thì sẽ được coi.■

NGÔI NHÀ LỖ TẤN

TÚY HỒNG

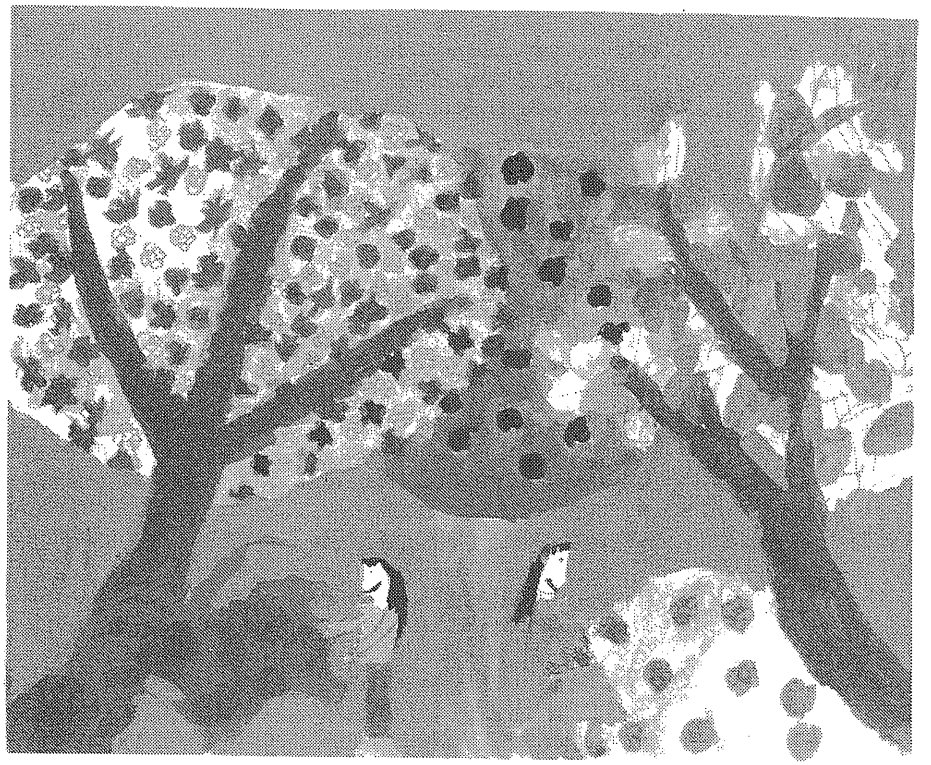

Mưa là gì? Thế nào là trời mưa? Làm sao định nghĩa được một giọt mưa? Seattle mưa gió phũ phàng như mối hận tình Thủy Tinh. Seattle mưa lút từ mùa thu cho tới mùa hạ... Nhưng Mô Phật, mấy ngày nay trời tạnh ráo, cái trần mây sũng nước xám ngoẹt ở trên không tan biến đâu mất, và giờ này, tất cả là nắng đang sưởi ấm cõi lòng. Ông trời trông trẻ hẳn ra, cảnh vật rạo rực, bầy chim trên mấy nóc cây sà xuống đất đi lúc thúc mổ mồi, màu sắc tươi thắm của hoa lá đập vào mắt và đồng thời đập vào tim khiến Trầm nghĩ đến một định nghĩa của tình yêu: tình yêu là một từ ngữ muôn nghĩa và khi nào thời tiết bị nhiễm trùng thì người ta đau và người ta yêu.

Trầm lẩm nhẩm đọc mấy câu thơ của Thanh Nam chào mừng thành phố Seattle:

Tới đây trời đã xuân hồng
Cây vui trổ lá, nụ mừng đơm hoa.
Xin chào bằng hữu gần xa
Dẫu chưa quen biết đã là anh em.
Đất lành chào mộng bình yên
Tình Đông nghĩa Bắc cành thêm mặn nồng...

Trầm vừa đi vừa ngước mắt ngắm phố phường: Hãng bảo hiểm, xí nghiệp thương mại, dịch vụ giao thông, tiệm hấp quần áo, cửa hàng máy giặt, máy sấy, máy sưởi, dụng cụ cắt cỏ... Trầm nhìn kỹ một tấm bảng hiệu kẽ chữ đỏ: Cơ quan địa ốc Thế Kỷ 21 - American Dream.

Trầm tự nói với mình:

"The American Dream, giấc mộng Hoa Kỳ là giấc mộng mua nhà. Lâu nay cứ tưởng The American Dream là một giấc mộng viễn mơ nào đó."

Trầm bước vào sân. Mấy bụi trúc trồng năm ngoái nẩy mầm quá nhanh, măng mọc lan tràn mặt tiền ngôi nhà cứ phải nhổ vứt thùng rác hoài. Về việc trồng trúc, cổ nhân không nhất trí, quý cụ bảo "trúc sau, cau trước", trồng trúc sau vườn; nhưng cụ Nguyễn Khuyến thì lại nhìn thấy trúc mọc đàng trước: ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

"Good morning!"

Ông hàng xóm tên Matthew bước sang đưa cho Trầm một bịch đựng đầy cà chua chín và dưa leo vừa mới hái. Trên bộ mặt đẹp hiền của ông ta, hàm râu bắt chước đức Chúa Giêsu mọc dày,

nổi bật trước mắt Trầm. Lâu nay Trầm cứ tưởng ông ta để râu là theo thời trang chứ không phải do ảnh hưởng tôn giáo.

Bước vào nhà, Trầm sực nghĩ đến con hải cẩu bằng đồng chưng ở bảo tàng viện vừa mới đi xem hôm qua, nàng nói to với Phan đang soi gương trong buồng tắm:

"Người Việt Nam râu thưa mặt ngắn, để râu trông buồn cười như con hải cẩu."

Trầm thay áo, sửa soạn ăn điểm tâm, Phan ngăn lại:

"Hôm nay anh sẽ làm cho em và các con ăn sáng cái món mà ở Sàigòn thì sang nhất, ở Mỹ lại rẻ nhất."

Đôi mắt Trầm cố làm ra long lanh, Phan tiếp:

"Trứng gà ốp-la! Hồi còn ở Sàigòn lâu lâu mình mới dám mua trứng gà về bỏ tủ lạnh."

Một lát sau, Phan vào kêu bốn đứa con dậy, ra lệnh chúng nó đánh răng rửa mặt, bắt ngồi vào bàn ăn đã dọn sẵn.

Trầm còn đặt trước mặt mỗi đứa một trái táo đỏ. Ở Seattle mà không ăn trái táo của tiểu bang Washington là phụ lòng kẻ trồng cây. Một khi mình đã định cư ở xứ nào, cứ cố thưởng thức thứ thổ sản danh tiếng của xứ đó. Mỗi lần đi chợ Việt Nam, Trầm chỉ ngắm nghía những mớ trái cây nồng nàn chất ngọt từ các xứ nhiệt đới nhập cảng vào chứ không mua.

Phan vừa ăn vừa cúi xuống tờ báo Seattle Time, ngẩng lên:

"Mỹ là xứ ôn đới mà sao trái Avocado lại đắt? Seattle cũng lạnh nhiều nóng ít như Đà Lạt vậy mà trái avocado ở Đà Lạt lại rẻ. Nhiều anh Việt Nam di tản cứ tưởng sang đây sẽ ăn trái avocado đã đời."

Hôm nay nếu là một ngày phải đi học - thứ hai chẳng hạn - lũ trẻ con đã bắng nhắng:

"Bố ơi! Ốc không uống sữa."

"Bố ơi! Thằng Tý trút sữa của nó vào ly của Ốc.

Phan chống tay đứng canh bốn đứa con với vẻ mặt của một vị giám thị hung dữ. Buổi sáng, lũ nhỏ bị cưỡng bách phải uống mỗi đứa một ly sữa đầy, không cách chi tránh được.

Cu Tý thắc mắc:

"Tại sao phải uống sữa?"

Trầm giảng:

"Uống sữa cho người cao, không uống sữa, người lùn tịt."

Phan nhìn ra ống phong vũ biểu gắn ngoài cửa sổ, dặn Trầm:

"Nhiệt độ ngoài trời là 47 độ. Hôm nay lại là ngày thứ hai, khi chúng nó đi học, em phải kiểm soát coi chúng nó có mặc áo len dài tay ở bên trong áo "coat" không? Vì ngày thứ bảy và ngày chủ nhật, trường học không mở "heat" nên sáng thứ hai rất lạnh."

Buổi chiều chúng nó đi học về, mỗi đứa một ly nước cam phải uống cạn ly đầy.

"Tại sao phải uống nước cam?"

"Vì nước cam làm cho người sáng dạ, thông minh."

Nhưng hôm nay là ngày thứ bảy, lũ trẻ con không phải diễn cái màn uống sữa và nước cam.

Phan đưa tờ báo cho Trầm:

"Mấy anh văn sĩ Mỹ khi viết về người Việt Nam thường viết mò, không kể số gì đến ai hết... đọc cái đoạn này đi: "Có đi hết quả địa cầu, mới thích thú khám phá được rằng thế giới còn có một miền đất lành là miền Bắc Việt Nam. Người dân ở đây làm ruộng và đánh cá bằng hai bàn tay. Hai bàn tay bóp đất và giăng lưới. Hai bàn tay của người Việt Cộng, đó cái điểm nổi bật của một quốc gia cần lao. Một dân tộc hiền lành vô tội như vậy, sao người Hoa Kỳ lại nỡ đem bom tàn sát?"

Trầm nóng mặt:

"Bộ dân miền Nam không làm ruộng và đánh cá bằng hai bàn tay sao?"

Trầm dọn chén bát đem rửa. Lũ trẻ con gào bố chở đi bán báo cũ và vỏ bia.

Trầm kéo hết bức màn cửa. Nắng ở Seattle quý hơn tình yêu. Trời khoác một lớp mây ba màu. Mấy bác quạ già đậu trên giây điện trong khi các chú bồ câu núng nính đi mổ mồi dưới đất.

Trầm rửa bát xong thì mấy bố con về, Phan bảo:

"Sửa soạn đi chợ."

Nghe nhắc đến đi chợ, nước bọt trong miệng Trầm tự nhiên đặc lại, nàng cười khô khan:

"Sống ở Mỹ là phải học nhiều hơn ăn, sống ở Mỹ là phải mặc nhiều hơn ăn... Ăn ít, học nhiều và mặc áo quần đẹp."

Rồi trơn miệng, Trầm tiếp luôn:

"Và phải có cái miệng phát ra tiếng Mỹ nhanh như gió. Tiếng Mỹ có nghĩa là "the money language", Mỹ kim ngôn ngữ... Người Mỹ có một giấc mộng gọi là "The American Dream", tức là giấc mộng mua nhà. Sống ở Mỹ, chúng ta phải chung mộng với người Hoa Kỳ, chúng ta phải giết chết tất cả những giấc mơ cao đẹp, lý tưởng của giống người Việt Nam chúng ta, giết chết luôn cả những giấc mộng bình thường ngủ đi em, mộng mỹ nhân, mộng dưới hoa... và phải bài trừ mọi giấc chiêm bao, luôn thể."

Phan lên giọng lý thuyết:

"Một dân tộc giỏi toán như dân tộc Mỹ - toán của họ là toán trên cung trăng, lên hỏa tinh - mà em dám bảo giấc mộng của họ chỉ là cái nhà? Cùng một nguồn gốc với toán là âm nhạc, âm nhạc của Mỹ hiện đã chạy tới thế kỷ 22, trong khi nền âm nhạc của các cường quốc khác đang đứng ở thế kỷ 20. Một dân tộc như vậy mà em lại bảo giấc mộng của họ chỉ là cái nhà."

"Vậy thì chữ American Dream là giấc mộng Hoa Kỳ, một giấc mộng vô nghĩa..."

Vuốt mớ tóc khô, Phan lại dục Trầm đi chợ. Trầm nặng nề bước ra xe leo lên ngồi ì.

Đây, hãy miêu tả điệu bộ và cử động của Phan khi ở trong siêu thị: Chàng đẩy xe, đầu tiên chất vào mấy két bia.

Trầm chất vấn:

"Tại sao anh uống bia dầm dề như người Đức vậy?"

"Vì bia có một hương thơm mà em không có."

Tiện tay, chàng kéo hai két nước ngọt làm quà cho con. Chàng giúp Trầm chọn mấy trái cà chua đỏ choét to bự. Cà và chuối, Trầm thích những trái nhỏ vì những trái lớn quá không có mùi vị.

Đẩy xe tới quầy thịt, Phan chất vào nào là thịt mông, thịt đùi, nạc dăm, nạc lưng, nạc vai, sườn non và hài cốt bò để nấu phở.

Khi chàng trả tiền thuốc lá, Trầm la:

"Có một đồng, ăn hết một đồng; có một đồng phải để dành 50 xu chứ!"

"Vậy thì từ ngày mai, anh sẽ

giao em giữ tiền, anh không đính tới nữa, em sẽ tự do bỏ đói chồng con em để gửi tiền về Việt Nam cho gia đình em."

Trầm nhìn bà Mỹ đi bên cạnh đẩy cái xe chất nhiều đồ hộp, nói đều giọng:

"Giữa hai vợ chồng mình, cái miệng em hay bô bô lên vậy, nhưng khi chúng ta phải mua sắm một món gì hoặc phải làm một chuyện gì, quyết định cuối cùng bao giờ cũng vẫn là anh. Và, từ ngày sang Mỹ, có bao giờ em ngửa tay xin anh quá hai chục bạc để tiêu riêng cho bản thân em."

Về tới nhà, Phan soạn xương bò ra, lóc gân để dành kho với ngũ vị hương rồi bắc nước sửa soạn nấu phở. Phan vẫn cảnh cáo Trầm một khi đã đặt nồi phở lên bếp thì phải nhất trí ở nhà suốt ngày vớt bọt vớt mỡ. Nấu phở không phải phây phây như nấu bún bò, mà phải mệt phờ người ra, và phờ râu ra thì mới đáng gọi là phở.

Trầm khâu cái túi nhỏ đựng bột ngũ vị hương cho vào nồi nước dùng, bàn:

"Bây giờ người ta Mỹ hóa nồi phở, người ta nấu bằng sườn bò thay vì xương xúp, rồi người ta cho vào một hộp khóm với ba lát cam thảo."

"Dẹp! Ăn món gì ra món đó... Ở Việt Nam, anh đã ăn cải làn; sang Mỹ, anh không thể nào ăn được brocoli; ở Việt Nam anh đã ăn bầu với bí đao; sang Mỹ, em thấy có bao giờ anh đụng tới trái zuquini."

Hôm nay đãi khách ăn món Bắc. Trầm nướng chân giò cho Phan nấu món giả cầy; phần nàng thì bóc tôm, bào khoai phụ trách món bánh tôm.

Rửa rau sống và pha nước mắm chua ngọt xong, Trầm hối hả xắn tay áo lau chùi cầu tiêu trước khi khách đến. Gia đình sáu người, ở trong ngôi nhà chỉ có một phòng tắm. Trong phòng tắm cũng có một chân lý là đàn bà con gái không làm dơ cầu tiêu như đàn ông con trai. Ba thằng con trai đang tuổi lớn với một ông chồng uống bia thay nước, Trầm ngao ngán trước sức tàn phá của nước tiểu! Uống bia thì lợi tiểu tiện thật, nhưng thiệt hại cho cái buồng tắm lắm lắm.

NGUYÊN PHƯƠNG

NHÀ

Nhà ta chốn đêm đen
Mộ sâu vàng lửa quỉ
Ru đời thiên hồ mị
Gõ sọ hừng hơi men

Nhà ta chốn non cao
Khói trà vương hoa đào
Bàn cờ đêm trăng dõi
Gậy khua tiếng thú chào

Nhà ta chốn nhân gian
Buồn vui mùa li loạn
Tâm chưa tàn cuộc chiến
Còn kể chuyện hợp tan

Nhà ta ở trong ta
Bổ củi rồi trồng hoa
Bạn cùng dăm lão trọc
Nơi đâu không là nhà.

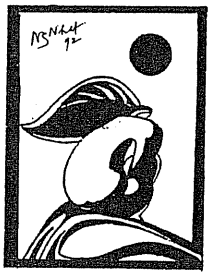

Hai vợ chồng, bốn đứa con sống trong một ngôi nhà cũ, cũ một cách nan y. Trần nhà dột, ẩm mốc lên men đen. Từ bếp tới phòng tắm tổng cộng có hai vòi nước để rửa ráy thì lại chảy ri rỉ như thằng lằn đái. Đến mùa đông, vách tường phòng ngủ thấm nước nở phình ra.

Trầm bàn với Phan:

"Mỗi lần khách đến chơi, em cứ van vái cho người ta đừng bước chân vào cái buồng tắm nhà mình. Anh coi! ngay đến cái ông nhà văn Mặc Đỗ còn mua sách về nhà đọc và tự tay dựng được cái chòi nhỏ sau vườn để chiều chiều ra ngồi hóng mát, vợ chồng mình trẻ tuổi hơn, tại sao không bắt chước mua sách về đọc để tự sửa chữa phòng tắm hoặc làm thêm phòng ngủ."

Phan cáu:

"Vợ chồng con cái đang ở nhà chính phủ rẻ tiền... anh lỡ dại nghe em xui mua cái nhà này. Từ lúc mua đến giờ, lần này một nghìn lần khác hai nghìn, lần nọ hai nghìn... mất bao nhiêu tiền để sửa chữa mà cái nhà vẫn là cái chuồng ngựa."

"Nhưng được sang Mỹ năm 1975 là được trời trao tận tay nhiều cơ hội để xây dựng sự nghiệp. Trí thức Việt Nam lưng dài hơn chân, nhưng sang đây họ đã tận tình lao động với một nguồn cảm hứng rạt rào như thi sĩ làm thơ. Ông A, nhờ theo học lớp huấn luyện thợ mộc đã tậu được năm cái nhà; ông B tay trái hành nghề thợ ống nước..."

Phan cười gay gắt:

"Còn tôi, một cái đinh cũng không biết đóng..."

Trầm gạt tay:

"Trước thế kỷ 19, một số người Tàu, người Irish và một số ít người Đức đã đến Mỹ làm đường rầy xe lửa. Họ đã làm việc nát nhừ sức khỏe, họ đã nỗ lực làm việc gấp ba sức người dưới cái nhìn kỳ thị của dân Mỹ. So sánh với họ, lớp người Việt Nam di tản

sang Mỹ năm 1975 được ưu đãi quá nhiều. Có hoàn cảnh dễ và nhiều cơ hội hơn họ, chúng ta chỉ cần chịu khó và cố gắng trên mức trung bình một tí thì, chung cuộc, chúng ta ai nấy cũng sẽ đạt được mộng mua nhà."

Phan cười tội nghiệp:

"Đầu óc cô lúc nào cũng quay cuồng với cơn ác mộng mua nhà."

Trầm chợt nhớ lại ngày xưa còn đi học trường Đồng Khánh, có một tháng bị xếp hạng chót đội đít cả lớp, đem thành tích biểu về nhà bị mẹ mắng:

"Học hành như "cứt mắc mưa", về sau đi ăn mày."

Mắc mưa, tiếng Huế có nghĩa là đi ngoài trời gặp phải mưa ướt. Đã học hành như cứt, mà cũng không được là cứt khô có hình thù, đằng này là cứt mắc mưa, cứt nát... mới đáng tởm đáng lợm...

Lời mẹ mắng ngày xưa nhắc nhở Trầm hai điểm quan trọng: thứ nhất, mưa xứ Huế cũng nhiều như mưa Seattle vậy; thứ hai, khả năng yếu kém của Trầm.

Trầm bật cười dòn:

"Có lẽ mẹ em đã bài tiết em ra giữa cơn mưa, ngoài trời."

Phan ngơ ngác, Trầm tiếp:

"Và có lẽ bây giờ, em là một bãi phân hết thời!"

Tiếng cười Trầm trong thanh như giọng hát cao. Lời qua tiếng lại giữa hai vợ chồng đã đến lúc cần phải cười để dập tắt lại, nếu không sẽ đưa đến một trận gây lộn. Sống chung, đôi bên phải dành dụm kỷ niệm phòng lúc về già. Tiền của là thứ dễ mất khó còn; trái lại, kỷ niệm dễ còn khó mất, nhưng kỷ niệm sẽ không giữ được nếu hai vợ chồng gây lộn.

Rút điếu thuốc lá, Phan nói:

"Em đừng tưởng anh không ân hận đã làm em vỡ mộng nhà cao cửa rộng."

Trầm ngồi thừ ra tự trách mình. Mình chỉ là một người vợ muốn thỏa mãn chứ không phải là một người vợ cam chịu một chút hy sinh nào đó.

Trầm ngắm Phan kỹ hơn:

"Vỡ giấc mộng này thì em quay sang xây giấc mộng khác. Em vẫn nuôi rất nhiều giấc mơ với rất nhiều giấc mộng chứ không phải chỉ có một mà thôi. Lâu lâu, em lại thay đổi mộng cũ một lần. "Anh ơi! Nếu mộng không thành thì"... không sao hết.

Trầm hì hục lau buồng tắm xong thì hai vợ chồng Dung và Long đến. Luật sư Long sang đây hành nghề dạy học và bán bảo hiểm nhân thọ. Nhìn Dung duyên dáng ngọt ngào với đôi môi ướt mật, Trầm nghĩ đến sắc đẹp ngầm ở bên trong người đàn bà đó: sức chịu khó làm việc. Hai vợ chồng này sống trong một ngôi nhà tiện nghi tuyệt hảo và làm chủ ba cái biệt thự cho thuê.

Trầm cười, khó khăn đẩy đôi môi ra khỏi nhau. Nàng vẫn tự hăm dọa mình nếu người đàn bà cứ mím chặt đôi môi lại hoài thì đôi môi sẽ không cong, và sẽ thẳng một đường.

"Bà Dung lại cắt tóc. Theo tôi, người đàn bà đẹp không hẳn nhờ vào áo quần họ khéo diện, mà, cái công lao họ bỏ ra săn sóc nhà cửa sáng bóng, dọn dẹp sạch trơn trong ngoài... đó mới chính là món nữ trang đáng quý."

Ngồi bắt chân chữ ngũ, Long bảo Phan:

"Này! Mua bảo hiểm nhân thọ đi ông ơi!"

Phan xua tay:

"Thôi dẹp cái kiểu Mỹ đó đi! Tôi nghĩ rằng người Việt Nam mình ít ai mua bảo hiểm kiểu đó."

Dung tiến vào bếp reo lên:

"Bánh tôm! Hôm nay anh Phan cho tụi này ăn bánh tôm cơ! Nhưng, một chảo bánh tôm Bắc Kỳ phải ăn nguyên với một rổ rau sống Nam Kỳ mới ngon. Rổ rau miền Nam đủ mùi, đủ vị."

Dần dần, khách đến đông hơn:

PHẠM KIM KHÔI

HỮU VÔ

Thiên Công hốt sinh ngã
Sinh ngã phục hà vi
(Cổ Thi)

Từ cõi không nào bỗng có tôi
Mang thân chuốc đủ thứ trong đời
Hữu sinh hữu diệt ngoài tâm ý
Có tự không là đâu mấy nơi

Vào lúc trong đời chưa có tôi
Nguồn cơn Con Tạo nắn hình chơi
Nhân sinh diễn ở trần gian đó
Tuồng tích gì đây phải khóc cười

Từ cái vô hình hoá cái tôi
Tiền thân đâu dĩ nghiệp luân hồi
Làm sao biết tội thân là tội
Địa Ngục Thiên Đường một chỗ thôi

Vào sát na nào bỗng có tôi
Bao lâu về lại chốn quê Trời
Hữu vô là một hay hai nhỉ
Không lại hoàn không trả kiếp người

Palm Desert 7/93

Vợ chồng Lan và Phong. Đại úy Phong sang đây học nghề thợ điện, sau đó được tuyển vào làm ở Boeing. Vợ chồng Trinh và Hàm. Hàm hiện là công chức tiểu bang và còn biết thêm nghề sửa ống nước. Vợ chồng Nga và Trung. Trung, tay mặt hành nghề địa ốc, tay trái sửa xe hơi. Vợ chồng Chi và Thành. Thành cũng làm ở Boeing với thêm tài thợ mộc. Cuối cùng là ông bác sĩ trồng rau rất mát tay ở khu Bắc.

Rủ nhau đi cày, họ là một nhóm người cày có của. Cái tiếng lóng "đi cày" dần dần nghe quen tai rồi cũng hay. Có đi cày thì giấc mộng Hoa Kỳ mới hóa thật.

Ông bác sĩ dòm vô bếp:

"Hôm nay có món chi nhiều rau không?"

Trầm cười:

"Ăn rau mập hơn ăn thịt. Đức Phật chẳng mập hơn Đức Chúa là gì?"

Nói vậy, vì Trầm chợt nhớ tới chữ "fat Buddha" ở trong mấy cuốn tiểu thuyết Mỹ, tức là Đức Phật mập. Có lẽ pháp môn nhịn đói của các Chùa chỉ làm cho trí óc con người nhẹ nhõm sáng suốt chứ không ảnh hưởng đến sức khỏe nên các nhà công đức đã đúc những bức tượng Phật hơi mập chăng?

Mọi người ngồi vào bộ bàn ăn tàn tật thưởng thức món bánh tôm. Mấy bà hùa nhau khen Phan quậy bột dẻo và pha nước mắm chua ngọt tài tình làm sao!

Trinh cười ngon lành:

"Anh Phan nuôi vợ nuôi con kỹ như nuôi cút nuôi cưỡng, chẳng bù với ông Hàm nhà tôi cứ bước vào bếp là làm tôi vướng chân vướng tay đuổi cổ ổng đi ra ngoài cho lẹ."

Mấy bà khác cũng hận chồng bắt mình phải hầu hạ nay phở mai bún bò, liền phụ họa:

"Vậy mà còn hơn ông xã nhà tôi: giao cho ổng luộc con gà, ông ấy luộc luôn cả cái đùm giấy nhét trong bụng con gà."

"Ông chồng tôi thì ngẩn ngơ rửa rau rau héo: ông ấy xổ vòi nước nóng để rửa rau thơm rau sống, thôi thì hành húng ngò ngổ gì gì ổng cũng trụng nước nóng cho héo hết!"

Mấy bà ăn rau hơi nhiều. Son môi phai nhạt.

Lan chỉ vào Dung:

"Bà Dung mặc bộ đồ trẻ trung quá ta! Áo quần của bà chắc cả trăm bộ..."

Dung chậm chạp:

"Một trăm bộ đồ! Làm gì dữ vậy?"

Trầm cười:

"Mấy ông, ông nào cũng kêu trời vợ mình áo quần nhiều quá! Tôi có quen với một bà, bà ta nhìn vào cái tủ áo của bà ta và than "đồ ơi là đồ! Không biết đồ ở đâu mà đồ đùn ra lắm thế? Nhớ lại hồi mới tới đảo, đồ chỉ có một bộ dính da."

Phan bỏ vào trong lấy ra tờ báo:

"Đọc cái bài "Downtown Sàigòn" này đi! Thằng Mỹ này mới đi Việt Nam về viết lại cảnh cướp giựt ở Sàigòn bây giờ: Người ngoại quốc đi giữa thành phố Hồ Chí Minh bây giờ thì phải một tay đè ngực giữ cây bút máy giắt ở túi áo, còn tay kia áp vào mông giữ cái ví da ở túi quần sau. Hai tay đều kẹt không đánh đàng xa được."

Long kêu lên:

"Vậy mà trước năm 75, một tên Mỹ đực đã gọi Sàigòn là cái ổ điếm."

Phan cầm lấy hộp quẹt:

"Do đó, nhiều quốc gia trên thế giới đã nghĩ rằng Sàigòn là đĩ điếm và tội ác. Miền Nam đã bị xử án oan, chẳng hạn như vụ thảm sát Mậu Thân, thành phố Huế và Chín Hầm... Chín Hầm ở Huế, một địa danh và cũng là chín cái hầm chôn xác chết tập thể. Vụ thảm sát Mậu Thân, cả thế giới tự do im phăng phắc trong khi ông tướng Nguyễn Loan bắn một thằng Cộng Sản, cả thế giới nhổ vào mặt miền Nam chúng ta và đem bức hình đi bêu riếu từ quốc gia này đến quốc gia khác... làm um lên.

Có tiếng thở dài:

"Nhưng sau năm 75, nếu người ngoại quốc gọi Sàigòn là cái ổ cướp, tôi vẫn đau lòng như trước đó Sàigòn đã bị gọi là cái ổ điếm."

Phan đưa lon bia lên miệng:

"Đánh giặc thì giỏi, nhưng kinh tế thì dốt, đó là thằng Việt Cộng. Trước năm 75, thằng Việt Cộng nó làm cha làm chú trên bãi chiến trường. Chúng nó đánh giặc thâm niên trong ngạch trật, chúng nó lả lướt vùng vẫy với chiến tranh. Sau năm 75, chiến tranh chấm dứt, phải đương đầu với những khó khăn kinh tế thì chúng nó cúp đuôi co vòi, chúng nó rụng tóc sói đầu, lông mi lông mày cũng rụng luôn vì lo lắng."

Có tiếp đập bàn mạnh, Hàm kêu lên:

"Anh Phan ca ngợi kẻ thù. Anh Phan đã quên các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa hiện đang lao tù lao cải trong các trại giam, những kẻ ngày xưa đi lính đời sống nằm trên lưỡi dao cạo râu."

"Cái sống đặt trên lưỡi dao cạo râu", Anh chàng Hàm này đã xổ một câu văn Mỹ, thay vì nói theo kiểu Tàu "tính mạng ngàn cân treo sợi chỉ."

Hàm nổi tiếng chống Cộng. Thường thường trong lúc ăn nhậu, bạn bè không ai được nói gì trái ý anh ta khi câu chuyện đề cập tới chống Cộng.

Hàm lại đập bàn tức tối:

"Các anh hãy tự hỏi có bao giờ tụi Việt Cộng nó ngồi lại nó khen ngợi người quốc gia chúng ta không?"

Trinh thuận với chồng:

"Chúng ta hãy tự phân tích trong đầu chúng ta có bao nhiêu phần trăm chất xám và bao nhiêu phần trăm tinh thần chống Cộng."

Long lắc đầu:

"Tôi nghĩ rằng anh Hàm không có đầu óc "liberal", anh Hàm không phải là người tôn thờ chủ nghĩa tự do. Người theo thuyết tự do có tâm hồn tiêu dao phóng rộng, có nhận xét công bằng, chịu nhận cái hay và cái đúng của kẻ khác và ngay cả của kẻ thù. Anh Phan, anh ấy nêu ra cái sở trường và cái sở đoản của người Cộng Sản, không có nghĩa là anh Phan thân Cộng. Bởi đó, tôi nghĩ rằng anh Hàm là người có đầu óc bị trói buộc chứ không phải tự do."

Hàm bóp cái vỏ bia:

"Một là Quốc, hai là Cộng, các anh không thể đi hàng hai như vậy được. Như vậy là các anh theo đạo Bà Hai."

Hàm bắt đầu ngấm bia:

"Người Do Thái lang thang đã dừng bước chân vô định, họ đã trở về tổ quốc xưa và dựng lại quê

hương. Tại sao chúng ta không noi gương người Do Thái và lập lại việc làm của họ?"

Trầm ngứa miệng cãi:

"Chúng ta khỏi cần bắt chước người Do Thái vì chúng ta đã soi mặt vào tấm gương Tàu, tức là tấm gương kiên nhẫn làm đường rầy xe lửa của người Tàu để lại... Nên nhờ đó, đa số người Việt Nam chúng ta đã thành công với giấc mộng nhà cửa của người Hoa Kỳ.

Phan dục Trầm lấy mấy cái tô ra để múc phở trong khi Hàm vẫn tiếp tục câu chuyện người Do Thái đã lần mò trở về Palestine, cố quốc của họ. Khác với chúng ta, người Do Thái mất nước vì ngoại bang tràn vào đuổi họ chạy túa ra các nước ngoài tránh nạn diệt vong. Họ đã sống bám sống gửi và họ đã chết như bị diệt chủng trên những mảnh đất tạm dung. Nhưng sau khi qua các lò hơi ngạt, các trại sát sinh, các mồ chôn tập thể, các hố huyệt... Thượng đế đã để lại những người Do Thái cuối cùng và những kẻ tẩu thoát đã đi bộ từng bước trở về Palestine, đất Hứa của họ, dựng lại một cường quốc.

Trầm lừng khừng:

"Có lẽ người Do Thái là giống người muốn về nước, và có lẽ người Việt Nam là giống người không muốn về nước."

Mấy ông mấy bà la lên:

"Bây giờ người ta về Việt nam rần rần, người ta về như là về làng về huyện."

Trầm vẫn cái tính luôn luôn chống lại ý kiến của số đông:

"Có lớp người thì về nước để đi rượng, để rữa mỡ. Có lớp người thì về thăm. Và có lớp người thì về luôn, về ở hẳn quê hương để sống với đồng bào đau khổ... Nhưng, mọi người đều chỉ về một thời gian rồi lại trở qua Mỹ sinh sống. Cái sự trở về rồi lại trở qua này làm tôi nghĩ rằng nước Việt Nam là một quê hương, chúng ta đi để mà nhớ, chứ không phải ở để mà thương. Bởi vì chúng ta bây giờ, chúng ta không thể bỏ nước Mỹ được, không thể rứt nước Mỹ ra được..."

Trung nhướng mắt:

"Chúng ta không thể về quê hương và ở hẳn được vì tại cái tụi Cộng Sản, chứ có gì đâu."

Phan vẫn đứng múc phở hầu khách hỏi:

"Có ai dùng nước béo không?"

Dung nhúng đôi đũa vào tô phở sực nức hương thơm, khen rối rít, đưa tay với cọng húng quế, gắp giá, vắt chanh. Ăn xong, Dung bóc quả cam mời Phan một múi, chàng lắc đầu:

"Từ ngày sang Mỹ, tôi không ăn được cam vì rát cổ."

Trầm hơi run:

"Tôi năn nỉ hoài anh Phan đi khám tai mũi họng mà anh ấy không nghe."

Phan sừng sộ:

"Đang ăn uống, em lại nói chuyện bệnh hoạn làm mất vui."

Rồi Phan quay lại Dung, hỏi thăm con cái và khen:

"Con cháu Mai xinh quá! Đã vậy, lại còn có tài đánh dương cầm như mưa trên phím ngà."

Dung kêu:

"Chúng tôi đại hao tài vì cho con cái học thêm âm nhạc: tiền mua đàn cho chúng nó, tiền trả cho giáo sư âm nhạc."

Trầm nghĩ thầm họ đã nuôi con với cái giá đắt: mua đàn piano về kê ở phòng khách, cho con học trường đạo, đem con đi nha sĩ thẩm mỹ niềng răng; vợ chồng Trầm thì ít tốn kém cho con cái: nhà không đủ phòng, tối đến bố ngủ với con trai, mẹ ngủ với con gái. Thỉnh thoảng Trầm vẫn tự hỏi: mình có mơ ước những gì họ đang có không? Câu trả lời là có. Mình có mơ ước sống cuộc đời của họ không? Câu trả lời vẫn là có. Mình có mơ ước biến thành một người khác, như một người trong số bạn bè giàu sang? Câu trả lời là không. Vì giữa người này và người kia phải có sự cá biệt. Trầm nhận thấy có một cái gì chung chung gần như là đồng nhất giữa họ, còn nàng thì "chẳng giống ai". Vả lại, không cá nhân nào muốn giống cá nhân nào hết, ai cũng chỉ muốn mình giống mình thôi.

Bữa ăn kéo dài tới hai giờ sáng. Vợ chồng chủ nhà tiễn khách ra tận xe.

Một đêm tháng sáu khô ráo có bạn bè họp mặt. Vài ngọn đèn đường lý lắc chớp nháy, hàng tùng bách đứng thinh lặng, một lũ chúng sanh gồm côn trùng với ếch nhái cất giọng kêu than, và nổi bật trên nền trời khuya huyền nhung, một vòng trăng sáng tỏ vàng ngọt như nước cam thảo. Ánh trăng và tiếng côn trùng như kể lể với Trầm câu chuyện tình ái văn nghệ giữa Thanh Nam và đào nương Thanh Nga. Suốt một đời, chưa bao giờ Trầm thử đếm có bao nhiêu đêm tháng sáu đẹp trời mình đã trải qua. Chắc không nhiều đâu, và chắc từ thuở tạo thiên lập địa cũng chưa ai thử đếm!

Bốn năm sau, cũng một đêm tháng sáu, nhưng đau thương khổ độc, Trầm đứng bên giường bệnh giúp người y tá truyền dưỡng khí cho Phan.

Vết đau ở cổ họng đã trở thành bướu độc. Phan phải chịu một cuộc giải phẫu trầm trọng vứt bỏ thanh quản. Sau mấy năm mất tiếng nói, trí tuệ chàng dường như minh mẫn sâu rộng hơn trước khi bạo bệnh lan lên óc.

Từ lúc sinh ra, con người đã bị đè nặng dưới một trái núi phiền não khổ đau.

Hạnh phúc, nếu không phải là một đêm trăng tháng sáu, một quệt nắng nồng cuối cùng, một đàn chim trở lại sau mùa lạnh, một vạt rau xanh xanh bên hiên nhà, một đôi mắt? Và phải chăng trước khi chết, con người đã tổng cộng tất cả hạnh phúc và tất cả phiền não để cân bằng, con người đã đo cái chiều dài bao nhiêu năm hưởng thọ, đã đánh giá cuộc đời mình dầy hay vơi ý nghĩa, đã nghĩ đến quê hương với ngày ba mươi tháng tư, đã chong mắt nuối tiếc con cái? Hay là lúc ấy, con người chỉ toàn tâm chú ý vào hơi thở của mình, thở dốc, thở dồn dập, thở tiếp tiếp níu lại chút hơi thừa trong mũi, níu lại hơi thở cuối cùng đừng tắt?

Thi sĩ Robert Browning nói cái chết là cái phút chiến đấu cam go cuối cùng của con người. Trong thánh kinh xưa, Job khuyên ta thôi hãy buông tay vì cái gì Chúa cho ta, khi Chúa đòi lại ta phải trả cho Chúa. Phật dạy rằng đời sống là thời hạn tạm dung, cõi chết mới là miền đất vĩnh viễn.

Mấy tháng sau, trong nhà có thêm một chúng sanh: thằng Cu nhớn mang về một con chó nhỏ.

"Để mẹ giảm bớt "stress". Khi mẹ đưa tay vuốt lông nó, khi mẹ

ôm nó vào lòng nói chuyện, khi đó, buồn phiền của mẹ giảm bớt."

Trong bữa ăn tại nhà Long, Long cũng khuyên:

"Thôi cứ nghĩ rằng anh Phan không chết, mà anh ấy chỉ hồi hương và ở lại hẳn không sang nữa."

Trung góp:

"Những năm sống với ông, có phải bà vẫn bo bo để dành kỷ niệm phòng hờ vào cái lúc như lúc này?"

Trinh lanh chanh:

"Bây giờ bà ấy có thể la to tôi tự do, tôi tự do."

Trầm chậm rãi:

"Muốn trung thành thờ chồng, người đàn bà phải nuôi dưỡng đầy đủ một số kỷ niệm từ cái thuở còn sống chung và hấp thụ đầy đủ một số luân lý Khổng Mạnh. Cả hai điều đó, tôi đều khiếm khuyết."

Long đứng dậy tra cuộn băng vào máy cassette. Tiếng nhạc đệm vào tiếng nói cười:

Thương nhau cởi áo í à cho nhau

Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay

Thương nhau cởi nhẫn cho nhau...

Ông bác sĩ dí dỏm:

"Con cái ông bà nào bây giờ cũng lớn tồng ngồng cái đầu rồi, ca cẩm kiểu đó không hợp thời nữa, phải như thế này mới đúng:

Thương nhau cởi áo í à cho nhau

Về nhà mẹ hỏi

- not your business!

Thương nhau cởi nhẫn í à cho nhau

Về nhà mẹ hỏi

- Leave me alone!

Tức thì, các bà có ngay ý kiến: ông bác sĩ nói như vậy sai rồi, con hư là tại cha mẹ hư không biết dạy con chứ không phải tại xã hội Mỹ. Con tôi mà du côn như vậy hả? Tôi kêu cảnh sát tới coi, tôi bẻ cổ... tôi bóp cổ như bóp cổ bồ câu ra ràng chứ bộ. Con tôi há? Muốn con nên, cha mẹ phải nên trước đã, cha mẹ phải là những tấm gương được lau chùi sáng bóng cho con soi con rọi.

Im một lát, Trinh khoe tài dạy con:

"Tôi dạy con từ trong bụng dạy ra."

Trầm vẫn không bỏ được cái tính hay châm biếm:

"Tôi có quen với một bà cũng dạy con từ trong bụng dạy ra. Cái thai vừa mới thụ, bà ta đã bắt đầu dạy rồi. Đường kinh vừa tắt, bà đã lật đật dạy ngay."

Lúc này, bàn cãi về chuyện con cái là điều Trầm chán ngấy vì chỉ hao nước bọt mà không đi tới đâu. Nói lui nói tới cũng chỉ đề cập đến động từ "dạy" mà không biết phải dạy bằng cách nào. Trầm đưa ra hai thí dụ: vợ chồng Trinh và Hàm nuôi con thành công một trăm phần trăm; vợ chồng Dung và Long thì hình như thất bại ở giờ phút cuối... Dẹp cái chuyện con hư sang một bên, hãy phân tách thế nào là cha mẹ hư: Chơi thân với nhau từ thuở còn lãnh trợ cấp xã hội, Trầm biết quá rõ tình trạng con cái của hai gia đình này. Họ đều không dốc lòng dạy dỗ lũ trẻ vì thì giờ phải dồn hết vào việc tự dạy mình: học Anh ngữ, học nghề rồi đi cày. Sau này, thỉnh thoảng vợ chồng Trinh và Hàm còn đi Las Vegas thử thời vận, chứ cả gia đình Long và Dung thì từ lúc đến định cư ở Seattle tới giờ chỉ biết thường xuyên đi chùa làm Phật sự. Thời gian qua, ngoảnh lại, quí vị con nít đã lớn tồng ngồng cái đầu ra, và con cái của Trinh và Hàm không đứa nào không tốt nghiệp đại học bốn năm.

Do đó, Trầm nghĩ rằng có vô số trường hợp con cái nên người không phải do thiên tài dạy dỗ của các bậc cha mẹ.

Dung cay chua:

"Ở Mỹ, những bà mẹ Việt Nam dạy con nên người, đỗ đạt bằng cấp này nọ... tôi nghĩ rằng họ là những bậc thánh mẫu chứ không phải người phàm."

Sắc phong cho các bà đó lên hàng thánh mẫu, có lẽ Dung hơi quá lời; nhưng ở Mỹ, bằng cấp đâu phải dễ đậu, mà các bà ấy nuôi con đỗ đạt này nọ, Trầm lại thấy rằng họ không phải người phàm. Tuy nhiên, Trầm vẫn không tôn thờ các thánh mẫu đó vì nàng vẫn chủ trương không phò người thịnh mà chỉ theo phe người suy có con cái hư hỏng gây

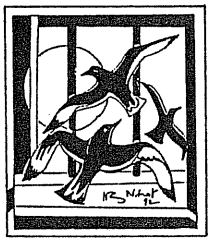

TRIỀU HOA ĐẠI

SUỐI GHỀNH

Ngu ngơ nắng ngủ buổi chiều
xót xa lá động nắng xiêu, ngại về
em ngoan rồi cũng ra đi
thế nên mây lại buồn vì suối khe
hình như bướm lượn ngoài kia
nhưng tình hờ hững chẳng về cùng hoa
lại ngu ngơ bóng trăng tà
thân khuya rã mỏi, lòng se sắt buồn
tình ai có đượm môi hôn
mà như thấp thỏm qua muôn suối ghềnh

tiếng vang xấu trong cộng đồng.

Trinh cười nhạt:

"Chúng tôi chẳng phải thần thánh, cũng chẳng có tài cán gì hết, mà chỉ biết tích cực dạy dỗ con cái thôi: Nói to, nói nhỏ, la mắng, dỗ dành, khen phạt, giảng giải, lúc cương lúc nhu, nói cho đến khi khô ráo nước bọt. Ngoài ra, chúng tôi còn có cả ngàn lời tâm tình để tỏ cùng con..."

Những lời lẽ chính đáng của Trinh trên lý thuyết thì hay, nhưng thực hành thì, được hay không đều do ở đứa con có chịu ngoan ngoãn nghe theo hay là cứng đầu phản ứng lại. Trầm bỗng sực nghĩ đến mấy bà bạn trong vòng quen thân thường lui tới ăn uống. Trong số này, mấy bà trời sinh cái tính nói nhiều thường dạy con được.

Có lẽ cái tính hay nói của họ lại hữu ích cho công việc giáo dục con cái chăng? Họ, những cái ra-đi-ô di động ở trong nhà, cứ tuôn ra từng tràng dài bài học đã đánh thức chồng trở thành triết gia, và con trở thành hiếu tử? Riêng đối với con cái, họ không thấy khó khăn mà bỏ cuộc, họ can đảm và kiên nhẫn nói dạy hoài hoài, và nước bọt của họ đã thấm qua lũ con?

Từ lâu nay, người ta chỉ đem cái tính ham nói của phụ nữ ra làm đề tài khôi hài chứ không định giá số lượng nước bọt của họ phải tiêu thụ khi vì chồng vì con họ phải phát thanh mỗi ngày. Tự nhiên, Trầm liên tưởng tới nước bọt của loài chim én tức là yến sào. Sau những giờ phút liệng bay ven biển, con chim én nhỏ khổ đau trở về tổ tiết ra nước bọt đông lại thành yến sào, một của quý trên trần đời. Nghĩ đến những người đàn bà khô cháy cổ họng vì dạy con ở Mỹ, Trầm thấy cần phải ca tụng nước bọt của họ và đưa nước bọt của họ lên ngang hàng với yến sào.

Bỗng dưng, Trầm cảm thấy uất hận vì cái tính ít nói của mình. Từ bao lâu trong miệng nàng, nước bọt đã rút xuống hoặc đã cạn khô để giờ này chỉ còn bụi đời và tro đời.

Trầm buồn mệt bỏ về sớm hơn thường lệ. Long tiễn chân ra tận xe với chút xót thương Trầm gầy yếu.

Người đàn bà được dịp than:

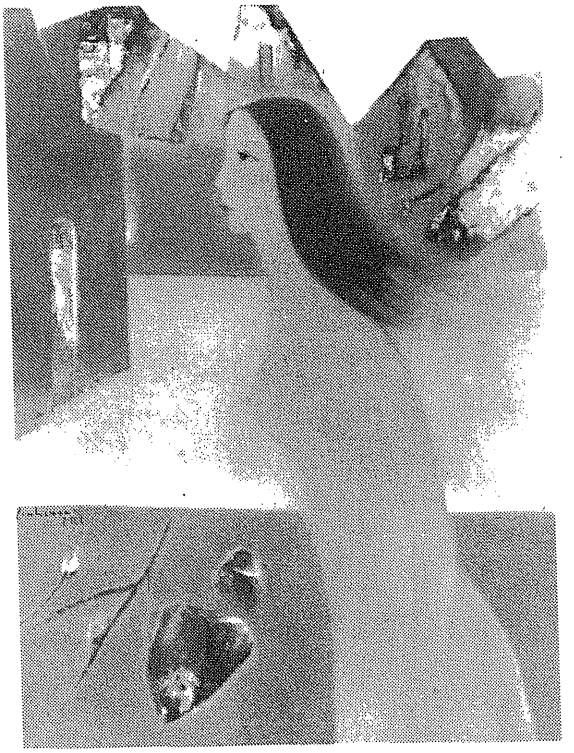

"Trong lúc ông ngáy pho pho trên giường Lèo thì tôi mất ngủ không sống nổi. Có đêm thức trắng, có đêm ngủ được vài tiếng, thuốc an thần uống 15 viên mỗi tháng.

Long khuyên:

"Vậy thì dẹp đi không ngủ nữa. Ban đêm, hãy lên giường như cái máy và nằm xuống, để đó. Không ngủ, không ngáy, không nghĩ, chỉ nằm xuống, để đó."

Trầm lập lại:

"Nằm xuống, để đó..."

Đêm đẹp nhất là thời gian giữa khuya để Trầm nghĩ tới một màu đen đắm đuối như ánh mắt búp bê da màu, một màu đen thắm long lanh như của trái đu đủ chín cắt ra. Trăng và sao màu vàng gấm như được vẽ trên chiếc quạt. Về tới nhà, chó mèo chạy ra đón. Trầm dọn phân chó xong, lấy mấy mẫu đơn xin học phí của hai đứa con nhỏ ra điền giúp cho chúng. Điện thoại reo.

"Đang làm gì đó?"

"Làm đơn xin học phí cho tụi nhỏ."

Giọng đàn ông ở bên kia đầu giây sủa lên:

"Đơn từ của chúng nó thì chúng nó phải làm lấy chứ? Chúng nó không biết điền đơn sao? Vậy là chúng nó không thích đi học nữa rồi. Bắt chúng nó đi làm việc, đi xin việc làm."

Trầm buồn mệt chưa biết trả lời sao, bên kia nói dồn:

"Phải cấm, không cho phép lũ trẻ con nuôi bất cứ một con vật gì ở trong nhà. Thứ nhất, cấm nuôi cá vàng. Thứ hai, cấm nuôi chó. Thứ ba, cấm mèo. No pet. No pet... bởi vì, trẻ con bây giờ nó độc lắm, chúng nó bắt chúng mình săn sóc cá, săn sóc chó để chúng nó an thần vuốt chó mà chơi và lim dim mắt ngắm cá vàng bơi lội. Còn chúng mình thì lao khổ tâm thần lẫn thể xác tẩy uế nhà cửa, chăm nuôi mấy con vật đó cho chúng nó."

Gác máy, lòng bênh con của Trầm nổi dậy. Người đàn ông đó chỉ là bạn của Trầm thôi mà đối với lũ con của Trầm đã sát khí đằng đằng như vậy. Nếu thêm vào sau chữ bạn một chữ trai, tức là bạn trai, boy friend... chắc hẳn ta sẽ độc như tên mọi Miên Pol-Pot đối với lũ con của nàng!

Trầm vào giường nằm, mở tờ báo, đọc hai câu thơ của Nina Cassian, thi sĩ tị nạn người Lỗ Mã Ni:

They cut me in two, the river

and the moon

And from my mouth, the night pours forth

Like blood.

Chúng xẻ đôi tôi, dòng sông và ánh trăng

Và từ miệng tôi, đêm tuôn ra như máu.

Thằng con lớn đi chơi về, nện gót giầu kình kình, Trầm kêu:

"Cu!"

Nó chậm chạp bước vào đứng ở cửa.

"Tháng này con chưa đưa cho mẹ tiền để giúp mẹ trả tiền nhà."

"Tháng sau Cu sẽ cho mẹ tiền, tháng này Cu phải mua cho Thoa chiếc nhẫn để làm lễ đính hôn."

Thằng con này lại cho ra một đề tài mới: tự tiện đi hỏi vợ lấy. Thanh thiếu niên Tây Mỹ tự làm lễ đeo nhẫn rồi sau đó mới cho cha mẹ biết mà! Bên trong con người của thằng con này, các tế bào Việt Nam không hoạt động nữa, và các tế bào Mỹ với tế bào Tây sinh trưởng khá mạnh.

Trầm giảng:

"Chính mẹ mới là kẻ đứng ra đính hôn cho con chứ con không thể tự đính hôn cho con được. Trong hôn nhân, con không phải làm một cái gì hết, mẹ chỉ cho con phải làm cái gì thì con mới làm cái đó."

"Đây là nước Mỹ mà mẹ!"

Trầm nhăn mặt:

"Vả lại, sau này mẹ đến nhà bác Tài đi hỏi con Thoa cho con, mình lại mất thêm một chiếc nhẫn nữa. Lỗ quá con à!"

Một buổi sáng ra rồ máy xe đi làm, nhìn vườn cỏ ống mọc cao vút, Trầm lại trách thằng con lớn cứ cắt tóc hoài, không cắt cỏ cho mẹ nhờ.

Vào trong sở, Trầm đưa mắt ngắm một chùm bong bóng óng ánh và mấy giải giấy màu treo lơ lửng quanh bàn làm việc của con nhỏ Mỹ Sanody. Hôm nay ngày sinh nhật của nó đây, trông nó đỏ da thắm thịt như bó hoa đặt trước mặt nó. Ảnh hưởng ngày giáng sinh, người Âu Mỹ coi ngày sinh nhật là một ngày lớn của cuộc đời riêng mỗi người để nhận chút hạnh phúc của cái hiện tại đang có trước mắt, tức là biết vui cái vui của ngày hôm nay, vì biết đâu một ngày mai, bệnh độc hoặc tai nạn sẽ ụp xuống cuộc đời. Người Mỹ thì ăn uống vui chơi ngày sinh nhật, người Việt Nam thì ăn cỗ ngày tử nhật, tiếc thương một thời quá khứ.

Một bà Việt Nam làm ở khu kế toán đi ngang qua bàn Trầm đứng lại đấu:

"Nghỉ hè sắp tới có đi giải buồn ở đâu không? Bộ cứ kéo dài cái cuộc đời không tình yêu, không "sex", không bè bạn ở cái xứ mưa này hoài sao?"

Trầm vui vẻ:

"Tôi cũng mong đi du lịch một chuyến cho biết thác Niagara, dòng sông Hudson... ra sao."

Đang cười giỡn thì supervisor kêu đi họp để nghe một hung tin: Nhà băng dời về Oregon.

Những ngày còn lại trước khi di tản theo công việc làm về Oregon, tôi thích đi bộ dưới ánh mắt thôi miên của nắng. Mùa hè quý đến độ người Mỹ để dành nắng trên da. Từ thung lũng nhìn lên cái dáng thẳng đứng của ngọn đồi từ cằm đến chân, tôi nghĩ đến Seattle với sức khỏe và những đường nét đẹp trai của người đàn ông.

Seattle và ngôi nhà Lỗ Tấn, trong ngôi nhà ấy, kỷ niệm nổi bật là nồi phở Phan nấu thơm phức mùi hồi quế, và hạnh phúc có thật là những ngày vui bạn bè lui tới ăn uống nói chuyện văn chương sách báo, chuyện chống Cộng, chuyện giáo dục con cái và tin tức thời sự. Seattle và ngôi nhà Lỗ Tấn là nơi tôi đã sống mười tám năm chăn gối, nơi tôi nuôi những giấc mộng vật chất, nơi tôi đi làm cực khổ không đủ tiêu, nơi bầy con nhỏ dại của tôi đã lớn lên nhưng không khôn... tôi yêu Seattle với tất cả cõi lòng góa phụ, tôi yêu Seattle tình nghĩa tha thiết và không bao giờ muốn rời bỏ... Xin nhận nơi này làm đất ấm, nhưng mối tình này là một hình thức của tình yêu giữa đàn bà và đàn ông chứ không phải tình quê hương, và không phải tình quê hương bao giờ.■

Portland ngày 2 tháng 6

Bạn muốn hiểu rõ về TÌNH YÊU
Bạn muốn thưởng thức hương vị ngọt ngào cùng bao nỗi đắng cay của TÌNH YÊU
Bạn muốn tận hưởng cái thú vị trong các câu danh ngôn kim cổ cùng các áng văn hay về TÌNH YÊU của các nhà thơ danh tiếng
Bạn nên tìm đọc một trong ba quyển sách do

NGUYỄN HOÀI THƯƠNG sưu tầm và tuyển chọn

TÌNH YÊU

TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA

Có thể nói đây là bộ KINH TÌNH YÊU hay nói đúng hơn một TÚI KHÔN về TÌNH YÊU, dùng làm món quà thanh nhã tặng người thân yêu thì không còn gì quí hơn.

Sách dày gần 600 trang giá 25 MK

DANH NGÔN TÌNH YÊU

Gồm trên 2000 câu danh ngôn từ xưa đến nay nói về tình yêu, đàn ông, đàn bà, hôn nhân và hạnh phúc

Sách dày gần 300 trang giá 15 MK

THƠ TÌNH CHỌN LỌC

Gồm gần 300 bài thơ tình hay của trên 150 nhà thơ nổi tiếng Việt Nam và ngoại quốc

Sách dày gần 300 trang giá 15 MK

Ở xa gởi mua sách không phải trả thêm cước phí.

Chi phiếu xin đề cho : NGUYỄN HÙNG TÂM

NHÀ XUẤT BẢN KHAI TRÍ
PO. Box 2301
WESTMINSTER, CA. 92683
Đ.T.# (714) 897-3356

NGUYỄN THỊ HẬU GIANG

Kính tặng "Hạm Phó" Phạm Trọng Quỳnh

TRẦN QUÁN NIỆM

"Khi tôi 'tốp' ông lấy cho tôi hướng biệt điện Bảo Đại nhé. Tôi đợi cái phao này thẳng hàng là 'tốp' đấy."

"Có ngay Hạm Phó."

Tôi vừa đáp vừa bước nhanh ra hông đài chỉ huy, xoay vòng đo hướng độ trên mặt la bàn về phía đối vật, rồi nheo mắt ngắm qua khung sắt mỏng hình chữ nhật nhỏ xíu, có sợi chỉ làm chuẩn theo ngay chính giữa để lấy hướng.

"Tốp."

Tôi đáp to:

"290."

Ông ta cúi mình trên bàn hải đồ, gạch một nét thẳng, rồi thêm một nét nữa. Cả hai cắt nhau tại một điểm. Đó là vị trí chiến hạm. Tôi bước vào, nhìn qua vai ông:

"Ngay boong trên đường, Hạm phó."

Ông ta đáp khẽ "ừ" ra vẻ hài lòng rồi quay qua Hạm Trưởng:

"Mình đang ở trên đường."

Ông ta nhìn Hạm Trưởng có vẻ chờ đợi. Hạm Trưởng vẫn ngồi yên trên chiếc ghế da vĩ đại, nhìn quanh một lượt rồi gật gù:

"Hạm phó dẫn tàu ra đi."

"Vâng."

Ông điềm tĩnh ra lệnh cho phòng lái:

"Mặt 5."

Tiếng phòng lái trả lời:

"5 bên mặt."

"Lái đường 050."

Tiếng lập lại từ phòng lái lại vọng lên qua ống truyền thanh:

"Thẳng đường 050."

Lúc bấy giờ trời đã muốn về chiều, tuy u ám với những tảng mây thấp nhưng vẫn còn sáng sủa. Chiến hạm của chúng tôi đang hải hành qua Vũng Tàu, một vùng tương đối chật hẹp và nhiều tàu bè qua lại. Những phao hải hành nằm rải rác khắp nơi trên vùng nước nửa nâu nửa xanh, giao lưu của luồng nước ngọt từ sông Sài Gòn đổ ra và làn nước biển từ ngoài khơi tiến vào. Đó là những xác tàu chìm hồi đệ nhị thế chiến. Phao nào cũng có tên tận cùng bằng chữ Maru. Maru có nghĩa là thương thuyền trong tiếng Nhật. Những thương thuyền Nhật neo tại đây hay đang đi qua vùng này thì bị máy bay đồng minh tấn công và bắn chìm. Quang cảnh trận chiến lúc bấy giờ chắc là kinh khủng lắm với tiếng rú của máy bay, tiếng rít của bom, tiếng nổ ầm ầm của những họng súng phòng không từ chiến hạm, từ hải cảng bắn lên. Lửa bốc cháy từ các thương thuyền, tiếng la hét của những người bị thương, cảnh hỗn loạn của thủy thủ vội vàng nhảy xuống bè, xuống biển để đào thoát. Tất cả bây giờ chỉ còn đánh dấu bằng những chiếc phao lắc lư trên mặt sóng. Nhưng coi chừng. Hiểm nguy vẫn chờ chực dưới làn nước.

Lạng quạng chiến hạm nào đi quá gần, xác tàu chìm có thể cắt đứt lườn tàu dễ dàng như cắt giấy. Nước ngập, chìm tàu như chơi. Và dĩ nhiên là cá nhân vị Hạm Trưởng nhận lãnh cái hậu quả thân bại danh liệt trong lịch sử hạm đội, vì bị mất chức hạm trưởng, một chức vụ tượng trưng vinh dự tuyệt đối trong nghề đi biển. Ngoài ra còn có thể bị truy tố ra tòa án quân sự. Chuyện đó đã xảy ra cho một vị Hạm Trưởng có tính hơi "mát" cố ý đi sát phao xem có đúng là xác tàu còn nằm dưới mặt nước hay không. "Soẹt" một đường rách cỡ hai ba thước dưới đường ngấn nước. Tàu nghiêng như sắp chìm. Báo hại nửa đêm chiến hạm tôi phải khởi hành khẩn cấp từ Sài Gòn, đem bơm nước, dụng cụ phòng tai và dòng tàu ra cấp cứu.

Hạm Phó giao cho tôi phận sự đứng bên hông trái đài chỉ huy, vừa đo các hướng đối vật để ông làm point vừa quan sát các phao. Không khí đài chỉ huy có vẻ nghiêm trọng hơn lên. Hạm Phó bận rộn làm point liên tiếp vừa ra lệnh sửa hướng tàu đi cho đúng đường. Tôi liên tục đọc hướng đo đối vật cho Hạm Phó. Hơn nửa tiếng sau, chiến hạm ra khỏi cảng, đổi đường, ra khơi. Tàu bắt đầu tròng trành trên sóng.

Hạm phó thở phào. Ông báo cáo:

"Mình đang trên đường 070, Hạm Trưởng."

Hạm Trưởng từ lâu vẫn ngồi trên ghế, quan sát sự điều khiển của Hạm Phó, gật đầu ra dáng hài lòng. Ông tháo chiếc ống nhòm đeo ở cổ, móc vào thành ghế:

"Hạm phó đi phiên này phải không?"

"Vâng, Hạm Trưởng."

"Trời coi bộ xấu. Ông nhớ cho đi tuần phòng tai. Có công điện về thời tiết, bảo vô tuyến đem xuống phòng ăn cho tôi."

Hạm Trưởng xuống ghế và rời khỏi đài chỉ huy. Mọi người đứng nghiêm chào. Ông không dặn dò nhiều. Lệnh trực đêm ông đã viết sẵn trong sổ hải hành. Hải đạo đã định trước trên hải đồ. Hạm Phó có nhiều năm hải nghiệp, kinh nghiệm dồi dào và cẩn thận. Ông được sự tin tưởng của Hạm Trưởng. Có tin dồn sau chuyến hải hành này ông sẽ thuyên chuyển sang chiến hạm nhỏ hơn với chức vụ hạm trưởng.

Mọi người có vẻ thư thái. Tôi kéo cao cổ áo dạ hải hành. Gió bắt đầu thổi mạnh mang theo hơi lạnh.

"Trời u ám quá Hạm Phó."

Những đợt sóng dội vào thành tàu. Con tàu rướn mình lên. Khi hụp xuống lườn tàu gối ngang thân sóng, tiếng động ầm ầm. Chắc đêm nay biển động. Hạm Phó dùng ống nhòm quan sát một vòng, chân trời đã bắt đầu lờ mờ, lẫn vào màu biển. Hoàng hôn đổ xuống thật nhanh. Biển xám ngắt. Mây chĩu thấp, đe dọa. Tôi cũng dùng ống nhòm quan sát xa xa:

"Có vòi rồng hút nước, Hạm Phó."

Tận chân trời, từ bức thành mây xám dầy đặc treo lơ lửng chắn ngang, một chiếc vòi thành hình, xoáy nhanh và từ từ thò xuống mặt biển, y hệt có một sinh vật vĩ đại nào đó nấp trên mây thò vòi hút nước như dân gian vẫn truyền tụng. Tôi biết đó chỉ là một cơn lốc xoáy tornado, tạo thành bởi hai vùng áp lực cao thấp của khí quyển giao nhau, nhưng vẫn xuýt xoa trước hiện tượng kỳ lạ của thiên nhiên. Mọi người trên đài chỉ huy đều chú mắt nhìn. Hạm Phó tặc lưỡi:

"Chà, đêm nay coi bộ mệt rồi. Sóng đã bắt đầu khá."

Chiến hạm chuyển mình rắc rắc, chao đảo, sóng đập vào mũi tàu tan thành bụi nước theo gió tạt lên tận đài chỉ huy. Tôi liếm môi thấy mặn mặn. Là sĩ quan kém thâm niên nhất, thuyên chuyển xuống tàu mới thấy tháng, tôi được chỉ định đi phiên với Hạm Phó để học hỏi. Ông to cao, trầm tĩnh, tốt bụng nhưng ít nói. Quai hàm bạnh ra, cương quyết. Tuy không để râu xồm xoàm như những thủy thủ ngày xưa, nhưng vẫn phảng phất nét lì lợm của một sói biển. Tôi rất kính phục ông. Thận trọng, kỹ lưỡng và chưa thấy ông tỏ vẻ hớt hoảng bối rối lần nào.

Tôi ôm cột la bàn, thân hình nghiêng qua, đảo lại lấy thăng bằng, đồng thời nghe ngóng tác dụng của sóng trong tôi. Được nửa phiên, Hạm Phó nói:

"Anh Hùng xuống bảo thám xuất cho chạy radar. Sau đó đi tuần một vòng chiến hạm rồi lên báo cáo cho tôi. Nhớ bảo toàn địa phương quân và dân chúng tìm chỗ kín đáo mà nằm. Đặn dò tuyệt đối không được ra ngoài boong tàu."

Tôi kéo chiếc mũ vải xuống một chút cho chặt để tránh bị gió thổi mất, rồi vịn thành cầu thang leo xuống. Phòng Radar ấm áp, các cửa tò vò đóng kín. Hai nhân viên thám xuất cúi đầu trên màn ảnh.

"Hạm phó nói bật radar."

"Xong rồi, thiếu úy. Echo tốt."

Vạch lân tinh quét tròn đều đặn. Mặt kính lăn tăn như điểm tuyết, phản ảnh thời tiết xấu và sóng trên mặt biển. Núi Vũng Tàu hiện ở phía sau. Về hướng 10 giờ, lờ mờ hình ảnh một đối vật khá to. Viên trung sĩ thám xuất nhanh nhẩu:

"Đám mây đó thiếu úy."

Tôi bước tới trước một cửa tò vò, lấy tay xoa mặt kính, cố nhướng mắt nhìn ra ngoài. Trời tối đen. Tia chớp ngoằn ngèo sáng như điện. Tiếng sấm ì ầm, nghe văng vẳng mơ hồ. "Ầm" bất chợt một khối nước biển trắng xóa đập mạnh vào cửa kính. Tôi giật mình lùi lại. Đồng lúc con tàu chao nghiêng, làm tôi lảo đảo. Cố gượng lấy thăng bằng thì tàu đã nghiêng về hướng đối diện, làm thân hình tôi lại ngã theo. Ngoài kia biển trời bắt đầu lên cơn thịnh nộ, thách thức kiếp người đi biển.

Mới hồi chiều tại bến Bạch Đằng, trời thật đẹp. Chiến hạm cặp cầu Tự Do, nước sơn mới tươi lên trong nắng. Dung và tôi ngồi uống nước tại một kios bên đường. Nàng chúm môi hớp một hớp nước chanh muối. Đôi môi mềm, tươi như một cánh hoa. Tóc thề đen mướt xõa trên vai áo trắng nữ sinh. Tôi nhấp một hớp bia. Lòng ngất ngây như say. Biết tôi ngắm nàng chăm chú, Dung có vẻ thẹn, khẽ cắn môi. Hàm răng trắng trong như ngọc.

"Cái ống tròn tròn kia là gì hả anh?"

Tôi nhìn về phía chiến hạm. Cái ống tròn tròn? Biết bao nhiêu là ống tròn trên chiến hạm. Biết nàng muốn hỏi ống nào.

Tôi đáp đại:

"Chắc ống khói."

"Không phải. Anh chúa là hay trả lời ẩu. Cái to to kia kìa."

Tôi nheo mắt, nhìn theo tay nàng. Trước hết chỉ thấy bàn tay với những ngón thon mềm. Trời ạ, đài chỉ huy của chiến hạm mà nàng bảo là cái ống. Đầu não của chiến hạm là ở đấy.

"Đài chỉ huy đấy em."

Dung cười khanh khách:

"Thật không đấy. Sao nó giống chuồng chim bồ câu. Lại lệch qua một bên?"

"Tàu anh là loại đặc biệt, cần khoảng trống ở giữa để chở hàng, thành thử đài chỉ huy phải nằm một bên cho đỡ choán chỗ."

"Chiến hạm mà cũng chở hàng sao. Dung tưởng anh đi tàu tuần chứ?"

Chết thật, có vẻ Dung nghĩ tôi là loại lính cù lần, lính cậu, lính kiểng, không dám đi tàu chiến mà lại đi tàu hàng. Em gái hậu phương nào mà chả muốn người anh tiền tuyến của mình anh hùng, hào hoa phong nhã. Một tay lái tàu, một tay ôm súng bắn, miệng thì hát bài *Hoa Biển*. Tôi vớt vát:

"Tàu anh chở hàng nhưng loại hàng đặc biệt, đó là xe tăng súng ống tiếp tế cho các đơn vị bạn.

"Sao từ nãy em thấy toàn đàn bà con nít và gà vịt khiêng xuống tàu không à."

Tôi ngẩn người, cười trừ:

"Chịu em. Gớm nữ sinh viên trường luật có khác. Quay anh như chong chóng. Chuyến này tàu anh công tác Côn Sơn, chở toàn địa phương quân và công chức thuyên chuyển ra thay thế toán cũ. Vợ con quân nhân và công chức cũng đi theo. Họ đem đủ thứ để chuẩn bị ăn Tết ngoài đảo đấy mà."

Sau lúc đầu nhốn nháo chen chúc trong lòng tàu, bây giờ đám hành khách quá giang nằm la liệt trong hành lang. Họ trải chiếu nằm khắp nơi. Vợ chồng con cái, túm tụm bên nhau. Nhiều chỗ tôi phải lựa chân mới bước qua được. Lồng gà vịt ngổn ngang. Tôi rọi đèn pin. Chúng mở mắt nhìn, vẻ mệt mỏi lờ đờ, phần vì quáng gà, phần nữa có lẽ vì say sóng. Mấy con heo con nằm ủn ỉn trong lồng, lăn qua, lăn lại theo nhịp lắc. Không biết đám gia súc này chịu đựng ra sao, nhưng chính mắt tôi đã thấy chuột say sóng. Khỏi nói đến thương thuyền, ngay cả chiến hạm, tàu nào cũng có chuột. Mỗi khi cập bến, chuột phăng theo dây cột tàu, tiến chiếm mục tiêu. Tàu nhiều ngõ ngách tha hồ ẩn núp, tuy nhiên chiến hạm không phải là tàu chở hàng hóa, đâu có cơm gạo thóc lúa rơi vãi nhiều mà ăn, nên anh nào anh nấy gầy nhom. Tuân theo luật thiên nhiên, thức ăn có hạn, nên họ hàng nhà chuột cũng chỉ sinh nở có hạn. Lâu lâu số chuột nhiều quá, không đủ miệng ăn, chuột lại bỏ tàu lên bờ. Phăng theo dây cột tàu mà đi. Đôi khi chúng nhảy đại xuống nước, rồi vừa bơi vừa lặn, như người nhái, men theo bờ cát, vừa đụng bờ là chạy thục mạng.

Có sách bàn hưu tán vượn, cho rằng chuột bỏ tàu là tàu sắp chìm, làm tôi cũng sợ. Nhưng rồi thấy chuột lên bờ hà rầm, mà tàu cứ hải hành phon phon từ chuyến này sang chuyến khác, làm tôi hết tin tưởng vào túi khôn của người xưa. Số còn lại toàn là dân chì, sinh nở đời này qua đời kia, quen với nhịp lắc lư của con tàu. Ấy thế mà gặp mùa bão, biển động dữ dội, con tàu ngất ngư nghiêng ngả ngày này qua ngày khác, chuột cũng đói meo, say sóng chí tử. Mới đầu nghe kể chuyện tôi cho là đàn anh đi biển phóng đại, dọa đàn em mới vào nghề. Một lần trong chuyến hải hành thực tập trên tàu PGM, gặp mùa biển động, chúng tôi say sóng đến mềm người, xác xơ phờ phạc, mửa thốc mửa tháo, rũ ra như cái mền rách. Vừa hết phiên, tôi lảo đảo mò xuống phòng kiếm chỗ ngủ, thì đụng đầu ngay một anh chuột. Người và vật nhìn nhau. Nó ngồi chình ình ngay giữa lối đi, thấy tôi loạng quạng đi tới cũng chẳng thèm tránh. Mới đầu tôi tưởng nó bịnh, nhưng nhìn vẫn thấy khỏe mạnh, lông mướt láng, chỉ có vẻ lờ đờ thôi. Lúc bình thường thế nào tôi cũng đá nó một đá, nhưng lúc này thì chẳng còn lòng dạ nào, khẽ lấy chân đẩy nó sang một bên. Nó uể oải bò được mấy bước, rồi lại ngồi ngây ra, bất cần đời. Không thấy nó ói mửa gì, nhưng mỗi lần nghĩ đến hình ảnh anh chuột ôm bụng mà ói như chúng tôi, là tôi lại cười thầm.

Mùi dầu nhớt, mùi không khí hầm bí, mùi tanh của ói mửa làm tôi choáng váng lợm giọng, vội đi cho nhanh. Trong một hóc kẹt, có người đàn bà bụng chửa thè lè, nằm ngủ cùng mấy đứa con. Chắc chị này sinh năm một nên mấy đứa nhỏ sàn sàn tuổi nhau. Tôi còn nhớ máy bay không nhận hành khách có bầu quá lớn sợ đẻ rơi trên phi cơ, còn chiến hạm không thấy nói đến luật lệ này. Thấy tôi, chị ta thều thào mệt nhọc:

"Say sóng quá thiếu úy ơi. Thiếu úy có thuốc cho em xin vài viên. Chắc em chịu hết nổi rồi. Sao mà tàu lắc quá vậy."

"Tàu đâu có thuốc chống say sóng. Chị cố ngủ một lúc thì nó bớt đi. Gần sáng là tàu đến bến. Chồng chị đâu rồi?"

Hồi chiều khi chị xuống tàu, tôi thấy anh chồng địa phương quân nhỏ thó lóm thóm, đi cùng chị, chăn dắt lũ trẻ.

"Em nhờ nhà em đi xin ly nước nóng để pha sữa cho cháu. Thiếu úy có thấy nhà em ở đâu thì nhắn dùm em."

Tôi lảo đảo đi về trước. Ánh đèn màu đỏ đục lờ. Hơi người nồng bí. Phần mũi tàu là phần chịu sóng nặng nhất. Từng chập, con tàu phóng vào bức tường nước. Lượng sóng khổng lồ như chận đứng trớn đi khiến nó rùng mình, ngẩn ngừ dướn mình lên rồi đâm bổ xuống trũng sóng. Lúc này thân sóng đã gối ngang lườn tàu, khiến nó rung chuyển mạnh, như muốn gãy đôi. Cửa ramp kêu rắc rắc nhưng vẫn đóng chặt. Nước tràn đầy lòng tàu, rồi lại ào ạt rút đi. Con tàu bình thường chắc nịch, nay đối diện với sức mạnh thiên nhiên, bỗng trở nên mỏng manh, ọp ẹp.

Trên vòng về, tôi ghé phòng máy. Tiếng máy chạy ầm ầm. Mùi dầu mỡ khét nghẹt, làm tôi nhờn nhợn muốn ói. Tôi hét to vào tai anh cơ khí trực:

"Có gì báo cáo không?"

Anh ta cũng ghé vào tai tôi, quát:

"Không, thiếu úy."

Trước cửa phòng máy, anh địa phương quân nằm còng queo, co rúm lại như đứa trẻ con. Bên cạnh anh lăn lóc cái ly nhựa.

"Sao anh này lại nằm đây?"

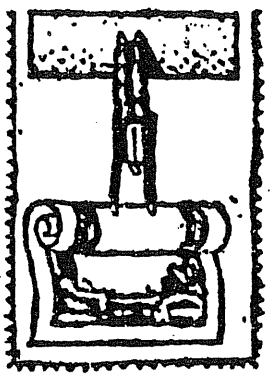

NGUYỄN TẤN HƯNG

KHÔNG TÊN

Thương em biển rộng sông dài
Cành lan cánh bướm đậu ngoài giậu thưa
Nhớ em biết nói sao vừa
Ngẩn ngơ sớm tối chiều trưa một mình
Hỡi người em nhỏ xinh xinh
Biết anh ngày ấy khối tình nặng mang?
Đêm khuya gác vắng trăng vàng
Cớ sao lỗi nhịp cung đàn năm xưa!

"Ối giời ơi, em chết mất quan tàu ơi. Sao mà sóng quá thế này. Ói tới mật rồi. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ em mới biết thế nào là say sóng. Thiếu úy có cách nào cho em lên bờ. Hoặc cho em viên đạn em chết cho rồi. Nếu biết thế này em chẳng đi tàu làm gì."

"Nói bậy nào. Để tôi lấy cho anh ly nước khác, ráng trở về chỗ vợ anh nằm, chị ấy đang chờ đấy."

"Em có nhớ nó nằm ở chỗ nào đâu mà tìm. Em lần mò vòng vòng rồi đi lạc tới đây. Oẹ. Oẹ." Anh ta ôm bụng nôn thốc vào cái sô bên cạnh, chắc do cơ khí cho mượn.

Có đưa anh ta ly nước, chắc anh ta cũng không còn sức để đi, tôi nghiêng ngả, cố giữ lấy thăng bằng, trở về đài chỉ huy.

"Báo cáo hạm phó, tuần phòng tàu xong."

Ông ta đứng tựa thành tàu, khuất sau tấm kiếng cho nước khỏi tạt. Lạnh và ẩm ướt. Độ nghiêng ngả của con tàu làm đầu óc tôi lùng bùng, dạ dày đảo lộn, nước chua đã ứa lên cổ họng. Tôi cố dằn cơn say, liếc quanh. Hạm phó lầm lỳ. Mấy nhân viên đi phiên mặt tái xanh, cố gắng chịu đựng, tuy nhiên vẫn chu toàn nhiệm vụ. Lâu lâu những đợt sóng lớn muốn trùm lấy đài chỉ huy. Nước biển làm quần phục chúng tôi ướt đẫm. Mưa gió quạt vào mặt rát sàn sạt, như những vết roi. Bên ngoài tối như mực nhưng chúng tôi vẫn cố gắng dùng ống nhòm quan sát. Chúng tôi phải phụ thuộc phần lớn vào máy radar để kiểm soát mặt biển. Đài chỉ huy nghiêng qua vật lại, biên độ tối đa, loại lắc mà anh Trung sĩ giám lộ thường khôi hài: "dùng mũ sắt múc được nước biển". Ăng ten Radar rung chuyển rắc rắc như muốn gãy. Tôi hồi tưởng những kỳ đi biển thực tập kinh hoàng hồi còn là sinh viên sĩ quan. Để huấn luyện sinh viên nếm mùi biển cả, bộ chỉ huy lựa mùa biển động nhất và loại tàu lắc nhất để gửi sinh viên đi thực tập. Tôi rũ ra như túm giẻ rách, phục xuống trong một góc, hai tay bíu lấy tay vịn đài chỉ huy, mặc cho sóng đưa qua đẩy lại, như cái xác không hồn. Lâu lâu lại chạy vội ra chiếc sô để nôn. Thức ăn, nước uống, chất mật đắng ngòm, tanh nồng, phọt ra có vòi. Kỷ niệm cay đắng nhất là có lần tôi vừa cúi xuống thì chiếc mũ cát két đang đội trên đầu tuột xuống lật ngửa ra, nằm tênh hênh trên miệng sô. Thấy vậy mà cơn nôn vẫn nín không kịp, thốc tháo vào lòng chiếc mũ. Đổ đi. Phơi lên. Vẫn còn ẩm ẩm nhờn nhờn, mà sáng sau vẫn phải đội mũ ra tập họp. Có anh say đến bí đái. Nằm rên hừ hừ kêu cha kêu mẹ. Có anh lên đến Cầu Đá, ngoái cổ lại thấy chiến hạm neo ngoài khơi, bồng bềnh lắc lư lại ôm bụng nôn tiếp. Người trong nghề gọi là say sóng đất, vì sau nhiều ngày bồng bềnh trên biển, lên đến bờ mà đất trời vẫn còn quay cuồng. Sau lần đi biển đầu tiên, tôi hoảng sợ vì tưởng mình chọn lầm nghề. Say sóng kiểu này, làm sao chỉ huy. Làm sao làm việc trên chiến hạm. Vấn kế đàn anh thì họ nói, rồi quen đi. Trách nhiệm và danh dự của sĩ quan chỉ huy không cho phép mình gục xuống trước mặt nhân viên. Cố gắng. Cố gắng mãi rồi cũng phải quen. Trong nghề đi biển hơn nhau ở mức độ chì sóng. Hạm trưởng ngồi tỉnh bơ trên đài cao, còn phì phà điếu Basto hôi rình, người chung quanh vừa ngửi đã muốn ói, nhân viên mới phục. Cũng như lính bộ, cấp chỉ huy phải lỳ trận chiến, về hậu tuyến thì uống rượu như nước lã, chơi bời chọc trời khuấy nước, đàn em mới nể, ra trận mới hết lòng, sống chết có nhau. Tôi thuộc nằm lòng bí quyết này. Cố gắng chịu trận. Rồi cũng quen, tuy chưa đến độ chì. Nhưng không phải ai cũng đạt được. Trong cả ngàn người vẫn có người mà ý chí không khuất phục nổi sự yếu kém của cơ thể. Đó là trường hợp một vị cố sĩ quan cao cấp. Khi còn ở chức đại úy hạm trưởng, ông dẫn tàu ra khơi trong một chuyến hải hành vào mùa biển động dữ dội. Chịu không nổi cơn sóng, ông rũ liệt, không đủ sáng suốt để chỉ huy. Con tàu về bến bình an nhờ sự lèo lái của hạm phó và nhân

viên. Trong truyện ngắn để đời "Cấp 94", ông đã diễn tả trung thực cái tâm trạng yếu kém, tủi nhục và cô đơn, sự cố gắng chiến thắng bản thân nhưng không thể được. Ông đã đệ đơn từ chức hạm trưởng để phục vụ tại các đơn vị bờ.

Chẳng ai buồn nói chuyện với ai, chúng tôi lầm lỳ chờ đợi hết giờ đi phiên, giao cho chi đội khác rồi vội vàng xuống giường nằm nghỉ.

Trong giấc ngủ chập chờn, con tàu vật vã rên rỉ, lảo đảo trong đêm tối cố gắng chịu đựng cơn thịnh nộ của biển trời. Tôi nằm nghe tiếng xô đẩy của bát đĩa trong phòng ăn và cả ngàn tiếng động đủ loại. Chỗ nào cũng lắc lư run rẩy. Tiếng máy ầm ỳ, nhiều khi rú cao vì chân vị rời khỏi nước quay tít trong không khí. Con tàu chồm lên hụp xuống, kêu rắc rắc như muốn nứt thành từng mảnh. Tôi thiếp đi trong mỏi mệt. Tôi mê thấy anh chuột say sóng, ôm bụng ói. Những con khác cười ngặt nghẽo chế nhạo.

"Thiếu úy, dậy thiếu úy. Có người đàn bà đau đẻ."

Tôi hoảng hốt bừng tỉnh. Trong một giây tôi không biết mình đang ở đâu. Rồi tỉnh dần. Hóa ra đang trên chiến hạm hải hành. Nhưng tôi vẫn còn mơ màng. Tại sao lại có đàn bà đẻ. Mà đàn bà đẻ thì liên quan gì tới tôi. Tôi tỉnh hay mê? Thấy tôi còn ngơ ngác, người nhân viên nhắc:

"Có người đàn bà đau bụng đẻ. Y tá Hưởng nói mời Thiếu úy lên. Là sĩ quan kém thâm niên nhất chiến hạm, theo thông lệ tôi được chỉ định chức vụ coi về ẩm thực và y tế."

Tôi uể oải:

"Anh lên trước đi. Tôi thay quần áo rồi lên sau."

Tàu vẫn chòng chành dữ dội. Tôi còn bàng hoàng ngất ngư. Yếu ớt và ớn lạnh như vừa ốm dậy. Miệng đắng nghét. Cổ họng chua lè như muốn ói. Tôi muốn nằm xuống, nhưng rồi cũng cố gắng mặc bộ quân phục còn ẩm ướt. Vừa cột dây giày tôi vừa nghĩ ngợi: tôi làm được gì đây. Là thanh niên trai tơ mới vào đời, tôi có thấy đàn bà đẻ bao giờ đâu. Một kỷ niệm chợt lóe sáng trong tâm tưởng. Hồi vừa ra trường được chỉ định xuống chiến hạm, gặp đúng lúc chiến hạm đang công tác vùng Phú Quốc. Tôi nhận sự vụ lệnh ra trình diện tại vùng. Tạm trú hậu trạm Rạch Giá chờ phương tiện qua đảo. Nửa đêm đang ngủ say, cả toán sĩ quan lớn nhỏ bị Đại úy T., còn có hỗn danh là T thịt chó, nổi tiếng ăn tục nói phét trong Hải Quân mà sau này tôi mới biết, đánh thức dậy. Còn mắt nhắm mắt mở đã nghe ông tuyên bố một câu xanh rờn: Chúng mày biết không, lúc vợ tao đẻ, l... nở đẹp như hoa. Chỉ có thế thôi. Ngủ tiếp. Tôi hết ý kiến. Hôm sau, mấy sĩ quan bàn tán xầm xì: Chắc ổng nhớ vợ, nổi khùng rồi. Ví von gì nghe mà khiếp quá.

Tôi sang phòng ăn. Ánh đèn néon lạnh lùng. Đồ đạc ngổn ngang, xô lệch. Một vài cái ly lăn lóc dưới gầm bàn, vỡ nát. Tôi mở tủ lạnh kiếm nước uống, rồi ngại ngùng leo cầu thang lên nhà bếp, cạnh phòng y tế của "bác sĩ" Hưởng. Tôi đoán không sai, chị vợ anh địa phương quân với cái bụng chửa thè lè. Chị ta nằm tênh hênh trên chiếc bàn nhôm. Hai chân dang rộng. Hai nhân viên nhà bếp giữ hai bên hông để chị khỏi lăn. Y tá Hưởng đeo găng tay cao su lúi húi đỡ đẻ. Cũng may y tá Hưởng kiếm đâu được tấm drap đắp ngang bụng chị. Tôi đứng xa xa, cạnh tủ thuốc. Mỗi lần chiến hạm nghiêng theo sóng, soong nồi lại kêu loảng xoảng. Có tiếng khóc oa oa, rồi tiếng y tá Hưởng: "Được rồi, con gái." Chị vợ mặt xanh lè, không hé mắt nổi để nhìn con. Hai anh nhà bếp có vẻ sốt ruột, hỏi y tá Hưởng:

"Xong chưa ông thầy."

"Chưa đâu."

Anh ta ngó tôi:

"Đứa nhỏ ra rồi, sao nhau không ra hết. Chắc sót nhau quá Thiếu úy. Bây giờ làm sao mà múc nhau ra? Chiến hạm mình đâu có dụng cụ nạo nhau."

Tôi ầm ừ:

"Tôi cũng không biết. Hay đợi sáng mình gọi y tá trên đảo, họ lo tiếp. Chị ta đợi có được không?"

"Chắc cũng được."

Hạ sĩ Triều nhà bếp, lanh chanh, lượm ngay chiếc muỗng múc canh to tổ chảng trên sàn:

"Có cái muỗng này, anh Hưởng nạo thử xem."

Y tá Hưởng nạt:

"Mày nói ghê thấy mụ nội. Dẹp đi mày. Phải có dụng cụ y khoa đàng hoàng chứ. Bộ mày tưởng dễ như nạo cơm cháy hả?

Hạ sĩ Triều cười hề hề:

"Ai mà biết. Cứ nghe ông nói nạo với múc hoài. Tưởng nhúng nước sôi sát trùng là được." Anh ta quơ quơ cái muỗng giữa hai chân chị đàn bà, làm bộ múc để trêu y tá Hưởng.

Tôi can thiệp:

"Thôi mấy cậu chịu khó vực chị ta sang băng ca. Lấy mền đắp cho chị ta. Anh Hưởng lo cho đứa nhỏ. Có anh nào xuống phòng máy báo cho chồng chị ta hay."

"Em có xuống lúc nãy. Anh ta ói đến mật xanh mật vàng, nằm như chết. Lay mãi cũng chẳng nhúc nhích nổi."

"Thế à. Để tôi thông báo Hạm Phó và bảo vô tuyến liên lạc trên bờ cho họ chuẩn bị sẵn khi mình đến."

Trời vừa sáng thì tàu đến Côn Sơn. Trời may quang đãng. Cơn bão ngắn ngủi hành hạ chúng tôi suốt đêm đã tàn. Chỉ còn những lượn sóng ngầm. Chiến hạm thả neo, mở cửa đổ bộ. Người đầu tiên theo canô vào bờ là chị địa phương quân, cùng với y tá Hưởng bế theo đứa nhỏ. Anh chồng còn sặc sỡ, ở lại trông đàn con, đi theo trong những chuyến sau.

Trong bữa ăn sáng, tôi thuật lại cảnh đỡ đẻ "dã chiến" cho hạm trưởng, hạm phó, và toàn thể sĩ quan.

"Bị mời lên xem đàn bà đẻ, tôi hãi quá, tính trốn luôn. Bất đắc dĩ phải lên. May nhờ "bác sĩ" Hưởng mát tay nên mẹ tròn con vuông."

Anh Hưởng thú thật, anh ta có đỡ đẻ bao giờ đâu. Chị ta say sóng quá nên đẻ non, vừa vực vào bếp là đứa nhỏ tuột ra, anh ta chỉ kéo phụ là xong. Tôi nhắc đến Hạ sĩ Triều đòi lấy muỗng múc nhau, cả bàn ăn cười ồ, chỉ có Trung úy Cát, sĩ quan đệ tam ngồi yên lặng, bỏ dỡ phần ăn. Hạm phó nói:

"Để kỳ này để nghị "bác sĩ" Hưởng là cá nhân xuất sắc trong tháng của Hạm Đội, với thành tích vượt bực. Được không Hạm Trưởng?"

Sau bữa sáng, Cát kéo tôi ra hỏi nhỏ:

"Ông nói thật tôi nghe, thằng Triều nó có múc thật không đấy?"

Tôi định nói đùa, nhưng thấy nét mặt không cười của Cát, nên thôi. Cát vừa bỏ đi vừa lẩm bẩm:

"Dù sao, kể từ nay tôi cũng không ăn canh của thằng đó nấu nữa."

Buổi trưa, đã lấy lại sức sau chuyến hải hành, nhân viên làm vệ sinh chiến hạm. Tôi cùng mấy sĩ quan lên bờ chơi cho biết. Đảo có hệ thống hành chánh để quản trị tù nhân, lại có cả phi trường Cỏ Ống. Tôi muốn thăm trại tù để chứng kiến tận mắt nơi ngày xưa thực dân Pháp đã đày đọa các nhà cách mạng. Trại không đặt ở đây, mà ở tận bên kia đảo. Trên đường tiến về dinh quận trưởng để hỏi thăm phép tắc viếng trại tù, tôi bỗng nghe ai gọi:

"Thiếu úy, thiếu úy."

Quay lại đã thấy anh chàng địa phương quân chạy tới, ôm lễ mễ quả dưa hấu:

"Có món quà nhờ thiếu úy kiếng lên hạm trưởng và quí vị sĩ quan dùng lấy thảo. Nhờ thiếu úy cám ơn hộ bác sĩ đã lo cho mẹ con nó."

Tôi còn ngần ngừ chưa biết trả lời sao thì anh ta đưa tôi một tờ giấy đánh máy sẵn:

"Và nhờ thiếu úy trình lên quan hạm ký giùm cho em tờ chứng thực để em làm giấy khai sinh cho cháu."

Tôi đọc lướt qua. Đó là giấy chứng nhận em bé gái đã được sanh trên tàu. Tên: Nguyễn Thị Hậu Giang.

Tôi ngạc nhiên. Chiến hạm tôi là hải vận hạm Hậu Giang:

"Anh đặt tên khéo quá nhỉ. Sao anh biết?"

Anh cười nhe hàm răng sún:

"Dạ, em say sóng tưởng chết luôn, có biết gì đâu. Cô y tá trưởng tại trạm bày cho em đó. Cổ nói lấy tên chiến hạm đặt cho nó vừa lấy hên vừa làm kỷ niệm.■

Trích tuyển tập
"Buồn vui đời lính biển"

VĂN NGHỆ

P.O.BOX 2301, Westminster, CA 92683. USA
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **Quê** - *Tác phẩm mới của* Võ Phiến 6MK
- **Minh Triết Trong Đời Sống**
  Darshami Deane, Nguyên Phong *dịch* 12MK
  (Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)
- **Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam**
  Hồ Sĩ Khuê *(Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)* *16MK*
- **Tự Do Trong Lưu Đày** - *Tự truyện* Đức Đạt Lai Lạt Ma
  Chân Huyền & Chân Văn *dịch (Tái bản sau 3 tháng của ấn bản đầu)* 14MK
- **Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải**
  Nguyễn Bá Trạc 10MK
- **Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê *dịch* 14MK
- **Tiểu thuyết I** *(Tập chót của* Võ Phiến *trong toàn tập)* *15MK*

SÁCH PHÁT HÀNH

- **Cát Bụi Chân Ai** - *Hồi ký* Tô Hoài 12MK
- **Quyển Truyện Không Tên** - *Hồi ký* Hồ Dzếnh 7MK
- **Quê Ngoại 2, Tiếng Hát Thiên Nga** - *Thơ* Hồ Dzếnh 7MK
- **Cuối Đêm Dài** - *Truyện* Nguyễn Thị Thanh Bình 10MK
- **Hoa Tạng Trần Tư** - *Thơ* Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng 6MK
- **Một Khoảng VNCH Nối Dài** - *Hồi ký* Tạ Chí Đại Trường 16MK

SÁCH ĐANG IN

- **Mây Bão** - *Tiểu thuyết* Ngô Thế Vinh
- **Hành Trình Về Phương Đông II**
- **Nước Tôi Và Dân Tộc Tôi** - *Hồi ký* đức Đạt Lai Lạt Ma
- **Tuân Tử** - Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê *dịch, giới thiệu*
- **Ký - Bút - Kịch I** *(Trong bộ Văn Học Miền Nam)* Võ Phiến
- **Tùy Bút I** - Võ Phiến *(tái bản)*
- **Ký Thác** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Cuống Rún Chưa Lìa** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Phương Tiện Thiện Xảo** - Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện *dịch*

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK bưu phí cho sách dưới 10MK và thêm 2MK cho sách trên 11MK. Liên lạc lấy thư mục hơn 200 tên sách khác.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.
Tel: **(714) 527-5761**

ĐỌC **THẾ KỶ 21**

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683.
Tel. (714) 894-9121 ● Fax: (714) 894-2752

NHỮNG NGƯỜI BẠN TRẺ

HOÀNG NGUYỄN

(Tặng các bạn học sinh Phan Chu Trinh Đà Nẵng)

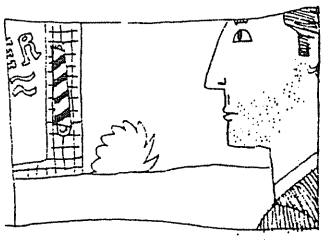

Gần đây đọc trong Thế Kỷ 21 những bức thư Sàigòn nói về giáo dục. Đại ý: "Thầy không ra thầy, trò không ra trò" (chữ trong thư). Nhân đó tôi xin ghi lại đây một ít kỷ niệm trong cuộc đời của tôi ở trong nền giáo dục ở miền Nam trước 75. Sự khác biệt để người đọc phán xét.

Những điều tôi ghi lại ở đây là sự thật, hay sự thật theo cái nhìn chủ quan. Sự thật đó có thể xảy ra ở những trường khác, cho những người khác. Nhưng sự thật cho mình bao giờ cũng sâu sắc hơn. Do đó tôi xin ghi lại sự thật chủ quan.

Tôi có rất nhiều người bạn trẻ, nam cũng như nữ. Gọi là trẻ vì đều ít tuổi hơn và tôi hướng nhìn theo chiều hoài niệm. Thực ra tất cả đã trưởng thành. Tất cả ngày nay, ít ra cũng trên 40 tuổi, cái tuổi không còn ngập ngừng gì nữa ở cuộc đời (tứ thập bất hoặc!), đã biết gánh chịu trách nhiệm cho ngày nay và hôm mai.

Nghề nghiệp giúp tôi quen biết họ. Tôi làm việc ở một trường học, theo đuổi một nghề mà cả Đông lẫn Tây có những tên gọi thật tốt đẹp: thầy giáo, nhà mô phạm, kỹ sư tâm hồn, Instituteur, master... Nhưng cũng đối với nghề ấy, những thập kỷ gần đây, thấy xuất hiện những tiếng gọi đượm vẻ chán chường, mai mỉa: gõ đầu trẻ, múa phấn bảng đen, bán cháo phổi, giáo mác...

Những danh từ tốt đẹp thì tương đối với từng người. Mỗi người đứng hay ngồi ở bục giảng tự quyết định lấy. Riêng tôi, tự nghiệm thấy những tiếng ấy không thích ứng. Nghĩ cho kỹ tôi vẫn có một chút thiện chí nhưng đã được bưng lên đặt xuống nhiều lần vì dè dặt và cầu an, yếu đuối. Nói như kiểu của Sartre nhiều lần tôi đã "phủ nhận quyền tự do chọn lựa của chính mình". Về kiến thức, thì có gì mà dạy. Không thêm được vào gia tài của người xưa, không đi trước được người sau thì sao gọi là dạy. Tôi chỉ là một thứ "répétiteur", "thuật nhi bất trước"; thuật lại những điều thông thường mà không chắc thuật đúng.

Đã không dạy được cho các bạn trẻ của tôi một điều gì, trái lại tôi nhận thấy học được ở họ rất nhiều, và thấy còn phải học nhiều hơn nữa. Vì vậy nói cho đúng lẽ, quan hệ giữa họ và tôi chỉ là quan hệ những người bạn, nhưng may mắn là những người bạn khá thân thiết.

Những người bạn trẻ của tôi đã đánh thức trong tâm trí tôi những tình cảm, những đức tính mà tôi ước mơ vươn tới. Những gì thiêng liêng tốt đẹp tôi thừa hưởng của cha mẹ, của đất nước, ngày trước cũng như hôm nay, nhờ họ mà tôi không đánh mất đi, di dưỡng được trong lòng mình. Trong một bức thư gửi cho tôi, anh Tôn Thất T., một giáo sư Đại học ở Paris, nói về chuyện của anh mấy chục năm về trước đã viết: "Trong thâm tâm, những ngày trung học cạnh thầy Trần T., Bùi T., Trần d. T., thầy T., cô L., thầy Q. đã giúp em một thành công toàn diện tại Đại học Pháp; vào giảng đường nhìn sinh viên Pháp nhớ lại ngày xưa, ơn thầy vẫn dày như những trang thơ cũ." (1992). Thư của T. gợi lên một truyền thống tốt đẹp của dân mình. Đọc thư anh tôi không kiêu hãnh mà chỉ mong ước xứng đáng với những gì nhiều thế hệ đã hun đúc nên, trải qua bao nhiêu gian lao thử thách. Tuổi hồn nhiên, lòng nhiệt thành, tình bè bạn, tính dũng cảm, trí sáng tạo... của những người bạn của tôi đã tạo nên một "thiên đường tuổi trẻ". Cũng trong thư nói trên, anh T. đã viết:

"Năm ngoái có dịp gặp lại thằng bạn cũ Ng. bá Tr. dẫn nó đi dạo phố Paris và nhắc đến thầy và thiên đường Phan Châu Trinh."

Mà thiên đường thật, gặp lại những người bạn trẻ không có mấy người không bồi hồi sung sướng nhắc đến những ngày ở dưới mái trường như một thời kỳ huyền diệu. Ng. b. Tr. gọi đó là"thời kỳ sung sướng của cuộc đời cũ" (thư Ng. bá Tr.) Những bạn đồng nghiệp của tôi và tôi là những người may mắn chia sẻ cái

thiên đường họ đã xây dựng nên và cũng đã từng cảm thấy cuộc đời là "thiên đường". Tôi xin mượn lời anh Trần d. T., một người bạn đồng nghiệp, nói lên niềm xúc cảm trong mối chia sẻ:

Ngôi trường đó là trong anh nỗi nhớ
Là trong em cả tuổi trẻ thiên thần
Là của em một thời ham sách vở
Là của anh những giờ giảng thiên đường.

Trong Ngơ Ngác Cõi Đời, Luân Hoán "Ghé thăm trường cũ", có kể tên một số những bạn trẻ ngày xưa:

vách tường xanh bích báo hồng bốn phía
thơ học trò lãng mạn ba hoa
hỡi những QUỲNH CHI, THẠCH TRÚC, THU HÀ
những QUÝ PHẨM, HỒ THỊ HỒNG, THANH THẢO...
.....
xa cách lắm nhưng vô cùng gần gũi
HÀ NGUYÊN THẠCH giờ đây đang thui thủi
Bỏ làm thầy đi tìm củi chẻ thuê
.....
ngục dẫu tối không ngăn lòng hảo hán
ngời DỰA LƯNG NỖI CHẾT nhớ bâng khuâng
.....

(trang 13, 14, và 15 — *Nhân Văn* — 1987)

Vâng, những người bạn trẻ của tôi là những người ấy. Nhưng kể làm sao cho hết. Còn có những người đã nằm xuống, những người có những tên kỳ lạ Ui, Rìu, Mông, Mót... cũng như những người họ tên mờ mịt, chẳng biết mình thật ra họ gì, tên gì. Một phần lớn những tên tuổi đã đi vào lãng quên trong trí óc tôi nhưng những hình ảnh, bài học của họ vẫn còn.

Một người đã nằm xuống tôi còn nhớ rất rõ là Trần Trí D., một người bạn tuyệt vời. Nhiều lúc tôi muốn xếp D. vào một trong số người thân thích, nhưng chẳng biết đặt vào đâu. Không phải là một người em nhưng hơn cả một người em. Không đòi hỏi, không cầu cạnh một điều gì, D. đối với tôi, với gia đình tôi hồn nhiên như thân thiết tự bao giờ.

Một người bạn khác đã nằm xuống là Đặng K. "Bỏ trường mà đi" để làm một công việc khó khăn và nguy hiểm đằng sau lưng đối phương, nên những người như K. thường được ưu đãi trước lúc đi và lúc trở về. Nhưng người ta đã kể lại với tôi, K. từ chối tất cả mọi sự biệt đãi. Cái thú duy nhất của K. trong những lúc rảnh rỗi, sau công tác là đi săn bọn cao bồi mất dạy làm khổ đồng bào. Là một quân nhân có lẽ K. đã thấm nhuần tư tưởng trọng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trong các giờ sử:

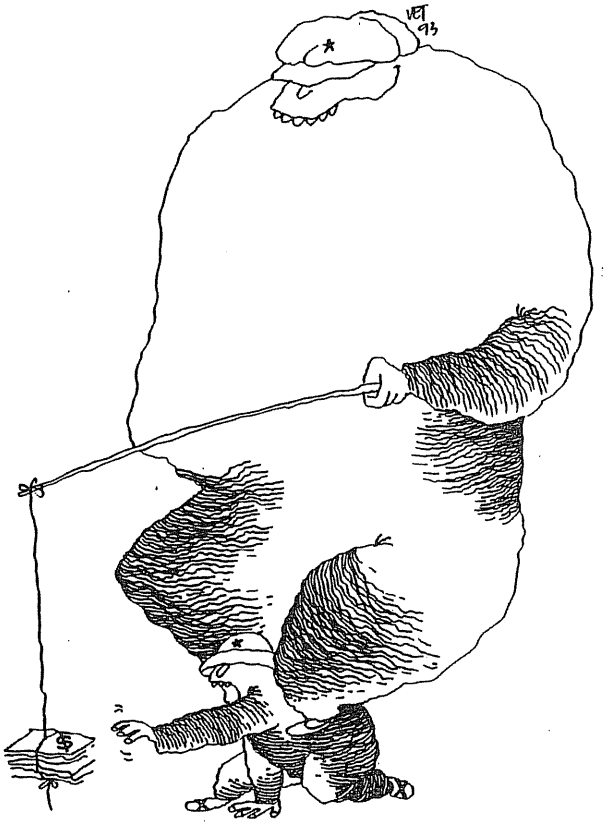

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chẳng qua trừ bạo."

Cùng với D. với K. còn có bao nhiêu người bạn trẻ của tôi đã nằm xuống nơi núi sâu đồi cao hay giữa lòng biển cả. Hồ dương M. và Trương công T.... Biết bao tài hoa có ích cho đất nước đã mất đi một cách vô nghĩa.

Những người bạn trẻ của tôi, nhiều lúc tôi đã gặp lại trong những trường hợp rất bất ngờ. Năm ấy vào Sàigòn chấm thi. Phương tiện di chuyển nhanh chóng và rẻ tiền nhất đối với người khách từ xa lại có lẽ là xe lam ba bánh. Một hôm lên một chuyến xe, thấy một anh lính mũ nâu nằm gác chân chắn ngang cửa. Hành khách phải len vào xe rất khó khăn, phải cẩn thận bước qua chân anh. Chớ đụng đến! Đụng đến thì nguy! Tôi cũng như mọi người, thận trọng. Nhưng bỗng thấy một chân rút lại, khi bước qua.

Đến lúc xe bắt đầu chạy, anh ngồi dậy, cất cái mũ nâu che mặt, nhìn hành khách rồi nhìn tôi, vẻ ngơ ngác. Xe chạy một quãng khá lâu bỗng anh cất tiếng chào tôi. Tôi hơi ngạc nhiên vì đã quên anh ta, nên hỏi lửng lơ: "Anh có biết tôi?" Anh ấy đáp: "Làm sao quên được thầy." Tôi lại hỏi: "Thế sao không nói từ trước?" Anh ấy lại đáp: "Thưa thầy em sợ thầy." Tôi bỗng đùa: "Người ta sợ anh thì có chứ bộ anh thì sợ ai!" Đùa như vậy nhưng trong thâm tâm tôi vẫn nghĩ và nhớ không ra, là tôi đã

làm gì để anh ấy sợ. Và dù ngày trước có sợ thì hôm nay mối sợ tất cũng đã hết và cũng có thể biến thành hận. Nhưng người bạn tôi vẫn trả lời: "Không, thưa thầy, em sợ thật." Rồi anh kể cho tôi nghe vì sao anh đã sợ. Nguyên ở trường, cứ sáng thứ Hai thì học sinh phải mặc đồng phục để làm lễ chào quốc kỳ. Đồng phục cho nam học sinh gồm có chiếc áo sơ mi trắng và quần tây trắng. Đó cũng là bộ áo quần đẹp nhất anh có được. Trong ngày Chủ Nhật anh đã diện bộ đồng phục để đi ăn cưới. Chẳng may đường ruộng trơn, anh bị ngã, áo quần lấm, giặt không kịp cho ngày thứ Hai. Không mặc đồng phục anh sợ bị phạt nhưng rồi lại không bị phạt và chỉ được gọi lên văn phòng để được khuyên nên theo đúng nội quy. Câu chuyện chỉ có thế, thật bình thường. Nhưng, anh thì nghĩ khác, tin rằng tôi đã tin vào lời anh, nên không phạt. Anh đâm ra nể sợ tôi. Tôi cảm động nghe anh kể chuyện và các hành khách trên chuyến xe lam đã có một cái nhìn khác hẳn đối với anh. Hỡi anh chiến sĩ mũ nâu, người bạn trẻ của tôi ngày xưa, không phải anh sợ, nhưng lòng anh đầy nhân đạo, anh đã đánh giá tôi qua lòng bao dung của anh. Tôi cám ơn anh, một người bạn mà ngày nay tôi không còn nhớ tên, đã đánh thức trong lòng tôi niềm tin ở tuổi trẻ, tính quảng đại đối với con người.

Một thoáng bất ngờ cảm động khác. Mãi đến vào quảng năm 80, ngay ở cửa trường Đại học văn khoa còn một cái quán cóc cà-phê. Một hôm vừa ra khỏi cổng trường, bỗng có tiếng gọi thật trẻ: "Thầy N. vào đây đã." Nhìn qua người gọi, thấy không quen lắm nhưng chẳng có vẻ gì là cán bộ, nên cũng ngồi lại. Câu chuyện ban đầu bâng quơ sau trở nên thân mật hơn vì anh cho biết ngày trước cũng học ở trường. Anh cho biết thêm anh là một bác sĩ quân y vừa đi học tập cải tạo ở Long Khánh về. Tôi bỗng giật mình, nhớ đến con: "Vậy anh có biết thằng D., thằng Ch. D. không?" "Nó cũng là bác sĩ quân y, ở trong một đội với em. Nó chết ở trại, và em đã bồng nó trên tay." "Nó là con tôi đó." Im lặng, và sau im lặng tôi chợt hiểu tại sao trên nấm mồ con tôi ở miền đồi núi hoang vu, có những có hoa rừng có khi còn tươi, có khi đã khô héo, tôi vẫn thường thấy mỗi khi từ Sàigòn lên thăm. Xin cám ơn anh bác sĩ quân y còn may mắn và cũng xin cám ơn tất cả những bạn đồng đội của anh.

Có khi những cuộc gặp gỡ chỉ là gián tiếp. Năm 82 bốn đứa con tôi vượt biển đến được Singapore. Ở trại một thời gian, được lập hồ sơ đi Galang (Nam Dương). Phải lưu lại đây một thời gian rồi mới được đi đoàn tụ. Nhưng may mắn bất ngờ, mấy hôm sau không phải đi Galang lại được phép đi thẳng qua California sum hợp với thân quyến. Đó là một may mắn lớn đối với những người đang nóng lòng chờ đợi. Tôi hỏi mấy đứa con tôi nhờ đâu có sự may mắn đó. Chúng đều không biết và chỉ trả lời: Hôm đi lập hồ sơ, bọn con ngạc nhiên thấy một cô nhân viên hỏi bọn con đều có phải là con của thầy N. không. Một hành động giúp đỡ không cần biết người được giúp đỡ biết mình là ai, là một cử chỉ thật cao đẹp.

Ngày nay vì hoàn cảnh chính trị của đất nước, các bạn trẻ của tôi một số lớn ở lại trong nước còn thì rải rác trên năm châu bốn bể. Tôi được may mắn vẫn còn liên lạc với một số.

Ở trong nước, P.n.N. tưởng suốt đời "bị gậy đi ăn mày" (chữ của một giáo sư gọi đùa N.) nhưng trước cũng như sau 75 nhất định không chịu để cho "con người và những giá trị thiêng liêng bị phỉ báng", (chữ của P.n.N), nên như Luân Hoán đã viết "ngục dẫu tối không ngăn lòng hảo hán." Trương duy H., từng lãnh giải thưởng văn học Việt Nam, dù "vài ba lần chết hụt, cố giữ lại một di sản văn hóa, văn học của một danh nhân xứ Quảng

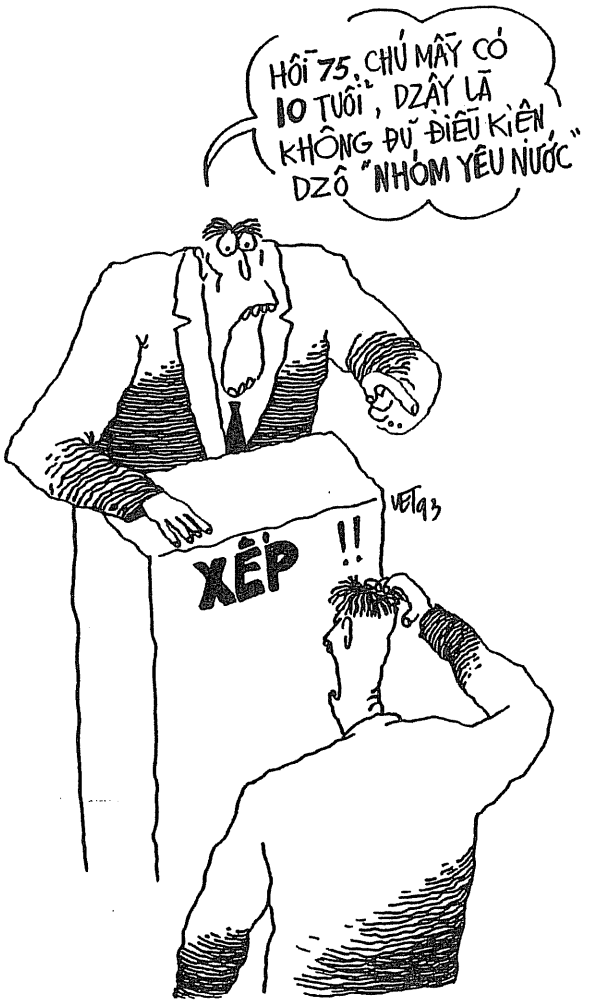

Đà và của cả nước." (Thư Trg d. H. 93). Hiện nay Trương duy H. đang cố gắng xuất bản một tác phẩm biên khảo công phu ròng rã trong 36 năm trời trước lúc người vợ thương yêu Th. Th. nhắm mắt. Th. Th. bị ung thư, cuộc sống đang được đếm từng ngày.

Ở đây, trên đất Cali, tôi đã gặp lại biết bao nhiêu người. Sau hơn 25 năm tôi đã gặp lại Nguyễn bá Tr. tài hoa, Bui Ngọc T., nhổ răng và làm thơ, Nguyễn văn Ph. cần mẫn... Nguyễn bá Tr. vẫn thắc mắc về ngôi sao chiếu mệnh:

ngước nhìn trời cao để thấy bóng ta,

vẫn lêu bêu như ngọn cỏ bồng nhưng thường quay về nghỉ ngơi ở "ngôi trường cũ, đoạn đời sung sướng cũ..., nơi đó thầy làm hiệu trưởng và dạy em yêu mến Việt văn." (Thư Ng.b.Tr.). Cám ơn Tr. đã đi vào ước vọng của tôi và dành cho tôi một phần hãnh diện trong thành công chữ nghĩa của Tr.

Ở đây tôi đã gặp lại Mộng H. Liên Hg., những người bạo dạn, dám nói thẳng, nhưng đối với bạn bè thì sốt sắng. Cho đến hôm nay còn tương trợ được cho một số bạn bè ngặt nghèo bên nhà là nhờ cố gắng của Mộng H. và Liên Hg. cũng như của Trương văn Thg. một nguyên "mục sư" lòng thẳng như lòng ngựa. Nhắc đến Liên Hg., tôi xin lỗi vì có lần đã tịch thu mất bảng danh dự. Lý do: đùa nghịch trong lớp. — Con gái mà! Ngày xưa đâu có đùa nghịch được! — Tuy đã chậm, nhưng xin trao lại bằng danh dự vì đã dứt khoát để ra đi, vì tinh thần đoàn kết, tương trợ bằng hữu.

Tôi đã gặp lại Trần thi H., Trinh thi. D.L... với những câu hỏi bất ngờ: Sao ngày trước thầy biết rõ chúng em từng đứa một như vậy? Tôi đã gặp lại Trần nhật N., suýt nữa thì không phải để "đưa em sang sông" mà đưa mình sang sông. Tình bằng hữu ngày xưa có lẽ là một trong những yếu tố giúp cho Nhật Ng. thêm can đảm để phấn đấu thoát cơn bịnh ngặt nghèo.

Điều đáng vui mừng nhất là thấy các bạn vẫn giữ được lòng nhiệt thành ngày xưa, vẫn ước mơ như Tôn Thất T. ước mơ ngày nào đó trở lại làm một công việc nhỏ bé cho quê hương: "Em nguyện với thầy một ngày nào đó mình sẽ về quê hương tiếp tục con đường Phan Châu Trinh làm một cái gì thật nhỏ, thật yêu thương, thế là đủ." (thư Tôn t. T.)

Tôi chưa gặp nhiều người khác dù ở Mỹ, nhưng đã nhận được thư hay điện thoại và cũng có năm vào dịp Tết lại bất ngờ nhận được một bó hoa, một hộp bánh từ Washington gửi xuống, từ Texas gửi sang. Tôi vui mừng với những bức thư, với những cú điện thoại, và có cảm tưởng như cây nêu ngày Tết phất phơ trước nhà với nhưng món quà. Vui mừng vì thấy mình không bị lãng quên nhưng cũng vì tin tưởng rằng những ước mơ tốt đẹp của một lớp trẻ ngày nào vẫn chưa tàn phai!

Ở Canada, tôi không có dịp thăm thú được nhiều. Chỉ lưu lại một thời gian ở Montreal. Ở đây đã có một buổi họp mặt và tôi đã được gặp Bach Ng., Thanh S., Ho thi Thu H., Luân H., Phan thi Thu L... Trong những người này, như Luân Hoán viết, nhiều người là:

những khuôn mặt một thời làm giông bão
thổi thêm dài thương nhớ lũ trai tơ...

Hôm nay họ là những người vợ, những người mẹ có trách nhiệm, cũng như đã có địa vị xứng đáng trong xã hội. Tuy nhiên trong câu chuyện những ước mơ vẫn là Ngũ hành sơn, những bãi biển Thanh bình, Tiên sa, những mảnh áo để che ấm những tấm thân gầy ở chợ Cồn, dọc đường Triệu Nữ Vương, ở sân ga...

Nhắc đến những người bạn trẻ ngày xưa có lẽ là một thiếu sót nếu không nhắc đến những người nguyên cùng ở dưới mái trường nhưng lại đứng về "phía bên kia". Những người đó không nhiều, nhưng cũng không phải ít. Trong những người bên kia được nhắc nhở tới nhiều là Phan chánh D., Nguyễn đăng Tr., Lê hiếu D., Ho phuoc Th., Ho C., Nguyen D., Nguyen dieu L.H., Phan van H... Có những người tôi đã biết có hoạt động từ trước 75, có những người mãi sau này tôi mới biết. Có những người rất thông minh như L.T., đã đỗ đầu trong kỳ thi vào đệ nhất và rồi lúc nào cũng đầu lớp trong những năm còn học ở trường, Phan van H. hiền lành đến độ nhút nhát, học rất chăm và là thủ khoa của một khóa Đại học sư phạm Huế; Phan chánh D., Nguyễn đăng Tr. làm thơ rất hay từ thuở ở trường.

Các bạn đã chọn lựa thế đứng vì nhiều lý do nhưng có lẽ có một lý do chung theo cái nhìn của các bạn, là ở miền Nam có nhiều bê bối, có sự hiện diện của quân đội nước ngoài và dân chúng đã đau khổ vì chiến tranh... Đó là những sự thực.

Nhưng ngày nay thực tế đã đổi thay: tham nhũng, bê bối, cướp nhà cướp của, dân chúng nheo nhóc còn gấp trăm gấp ngàn. Đứng ở ngoài nhìn về nguy cơ lệ thuộc ngoại bang rất trầm trọng. Các bạn nghĩ thế nào? Soát lại lương tâm, so sánh với lý tưởng lúc còn dưới mái trường cùng bè bạn. Tôi biết nhiều bạn còn giữ lại một phần tình bạn trong trắng ngày xưa. Nhưng một số cử chỉ tốt lòng tốt bụng đối với một số cá nhân chưa đủ. Cần phải có những cử chỉ dứt khoát, những hành động rộng rãi hơn, bao quát hơn. Dân chúng không thể nào sung sướng dưới một chính thể độc tài, không dân chủ.

Tôi đã làm việc ở nhiều trường học, trong nhiều năm và nhiều nơi. Tôi thường tìm kiếm thấy được những niềm vui trong sự tin cậy lẫn nhau. Nhưng chưa có bao giờ tôi có được một niềm vui toàn vẹn, kéo dài trong năm, sáu năm, thời gian tôi cảm thấy đã hiến dâng được một điều gì, được hiểu và tin tưởng."Địa ngục là tha nhân" vì không hiểu nhau nhưng lúc đã có thông cảm và tin tưởng thì đó là hạnh phúc, hạnh phúc toàn vẹn, là "thiên đường" dù chỉ một thời.

Xin cám ơn những người bạn trẻ đã xây dựng nên thiên đường đó và đã cho tôi cùng chia sẻ. Cũng xin cám ơn những đồng nghiệp hôm nay còn ở lại Việt Nam hoặc ở hải ngoại đã giúp các bạn trẻ của tôi duy trì cái thiên đường ấy một thời ở dưới mái trường và mãi mãi trong lòng.■

San Diego - Mùa Xuân

TÌM VỀ MỘT ĐỊA DANH

NGUYÊN HƯƠNG

Mệ Đàm thân,

Thơ trước Mệ hỏi nghĩa chữ Truồi, tại sao kêu Truồi?

Rắc rối lắm, Mệ ơi!

Ngoài địa danh (Nong) Truồi, chợ Truồi, núi Truồi, dâu Truồi, chè Truồi; trong ngôn ngữ thông thường xưa nay không nghe nói Truồi, bất cứ dạng thức nào, danh từ, động từ hay tĩnh từ...

Tự điển Nôm-Hán-Việt của Jean Bonnet (1899) cũng không thấy ghi từ Truồi. Gần đây nhất (1989), trong cuốn "Giúp Học Tiếng Nôm và Hán Việt" của linh mục Trần Văn Kiệm hiện ở Texas, tò mò tìm đọc tôi thấy có chữ Truồi (viết hoa): làng Truồi.

Truồi, viết theo chữ Nôm trong cuốn tự điển nói trên, (đúng ra, một cuốn tự điển) gồm hai chữ Hán-Việt Nhân và Lỗi . Liên lạc với tác giả để hỏi thêm về chữ Truồi, tôi được biết như ri: Truồi là cái thoi đặc biệt trong nghề dệt chiếu, dệt sợi ngang. (Truồi là cái que dài câu lấy sợi cói để xâu ngang khung dọc làm bằng sợi đay. Sợi dọc bằng đay, sợi ngang bằng cói, tức là chiếc chiếu ở nước ta, nhà nào cũng có. Người thợ dệt thọc sợi cói vô khung, để sợi cói lại, xong rút cái truồi ra để xỏ sợi khác...)

Lời giải thích này hoàn toàn mới lạ đối với tôi, và chữ Truồi, hiểu theo nghĩa trên, không mảy may liên hệ với địa danh Truồi. Vùng này xưa nay không có nghề dệt chiếu, cũng không có cây cói là một thứ cỏ mọc ở vùng nước mặn, dùng để dệt chiếu đan buồm, hay cây đay là một loại cây nhỏ có vỏ dùng kéo sợi. (Còn rau đay để nấu canh, không biết ở Truồi có không?)

Dân Truồi, một số ít ở miền cận sơn chuyên làm gỗ; số đông làm nghề nông, ngoài ra trồng chè, trồng dâu là thổ sản đặc biệt.

Chè Truồi lá nhỏ, nước xanh, hương vị đậm đà, chát chát mà ngọt ngọt, và dâu Truồi khi chín, trái có điểm son, ngọt lịm như đường. Dâu Truồi thơm ngon hơn bất cứ loại dâu nào ở Huế, kể cả dâu Nguyệt Biều. Còn chè Truồi (cũng như chè Tuần) đúng là đại diện Chè Huế (Nam trà). Các cụ xưa dù thích trà Tàu đến mấy cũng không thể nào bỏ quên Chè Huế, các cụ cho là dược thảo, bản tính thanh lương, làm cho sáng mắt, sạch bụng, lại có công dụng giải khát thần tình. Uống vô một đọi (tô, chén lớn) liền thấy đổ mồ hôi, khí sắc khoan khoái, cơ thể mát mẻ lạ lùng.

Ngoài nông phẩm, nếu phải kể thêm, nghề chài lưới Truồi với các loại tôm cá nổi tiếng, tôm sú, cá hanh, cá dìa, cá kình, cá buôi (cá đối), cua gạch nấu cháo với khoai mài (tên chữ Hán, hoài sơn) thì ngon hết sảy!

Không (hoặc chưa) tìm ra ngữ nghĩa chữ Truồi, lâu nay mình có "thông lệ" dễ dàng, cứ cho đó là gốc Chàm cho tiện, mặc dù không tra cứu tự điển Chàm, không rành ngôn ngữ Chàm, cũng không có đồng bào thiểu số Chàm bên cạnh để hỏi cho ra lẽ.

Với tất cả dè dặt của một tay mơ, theo thiển ý tôi, Truồi có lẽ do chữ Trồi, biến âm, biến dạng mà ra. Trồi có nghĩa là lồi lên, nổi lên, nhô lên, như mình thường nói: trồi đầu, trồi lên mặt nước, đám đất trồi trũng, kinh nguyệt trồi trụt...

Phản nghĩa với trồi là trũng, có nghĩa là lõm xuống: đất trũng.

Cùng với Truồi, trồi, trồi, trũng, hơi hơi đồng dạng một chút (par analogie), luôn dịp nhắc qua vài chữ khác thông thường: trụi, trùi trụi nghĩa là hở hang không có gì che thân. Ví dụ, ở trần trùi trụi (hay trụi trụi); trụi lông, trụi lá, hết trụi (hết trọi).

Từ trồi, trụi, lại nghĩ đến truông là vùng đất hoang trùi trụi, không người ở, và truồng tức là lõa lồ, không mặc áo quần: ở trần, ở truồng... Biết qua vài định nghĩa, đến đây tạm cho rằng phải chăng vì ngày xưa khi còn là hoang địa, dân cư chưa có, Truồi một phần tiếp giáp miền sơn cước, núi non nhiều, cái trồi lên, cái trụt xuống, địa thế trồi trũng không đều; Truồi một phần trải dài theo sông Hưng Bình cảnh vật hoang sơ, đất đai trùi trụi, lồi lõm, do đó nảy sinh địa danh Truồi.

Nghĩ cho cùng, nguồn gốc các địa danh, lịch sử khai canh lập ấp ngày xưa trên đường Nam Tiến hầu hết diễn tiến theo cùng một chiều. Tục danh lúc đầu (Sải, Sông, Sình, Sịa, Nan, Nậy...) do dân chúng tại chỗ, bằng cảm nghĩ hiện thực, nôm na đặt ra. Tên chữ đẹp, văn hoa về sau mới có, khi làng xã được thành lập, có đình, có trường, có đời sống văn học.

Giải thích như vậy có vẻ thực tế, nhưng không khoa học, Mệ sẽ nói như vậy. Đúng, đây là một lối vừa phiếm vừa luận, có thể đúng, có thể không. Đồng ý hay không, tha hồ cãi tới cãi lui. Càng hay, vì sẽ có dịp hiểu biết thêm.

Để bổ túc cho phần gọi là phiếm luận trên, thử trở lại với từ Truồi nôm, do hai chữ Nhân và Lỗi tạo thành. Chữ Nhân quá thông dụng, khỏi nói thêm. Chữ Lỗi, trong cuốn tự điển nôm của linh mục Trần Văn Kiệm,

được dùng làm bộ gốc các chữ với sáu nét và thấy có nhiều như Truồi, Lồi, Lỏi, Trồi Chồi...

Trước hết nên biết rằng, Truồi viết với "tr" là theo cách viết ngày nay. Trong các sách nôm xưa, những tiếng viết với "tr" ngày nay, ngày trước thường có dạng BL, L. Ví dụ: Truông, ngày xưa, hay gần nhất, thời Alexandre de Rhodes, đọc là "Bluông. Trời, nôm xưa viết với hai chữ Hán-Việt Ba Lợi, đọc là Bời, lần lần biến thành Lời... Trời (Đức Chúa Lời, Trời, theo sách Kinh Công Giáo). Như vậy, rất có thể từ xa xưa, Truồi mang dạng Bluồi, rồi Luồi và sau cùng Truồi.

Một nhận xét khác cần để ý thêm để hiểu rõ hơn biến dạng của từ Truồi. Vần Uôi, Ồi, trong chữ Truồi là âm dạng ngày nay; âm dạng xưa trước đó là Ôi, Ồi. (Blôi, Blồi... Trôi, Trồi.) Vài ví dụ sau đây tìm thấy trong tự điển nôm tạm dẫn chứng: chữ Chuối, viết nôm xưa theo Hán-Việt là Thôi; Đuối, Hán Việt, Đối; Suối, Hán-Việt, Thủy và Lỗi... tất cả đều vần Ôi.

Tóm lại, một cách rất giản lược, tìm hiểu Truồi qua chữ Nôm, chúng ta thấy có hai biến dạng: Blồi, Lồi, Trồi và Bluồi, Luồi, Truồi, đều có thể áp dụng trong trường hợp giải thích trên.

Đến đây rồi, chắc Mệ đồng ý về nguyên ủy chữ Truồi (Nôm): và nếu ráp nối thêm với phần "phiếm luận" Lồi, Trồi..., coi như đã trả lời xong câu hỏi rắc rối của Mệ.

Biết gốc Truồi rồi, bây chừ tôi theo Mệ về thăm làng Truồi. Từ Huế vô Hàn, bằng xe điện hay xe lửa, qua khỏi Cầu Vực, sẽ đến Nong (xã An Nông), Truồi, rồi Đá Bạc.

Sự thật không có làng Truồi. Truồi là một địa danh chỉ chung một vùng đất khá rộng, có nhiều làng, ấp khác nhau, chớ không phải nhất thiết một xã, ấp nào, mặc dù ở đây có chợ Sư Lổ Đông mang tên chợ Truồi và con sông Hưng Bình chảy qua có tên sông Truồi. Tôm cá chài lưới được trên sông Hưng Bình đều do làng Hà Trung thu thuế. Sự tích thu thuế thủy sản Truồi như sau:

Tục truyền rằng, có lệnh ban ra, ai chèo đò một mạch không nghỉ, dai sức đưa đò đến đâu, thủy diện trên sông Truồi sẽ thuộc quyền sở hữu người ấy. Trong số dân chài các làng ven sông tham dự cuộc thi đua đem nguồn lợi thủy sản về cho làng mình, có o lái đò Hà Trung. Sông dài, nghỉ ngắn, phải thi tài với bao nhiêu đối thủ nam nhi vừa dẻo vừa dai, o lái đò Hà Trung, một thuyền một lái ráng sức theo kịp. Bỗng nghe rắc... rắc, nhìn lại, cái quai chèo bằng mây bị đứt ngang! Túng thế không biết làm sao, o lái đò đành lấy cây dao hy sinh "mái tóc chị Hoài" của mình để làm quai chèo thay thế. Nhờ mái tóc mịn màng, mái chèo êm ả, đò lướt mạnh dễ dàng trên sóng nước trường giang. Cuối cùng o lái đò thắng cuộc; từ đó làng Hà Trung chiếm phần "thủy diện" sông Hưng Bình.

Cá tôm mua tại chợ Truồi,
Hà Trung thu thuế, Câu Đôi thu tiền.

Câu Đôi thu tiền vì Câu Đôi là nơi thị tứ, buôn bán nhiều, dân làng Hà Trung muốn mua sắm gì đều phải ra Câu Hai.

Sông Truồi, đúng tên sông Hưng Bình, nước trong xanh mát lịm, nhưng không được ngọt như nước sông Hương.

Nói sông, phải nhắc tới núi, vì người xưa cho rằng "núi là xương của đất, sông (nước) là máu của đất, xương máu lưu thông, thành ra đất đai một phương" (Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thống trị). Nói sông Truồi vì vậy phải nhắc thêm núi Truồi. Cũng như địa thế Truồi nói chung, núi Truồi là tên chỉ chung một dãy núi, mỗi ngọn núi có tên khác nhau, như Ấn Lãnh, Ứng Đôi, Kim Phụng, Ấp Sơn...

Núi Truồi ai đắp mà cao
Sông Dinh ai bới, ai đào mà sâu.

Sông Dinh đây chính là sông Truồi, sông Hưng Bình. Nhưng tại sao sông Hưng Bình ngày xưa lại gọi là sông Dinh? Giải thích cây này cũng rắc rối lắm! Rắc rối còn hơn tìm nghĩa chữ Truồi. Xin hẹn một ngày đẹp trời, có dịp Tây du, được nghe Mệ đàn xong, sẽ hầu chuyện Mệ dài hơn.■

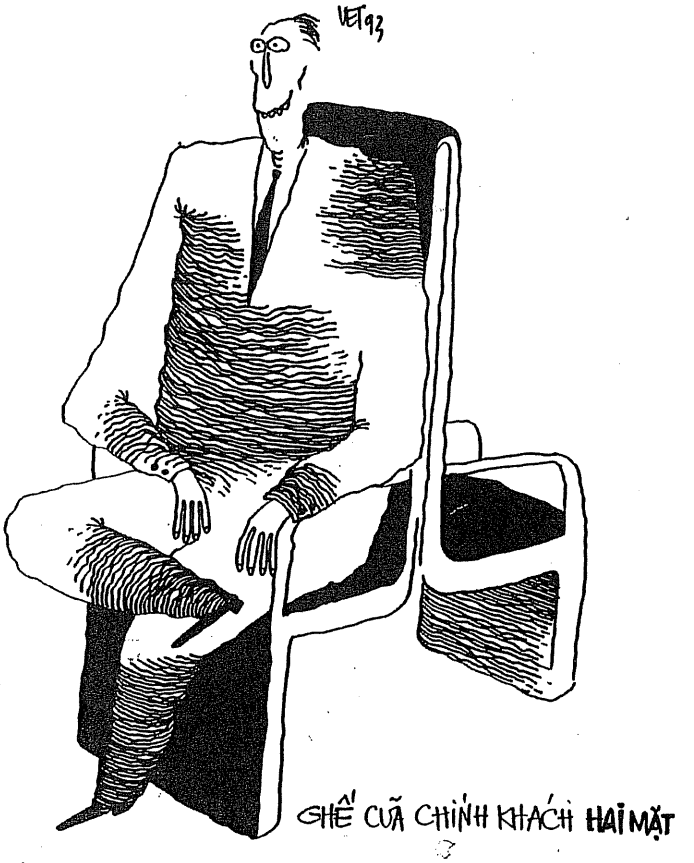

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

THƠ MỚI BA LAN, TƯỜNG TRÌNH VỀ MỘT THÀNH PHỐ BỊ BAO VÂY, HOÀNG NGỌC BIÊN giới thiệu và chuyển ngữ. Nhà xuất vản Trình Bày. Sách dày 160 trang. Không đề giá.

Hoàng Ngọc Biên là một trong số ít người trí thức Việt Nam hiểu biết tường tận văn học Tây phương. Tại Việt Nam trong đầu thập niên 60, ông là một trong những người đầu tiên - dù đang là sinh viên - đã giới thiệu dòng văn học mới mẻ, văn chương phi văn chương - đến người đọc.

Với tập *Thơ Mới Ba Lan* này, Hoàng Ngọc Biên đã "cố gắng" giới thiệu với bạn đọc một dòng thơ có cái tươi mát và sinh động, rất gần với người Việt Nam: dòng thơ ra đời giữa những hoàn cảnh có nhiều chỗ giống những hoàn cảnh Việt Nam. Cho nên cái giọng điệu BaLan ấy ở phương Tây trên những chặng đường phát triển dường như đã gặp giọng điệu Việt Nam ở phương Đông.

Thơ Mới BaLan là một thi phẩm trình bày rất nghệ thuật, không ghi địa chỉ liên lạc.

THƯ THẲNG ĐỨNG MƯỜI HAI MƯỜI BA, I XI ROBERTO JUARROZ, bản dịch DIỄM CHÂU, Trình Bày xuất bản.

Diễm Châu là một cây bút quen thuộc của Saigon trước 1975. Ông cùng các bạn hữu như Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đăng Thường, sau khi rời khỏi Việt Nam, đã cùng làm sống dậy nhà xuất bản Trình Bày. Gần 22 đầu sách do Nguyễn Đăng Thường, Diễm Châu, Phương Sinh viết, dịch và giới thiệu đến người đọc.

Đó là những cây bút đáng tin cậy, không phải chỉ khả năng dịch thuật, mà còn cả khả năng mỹ thuật nữa. Roberto Juarroz là một trong những tên tuổi lừng lẫy của châu Mỹ La Tinh hiện đại. Ông là tác giả của nhiều tập thơ có chung một tựa, chỉ khác số thứ tự: Poesía Vertical I, II, III...

Thơ Thẳng Đứng khởi sự từ năm 1958, nay (1993) đến tập thứ XIII. Tất cả các bài đều không mang tên. Tại sao gọi là thơ thẳng đứng?

Ở trong năm tập *Thơ Thẳng Đứng I - XI* người đọc thấy lời giải đáp: Thơ Thẳng Đứng, thơ của sự rơi, của phận người, không phải là thơ "nằm ngang" mà là của chiều thẳng đứng (lên hay xuống) của đào sâu, của chất vấn, của đảo lộn cháy mặt.

Trong một ghi chú của tập thơ, người ta được biết thi sĩ Roberto Juarroz là một chuyên viên về truyền thông (thư viện học) của Liên Hiệp Quốc và là giáo sư tại Đại Học Buenos Aires. ông bị cho thôi việc ba lần vì, theo một thư riêng ông gửi cho thi sĩ W.S.Mervin - dịch giả Mỹ của ông - "Từ trước đến nay tôi vốn ghét chính trị, và tin rằng chính trị dù mang màu sắc nào - cũng là đối thủ lớn nhất của thi ca. tôi đã nói như thế ở mọi nơi và dưới mọi chính quyền. Và do đó tôi đã phải đền tội..."

Ba tập thơ này nếu đứng chung lại thành tập sẽ dày 350 trang.

(*Nhắn tin riêng:* Ông có định cho địa chỉ nhà xuất bản và ghi giá các tác phẩm để người đọc liên lạc được chăng?)

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI, Hồi ký của TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 440 trang. Đề giá 16 MK.

Bên cạnh những cuốn hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Đào văn Bình, Nguyễn chí Thiệp... cuốn hồi ký "Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài" của Tạ Chí Đại Trường là một đóng góp vào thể loại này sau 1975.

Cơ cấu khác trong hồi ký Tạ Chí Đại Trường là ông "không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu lịch sử".

Tạ Chí Đại Trường hiện ở Việt Nam và theo lời nhà xuất bản Thanh Văn "Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập Hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử"

Một cuốn sách rất cần được đọc.

Liên lạc: Kim Ấn Quán (310) 559-0413
Địa chỉ: 1528 S. La Cienega Blvd
Los Angeles, Ca 90035

LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC, WILL DURANT, bản dịch của NGUYỄN HIẾN LÊ, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 306 trang. Đề giá 14 MK

Sách gồm năm chương:

I- Thời đại các triết gia
II- Thời đại các thi sĩ
III- Thời đại các nghệ sĩ
IV- Dân tộc và Quốc gia
V- Cách mạng và phục sinh

Ở trang đầu sách, Will Durant viết:

Khi nhà vua biết trị nước thi sĩ tự do làm thơ, kép hát tự do đóng trò, các viên thái sử chép đúng sự thật, các đại thần biết can gián, người nghèo không dấu nỗi bất bình về thuế má quá cao, thư sinh học bài lớn tiếng, người làm thợ thích và tìm kiếm công việc, dân bày tỏ ý kiến về mọi việc và ông già bà cả phàn nàn về đủ thứ. (Lời Thiệu Công tâu với vua Lệ Vương vào khoảng năm 845 trước Tây lịch.)

Tác phẩm của một nhà viết sử lừng danh, qua người dịch Nguyễn Hiến Lê là một bảo đảm về phẩm chất. Một cuốn sách cần có trong tủ sách gia

đình.

Liên lạc: Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P.O Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

BÚT KHẢO VỀ ĂN. của LÊ VĂN LÂN. Làng Văn xuất bản. Sách dày 194 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Một tuyển tập gồm chín bài "tạp ghi" về các món ăn Việt Nam, có thêm phần "khảo cứu" đông tây kim cổ để đối chiếu, so sánh, làm nổi bật những nét đặc thù của món ăn, và tạo hẳn một văn phong riêng cho tác giả.

Võ Phiến nhận định về Lê văn Lân như sau:

"...Ông Lê Văn Lân là Bác sĩ Y Khoa, nhưng cái cơ thể dưới 100 kg của con người không chỉ thỏa mãn óc tò mò của ông đâu. Phanh phui lục phủ, ngũ tạng con người xong, ông ngẩng lên trời đặt hàng trăm thắc mắc, cúi xuống đất bắt gặp chừng ngàn lẻ một vấn đề... Hết đề tài này đến đề tài khác, ông Lê lúc nào cũng hào hứng, cũng xông pha..."

Liên lạc: Làng Văn
P.O Box 218, Station U
Toronto ONT M82 5 P1 Canada

VẦNG TRĂNG TRONG MƯA, tập truyện của ĐỖ TIẾN ĐỨC, Thời Luận xuất bản, dày 284 trang, giá 15 Mỹ kim.

Gồm 10 tuyện ngắn, viết với lối văn giản dị, chân chất, *Vầng Trăng Trong Mưa* là cuốn sách thứ nhì của Đỗ Tiến Đức in ở hải ngoại. (Cuốn đầu ra mắt năm 1990, cũng là một tập truyện, mang tên *Lối vào*).

Đỗ Tiến Đức là một nhà báo, và thành công trong nghề, nhưng vẫn viết văn, và theo nhận xét của Hà thúc Sinh, cũng thành công. ông đã từng đoạt giải nhất văn học Nghệ Thuật Toàn Quốc VNCH năm 1968 với tiểu thuyết *Má Hồng*

Liên lạc: Thời Luận
P.O. Box 65705
Los Angeles, CA 90065

TIẾNG HÁT TRÊN CÁNH ĐỒNG XANH, tập truyện của PHẠM THANH QUANG, Thế Giới xuất bản, dày 198 trang, giá 12 Mỹ kim.

Văn của Phạm Thanh Quang mạnh, xuôi như nói, với những đối thoại giọng "miền Nam" đôi khi bốp chát, nhưng rất gần với đời sống. Truyện của ông nhiều thể loại khác nhau: dã sử, hiện thực, võ hiệp, điệp viên, đan xen lẫn nhau, với một "thông điệp" chung là phải cứu lấy đất nước, dân tộc - như truyện ngắn mang cùng tên tuyển tập ngụ ý đó.

Được biết Phạm Thanh Quang ít xuất hiện trong các sinh hoạt của làng văn, làng báo, nhưng ông đã xuất bản một tập thơ trước khi in tập truyện này.

Liên lạc: Thế Giới
3023 Centerwood Way
San Jose, Ca 95148

ẢO VỌNG MÙA THU, truyện ký của HOÀNG THỊ, Người Dân xuất bản, dày 160 trang, giá 7 Mỹ kim.

Tự truyện được tiểu thuyết hóa của một người ưu tư nhiều về vận nước, và đã thất bại nhiều, nhất là nhìn thấy con đường mà đảng Cộng sản dẫn dân tộc Việt Nam đi suốt nữa thế kỷ qua chỉ là con đường cụt, không lối thoát, và cuộc "cách mạng mùa thu" chỉ là "ảo vọng"

Những nhà ngôn ngữ lịch sử học chắc hẳn sẽ tìm thấy ở *Ảo Vọng Mùa Thu* nhiều tài liệu quý: những chữ thường dùng cách đây nữa thế kỷ ở miền Nam nay đã ít dùng, hoặc mất hẳn.

Liên lạc: Người Dân
P.O Box 2674
Costa Mesa, CA 92628

LUẬN VỀ NỀN VĂN HÓA TỔNG HỢP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM. (tập I, trước ảnh hưởng Tây phương), biên khảo của KHIẾU ĐỨC LONG, Dân Việt xuất bản, dày 396 trang, không đề giá.

Tác giả là một cựu giáo sư sử địa, mới từ Việt Nam qua Canada, định cư được một năm nay. Bản in sách này cũng là bản chữ đánh máy, do chính tác giả thực hiện ở Việt Nam.

Sách ghi nhận, phân tích một số nét lớn của văn hóa Việt nam, từ gia đình đến làng xóm, từ hôn nhân đến tập tục xã hội, cả mỹ tục lẫm hủ tục, tập I này có tính cách nhìn lại cổ sử, và nền văn hóa trong quá khứ. Tập II sẽ nói về thời cận và hiện đại. Sách nhằm giúp lớp trẻ hiểu văn hóa dân tộc, nên nhiều chú thích kỹ lưỡng, dài dòng.

Một cuốn sách cần có trong mọi tủ sách gia đình người Việt.

Liên lạc: Dân Việt
4145 Ave Plamondon # 8
Montreal PQ - 43S IMI Canada

Đón Đọc

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chếnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Hãy đón đọc:

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

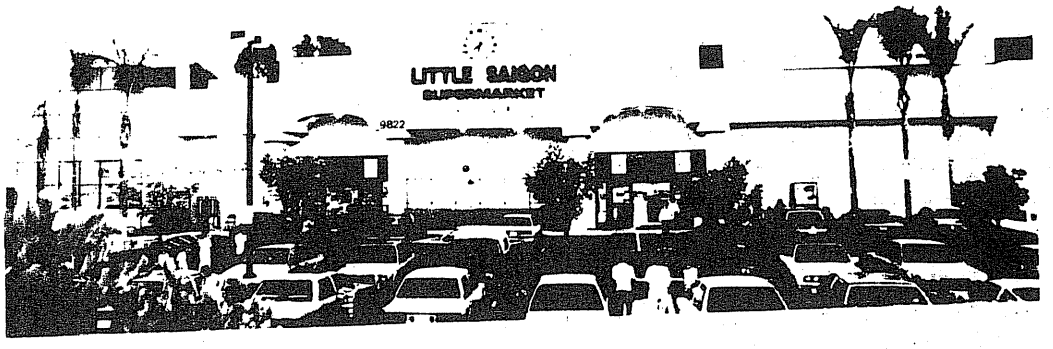

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng.

VISA · AMERICAN EXPRESS Cards · MasterCard

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ
Cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt
Của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng

VÀ CÓ THÊM QUÀ TẶNG

CHỢ LITTLE SÀIGÒN CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100.000 NGƯỜI ĐẾN.
MỘT NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

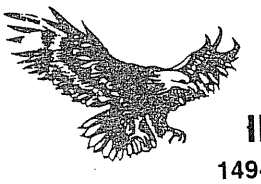

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

1310 W. STEWART DRIVE, SUITE # 606, ORANGE, CA 92668

(714) 997-9494

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

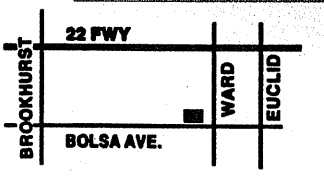

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

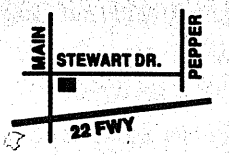

Phòng mạch tại WESTMINSTER
Thứ Ba, Năm, Bảy: 10AM - 6:00PM

Phòng mạch tại ORANGE
Thứ Hai, Tư, Sáu: 9:00AM - 5:00PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 ▪ 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

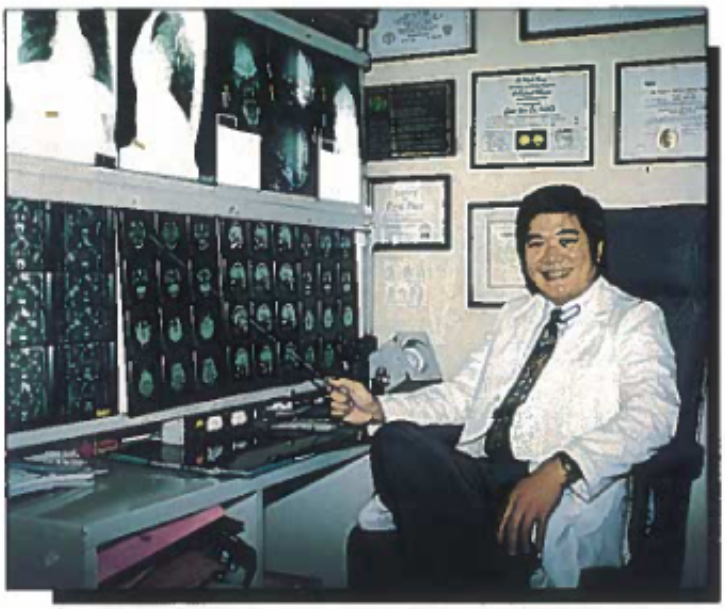

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.